

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG THPT QUỐC GIA (LẦN 1)
BÀI THI MÔN: ĐỊA LÍ

Mã đề thi: 169

NĂM HỌC 2018-2019
Thời gian làm bài: 50 phút

Câu 1: Do tác động của lực Côriôlit nên bán cầu Nam các vật chuyển động từ cực về xích đạo sẽ bị lệch hướng

- A. về phía xích đạo. B. về phía bên trên theo hướng chuyển động.
C. về phía bên trái theo hướng chuyển động. D. về phía bên phải theo hướng chuyển động.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không** giáp với biển Đông?

- A. Hải Dương. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Hà Nam

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố có đường biên giới chung với Lào?

- A. 10. B. 11. C. 12. D. 13.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào dưới đây **không đúng** về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
B. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
C. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi).
D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

Câu 5: Một trong những thành tựu quan trọng đạt được về kinh tế của LB Nga sau năm 2000 là

- A. Thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài, giá trị xuất siêu tăng.
B. Đứng hàng đầu thế giới về sản lượng nông nghiệp.
C. Sản lượng các ngành kinh tế tăng, dự trữ ngoại tệ đứng đầu thế giới.
D. Khôi phục lại được vị thế siêu cường về kinh tế.

Câu 6: Biển Đông trước hết ảnh hưởng trực tiếp nhất đến thành phần tự nhiên nào?

- A. Đất đai. B. Khí hậu. C. Sông ngòi. D. Địa hình.

Câu 7: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu dân số Trung Quốc phân theo thành thị và nông thôn năm 2005 và 2014

(đơn vị : %)

Năm	2005	2014
Thành thị	37,0	54,5
Nông thôn	63,0	45,5

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu dân số Trung Quốc phân theo thành thị và nông thôn năm 2005 và năm 2014

- A. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị không thay đổi
B. Năm 2014, tỷ lệ dân thành thị ít hơn dân nông thôn
C. Tỷ lệ dân thành thị có xu hướng tăng
D. Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng

Câu 8: Tây Bắc – Đông Nam là hướng chính của

- A. dãy núi Nam Trung Bộ. B. các dãy núi Đông Bắc.
C. các dãy núi Tây Bắc. D. dãy núi Tây Bắc và Nam Trung Bộ.

Câu 9: Tài nguyên sinh vật nước ta vô cùng phong phú là do nước ta nằm

- A. trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật.
B. liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.
C. liền kề với vành đai sinh khoáng Địa Trung Hải.
D. ở vị trí tiếp giáp ở lục địa và đại dương.

Câu 10: Thách thức đối với nước ta trong toàn cầu hóa là

- A. cạnh tranh quyết liệt bởi các nền kinh tế phát triển hơn.
- B. tận dụng được thị trường thế giới và khu vực.
- C. tiếp cận nguồn lực thế giới về công nghệ.
- D. tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài về vốn.

Câu 11: Ý nghĩa to lớn của của vị trí địa lí nước ta về mặt kinh tế là

- A. nằm ở khu vực nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới.
- B. có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa-xã hội với các nước trong khu vực.
- C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và không quốc tế.
- D. có mối giao lưu lâu đời với nhiều nước trong khu vực.

Câu 12: Nguyên nhân làm cho đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát, ít phù sa, là

- A. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.
- B. nằm ở chân núi, nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống.
- C. các sông miền Trung ngắn, hẹp và rất nghèo phù sa.
- D. biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành đồng bằng.

Câu 13: Cho BSL: **Nhiệt độ và lượng mưa trung bình tháng của Hà Nội**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Lượng mưa (mm)	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318	265,4	130,7	43,4	23,4

Hãy chọn dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình của Hà Nội.

A. Biểu đồ cột và đường B. Biểu đồ đường C. Biểu đồ cột nhóm D. Biểu đồ cột **Câu 14:** Về mặt tự nhiên ranh giới phân chia địa hình lãnh thổ nước Nga thành hai phần Đông và Tây là

- A. dãy núi Uran. B. sông Ê-nit-xây. C. sông Ôbi. D. sông Lê-na. **Câu 15:** Nền kinh tế của Nhật

Bản bị suy giảm ở những năm của thập kỉ 70 là do

- A. ảnh hưởng của thị trường thế giới và giá cả của sản phẩm.
- B. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng dầu mỏ.
- C. sự tăng trưởng nóng của nền kinh tế “bong bóng”.
- D. sự cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 16: Thành phần dân cư có số lượng đứng đầu ở Hoa Kỳ có nguồn gốc từ

- A. Châu Âu B. Mĩ La tinh C. Châu Á D. Châu Phi **Câu 17:** Điểm nào sau đây *không đúng* với

Biển Đông?

- A. Là biển tương đối kín. B. Phần Đông và Đông Nam là vòng cung đảo.
- C. Phía Bắc và phía Tây là lục địa. D. Nằm trong vùng nhiệt đới khô.

Câu 18: Lợi thế nào là quan trọng nhất của HOA KÌ trong phát triển kinh tế – xã hội?

- A. Nằm ở trung tâm Bắc Mĩ, tiếp giáp với hai đại dương lớn.
- B. Nằm ở bán cầu Tây
- C. Tiếp giáp với Ca-na-đa
- D. Tiếp giáp với khu vực Mĩ La tinh.

Câu 19: Nhật Bản có mấy quần đảo lớn?

- A. 5 quần đảo. B. 6 quần đảo. C. 3 quần đảo. D. 4 quần đảo. **Câu 20:** Trong học tập, bản đồ là

một phương tiện để học sinh

- A. xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ học trong bài C. thư giãn sau khi học xong bài
- B. học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí
- D. học thay sách giáo khoa

Câu 21: Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m và hơn nữa, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí các tài nguyên thiên nhiên, được gọi là

- A. lãnh hải. B. vùng đặc quyền kinh tế. C. thềm lục địa. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 22: Cho bảng số liệu sau:

SỐ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ CHI TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH Ở MỘT SỐ KHU VỰC CỦA CHÂU Á-NĂM 2003

Stt	Khu vực	Số khách du lịch đến (Nghìn lượt người)	Chi tiêu của khách du lịch (Triệu USD)
1	Đông Á	67 230	70 594
2	Đông Nam Á	38 468	18 356
3	Tây Nam Á	41 394	18 419

Tính bình quân mỗi lượt khách du lịch đã chi hết bao nhiêu USD ở khu vực Đông Nam Á?

- A. 477 USD/ người. B. 357 USD/ người. C. 377 USD/ người. D. 455 USD/ người.

Câu 23: Con đường tơ lụa từng đi qua khu vực

- A. Mĩ La Tinh B. Trung Á C. Bắc Mĩ D. Bắc Phi

Câu 24: Quốc gia nào ở khu vực Tây Nam Á có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất?

- A. I- rắc B. Cô – oét C. Arập- Xê út D. I-ran **Câu 25:** Đặc điểm nào sau đây *không đúng*

với cấu trúc địa hình Việt Nam?

- A. Cấu trúc cổ được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại.
B. Có sự phân bậc theo độ cao.
C. Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.
D. Địa hình núi cao chiếm diện tích lớn.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đèo Hải Vân thuộc dãy núi nào?

- A. Hoàng Liên Sơn. B. Bạch Mã. C. Hoành Sơn. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 27: Xu thế nào sau đây *không thuộc* đường lối Đổi mới của nước ta được khẳng định từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986)?

- A. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa
B. Đẩy mạnh nền kinh tế theo hướng kế hoạch hóa, tập trung
C. Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới.
D. Dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây *không đúng* với địa hình Việt Nam?

- A. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích. B. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
C. Địa hình của vùng nhiệt đới khô hạn. D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

Câu 29: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước năm 2014 (đơn vị: %)

Nhóm nước	Khu vực kinh tế		
	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Phát triển	1,6	22,3	76,1
Đang phát triển	19,8	35,2	45,0

(Nguồn: Ngân hàng thế giới)

Nhận xét nào sau đây là đúng với cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước?

- A. Nhóm nước phát triển có tỉ trọng khu vực I lớn nhất trong cơ cấu GDP.
B. Nhóm nước đang phát triển có tỉ trọng khu vực II lớn nhất trong cơ cấu GDP.
C. Nhóm nước đang phát triển có tỉ trọng khu vực III thấp hơn nhóm nước phát triển.
D. Nhóm nước phát triển có tỉ trọng khu vực II cao hơn nhóm nước đang phát triển.

Câu 30: Loại môi trường phụ thuộc chặt chẽ vào sự tồn tại và phát triển con người là

- A. môi trường nhân tạo B. môi trường tự nhiên C. môi trường xã hội D. môi trường địa lí

Câu 31: Loại thực phẩm cung cấp đạm bổ dưỡng cho con người mà không gây béo phì là

- A. thịt trâu, bò B. thịt lợn, cừu C. trứng, sữa D. tôm, cua, cá...

Câu 32: Bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm của thành phố Vũng Tàu (°C)

ĐÁP ÁN

1-C	2-D	3-A	4-B	5-A	6-B	7-C	8-C	9-A	10-A
11-C	12-D	13-A	14-B	15-B	16-A	17-D	18-A	19-D	20-B
21-C	22-A	23-B	24-C	25-D	26-B	27-B	28-C	29-C	30-A
31-D	32-A	33-D	34-C	35-D	36-D	37-D	38-C	39-B	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: C

Câu 2: D

Câu 3: A

Câu 4: B

Câu 5: A

- Sau cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), Liên Bang Xô viết được thành lập, LB Nga là một thành viên và đóng vai trò chính trong việc tạo dựng Liên Xô trở thành cường quốc.

- Tỉ trọng một số sản phẩm công nông nghiệp của LB Nga (cuối thập niên 80 TK XX) luôn chiếm trên 50% đến 90% trong Liên Xô.

* Những thành tựu mà LB Nga đạt được sau năm 2000:

- Sản lượng các ngành kinh tế tăng.

- Dự trữ ngoại tệ lớn thứ tư thế giới (năm 2005).

- Đã thanh toán xong các khoản nợ nước ngoài từ thời kì Xô viết, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

- Giá trị xuất siêu ngày càng tăng. Dự trữ ngoại tệ đứng thứ tư thế giới.

Câu 6: B

- Biển Đông làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn, đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

- Nhờ có Biển Đông, khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.

Câu 19: D

Nhật Bản có 4 quần đảo lớn

Câu 20: B

Bản đồ là một phương tiện để học sinh học tập và rèn luyện các kĩ năng địa lí tại lớp, ở nhà và trả lời phần lớn các câu hỏi kiểm tra về Địa lí.

Câu 21: C

Phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m và hơn nữa, Nhà

nước ta có chủ quyền hoàn toàn về mặt thăm dò, khai thác, bảo vệ và quản lí các tài nguyên thiên nhiên, được gọi là thềm lục địa.

Câu 22: A

Áp dụng công thức

Chi tiêu trung bình của mỗi lượt khách du lịch = tổng số tiền chi tiêu / số khách du lịch

Chi tiêu trung bình của mỗi lượt khách du lịch Đông Nam Á = $18356 / 38\ 468 = 0,477176$ triệu USD =

477176 USD

Câu 23: B

Khu vực từng có “ Con đường tơ lụa” đi qua là Trung Á (sgk Địa lí 11 trang 30)

Câu 24: C

Quốc gia Arập- Xê út khu vực Tây Nam Á có trữ lượng dầu mỏ lớn nhất

Câu 25: D

Câu 26: B

Câu 27: B

Câu 28: C

Câu 29: C

Câu 30: A

Loại môi trường phụ thuộc chặt chẽ vào sự tồn tại và phát triển con người là môi trường nhân tạo

Câu 31: D

Loại thực phẩm cung cấp đạm bổ dưỡng cho con người mà không gây béo phì là tôm, cua, cá...

Câu 32: A

Câu 33: D

Khí áp là sức nén của không khí xuống bề mặt Trái Đất. Tùy theo tình trạng của không khí (co lại hay nở ra) sẽ có tỉ trọng khác nhau, do đó áp cũng khác nhau và từ đó hình thành nên các đai áp cao và áp thấp.

Câu 34: C

Vấn đề hệ trọng trong chiến lược khai thác tổng hợp, phát triển kinh tế biển của nước ta **không** bao gồm tăng cường khai thác nguồn lợi thủy sản **ven bờ** vì chiến lược khai thác khai thác tổng hợp, phát triển kinh tế biển của nước ta phải là tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ (sgk Địa lí 12 trang 193) Chú ý: câu hỏi phủ định - chọn vấn đề không đúng

Câu 35: D

Câu 36: D

Câu 37: D

Câu 38: C

Sông có chiều dài lớn nhất thế giới là sông Nin.

Câu 39: B

Nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không, nên nước ta có điều kiện thuận lợi để giao lưu với các nước.

Câu 40: B

Nói chung là khoáng sản (những gì được khai thác từ lòng đất)

=> Loại tài nguyên khoáng sản không thể phục hồi được

ĐỀ KTCL ÔN THI THPT QUỐC GIA

LẦN 1 - Năm học: 2018-2019

MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 12

Thời gian làm bài: 50 phút; Không kể thời gian giao đề

M	
ã	đề
th	

i

1

3

2

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

Câu 41: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Trường Sơn Nam là:

- A. gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- C. có 4 cánh cung lớn.
- D. địa hình thấp và hẹp ngang

Câu 42: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên:

- A. đồng bằng phân nhiều hẹp ngang.
- B. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- C. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- D. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn

Câu 44: Dân số nước ta năm 2003 là 80,9 triệu người, tốc độ gia tăng dân số là 1,32% và không đổi thì dân số năm 2018 là

- A. 90,0 triệu người
- B. 89,49 triệu người
- C. 98,49 triệu người
- D. 88,66 triệu người

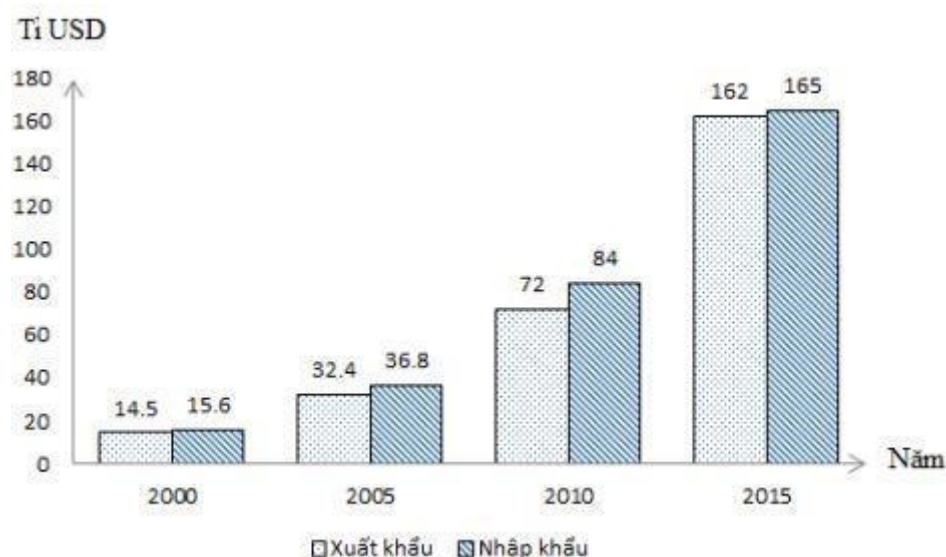
Câu 45: Phạm vi vùng trời của nước ta được xác định.

- A. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ, trên biển là ranh giới trong của lãnh hải và không gian các đảo
- B. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta, trên biển là ranh giới ngoài của vùng đặc quyền kinh tế và không gian các đảo
- C. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ, trên biển là ranh giới ngoài của vùng tiếp giáp Lãnh Hải và không gian các đảo.
- D. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ, trên biển là ranh giới ngoài của lãnh hải và không gian các đảo.

Câu 46: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào có diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?

- A. Sông Đà Rằng.
- B. Sông Mê Công (Việt Nam)
- C. Sông Đồng Nai.
- D. Sông Hồng.

Câu 47: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000 - 2015.
 - B. Giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000 - 2015.
 - C. Tốc độ tăng trưởng xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000 - 2015. **D.**
- Quy mô và cơ cấu xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2000 – 2015

Câu 48: Nhận định nào **không** đúng về nguyên nhân làm cho nền kinh tế Hoa Kỳ trở thành siêu cường quốc

- A. Có vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. Đất nước không bị hai cuộc chiến tranh tàn phá
- C. Nguồn lao động dồi dào của nô lệ da đen.
- D. Nguồn vốn, kỹ thuật, lao động có trình độ cao từ châu Á sang.

Câu 49: Lợi ích của việc phát triển các ngành công nghiệp ở địa bàn nông thôn Trung Quốc **không** phải là

- A. đảm bảo các nhu cầu thiết yếu của người dân.
- B. tận dụng nguyên vật liệu sẵn có ở nông thôn.
- C. để thu hút vốn đầu tư nước ngoài
- D. sử dụng lực lượng lao động dồi dào tại chỗ.

Câu 50: Nội dung nào không đúng với xu thế của đường lối Đổi mới ở nước ta?

- A. Tăng cường giao lưu hợp tác với các nước trên thế giới.
- B. Phát triển nền kinh tế theo hướng tự cung tự cấp.
- C. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
- D. Dân chủ hóa đời sống kinh tế - xã hội

Câu 51: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đỉnh núi hoặc dãy núi nào sau đây không thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Núi Lang Bian.
- B. Núi Tam Đảo.
- C. Núi Mẫu Sơn.
- D. Núi Tây Côn Lĩnh

Câu 52: Vùng núi có các thung lũng sông cùng hướng Tây Bắc – Đông Nam điển hình là:

- A. Đông Bắc.
- B. Tây nguyên.
- C. Tây Bắc.
- D. Trường Sơn Nam

Câu 53: Biểu hiện của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là

- A. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.
- B. các trung tâm công nghiệp và dịch vụ lớn được phát triển
- C. vùng sâu, vùng xa,... được ưu tiên phát triển.
- D. tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp giảm.

Câu 54: Đặc điểm cơ bản nhất của Biển Đông là

- A. độ mặn của nước biển cao.
- B. là vùng biển kín.
- C. nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. là vùng biển rộng với diện tích lớn thứ hai trong các biển ở Thái bình Dương.

Câu 55: Thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới là do

- A. Nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến.
- B. Lãnh thổ kéo dài 15 vĩ độ.
- C. Vị trí nằm trên đường di lưu của các loài sinh vật
- D. Giáp biển Đông , biển Đông đã đem lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn

Câu 56: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG PHÂN THEO NHÓM CÂY CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm Các nhóm cây	1990	2000	2010	2014
Tổng số	9040,0	12644,3	14061,1	14804,1
Cây lương thực	6474,6	8399,1	8615,9	8992,3
Cây công nghiệp	1199,3	2229,4	2808,1	2844,6
Cây thực phẩm, cây ăn quả, cây khác	1366,1	2015,8	2637,1	2967,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê,

2016) Nhận xét nào dưới đây đúng với bảng số liệu

- A. Giai đoạn 1990-2014 diện tích cây lương thực tăng nhanh nhất
- B. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây lương thực năm 2014 là 136,9%
- C. Tỷ trọng cây lương thực năm 2014 là 136 %

D. Giai đoạn 1990-2014 diện tích cây công nghiệp nhanh nhất.

Câu 57: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy cho biết cây cà phê được trồng nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A.** Duyên hải Nam Trung Bộ
- B.** Đông Nam Bộ.
- C.** Tây Nguyên.
- D.** Bắc Trung Bộ.

Câu 59: Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (giá thực tế)

(Đơn vị: Tỉ đồng)

Thành phần kinh tế	1996	2005
Nhà nước	74161	249085
Ngoài nhà nước (tập thể, tư nhân, cá thể)	35682	308854
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	39589	433110

Nếu cho bán kính năm 1996 là 1cm thì bán kính năm 2005 là:

- A.** 2,45 cm
- B.** 2,57 cm
- C.** 2,3 cm
- D.** 2,23 cm

Câu 60: Sự phân hóa thiên nhiên giữa 2 vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc chủ yếu do

- A.** tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.
- B.** ảnh hưởng của Biển Đông.
- C.** thảm thực vật.
- D.** độ cao địa hình

Câu 61: Ở Đồng bằng châu thổ sông Hồng có nhiều chân ruộng cao bạc màu và các ô trũng là do

- A.** thường xuyên bị lũ lụt.
- B.** có hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt.
- C.** có hệ thống đê ngăn lũ

D. có địa hình tương đối cao và bị chia cắt

Câu 62: Ảnh hưởng của địa hình vùng núi Tây Bắc tới đặc điểm sông ngòi của khu vực này là

A. Quy định hướng sông là Tây – Đông

B. Hệ thống sông ngòi dày đặc

C. Chế độ nước phân hóa theo mùa.

D. Quy định hướng chảy của sông là Tây Bắc – Đông Nam.

Câu 63: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải

A. đường ô tô và đường sắt.

B. đường hàng không và đường biển

C. đường biển và đường sắt.

D. đường ô tô và đường biển

Câu 64: Nhận định nào sau đây chính xác

A. Ngày 22-12 có thời gian ban ngày bằng thời gian ban đêm và bằng 12 giờ

B. Ngày 22-6 thời gian ban ngày dài nhất, thời gian ban đêm ngắn nhất trong năm

C. Ngày 21-3 thời gian ban ngày dài nhất, thời gian ban đêm ngắn nhất trong năm

D. Ngày 23-9 có thời gian ban ngày ngắn nhất , thời gian ban đêm dài nhất trong năm

Câu 65: Những vùng có khí hậu khô nóng (các vùng hoang mạc và bán hoang mạc) có quá trình phong hóa lí học diễn ra mạnh chủ yếu do:

A. Có nhiều cát.

B. Khô hạn, nhiều năm không mưa.

C. Có gió mạnh

D. Chênh lệch nhiệt độ trong ngày, trong năm lớn.

Câu 67: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về kinh tế của Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Cây lúa gạo được trồng ở khắp các tỉnh.

B. Có diện tích nuôi trồng thủy sản khá lớn

C. Có nhiều thuận lợi cho đánh bắt thủy sản.

D. Tập trung các trung tâm công nghiệp lớn.

Câu 68: Động lực phát triển dân số thế giới là

A. gia tăng cơ học

B. mức sinh cao

C. gia tăng tự nhiên

D. gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học

Câu 69: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết tỷ trọng của khu vực ngoài nhà nước trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo thành phần kinh tế năm 2007 là

- A. 27.644 tỉ đồng B. 638.842 tỉ đồng C. 85,6% D. 3,7%

Câu 70: Số dân thành thị và tỉ lệ dân cư thành thị ở nước ta giai đoạn 1995 – 2005

Năm	1995	2000	2003	2005
Số dân thành thị (triệu người)	14.9	18.8	20.9	22.3
Tỉ lệ dân cư thành thị (%)	20.8	24.2	25.8	26.9

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện số dân và tỉ lệ dân cư thành thị nước ta là

- A. biểu đồ miền. B. biểu đồ cột
C. biểu đồ tròn. D. biểu đồ kết hợp cột và đường.

Câu 72: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là lớn nhất?

- A. Thủ Dầu Một. B. TP. HCM. C. Biên Hòa. D. Vũng Tàu

Câu 73: Thiên nhiên nước ta phân hóa theo chiều Bắc – Nam là do

- A. Vị trí tiếp giáp giữa các vành đai sinh khoáng của thế giới.
B. Lãnh thổ kéo dài 15 vĩ độ.
C. Vị trí nằm trên đường di lưu của các loài sinh vật
D. Nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới.

Câu 74: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, hãy cho biết ngành nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. công nghiệp B. dịch vụ C. nông nghiệp D. lâm nghiệp

Câu 75: Hiện tượng sạt lở đường bờ biển ở nước ta xảy ra mạnh nhất tại bờ biển

- A. Nam Bộ. B. Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Cửu Long D. Trung Bộ.

Câu 76: Mĩ la tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

- A. cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới và chăn nuôi đại gia súc.
B. cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.
C. cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.
D. cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi đại gia súc

Câu 77: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA CẢ NƯỚC, ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Vùng	Diện tích (nghìn ha)		Sản lượng (nghìn tấn)	
	2000	2014	2000	2014
Đồng bằng sông Hồng	1212,6	1079,6	6586,6	6548,5
Đồng bằng sông Cửu Long	3945,8	4249,5	16702,7	25245,6
Cả nước	7666,3	7816,2	32529,5	44974,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu trên, năng suất lúa của đồng bằng sông Hồng năm 2014 là

- A. 60,7 tạ/ha B. 6,1 tạ/ha C. 57,5 tạ/ha D. 59,4 tạ/ha

Câu 78: Hệ sinh thái rừng ngập mặn nước ta có diện tích là

- A. 450 nghìn ha B. 350 nghìn ha C. 250 nghìn ha D. 300 nghìn ha

Câu 79: Vùng nội thủy là

- A. Vùng nước tiếp giáp với đất liền, phía bên trong đường cơ sở
B. Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, cách giới hạn ngoài của lãnh hải 12 hải lý
C. Vùng nước cách bờ 12 hải lý.
D. Vùng nước cách đường cơ sở 12 hải lý.

Câu 80: Ở nước ta, mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là do

- A. Địa hình 85% là đồi núi thấp và chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa.
B. Nước ta nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
C. Khí hậu chịu ảnh hưởng của biển Đông.
D. Nước ta chịu tác động thường xuyên của Tín phong Bắc bán cầu

.....**Hết**.....

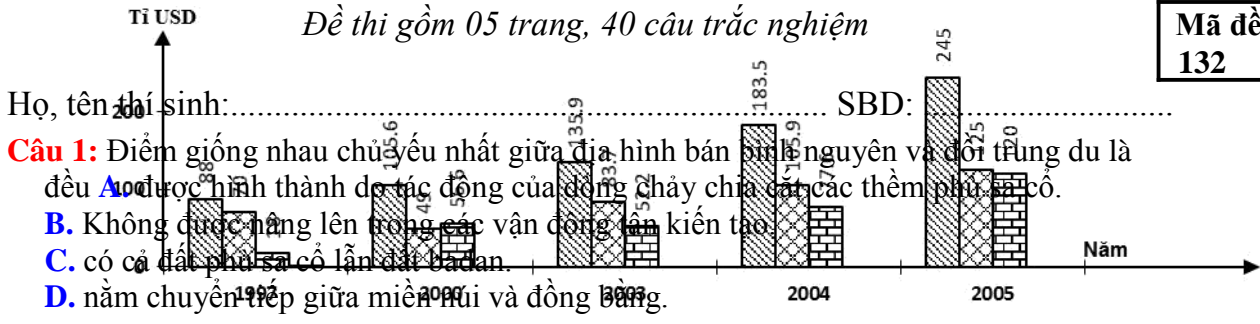
Giám thị coi thi không giải thích gì thêm

**ĐỀ KTCL ÔN THI THPT QUỐC GIA
LẦN 2 - Năm học: 2018-2019
MÔN: ĐỊA LÝ - LỚP 12**

Thời gian làm bài: 50 phút; Không kể thời gian giao đề

Đề thi gồm 05 trang, 40 câu trắc nghiệm

Mã đề thi
132



- Câu 1:** Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là
A. đều được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.
B. Không được nâng lên trong các vận động lên kiến tạo.
C. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.
D. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.
- Câu 2:** Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp ở nước ta đã làm
A. địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng.
B. tính chất nhiệt đới của thiên nhiên được bảo toàn
C. thiên nhiên có sự phân hoá sâu sắc.
D. tính chất nhiệt đới của thiên nhiên bị phá vỡ.
- Câu 3:** Điểm khác biệt nổi bật của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là:
A. sườn núi ít bất đối xứng hơn. **B.** địa hình núi cao hơn hẳn .
C. sườn núi dốc hơn **D.** có nhiều đỉnh núi hơn.
- Câu 4:** Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông thể hiện qua yếu tố
A. hải văn và sinh vật biển. **B.** thủy triều và độ muối nước biển.
C. hải văn và sóng biển. **D.** dòng biển và sinh vật biển.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA TRUNG QUỐC, NĂM 1985 VÀ 2004

Năm	1985	2004
Số dân (triệu người)	1.058	1.300
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	339,8	422,5

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết sản lượng lương thực bình quân theo đầu người của Trung Quốc năm 1985 và 2004 lần lượt là: (Đơn vị: kg/người)

- A.** 321,2 và 325,0. **B.** 320,1 và 325,0. **C.** 321,2 và 325,1. **D.** 325,0 và 324,0.
- Câu 6:** Nguyên nhân đỉnh mưa của nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là
A. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa Đông Bắc.
B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và bão.
C. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa Tây Nam.
D. hoạt động của bão và gió mùa Đông Bắc.
- Câu 7:** Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hóa đa dạng là do
A. gió mùa và hướng các dãy núi. **B.** độ cao của các dãy núi.
C. ảnh hưởng của biển. **D.** chế độ khí hậu của các vùng.
- Câu 8:** Cho biểu đồ về thương mại của Liên Bang Nga qua các năm.
 Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào?
A. Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga qua các năm.
B. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga qua các năm.
C. Giá trị xuất nhập khẩu và cán cân thương mại của Liên Bang Nga qua các năm.
D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga qua các năm.
- Câu 9:** Cho thông tin sau: " ở nước ta tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4 triệu tấn, cho phép khai thác hàng năm 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, trong đó có khoảng 100 loài có giá trị kinh tế, 1647 loài giáp xác, trong đó có hơn 100 loài tôm, nhiều loài có giá trị xuất khẩu cao, nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển có hơn 600 loài. Ngoài ra còn nhiều loài đặc sản khác như bào ngư, hải sâm,..." thông tin vừa rồi chứng tỏ vùng biển nước ta
A. có nguồn lợi hải sản phong phú. **B.** giàu tôm cá.
C. có nhiều đặc sản. **D.** có nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế.
- Câu 10:** Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do

- A. mở rộng thị trường tiêu thụ trong, ngoài nước.
- B. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật.
- C. liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài.
- D. nâng cao trình độ kĩ thuật cho người lao động.

Câu 11: Đặc điểm nào *không* với khí hậu phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- đúng** A. Nóng đều quanh năm.
- B. Biên độ nhiệt năm cao.
- C. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. Tính chất cận xích đạo gió mùa.

Câu 12: Với hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã

- A. làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam khá đồng nhất.
- B. tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.
- C. tạo sự phân hóa rõ rệt thiên nhiên từ đông sang tây.
- D. làm cho thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao địa hình.

Câu 13: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển dựa vào những điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt và lao động có kinh nghiệm.
- B. Nguồn vốn đầu tư nhiều và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nguồn vốn đầu tư nhiều.
- D. Nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 14: Công cuộc Đổi mới ở nước ta được manh nha từ năm

- A. 1980.
- B. 1986.
- C. 1979.
- D. 1981.

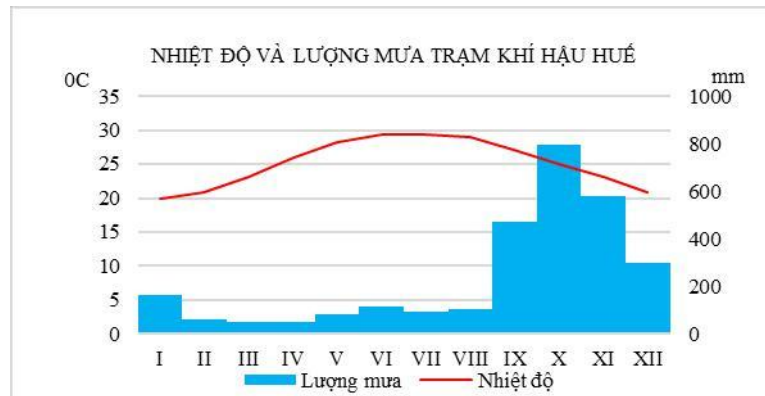
Câu 15: Nhật Bản duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng vì:

- A. có vai trò quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế Nhật Bản.
- B. tận dụng được nguồn nguyên liệu tại chỗ, lao động ở nông thôn.
- C. vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì những cơ sở sản xuất nhỏ và thủ công, tạo sự linh hoạt trong phát triển kinh tế.
- D. vừa phát huy được thế mạnh KHKT, vừa tận dụng được thế mạnh các cơ sở truyền thống, tạo sự linh hoạt trong nền kinh tế.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cà Mau?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.
- B. Nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn hơn.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 17: Cho biểu đồ



Nhận xét nào sau đây **đúng** với biểu đồ trên?

- A. Huế có tổng lượng mưa lớn, mùa mưa lệch dần về thu đông.
- B. Nhiệt độ trung bình năm của Huế không cao, chưa đạt tiêu chuẩn vùng nhiệt đới.
- C. Tháng có nhiệt độ cao nhất của Huế là tháng có lượng mưa lớn nhất.
- D. Sự phân mùa trong chế độ mưa của Huế không sâu sắc.

Câu 18: Cho bảng số liệu: Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Liên Bang Nga

Năm \ Sản phẩm	1995	2001	2003	2005
Dầu mỏ (triệu tấn)	305,0	340,0	400,0	470,0
Điện (tỉ kwh)	876,0	847,0	883,0	953,0

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện của Nga trong giai đoạn trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Kết hợp

C. Đường.

D. Tròn.

Câu 19: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh nào?

A. Khánh Hòa.

B. Phú Yên.

C. Bình Định.

D. Ninh Thuận.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi nào sau đây **không** có hướng vòng cung?

A. Tam Điệp.

B. Ngân Sơn.

C. Bắc Sơn.

D. Sông Gâm.

Câu 21: Thế mạnh nổi bật của sông ngòi ở vùng núi Tây Bắc nước ta là A. giao thông. B. thủy điện. C. phù sa.

D. thủy sản.

Câu 22: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với hình thể nước ta?

- A. Cao nguyên tập trung nhiều ở Tây Nguyên, Tây Bắc.
- B. Địa hình đoạn bờ biển miền Trung ít có sự đa dạng.
- C. Đồng bằng Nam Bộ rộng hơn đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Dãy núi Trường Sơn có chiều dài lớn nhất nước ta.

Câu 23: Kiểu khí hậu nào sau đây phổ biến ở miền Tây Trung Quốc?

- A. Ôn đới hải dương.
- B. Ôn đới gió mùa.
- C. Nhiệt đới gió mùa.
- D. Ôn đới lục địa.

Câu 24: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2008 (Đơn vị:%)

Năm	2000	2002	2004	2006	2008
Nhập khẩu	61,7	63,4	65,1	61,7	58,1
Xuất khẩu	38,3	36,6	34,9	38,3	41,9

Dựa vào bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không đúng** về cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 - 2008?

- A. Chênh lệch tỉ trọng giá trị nhập khẩu và xuất khẩu năm 2008 là thấp nhất.
- B. Hoa Kỳ là nước xuất siêu.
- C. Tỉ trọng giá trị nhập khẩu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2004 - 2008.
- D. Tỉ trọng xuất khẩu có sự biến động.

Câu 25: Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra chủ yếu ở các nước

- A. G8.
- B. phát triển.
- C. NICs.
- D. đang phát triển.

Câu 26: Nguyên nhân sâu xa của vòng luẩn quẩn “nghèo đói, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mất cân bằng sinh thái” ở châu Phi là do

- A. tình trạng tham nhũng, lãng phí kéo dài.
- B. nợ nước ngoài quá lớn, không có khả năng trả.
- C. dân số gia tăng quá nhanh.
- D. hậu quả của sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân.

Câu 27: Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên vào giữa và cuối mùa hạ là do hoạt động của

- A. gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
- B. gió tín phong xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
- C. gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Nam.
- D. gió Đông Bắc xuất phát từ áp cao Xibia.

Câu 28: Trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ, ngành nông nghiệp có tỉ trọng ngày càng giảm là do

- A. ngành chế biến sản phẩm nông nghiệp kém phát triển, chất lượng sản phẩm thấp.
- B. nhà nước không đầu tư cho nông nghiệp, sản lượng nông nghiệp ngày càng giảm.
- C. điều kiện tự nhiên không thuận lợi, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp.
- D. tốc độ tăng trưởng GDP của nông nghiệp tăng chậm hơn so với công nghiệp, dịch vụ.

Câu 29: Dạng địa hình ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển là

- A. các đầm phá, vịnh cửa sông.
- B. các bờ biển mài mòn.
- C. các vũng vịnh nước sâu.
- D. các tam giác châu bãi triều rộng.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta phổ biến theo hướng.

- A. Đông Nam.
- B. Tây Bắc.
- C. Tây Nam.
- D. Đông Bắc.

Câu 31: Cho bảng số liệu sau:

TỈ TRỌNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA EU, HOA KÌ, NHẬT BẢN TRONG
TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA THẾ GIỚI NĂM 2004 (Đơn vị: %)

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản
Tỉ trọng trong xuất khẩu của thế giới	37,7	9,0	6,25

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu của EU?

- A. Tương đương với Nhật Bản.
- B. Tương đương với Hoa Kỳ.
- C. Nhỏ hơn Hoa Kỳ và Nhật Bản cộng lại.
- D. Lớn hơn Hoa Kỳ và Nhật Bản cộng lại.

Câu 32: Đất Feralit ở nước ta thường bị chua vì

- có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh
- mưa nhiều rửa trôi hết các chất bazo dễ tan.
- có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .

Câu 33: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho phần lớn dân cư Nhật Bản tập trung ở các thành phố ven biển?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh.
- B. Nhiều khoáng sản, thuận lợi cho sản xuất.
- C. Nguồn nước dồi dào ít có thiên tai.
- D. Địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hòa.

Câu 34: Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió (gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ) là thời kì hoạt động mạnh của gió.

- A. Tây Nam.
- B. Tín Phong.
- C. Đông Bắc.
- D. Gió fơn.

Câu 35: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. tổng bức xạ trong năm lớn.
- B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
- C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt
- D. nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 36: Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của ba nước

- A. Bỉ, Pháp, Đan Mạch.
- B. Hà Lan, Pháp, Áo.
- C. Đức, Hà Lan, Pháp.
- D. Hà Lan, Bỉ, Đức.

Câu 37: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, ranh giới phân lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là

A. dãy Bạch Mã. **B.** dãy Tam Điệp. **C.** Dãy Con Voi. **D.** dãy Tam Đảo. **Câu 38:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Campuchia?

A. Lâm Đồng. **B.** Bình Phước. **C.** Ninh Thuận. **D.** Bình Thuận.

Câu 39: Đồng bằng Cantô có diện tích lớn nhất Nhật Bản nằm trên đảo

A. Hô – cai - đô. **B.** Kiu-xiu **C.** Xi-cô-cư **D.** Hôn-su

Câu 40: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN hiện nay?

- A. Mở rộng liên kết với các nước bên ngoài.
- B. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới.
- C. Trình độ phát triển khác nhau giữa các nước.
- D. Quan tâm đến nâng cao trình độ nhân lực.

----- HẾT -----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN

1-D	2-B	3-A	4-A	5-A	6-B	7-A	8-C	9-A	10-C
11-B	12-B	13-D	14-C	15-D	16-A	17-A	18-C	19-B	20-A
21-B	22-B	23-D	24-B	25-D	26-C	27-C	28-D	29-C	30-C
31-D	32-C	33-D	34-B	35-C	36-D	37-A	38-B	39-D	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: D

Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là đều nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng. (sgk Địa lí 12 trang 32)

Câu 2: B

Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp ở nước ta đã làm cho tính chất nhiệt đới của thiên nhiên được bảo toàn do ít bị phân hóa theo độ cao.

Câu 3: A

Điểm khác biệt nổi bật của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là: sườn núi ít bất đối xứng hơn.

Câu 4: A

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông thể hiện qua yếu tố hải văn và sinh vật biển.

Câu 5: A

Câu 6: B

Nguyên nhân đỉnh mưa của nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và bão.

Câu 7: A

Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hóa đa dạng là do gió mùa và hướng các dãy núi.

Câu 8: C

Câu 9: A

Cho thông tin sau:” ở nước ta tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4 triệu tấn, cho phép khai thác hàng năm 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, trong đó có khoảng 100 loài có giá trị kinh tế, 1647 loài giáp xác, trong đó có hơn 100 loài tôm, nhiều loài có giá trị xuất khẩu cao, nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển có hơn 600 loài. Ngoài ra còn nhiều loài đặc sản khác như bào ngư, hải sâm,...” thông tin vừa rồi chứng tỏ vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản phong phú.

Câu 10: C

Công nghiệp Đông Nam Á đang phát triển theo hướng : tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài, hiện đại hóa thiết bị, chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho người lao động, chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Sự phát triển theo hướng này nhằm tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi quốc gia trong giai đoạn tiếp theo

=>Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài.

Câu 11: B

Câu 12: B

Với hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.

Câu 13: D

Câu 14: C

Công cuộc Đổi mới được mạnh mẽ từ năm 1979. Những đổi mới đầu tiên là từ lĩnh vực nông nghiệp với “khoản 100” và “khoản 10”, sau đó lan sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Đường lối Đổi mới được khẳng định từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986), đưa nền kinh tế-xã hội của nước ta phát triển theo ba xu thế:

-Dân chủ hóa đời sống-xã hội;

-Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng định hướng xã hội chủ nghĩa.

-Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới.

=>Công cuộc Đổi mới ở nước ta được mạnh mẽ từ năm 1979.

Câu 15: D

- Giải quyết việc làm, tận dụng nguồn lao động và thị trường trong nước.

- Dễ chuyển giao công nghệ giữa các xí nghiệp.

- Tận dụng nguồn tài nguyên tại chỗ, tạo sự linh hoạt cho nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào bên ngoài.

Chiến lược kinh tế sau khủng hoảng dầu mỏ 1973 - 1974 và 1979 - 1980

- Đầu tư phát triển khoa học – kỹ thuật và công nghệ

- Tập trung xây dựng các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều chất xám, trình độ kỹ thuật cao, có tác dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và lao động nhiều hơn

- Đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài

- Hiện đại hóa và hợp lý hóa các xí nghiệp nhỏ và trung bình

Câu 16: A

Câu 17: A

Dựa vào biểu đồ đã cho, dễ nhận xét thấy Huế có tổng lượng mưa lớn do nằm ở sườn đón gió qua biển, mùa mưa lệch dần về thu đông do ảnh hưởng của bão, dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa mùa đông qua biển

Câu 18: C

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện của Nga trong giai đoạn trên, biểu đồ Đường.

Câu 19: B

Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh Phú Yên.

Câu 20: A

Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi Tam Điệp **không** có hướng vòng cung

Câu 21: B

Thế mạnh nổi bật của sông ngòi ở vùng núi Tây Bắc nước ta là thủy điện.

Câu 22: B

Câu 23: D

Kiểu khí hậu Ôn đới lục địa phổ biến ở miền Tây Trung Quốc

Câu 24: B

Câu 25: D

Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển (sgk Địa lí 11 trang 13)

Câu 26: C

Nguyên nhân sâu xa của vòng luẩn quẩn “nghèo đói, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mất cân bằng sinh thái” ở châu Phi là do dân số gia tăng quá nhanh.

Câu 27: C

Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên vào giữa và cuối mùa hạ là do hoạt động của gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến Bán cầu nam (sgk Địa lí 12 trang 42)

Câu 28: D

Trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ, ngành nông nghiệp có tỉ trọng ngày càng giảm là do tốc độ tăng trưởng GDP của nông nghiệp tăng chậm hơn so với công nghiệp, dịch vụ.

Câu 29: C

Dạng địa hình ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển là các vũng vịnh nước sâu.

Câu 30: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta phổ biến theo hướng Tây Nam.

Câu 31: D

Câu 32: C

Đất Feralit ở nước ta thường bị chua vì mưa nhiều rửa trôi hết các chất bazo dễ tan.

Câu 33: D

Câu 34: B

Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, nên có Tín Phong bán cầu Bắc hoạt động quanh năm. Mặt khác, khí hậu Việt Nam còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

=>Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió (gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ) là thời kì hoạt động mạnh của gió Tín Phong.

Câu 35: C

Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt

Câu 36: D

Vùng Ma-xơ-rai-nơ (Maas- Rhein) là một ví dụ cụ thể về liên kết vùng châu Âu, hình thành ở khu vực biên giới ba nước Hà Lan, Đức và Bỉ. Hàng ngày có khoảng 30 nghìn người đi sang nước láng giềng làm việc. Hàng tháng, ở khu vực này xuất bản một tạp chí bang ba thứ tiếng. Các trường đại học trong khu vực phối hợp tổ chức các khóa đào tạo chung. Các con đường xuyên biên giới được xây dựng.

=>Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của ba nước Hà Lan, Bỉ, Đức.

Câu 37: A

Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, ranh giới phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là dãy Bạch Mã.

Câu 38: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh Bình Phước giáp Campuchia

Câu 39: D

Đồng bằng Cantô có diện tích lớn nhất Nhật Bản nằm trên đảo Hôn-su

Câu 40: B

ĐỀ KTCL ÔN THI THPT QUỐC GIA

LẦN 2 - Năm học: 2018-2019

MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 12

Thời gian làm bài: 50 phút; Không kể thời gian giao đề

Đề thi gồm 05 trang, 40 câu trắc nghiệm

Mã đề thi 132

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

Câu 1: Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là đều **A.**

được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.

B. Không được nâng lên trong các vận động tân kiến tạo.

C. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.

D. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

Câu 2: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp ở nước ta đã làm cho **A.**

địa hình nước ta có sự phân bậc rõ ràng.

B. tính chất nhiệt đới của thiên nhiên được bảo toàn

C. thiên nhiên có sự phân hoá sâu sắc.

D. tính chất nhiệt đới của thiên nhiên bị phá vỡ.

Câu 3: Điểm khác biệt nổi bật của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là:

A. sườn núi ít bất đối xứng hơn.

B. địa hình núi cao hơn hẳn .

C. sườn núi dốc hơn

D. có nhiều đỉnh núi hơn.

Câu 4: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông thể hiện qua yếu tố

A. hải văn và sinh vật biển.

B. thủy triều và độ muối nước biển.

C. hải văn và sóng biển.

D. dòng biển và sinh vật biển.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CỦA TRUNG QUỐC, NĂM 1985 VÀ 2004

Năm	1985	2004
Số dân (triệu người)	1.058	1.300
Sản lượng lương thực (triệu tấn)	339,8	422,5

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết sản lượng lương thực bình quân theo đầu người của Trung Quốc năm 1985 và 2004 lần lượt là: (Đơn vị: kg/người)

A. 321,2 và 325,0.

B. 320,1 và 325,0.

C. 321,2 và 325,1.

D. 325,0 và 324,0.

Câu 6: Nguyên nhân đỉnh mưa của nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là do **A.**

hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa Đông Bắc.

B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và bão.

C. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa Tây Nam.

D. hoạt động của bão và gió mùa Đông Bắc.

Câu 7: Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hóa đa dạng là do

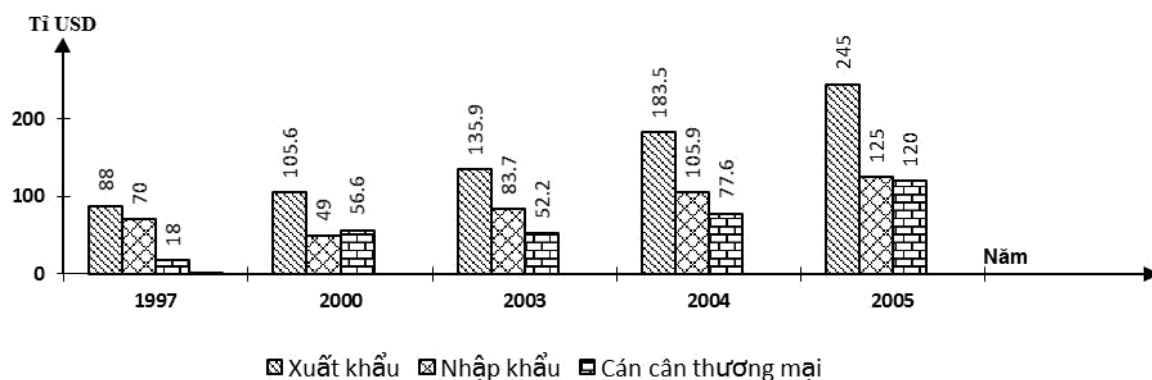
A. gió mùa và hướng các dãy núi.

B. độ cao của các dãy núi.

C. ảnh hưởng của biển.

D. chế độ khí hậu của các vùng.

Câu 8: Cho biểu đồ về thương mại của Liên Bang Nga qua các năm.



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào?

- A. Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga qua các năm.
- B. Quy mô và cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga qua các năm.
- C. Giá trị xuất nhập khẩu và cán cân thương mại của Liên Bang Nga qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng giá trị xuất nhập khẩu của Liên Bang Nga qua các năm.

Câu 9: Cho thông tin sau: "ở nước ta tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4 triệu tấn, cho phép khai thác hàng năm 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, trong đó có khoảng 100 loài có giá trị kinh tế, 1647 loài giáp xác, trong đó có hơn 100 loài tôm, nhiều loài có giá trị xuất khẩu cao, nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển có hơn 600 loài. Ngoài ra còn nhiều loài đặc sản khác như bào ngư, hải sâm,..." thông tin vừa rồi chứng tỏ vùng biển nước ta

- A. có nguồn lợi hải sản phong phú.
- B. giàu tôm cá.
- C. có nhiều đặc sản.
- D. có nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế.

Câu 10: Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do

- A. mở rộng thị trường tiêu thụ trong, ngoài nước.
- B. tiến hành hiện đại hóa cơ sở vật chất kĩ thuật.
- C. liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài.
- D. nâng cao trình độ kĩ thuật cho người lao động.

Câu 11: Đặc điểm nào **không** với khí hậu phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Nóng đều quanh năm.
- B. Biên độ nhiệt năm cao.
- C. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt.
- D. Tính chất cận xích đạo gió mùa.

Câu 12: Với hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã

- A. làm cho thiên nhiên từ Bắc vào Nam khá đồng nhất.
- B. tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.
- C. tạo sự phân hóa rõ rệt thiên nhiên từ đông sang tây.
- D. làm cho thiên nhiên có sự phân hóa theo độ cao địa hình.

Câu 13: Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của Trung Quốc phát triển dựa vào những điều kiện thuận lợi chủ yếu nào sau đây?

- A. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt và lao động có kinh nghiệm.
- B. Nguồn vốn đầu tư nhiều và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
- C. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nguồn vốn đầu tư nhiều.
- D. Nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 14: Công cuộc Đổi mới ở nước ta được manh nha từ năm

- A. 1980.
- B. 1986.
- C. 1979.
- D. 1981.

Câu 15: Nhật Bản duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng vì:

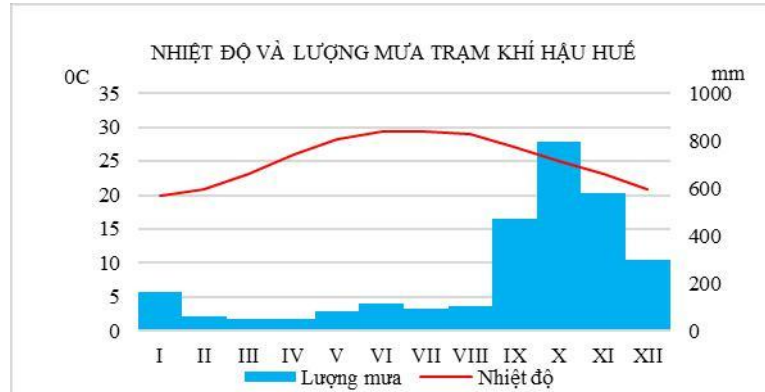
- A. có vai trò quyết định đối với sự tăng trưởng kinh tế Nhật Bản.
- B. tận dụng được nguồn nguyên liệu tại chỗ, lao động ở nông thôn.
- C. vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì những cơ sở sản xuất nhỏ và thủ công, tạo sự linh hoạt trong phát triển kinh tế.

D. vừa phát huy được thế mạnh KHKT, vừa tận dụng được thế mạnh các cơ sở truyền thống, tạo sự linh hoạt trong nền kinh tế.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cà Mau?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.
- B. Nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.
- C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn hơn.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 17: Cho biểu đồ



Nhận xét nào sau đây **đúng** với biểu đồ trên?

- A. Huế có tổng lượng mưa lớn, mùa mưa lệch dần về thu đông.
- B. Nhiệt độ trung bình năm của Huế không cao, chưa đạt tiêu chuẩn vùng nhiệt đới.
- C. Tháng có nhiệt độ cao nhất của Huế là tháng có lượng mưa lớn nhất.
- D. Sự phân mùa trong chế độ mưa của Huế không sâu sắc.

Câu 18: Cho bảng số liệu: **Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của Liên Bang Nga**

Năm \ Sản phẩm	1995	2001	2003	2005
Dầu mỏ (triệu tấn)	305,0	340,0	400,0	470,0
Điện (tỉ kwh)	876,0	847,0	883,0	953,0

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện của Nga trong giai đoạn trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Tròn.

Câu 19: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh nào?

- A. Khánh Hòa.
- B. Phú Yên.
- C. Bình Định.
- D. Ninh Thuận.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi nào sau đây **không** có hướng vòng cung?

- A. Tam Điệp.
- B. Ngân Sơn.
- C. Bắc Sơn.
- D. Sông Gâm.

Câu 21: Thế mạnh nổi bật của sông ngòi ở vùng núi Tây Bắc nước ta là A. giao thông. B. thủy điện. C. phù sa. D. thủy sản.

Câu 22: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết phát biểu nào sau đây **không** đúng với hình thể nước ta?

- A. Cao nguyên tập trung nhiều ở Tây Nguyên, Tây Bắc.
- B. Địa hình đoạn bờ biển miền Trung ít có sự đa dạng.
- C. Đồng bằng Nam Bộ rộng hơn đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Dãy núi Trường Sơn có chiều dài lớn nhất nước ta.

Câu 23: Kiểu khí hậu nào sau đây phổ biến ở miền Tây Trung Quốc?

- A. Ôn đới hải dương.
- B. Ôn đới gió mùa.
- C. Nhiệt đới gió mùa.
- D. Ôn đới lục địa.

Câu 24: Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ GIAI ĐOẠN 2000 - 2008 (Đơn vị:%)

Năm	2000	2002	2004	2006	2008
Nhập khẩu	61,7	63,4	65,1	61,7	58,1
Xuất khẩu	38,3	36,6	34,9	38,3	41,9

Dựa vào bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không đúng** về cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ giai đoạn 2000 - 2008?

- A. Chênh lệch tỉ trọng giá trị nhập khẩu và xuất khẩu năm 2008 là thấp nhất.
- B. Hoa Kỳ là nước xuất siêu.
- C. Tỉ trọng giá trị nhập khẩu có xu hướng giảm trong giai đoạn 2004 - 2008.
- D. Tỉ trọng xuất khẩu có sự biến động.

Câu 25: Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra chủ yếu ở các nước

- A. G8.
- B. phát triển.
- C. NICs.
- D. đang phát triển.

Câu 26: Nguyên nhân sâu xa của vòng luẩn quẩn “nghèo đói, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mất cân bằng sinh thái” ở châu Phi là do

- A. tình trạng tham nhũng, lãng phí kéo dài.
- B. nợ nước ngoài quá lớn, không có khả năng trả.
- C. dân số gia tăng quá nhanh.
- D. hậu quả của sự bóc lột của chủ nghĩa thực dân.

Câu 27: Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên vào giữa và cuối mùa hạ là do hoạt động của

- A. gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
- B. gió tín phong xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc.
- C. gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Nam.
- D. gió Đông Bắc xuất phát từ áp cao Xibia.

Câu 28: Trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ, ngành nông nghiệp có tỉ trọng ngày càng giảm là do

- A. ngành chế biến sản phẩm nông nghiệp kém phát triển, chất lượng sản phẩm thấp.
- B. nhà nước không đầu tư cho nông nghiệp, sản lượng nông nghiệp ngày càng giảm.
- C. điều kiện tự nhiên không thuận lợi, gặp nhiều khó khăn trong sản xuất nông nghiệp.
- D. tốc độ tăng trưởng GDP của nông nghiệp tăng chậm hơn so với công nghiệp, dịch vụ.

Câu 29: Dạng địa hình ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển là

- A. các đầm phá, vịnh cửa sông.
- B. các bờ biển mài mòn.
- C. các vũng vịnh nước sâu.
- D. các tam giác châu bãi triều rộng.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta phổ biến theo hướng

- A. Đông Nam.
- B. Tây Bắc.
- C. Tây Nam.
- D. Đông Bắc.

Câu 31: Cho bảng số liệu sau:

TỈ TRỌNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA EU, HOA KÌ, NHẬT BẢN TRONG TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU CỦA THẾ GIỚI NĂM 2004 (Đơn vị: %)

Chỉ số	EU	Hoa Kỳ	Nhật Bản
Tỉ trọng trong xuất khẩu của thế giới	37,7	9,0	6,25

Dựa vào bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu của EU?

- A. Tương đương với Nhật Bản.
- B. Tương đương với Hoa Kỳ.
- C. Nhỏ hơn Hoa Kỳ và Nhật Bản cộng lại.
- D. Lớn hơn Hoa Kỳ và Nhật Bản cộng lại.

Câu 32: Đất Feralit ở nước ta thường bị chua vì

- có sự tích tụ nhiều Fe_2O_3 .
- quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh
- mưa nhiều rửa trôi hết các chất bazo dễ tan.
- có sự tích tụ nhiều Al_2O_3 .

Câu 33: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho phần lớn dân cư Nhật Bản tập trung ở các thành phố ven biển?

- A. Đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh.
- B. Nhiều khoáng sản, thuận lợi cho sản xuất.

C. Nguồn nước dồi dào ít có thiên tai.

D. Địa hình bằng phẳng, khí hậu ôn hòa.

Câu 34: Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió (gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ) là thời kì hoạt động mạnh của gió.

A. Tây Nam.

B. Tín Phong.

C. Đông Bắc.

D. Gió fon.

Câu 35: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

A. tổng bức xạ trong năm lớn.

B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt

D. nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 36: Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của ba nước

A. Bỉ, Pháp, Đan Mạch.

B. Hà Lan, Pháp, Áo.

C. Đức, Hà Lan, Pháp.

D. Hà Lan, Bỉ, Đức.

Câu 37: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, ranh giới phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là

A. dãy Bạch Mã. B. dãy Tam Điệp. C. Dãy Con Voi. D. dãy Tam Đảo. **Câu 38:** Căn cứ vào

Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Campuchia?

A. Lâm Đồng.

B. Bình Phước.

C. Ninh Thuận.

D. Bình Thuận.

Câu 39: Đồng bằng Cantô có diện tích lớn nhất Nhật Bản nằm trên đảo

A. Hô – cai – đô.

B. Kiu-xiu

C. Xi-cô-cư

D. Hôn-su

Câu 40: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ASEAN hiện nay?

A. Mở rộng liên kết với các nước bên ngoài.

B. Là một tổ chức lớn mạnh hàng đầu thế giới.

C. Trình độ phát triển khác nhau giữa các nước.

D. Quan tâm đến nâng cao trình độ nhân lực.

----- HẾT -----

(Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN

1-D	2-B	3-A	4-A	5-A	6-B	7-A	8-C	9-A	10-C
11-B	12-B	13-D	14-C	15-D	16-A	17-A	18-C	19-B	20-A
21-B	22-B	23-D	24-B	25-D	26-C	27-C	28-D	29-C	30-C
31-D	32-C	33-D	34-B	35-C	36-D	37-A	38-B	39-D	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: D

Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là đều nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng. (sgk Địa lí 12 trang 32)

Câu 2: B

Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp ở nước ta đã làm cho tính chất nhiệt đới của thiên nhiên được bảo toàn do ít bị phân hóa theo độ cao.

Câu 3: A

Điểm khác biệt nổi bật của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là: sườn núi ít bất đối xứng hơn.

Câu 4: A

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và tính chất khép kín của Biển Đông thể hiện qua yếu tố hải văn và sinh vật biển.

Câu 5: A

Câu 6: B

Nguyên nhân định mưa của nước ta chậm dần từ Bắc vào Nam là do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới và bão.

Câu 7: A

Nguyên nhân chủ yếu làm cho thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hóa đa dạng là do gió mùa và hướng các dãy núi.

Câu 8: C

Câu 9: A

Cho thông tin sau:” ở nước ta tổng trữ lượng hải sản khoảng 3,9 – 4 triệu tấn, cho phép khai thác hàng năm 1,9 triệu tấn. Biển nước ta có hơn 2000 loài cá, trong đó có khoảng 100 loài có giá trị kinh tế, 1647 loài giáp xác, trong đó có hơn 100 loài tôm, nhiều loài có giá trị xuất khẩu cao, nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển có hơn 600 loài. Ngoài ra còn nhiều loài đặc sản khác như bào ngư, hải sâm,...” thông tin vừa rồi chứng tỏ vùng biển nước ta có nguồn lợi hải sản phong phú.

Câu 10: C

Công nghiệp Đông Nam Á đang phát triển theo hướng : tăng cường liên doanh, liên kết với nước ngoài, hiện đại hóa thiết bị, chuyên giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho người lao động, chú trọng phát triển sản xuất các mặt hàng xuất khẩu. Sự phát triển theo hướng này nhằm tích lũy vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mỗi quốc gia trong giai đoạn tiếp theo

=>Ngành công nghiệp điện tử trở thành thế mạnh của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do liên doanh với các hãng nổi tiếng nước ngoài.

Câu 11: B

Câu 12: B

Với hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang của nước ta đã tạo điều kiện cho tính biển xâm nhập sâu vào đất liền.

Câu 13: D

Câu 14: C

Công cuộc Đổi mới được manh nha từ năm 1979. Những đổi mới đầu tiên là từ lĩnh vực nông nghiệp với “khoản 100” và “khoản 10”, sau đó lan sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Đường lối Đổi mới được khẳng định từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (năm 1986), đưa nền kinh tế-xã hội của nước ta phát triển theo ba xu thế:

-Dân chủ hóa đời sống-xã hội;

-Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng định hướng xã hội chủ nghĩa.

-Tăng cường giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới.

=>Công cuộc Đổi mới ở nước ta được manh nha từ năm 1979.

Câu 15: D

- Giải quyết việc làm, tận dụng nguồn lao động và thị trường trong nước.

- Dễ chuyển giao công nghệ giữa các xí nghiệp.

- Tận dụng nguồn tài nguyên tại chỗ, tạo sự linh hoạt cho nền kinh tế, giảm phụ thuộc vào bên ngoài. Chiến lược kinh tế sau khủng hoảng dầu mỏ 1973 - 1974 và 1979 - 1980

- Đầu tư phát triển khoa học – kỹ thuật và công nghệ

- Tập trung xây dựng các ngành công nghiệp đòi hỏi nhiều chất xám, trình độ kỹ thuật cao, có tác dụng tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu và lao động nhiều hơn
- Đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài
- Hiện đại hóa và hợp lý hóa các xí nghiệp nhỏ và trung bình

Câu 16: A

Câu 17: A

Dựa vào biểu đồ đã cho, dễ nhận xét thấy Huế có tổng lượng mưa lớn do nằm ở sườn đón gió qua biển, mùa mưa lệch dần về thu đông do ảnh hưởng của bão, dải hội tụ nhiệt đới và gió mùa mùa đông qua biển

Câu 18: C

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu mỏ và điện của Nga trong giai đoạn trên, biểu đồ Đường.

Câu 19: B

Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh Phú Yên.

Câu 20: A

Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết dãy núi Tam Điệp **không** có hướng vòng cung

Câu 21: B

Thế mạnh nổi bật của sông ngòi ở vùng núi Tây Bắc nước ta là thủy điện.

Câu 22: B

Câu 23: D

Kiểu khí hậu Ôn đới lục địa phổ biến ở miền Tây Trung Quốc

Câu 24: B

Câu 25: D

Sự bùng nổ dân số hiện nay trên thế giới diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển (sgk Địa lí 11 trang 13)

Câu 26: C

Nguyên nhân sâu xa của vòng luẩn quẩn “nghèo đói, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mất cân bằng sinh thái” ở châu Phi là do dân số gia tăng quá nhanh.

Câu 27: C

Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên vào giữa và cuối mùa hạ là do hoạt động của gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến Bán cầu nam (sgk Địa lí 12 trang 42)

Câu 28: D

Trong cơ cấu GDP của Hoa Kỳ, ngành nông nghiệp có tỉ trọng ngày càng giảm là do tốc độ tăng trưởng GDP của nông nghiệp tăng chậm hơn so với công nghiệp, dịch vụ.

Câu 29: C

Dạng địa hình ở vùng ven biển rất thuận lợi cho xây dựng cảng biển là các vũng vịnh nước sâu.

Câu 30: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta phổ biến theo hướng Tây Nam.

Câu 31: D

Câu 32: C

Đất Feralit ở nước ta thường bị chua vì mưa nhiều rửa trôi hết các chất bazo dễ tan.

Câu 33: D

Câu 34: B

Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, nên có Tín Phong bán cầu Bắc hoạt động quanh năm. Mặt khác, khí hậu Việt Nam còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa với hai mùa gió chính: gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.

=>Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió (gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ) là thời kì hoạt động mạnh của gió Tín Phong.

Câu 35: C

Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt

Câu 36: D

Vùng Ma-xơ-rai-nơ (Maas- Rhein) là một ví dụ cụ thể về liên kết vùng châu Âu, hình thành ở khu vực biên giới ba nước Hà Lan, Đức và Bỉ. Hàng ngày có khoảng 30 nghìn người đi sang nước láng giềng làm việc. Hàng tháng, ở khu vực này xuất bản một tạp chí bang ba thứ tiếng. Các trường đại học trong khu vực phối hợp tổ chức các khóa đào tạo chung. Các con đường xuyên biên giới được xây dựng.

=>Liên kết vùng Ma-xơ Rai-nơ được hình thành tại khu vực biên giới của ba nước Hà Lan, Bỉ, Đức.

Câu 37: A

Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, ranh giới phần lãnh thổ phía Bắc và phía Nam là dãy Bạch Mã.

Câu 38: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh Bình Phước giáp Campuchia

Câu 39: D

Đồng bằng Cantô có diện tích lớn nhất Nhật Bản nằm trên đảo Hôn-su

Câu 40: B

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa Lí Việt Nam của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT BẮC GIANG
TRƯỜNG THPT NGÔ SĨ LIÊN

ĐỀ THI THỬ KỲ THI THPT QUỐC GIA LẦN 1

Năm học 2018 - 2019

ĐỀ CHÍNH THỨC

Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI

Phân môn : ĐỊA LÍ 12

(Đề thi gồm có **04** trang)

Thời gian làm bài: 50 phút

(không kể thời gian phát đề)

Mã đề thi 485

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Họ, tên thí sinh:..... Số báo danh:

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Campuchia?

- A.** Gia Lai. **B.** Kon Tum. **C.** Quảng Nam. **D.** Đắk Lắk.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất ở Tây Nguyên?

- A.** Cao nguyên Di Linh. **B.** Cao nguyên Mơ Nông.
C. Cao nguyên Lâm Viên. **D.** Cao nguyên Đắk Lắk.

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết đường bờ biển Việt Nam kéo dài từ đâu đến đâu?

- A.** Móng Cái – Hà Tiên. **B.** Quảng Ninh – Cà Mau.
C. Hải Phòng – Kiên Giang. **D.** Móng Cái – mũi Cà Mau.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết bán đảo Sơn Trà nằm ở tỉnh(thành phố) nào sau đây?

A. Đà Nẵng. **B.** Bình Thuận. **C.** Quảng Nam. **D.** Thừa Thiên – Huế. **Câu 5:** Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao đồ sộ thuộc vùng núi nào của nước ta?

- A.** Đông Bắc. **B.** Trường Sơn Nam. **C.** Tây Bắc. **D.** Trường Sơn Bắc.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết quốc gia nào sau đây **không** có chung Biên Đông với Việt Nam?

- A.** Xingapo. **B.** Mianma. **C.** Malaixia. **D.** Indonesia.

Câu 7: Vùng kinh tế nào sau đây của Liên bang Nga sẽ phát triển để hội nhập vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương?

- A.** Vùng Trung tâm đất đen. **B.** Vùng Trung ương.
C. Vùng Viễn Đông. **D.** Vùng Uran.

Câu 8: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A.** nhiệt độ trung bình cao. **B.** độ ẩm không khí lớn.
C. sự phân mùa khí hậu. **D.** địa hình nhiều đồi núi.

Câu 9: Vùng phía Tây phần lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm Bắc Mỹ **không** có đặc điểm nào sau đây? **A.** Có các đồng bằng nhỏ, đất tốt ven Thái Bình Dương.

- B.** Tập trung nhiều kim loại màu như: vàng, đồng, bôxít...
C. Có các dãy núi cao trung bình 1000-1500m, sườn thoải.
D. Có các dãy núi trẻ, xen giữa là các bồn địa, cao nguyên.

Câu 10: Tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hoạt động hàng hải và hàng không trên vùng biển nào của nước ta?

- A.** Lãnh hải. **B.** Vùng tiếp giáp lãnh hải.
C. Vùng đặc quyền kinh tế. **D.** Nội thủy.

Câu 11: Tài nguyên quý giá ven các đảo, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là

- A.** trên 2000 loài cá. **B.** các rạn san hô.
C. nhiều loài sinh vật phù du. **D.** hơn 100 loài tôm.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất khu vực Tây Bắc?

- A. Pu Si Lung. B. Phanxipăng. C. Khoan La San. D. Phu Luông.

Câu 13: Ranh giới tự nhiên phân chia phần phía tây và phần phía đông của Liên bang Nga là

- A. sông Ô-bi. B. sông Lê-na. C. sông Von-ga. D. sông Ê-nít-xây.

Câu 14: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vùng trời Việt Nam?

- A. Trên biển được xác định bằng ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.
B. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
C. Được xác định bằng khung tọa độ trên đất liền của nước ta.
D. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

Câu 15: Dải Ngân Hà là

- E. một tập hợp của Thiên Hà trong Vũ trụ.
F. tên gọi khác của Hệ Mặt Trời.
G. thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó (trong đó có Trái Đất).
H. dải sáng trong Vũ Trụ, gồm vô số các ngôi sao tập hợp lại.

Câu 16: Nếu đi từ phía Tây sang phía Đông, khi qua kinh tuyến 180⁰ người ta phải

- A. lùi lại 1 ngày lịch. B. tăng thêm 1 giờ.
C. tăng thêm 1 ngày lịch. D. lùi lại 1 giờ.

Câu 17: Việc đắp đê ngăn lũ ở đồng bằng sông Hồng đã để lại hệ quả nào?

- A. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.
B. Vào mùa cạn, nước triều lấn mạnh, nhiều diện tích bị nhiễm mặn.
C. Đất ở đồng bằng chủ yếu là đất được bồi đắp phù sa hàng năm.
D. Địa hình cao ở rìa phía tây, tây bắc, thấp dần ra biển.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết trên dãy Trường Sơn Bắc, đỉnh núi nào sau đây cao nhất?

- A. Phu Hoạt. B. Pu xai lai leng. C. Rào Cỏ. D. Động Ngai.

Câu 19: Hiện nay các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kỳ tập trung ở

- A. phía Tây Bắc và ven Thái Bình Dương. B. phía Đông và ven vịnh Mécicô.
C. phía Đông Nam và ven Đại Tây Dương. D. phía Nam và ven Thái Bình Dương.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết các dãy núi nào sau đây **không** chạy theo hướng tây bắc – đông nam?

- A. Pu Đen Đinh. B. Hoàng Liên Sơn. C. Trường Sơn. D. Đông Triều.

Câu 21: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. nền nhiệt độ cả nước cao. B. tổng bức xạ trong năm lớn.
C. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh. D. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

Câu 22: Tài nguyên khoáng sản ở vùng phía Đông của Hoa Kỳ là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. khai khoáng, luyện kim đen, đóng tàu. B. khai khoáng, luyện kim màu, nhiệt điện.
C. khai khoáng, luyện kim màu, đóng tàu. D. khai khoáng, luyện kim đen, nhiệt điện.

Câu 23: Vấn đề dân cư mà Nhà nước Liên bang Nga quan tâm nhất hiện nay là

- A. nhiều dân tộc. B. đô thị hóa tự phát.
C. mật độ dân số thấp. D. dân số giảm và già hóa dân số.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 6-7, dọc chiều dài 3260 km đường bờ biển, đoạn bờ biển khúc khuỷu nhiều vũng vịnh thuận lợi nhất cho việc xây dựng các cảng biển nước sâu là

- A. khu vực Đông Nam Bộ. B. khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.
C. khu vực Bắc Trung Bộ. D. khu vực Nam Trung Bộ.

Câu 25: Tính chất nhiệt đới của biển Đông được thể hiện rõ trong các đặc điểm nào sau đây? A. Độ mặn trung bình là 32 - 33‰, thay đổi theo mùa.

- B. Nhiệt độ nước biển cao, trung bình năm trên 23⁰C.
C. Trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ và cạn.

D. Sóng trên biển mạnh nhất vào thời kì gió mùa đông bắc.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hang Sơn Đoòng thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng (Quảng Bình) nằm trong vùng núi

- A. Đông Bắc
B. Tây Bắc
C. Trường Sơn Bắc
D. Trường Sơn Nam

Câu 27: Đặc điểm nào dưới đây chứng tỏ ở nước ta địa hình chủ yếu là đồi núi thấp? A. Đồi núi thấp dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích.

B. Đồi núi thấp dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích, núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích.

C. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích.

D. Địa hình đồng bằng và đồi núi thấp dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích cả nước. **Câu**

28: Ở bán cầu Nam, chịu tác động của lực Côriôlit, gió Bắc sẽ bị lệch hướng trở thành

C. gió Tây Bắc (hoặc Tây Tây Bắc, Bắc Tây Bắc).

D. gió Tây Nam (hoặc Tây Tây Nam, Nam Tây Nam).

E. gió Đông Bắc (hoặc Đông Đông Bắc, Bắc Đông Bắc).

F. gió Đông Nam (hoặc Đông Đông Nam, Nam Đông Nam).

Câu 29: Biết diện tích của Liên bang Nga là 17098,3 nghìn km^2 , dân số thời điểm giữa năm 2015 là 144,3 triệu người, vậy mật độ dân số nước này là hơn

A. 84 người/km. B. 8 người/km. C. 8 người/ km^2 . D. 84 người/ km^2 . **Câu 30:** Đặc điểm nào sau đây **không phải** biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa?

A. Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.

B. Đồi núi thấp chiếm ưu thế trong vùng địa hình núi.

C. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ, lớp vỏ phong hóa dày.

D. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

Câu 31: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2016

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Lúa	Ngô	Mía	Bông
2010	7.489,4	1.125,7	269,1	9,1
2014	7.816,2	1.179,0	305,0	2,8
2015	7.830,6	1.164,8	284,3	1,6
2016	7.790,4	1.152,4	274,2	1,5

(Nguồn: Niên giám thống kê 2017, Nhà xuất bản Thống kê, 2018)

Nhận xét nào sau đây **không đúng** về diện tích gieo trồng một số cây hàng năm ở nước ta giai đoạn 2010-2016?

A. Diện tích mía tăng thời kì 2010-2014.

B. Diện tích lúa liên tục tăng thời kì 2010-2015.

C. Diện tích bông giảm nhanh.

D. Diện tích ngô liên tục tăng.

Câu 32: Loại gió có tác động thường xuyên đến toàn bộ lãnh thổ nước ta là

A. gió Mậu dịch.

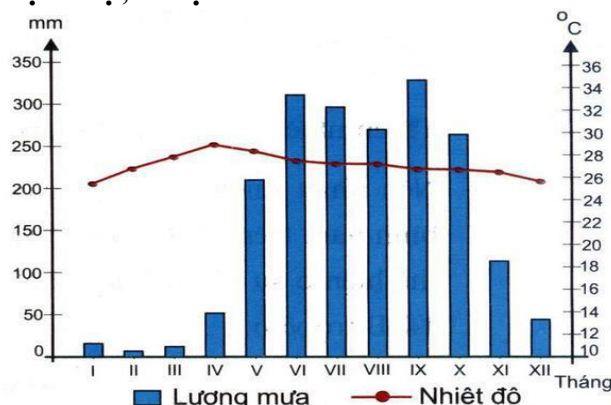
B. gió Lào.

C. gió mùa.

D. gió địa phương.

Câu 33: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



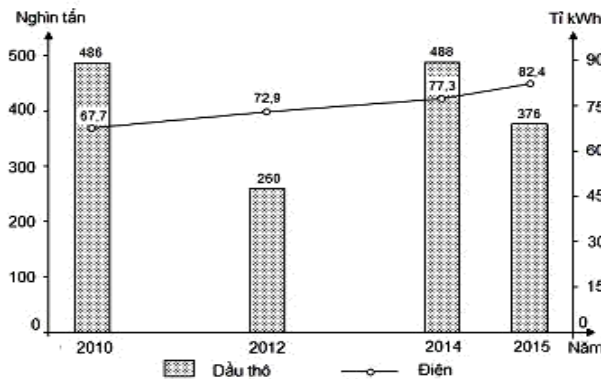
(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 trang 50, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017) Nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ, lượng mưa của Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Biên độ nhiệt độ trong năm rất lớn.
- B. Lượng mưa tháng IX cao nhất.
- C. Lượng mưa tháng I thấp nhất.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất.

Câu 34: Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015:

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Quy mô, cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.



(Nguồn: số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Câu 35: Ngành giao thông vận tải đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách giữa Hoa Kỳ với các nước trên thế giới là

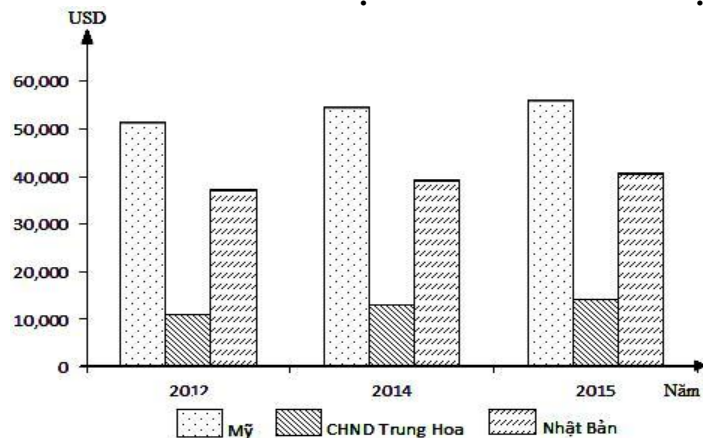
- A. đường hàng không.
- B. đường biển.
- C. đường sắt.
- D. đường bộ.

Câu 36: Nguyên nhân nào làm cho sinh vật biển Đông phong phú, giàu thành phần loài?

- A. Do biển ấm quanh năm, nhiều ánh sáng, giàu ôxi.
- B. Do có các dòng biển nóng và dòng biển lạnh hoạt động.
- C. Do có diện tích rộng.
- D. Do nước biển có độ mặn thấp.

Câu 37: Cho biểu đồ sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP/NGƯỜI CỦA MỘT SỐ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2012-2015



Biểu đồ trên còn sai sót ở

- A. chú giải.
- B. tên biểu đồ.
- C. trục hoành.
- D. trục tung.

Câu 38: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn của nước ta đặc biệt là ở Nam Bộ đang bị thu hẹp rất nhiều là

- A. chiến tranh.
- B. cháy rừng.
- C. khai thác gỗ, củi.
- D. phá rừng để nuôi tôm, cá.

Câu 39: Khi ở trường THPT Ngô Sĩ Liên – Tp Bắc Giang (Việt Nam), các bạn học sinh đang làm bài thi môn Địa lí là 15h30 của ngày 12/11/2018 thì ở giờ GMT là

- A. 22 giờ 30 ngày 12/11 năm 2018. B. 22 giờ 30 ngày 13/11 năm 2018.
C. 08 giờ 30 ngày 11/11 năm 2018. D. 08 giờ 30 ngày 12/11 năm 2018.

Câu 40: Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2010-2015 (Đơn vị: %)

Quốc gia	2012	2014	2015
Mỹ	2,2	2,4	2,6
CHND Trung Hoa	7,9	7,3	6,9
Liên bang Nga	3,5	0,7	-3,7

(Nguồn: Niên giám thống kê 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2017)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia giai đoạn 2012-2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Đường. C. Kết hợp. D. Miền.

Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án	Mã đề	Câu	Đáp án
132	1	C	209	1	A	357	1	D	485	1	C	570	1	C	628	1	D	743	1	D	896	1	B
132	2	A	209	2	D	357	2	C	485	2	C	570	2	C	628	2	A	743	2	B	896	2	C
132	3	B	209	3	D	357	3	A	485	3	A	570	3	A	628	3	C	743	3	A	896	3	C
132	4	A	209	4	B	357	4	A	485	4	A	570	4	B	628	4	B	743	4	A	896	4	D
132	5	B	209	5	D	357	5	A	485	5	B	570	5	C	628	5	D	743	5	B	896	5	C
132	6	C	209	6	C	357	6	B	485	6	B	570	6	B	628	6	D	743	6	C	896	6	B
132	7	C	209	7	B	357	7	C	485	7	C	570	7	D	628	7	A	743	7	A	896	7	A
132	8	B	209	8	B	357	8	B	485	8	B	570	8	D	628	8	A	743	8	B	896	8	C
132	9	C	209	9	D	357	9	D	485	9	C	570	9	B	628	9	B	743	9	D	896	9	D
132	10	B	209	10	D	357	10	D	485	10	C	570	10	A	628	10	B	743	10	D	896	10	A
132	11	A	209	11	C	357	11	C	485	11	B	570	11	C	628	11	B	743	11	C	896	11	C
132	12	D	209	12	B	357	12	B	485	12	B	570	12	B	628	12	B	743	12	C	896	12	A
132	13	D	209	13	B	357	13	A	485	13	D	570	13	A	628	13	C	743	13	C	896	13	B
132	14	B	209	14	A	357	14	D	485	14	C	570	14	B	628	14	A	743	14	B	896	14	B
132	15	C	209	15	D	357	15	B	485	15	C	570	15	A	628	15	D	743	15	C	896	15	A
132	16	D	209	16	A	357	16	D	485	16	A	570	16	B	628	16	A	743	16	C	896	16	B
132	17	D	209	17	C	357	17	C	485	17	A	570	17	A	628	17	B	743	17	C	896	17	C
132	18	C	209	18	A	357	18	B	485	18	B	570	18	D	628	18	D	743	18	A	896	18	B
132	19	A	209	19	B	357	19	D	485	19	D	570	19	B	628	19	A	743	19	B	896	19	D
132	20	A	209	20	A	357	20	B	485	20	D	570	20	B	628	20	C	743	20	B	896	20	C
132	21	C	209	21	A	357	21	C	485	21	D	570	21	D	628	21	B	743	21	D	896	21	D
132	22	B	209	22	A	357	22	B	485	22	D	570	22	D	628	22	D	743	22	D	896	22	B
132	23	A	209	23	C	357	23	D	485	23	D	570	23	D	628	23	C	743	23	C	896	23	C
132	24	D	209	24	C	357	24	D	485	24	D	570	24	C	628	24	A	743	24	A	896	24	A
132	25	A	209	25	D	357	25	A	485	25	B	570	25	B	628	25	B	743	25	A	896	25	A
132	26	A	209	26	D	357	26	B	485	26	C	570	26	D	628	26	B	743	26	B	896	26	B
132	27	A	209	27	B	357	27	A	485	27	D	570	27	A	628	27	D	743	27	B	896	27	D
132	28	B	209	28	A	357	28	D	485	28	A	570	28	B	628	28	A	743	28	D	896	28	D
132	29	D	209	29	C	357	29	D	485	29	C	570	29	A	628	29	D	743	29	B	896	29	D
132	30	C	209	30	B	357	30	C	485	30	B	570	30	A	628	30	B	743	30	A	896	30	A
132	31	D	209	31	B	357	31	A	485	31	D	570	31	D	628	31	C	743	31	A	896	31	C
132	32	C	209	32	A	357	32	C	485	32	A	570	32	A	628	32	A	743	32	D	896	32	D
132	33	B	209	33	C	357	33	C	485	33	B	570	33	C	628	33	C	743	33	C	896	33	A
132	34	C	209	34	B	357	34	A	485	34	A	570	34	A	628	34	C	743	34	D	896	34	A
132	35	B	209	35	C	357	35	B	485	35	A	570	35	C	628	35	C	743	35	D	896	35	B
132	36	D	209	36	C	357	36	C	485	36	A	570	36	C	628	36	D	743	36	A	896	36	D
132	37	B	209	37	A	357	37	D	485	37	B	570	37	D	628	37	D	743	37	A	896	37	B
132	38	D	209	38	C	357	38	C	485	38	D	570	38	D	628	38	C	743	38	D	896	38	D
132	39	A	209	39	C	357	39	A	485	39	D	570	39	D	628	39	D	743	39	A	896	39	A
132	40	C	209	40	D	357	40	B	485	40	A	570	40	C	628	40	A	743	40	C	896	40	D

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC TRƯỜNG THPT TAM DƯƠNG -----	ĐỀ THI CHUYÊN ĐỀ LẦN 1 NĂM 2018-2019 MÔN: Địa Lí 12 Thời gian làm bài: 50 phút; (40 câu trắc nghiệm)
	Mã đề thi 132

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa Lí Việt Nam)

Họ, tên thí sinh:..... **Lớp:**

Câu 1: Vùng núi gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng đông bắc – tây nam là:

- A. Trường Sơn Nam.Đông Bắc. B. Tây Bắc.
 C. Trường Sơn Bắc. D. Đông Bắc.

Câu 2: Vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng tây bắc – đông nam điển hình là:

- A. Đông Bắc. B. Trường Sơn Nam. C. Trường Sơn Bắc. D. Tây Bắc.

Câu 3: Vùng núi cao nhất nước ta là:

- A. Trường Sơn Nam. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Tây Bắc.

Câu 4: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Đều có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
 B. Đều có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn.
 C. Đều có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.
 D. Đều là đồng bằng phù sa châu thổ sông.

Câu 5: Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ, nên tự nhiên nước ta có sự phân hoá rõ rệt

- A. Giữa đất liền và biển. B. Giữa đồi núi với ven biển.
 C. Giữa miền núi với đồng bằng. D. Giữa miền Bắc với miền Nam.

Câu 6: Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, có ít sông đổ ra biển là nơi thuận lợi cho nghề

- A. làm muối B. khai thác thủy hải sản
 C. Nuôi trồng thủy sản D. Chế biến thủy sản

Câu 7: Phát biểu nào sau đây không đúng với tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên?

- A. Quyết định đến sự biến động dân số của 1 quốc gia.
 B. Tác động lớn đến cơ cấu dân số theo tuổi của quốc gia.
 C. Ảnh hưởng mạnh đến sự phân bố dân cư của quốc gia.
 D. Là động lực phát triển dân số của quốc gia, thế giới.

Câu 8: Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

- A. giới và theo lao động. B. lao động và theo tuổi.
 C. trình độ văn hóa và theo giới. D. lao động và trình độ văn hóa.

Câu 9: Điểm nào sau đây không đúng với bán bình nguyên Đông Nam Bộ?

- A. Độ cao khoảng 100 – 200 m.
- B. Có nhiều núi cao.
- C. Có các bề mặt phủ badan.
- D. Có các bậc thềm phù sa cổ.

Câu 10: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình nước ta phân hóa đa dạng.

- A. Có núi, đồi, cao nguyên, sơn nguyên, thung lũng.
- B. Có vịnh, vụng biển, đầm phá, mũi đất.
- C. Có nhiều vùng núi, đồi và các đồng bằng.
- D. có đồng bằng châu thổ và đồng bằng duyên hải.

Câu 11: Ở những nước phát triển, tỉ suất tử thô thường cao là do tác động chủ yếu của các yếu tố nào sau đây?

- A. Dịch bệnh.
- B. Dân số già.
- C. Động đất.
- D. Bão lụt.

Câu 12: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. trình độ dân trí và học vấn.
- B. học vấn và nguồn lao động.
- C. nguồn lao động và dân trí.
- D. dân trí và người làm việc.

Câu 13: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi Việt Nam đa dạng.

- A. có các cao nguyên badan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
- B. có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên...

- C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
- D. Bên cạnh núi, còn có đồi.

Câu 14: Đặc điểm khác biệt của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là:

- A. hai sườn núi ít bất đối xứng hơn
- B. có nhiều đỉnh núi hơn.
- C. địa hình cao hơn.
- D. sườn núi dốc hơn

Câu 15: Đặc điểm sinh thái của cây lúa mì là ưa khí hậu

- A. nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.
- B. ẩm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón.
- C. nóng, thích nghi với sự dao động của khí hậu.
- D. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.

Câu 16: Việc khai thác, sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền đồi núi đã gây ra hậu quả xấu cho môi trường sinh thái nước ta biểu hiện ở

- A. cạn kiệt tài nguyên khoáng sản.
- B. ô nhiễm không khí.
- C. ô nhiễm nước.
- D. thiên tai dễ xảy ra.

Câu 17: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.
- B. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
- C. hiệu số giữa người xuất cư, nhập cư,.
- D. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.

Câu 18: Tỉ số giới tính được tính bằng

- A. số nữ trên tổng dân số.
- B. số nữ trên số nam.
- C. số nam trên tổng dân số.
- D. số nam trên số nữ.

Câu 19: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên:

- A. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- B. đồng bằng phần nhiều hẹp ngang.
- C. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
- D. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.

Câu 20: Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm:

- A. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.
- B. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- C. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.
- D. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

Câu 21: Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên bậc thang là:

- A. Tây Bắc.
- B. Đông Bắc.
- C. Trường Sơn Nam.
- D. Trường Sơn Bắc.

Câu 22: Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động?

- A. Tỷ số giới, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- B. Dân số già, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- C. Nguồn lao động, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- D. Tỷ suất sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 23: Cây lương thực bao gồm

- A. lúa gạo, lúa mì, ngô, kê.
- B. lúa gạo, lúa mì, ngô, mía.
- C. lúa gạo, lúa mì, ngô, lạc.
- D. lúa gạo, lúa mì, ngô, đậu.

Câu 24: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM THỜI KÌ 2005 - 2015 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2005	2007	2009	2011	2013	2015
Tổng số dân	82.392	84.218	86.025	87.860	89.756	91.714

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tình hình dân số Việt Nam giai đoạn 2005 – 2015 là:

- A. Cột.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 25: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CÁC VÙNG TRÊN CẢ NƯỚC NĂM 2015

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (Nghìn người)
Đồng bằng sông Hồng	21.060,0	20.925,5
Trung du và miền núi phía Bắc	95.266,8	11.803,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	95.832,4	19.658,0
Tây Nguyên	95.641,0	5.607,9
Đông Nam Bộ	23.590,7	16.127,8

Đồng bằng sông Cửu Long	40.576,0	17.590,4
-------------------------	----------	----------

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với diện tích và dân số của các vùng nước ta năm 2015?

- A. Dân số tập trung đông ở các đồng bằng.
- B. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất.
- C. Đông Nam Bộ có mật độ dân số thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất.

Câu 26: Hàng năm, trung bình số cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta là

- A. 2 - 3 cơn.
- B. 3 - 4 cơn.
- C. 1- 2 cơn.
- D. 4 - 5 cơn.

Câu 27: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng?

- A. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
- B. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.
- C. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.
- D. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, khoáng sản, lâm sản.

Câu 28: Cho bảng số liệu dưới đây

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỈ SUẤT SINH THÔ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2010-2015

(Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
-----	------	------	------	------	------

Thành thị	16,4	16,0	16,2	16,7	15,3
Nông thôn	17,4	17,4	17,5	17,5	16,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với tốc độ tăng trưởng tỉ suất sinh thô Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Tỉ suất sinh thô ở nông thôn có xu hướng giảm.
- B. Tỉ suất sinh thô ở thành thị ngày càng tăng nhanh.
- C. Tỉ suất sinh thô ở cả nông thôn lẫn thành thị đang tăng.
- D. Tỉ suất sinh thô ở thành thị cao hơn nông thôn.

Câu 29: Các dải địa hình ở nhiều đồng bằng duyên hải miền Trung lần lượt từ đông sang tây thường là:

- A. Cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng; đồng bằng đã được bồi tụ.
- B. Cồn cát, đầm phá; đồng bằng đã được bồi tụ; vùng đất trũng.
- C. Đầm phá, cồn cát; vùng thấp trũng; đồng bằng chân núi.
- D. Đồng bằng đã được bồi tụ; vùng trũng thấp; cồn cát, đầm phá. **Câu**

30: Khu vực đồi núi nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển ngành

- A. thủy điện, khai khoáng.
- B. du lịch, cây thực phẩm.
- C. khai khoáng, nuôi lợn.
- D. công nghiệp, lương thực.

Câu 31: Phương thức chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

- A. Hoa màu, lương thực.
- B. Đồng cỏ tự nhiên.
- C. Diện tích mặt nước.
- D. Chế biến tổng hợp.

Câu 32: Đồng bằng Phú Yên mở rộng ở cửa sông

- A. Trà Khúc.
- B. Đà Rằng.
- C. Thu Bồn.
- D. Cả.

Câu 33: Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

- A. tiền đề.
- B. quyết định.
- C. quan trọng.
- D. cơ sở.

Câu 34: Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở

- A. Bắc Bộ
- B. Nam Bộ
- C. Bắc Trung Bộ
- D. Nam Trung Bộ

Câu 35: Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi:

- A. Đông Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Trường Sơn Nam.

Câu 36: Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo A. lao động và theo tuổi.

- C. lao động và giới.
- B. gia tăng cơ học.
- D. tuổi và theo giới.

Câu 37: Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa A. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

- B. số người xuất cư và nhập cư.

C. tỉ suất sinh và người nhập cư.

D. tỉ suất sinh và người nhập cư.

Câu 38: . Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là

đều **A.** được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.

B. Không được nâng lên trong các vận động tân kiến tạo.

C. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

D. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.

Câu 39: Điểm nào sau đây không đúng với vùng trời Việt Nam?

A. Được xác định bằng khung toạ độ trên đất liền của nước ta.

B. Trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

C. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.

D. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

Câu 40: Các yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp? **A.** Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường, đất đai.

B. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, đất đai, nguồn nước.

C. Dân cư – lao động, sở hữu ruộng đất, khoa học, thị trường.

D. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường.

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC TRƯỜNG THPT TAM DƯƠNG -----	ĐỀ THI CHUYÊN ĐỀ LẦN 1 NĂM 2018-2019 MÔN: Địa Lí 12 Thời gian làm bài: 50 phút; (40 câu trắc nghiệm)
	Mã đề thi 209

(Thí sinh được sử dụng Át lát Địa Lí Việt Nam)

Họ, tên thí sinh:..... **Lớp:**

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CÁC VÙNG TRÊN CẢ NƯỚC NĂM 2015

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (Ngàn người)
Đồng bằng sông Hồng	21.060,0	20.925,5
Trung du và miền núi phía Bắc	95.266,8	11.803,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	95.832,4	19.658,0
Tây Nguyên	95.641,0	5.607,9
Đông Nam Bộ	23.590,7	16.127,8
Đồng bằng sông Cửu Long	40.576,0	17.590,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với diện tích và dân số của các vùng nước ta năm 2015?

A. Dân số tập trung đông ở các đồng bằng.

B. Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất.

C. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất.

D. Đông Nam Bộ có mật độ dân số thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 2: Đặc điểm sinh thái của cây lúa mì là ưa khí hậu

A. nóng, thích nghi với sự dao động của khí hậu. **B.** nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.

C. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa. **D.** ẩm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón.

Câu 3: Vùng núi cao nhất nước ta là:

A. Trường Sơn Bắc. **B.** Đông Bắc.

C. Trường Sơn Nam. **D.** Tây Bắc.

Câu 4: Tỉ số giới tính được tính bằng

A. số nam trên tổng dân số.

B. số nữ trên tổng dân số.

C. số nam trên số nữ.

D. số nữ trên số nam.

- Câu 5:** Nông nghiệp hiệu theo nghĩa rộng, gồm:
- A. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.
 - B. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.
 - C. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.
 - D. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- Câu 6:** Phát biểu nào sau đây không đúng với tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên?
- A. Quyết định đến sự biến động dân số của 1 quốc gia.
 - B. Tác động lớn đến cơ cấu dân số theo tuổi của quốc gia.
 - C. Ảnh hưởng mạnh đến sự phân bố dân cư của quốc gia.
 - D. Là động lực phát triển dân số của quốc gia, thế giới.
- Câu 7:** Vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng tây bắc – đông nam điển hình là
- A. Trường Sơn Nam.
 - B. Đông Bắc.
 - C. Trường Sơn Bắc.
 - D. Tây Bắc.
- Câu 8:** Đỉnh nào sau đây không đúng với bán bình nguyên Đông Nam Bộ?
- A. Độ cao khoảng 100 – 200 m.
 - B. Có nhiều núi cao.
 - C. Có các bề mặt phủ badan.
 - D. Có các bậc thềm phù sa cổ.
- Câu 9:** Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở
- A. Nam Bộ
 - B. Nam Trung Bộ
 - C. Bắc Bộ
 - D. Bắc Trung Bộ
- Câu 10:** Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi:
- A. Tây Bắc.
 - B. Trường Sơn Nam.
 - C. Trường Sơn Bắc.
 - D. Đông Bắc.
- Câu 11:** Khu vực đồi núi nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển ngành
- A. thủy điện, khai khoáng.
 - B. du lịch, cây thực phẩm.
 - C. khai khoáng, nuôi lợn.
 - D. công nghiệp, lương thực.
- Câu 12:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi Việt Nam đa dạng.
- A. có các cao nguyên badan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
 - B. có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên...
 - C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
 - D. Bên cạnh núi, còn có đồi.
- Câu 13:** Đặc điểm khác biệt của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là:
- A. hai sườn núi ít bất đối xứng hơn
 - B. có nhiều đỉnh núi hơn.
 - C. địa hình cao hơn.
 - D. sườn núi dốc hơn
- Câu 14:** Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, có ít sông đổ ra biển là nơi thuận lợi cho nghề
- A. làm muối
 - B. khai thác thủy hải sản
 - C. Nuôi trồng thủy sản
 - D. Chế biến thủy sản
- Câu 15:** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là
- A. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
 - B. hiệu số giữa người suất cư, nhập cư.
 - C. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
 - D. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

- Câu 16:** Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng?
A. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.
B. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
C. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.
D. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, khoáng sản, lâm sản.

Câu 17: Cho bảng số liệu dưới đây

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỈ SUẤT SINH THÔ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2010-2015

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
Thành thị	16,4	16,0	16,2	16,7	15,3
Nông thôn	17,4	17,4	17,5	17,5	16,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với tốc độ tăng trưởng tỉ suất sinh thô Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015?

- A.** Tỉ suất sinh thô ở thành thị ngày càng tăng nhanh.
B. Tỉ suất sinh thô ở nông thôn có xu hướng giảm.
C. Tỉ suất sinh thô ở cả nông thôn lẫn thành thị đang tăng.
D. Tỉ suất sinh thô ở thành thị cao hơn nông thôn.
- Câu 18:** Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên:
A. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
B. đồng bằng phần nhiều hẹp ngang.
C. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
D. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.
- Câu 19:** Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ, nên tự nhiên nước ta có sự phân hoá rõ rệt
A. Giữa đất liền và biển. **B.** Giữa miền núi với đồng bằng.
C. Giữa đồi núi với ven biển. **D.** Giữa miền Bắc với miền Nam.
- Câu 20:** . Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là
A. được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.
B. Không được nâng lên trong các vận động tân kiến tạo.
C. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.
D. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.
- Câu 21:** . Cây lương thực bao gồm
A. lúa gạo, lúa mì, ngô, lạc. **B.** lúa gạo, lúa mì, ngô, đậu.
C. lúa gạo, lúa mì, ngô, kê. **D.** lúa gạo, lúa mì, ngô, mía.
- Câu 22:** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh
A. nguồn lao động và dân trí. **B.** dân trí và người làm việc.
C. học vấn và nguồn lao động. **D.** trình độ dân trí và học vấn.

Câu 23: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình nước ta phân hóa đa dạng.

- A. Có đồng bằng châu thổ và đồng bằng duyên hải.
- B. Có nhiều vùng núi, đồi và các đồng bằng.
- C. Có núi, đồi, cao nguyên, sơn nguyên, thung lũng.
- D. Có vịnh, vụng biển, đầm phá, mũi đất.

Câu 24: Vùng núi gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng đông bắc – tây nam là:

- A. Trường Sơn Nam.Đông Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Trường Sơn Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 25: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM THỜI KÌ 2005 - 2015 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2005	2007	2009	2011	2013	2015
Tổng số	82.392	84.218	86.025	87.860	89.756	91.714

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tình hình dân số Việt Nam giai đoạn 2005 – 2015 là:

- A. Cột.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 26: Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động?

- A. Dân số già, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- B. Tỉ số giới, dân số hoạt động theo theo khu vực kinh tế.
- C. Tỉ suất sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- D. Nguồn lao động, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 27: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Đều có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- B. Đều có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn.
- C. Đều là đồng bằng phù sa châu thổ sông.
- D. Đều có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.

Câu 28: Các dải địa hình ở nhiều đồng bằng duyên hải miền Trung lần lượt từ đông sang tây thường là:

- A. Cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng; đồng bằng đã được bồi tụ.
- B. Cồn cát, đầm phá; đồng bằng đã được bồi tụ; vùng đất trũng.
- C. Đầm phá, cồn cát; vùng thấp trũng; đồng bằng chân núi.
- D. Đồng bằng đã được bồi tụ; vùng trũng thấp; cồn cát, đầm phá.

Câu 29: Ở những nước phát triển, tỉ suất tử thô thường cao là do tác động chủ yếu của các yếu tố nào sau đây?

- A. Dịch bệnh.
- B. Bảo lụt.
- C. Động đất.
- D. Dân số già.

Câu 30: Phương thức chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

- A. Hoa màu, lương thực.
- B. Đồng cỏ tự nhiên.
- C. Diện tích mặt nước.
- D. Chế biến tổng hợp.

Câu 31: Đồng bằng Phú Yên mở rộng ở cửa sông

- A. Trà Khúc.
- B. Thu Bồn.
- C. Cà.
- D. Đà Rằng.

Câu 32: Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

- A. tiền đề.
- B. quyết định.
- C. quan trọng.
- D. cơ sở.

Câu 33: Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên bậc thang là:

- A. Đông Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.
- C. Tây Bắc.
- D. Trường Sơn Bắc.

Câu 34: Hàng năm, trung bình số cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta là

- A. 1- 2 cơn.
- B. 3 - 4 cơn.
- C. 2 - 3 cơn.
- D. 4 - 5 cơn.

Câu 35: Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo A. lao động và theo tuổi.

- C. lao động và giới.

Câu 37: Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo A. lao động và trình độ văn hóa.

- C. lao động và theo tuổi.

Câu 36: Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa A. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

- C. tỉ suất sinh và người nhập cư.

B. gia tăng cơ học.
D. tuổi và theo giới.

B. số người xuất cư và nhập cư.
D. tỉ suất sinh và người nhập cư.

B. giới và theo lao động.
D. trình độ văn hóa và theo giới.

- Câu 38:** Các yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp? **A.** Dân cư – lao động, khoa học kỹ thuật, thị trường, đất đai.
B. Dân cư – lao động, sở hữu ruộng đất, khoa học, thị trường.
C. Dân cư – lao động, khoa học kỹ thuật, đất đai, nguồn nước.
D. Dân cư – lao động, khoa học kỹ thuật, thị trường.

- Câu 39:** Việc khai thác, sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền đồi núi đã gây ra hậu quả xấu cho môi trường sinh thái nước ta biểu hiện ở
A. cạn kiệt tài nguyên khoáng sản. **B.** thiên tai dễ xảy ra.
C. ô nhiễm nước. **D.** ô nhiễm không khí.

- Câu 40:** Điểm nào sau đây không đúng với vùng trời Việt Nam?
A. Trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.
B. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
C. Được xác định bằng khung tọa độ trên đất liền của nước ta.
D. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC TRƯỜNG THPT TAM DƯƠNG -----	ĐỀ THI CHUYÊN ĐỀ LẦN 1 NĂM 2018-2019 MÔN: Địa Lí 12 Thời gian làm bài: 50 phút; (40 câu trắc nghiệm)
Mã đề thi 357	

(Thí sinh được sử dụng Át lát Địa Lí Việt Nam)

Họ, tên thí sinh:.....

Lớp:

- Câu 1:** Vùng núi gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng đông bắc – tây nam là:
A. Trường Sơn Bắc. **B.** Tây Bắc.
C. Đông Bắc. **D.** Trường Sơn Nam. Đông Bắc.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM THỜI KÌ 2005 - 2015 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2005	2007	2009	2011	2013	2015
Tổng số dân	82.392	84.218	86.025	87.860	89.756	91.714

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tình hình dân số Việt Nam giai đoạn 2005 – 2015 là:
A. Tròn. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Miền.

- Câu 3:** Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa **A.** tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.
B. số người xuất cư và nhập cư.
C. tỉ suất sinh và người nhập cư. **D.** tỉ suất sinh và người nhập cư.

- Câu 4:** Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở
A. Bắc Bộ **B.** Nam Bộ **C.** Nam Trung Bộ **D.** Bắc Trung Bộ
- Câu 5:** Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh
A. nguồn lao động và dân trí. **B.** dân trí và người làm việc.
C. học vấn và nguồn lao động. **D.** trình độ dân trí và học vấn.
- Câu 6:** Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi:
A. Tây Bắc. **B.** Trường Sơn Nam. **C.** Trường Sơn Bắc. **D.** Đông Bắc.
- Câu 7:** Điểm nào sau đây không đúng với bán bình nguyên Đông Nam Bộ?
A. Có các bậc thềm phù sa cổ. **B.** Có nhiều núi cao.
C. Độ cao khoảng 100 – 200 m. **D.** Có các bề mặt phủ badan.
- Câu 8:** Đặc điểm khác biệt của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là:
A. hai sườn núi ít bất đối xứng hơn **B.** có nhiều đỉnh núi hơn.
C. địa hình cao hơn. **D.** sườn núi dốc hơn
- Câu 9:** Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò
A. quyết định. **B.** quan trọng. **C.** cơ sở. **D.** tiền đề.
- Câu 10:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi Việt Nam đa dạng.
A. có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên...
B. có các cao nguyên badan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.
C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
D. Bên cạnh núi, còn có đồi.
- Câu 11:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình nước ta phân hóa đa dạng.
A. có đồng bằng châu thổ và đồng bằng duyên hải.
B. Có nhiều vùng núi, đồi và các đồng bằng.
C. Có núi, đồi, cao nguyên, sơn nguyên, thung lũng.
D. Có vịnh, vụng biển, đầm phá, mũi đất.
- Câu 12:** Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là
A. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử. **B.** hiệu số giữa người suất cư, nhập cư,.
C. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử. **D.** tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.
- Câu 13:** Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, có ít sông đổ ra biển là nơi thuận lợi cho nghề
A. làm muối **B.** Nuôi trồng thủy sản
C. khai thác thủy hải sản **D.** Chế biến thủy sản
- Câu 14:** Điểm nào sau đây không đúng với vùng trời Việt Nam?
A. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
B. Được xác định bằng khung tọa độ trên đất liền của nước ta.
C. Trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.
D. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.
- Câu 15:** Vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng tây bắc – đông nam điển hình là:
A. Trường Sơn Nam. **B.** Trường Sơn Bắc. **C.** Đông Bắc. **D.** Tây Bắc.
- Câu 16:** Việc khai thác, sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền đồi núi đã gây ra hậu quả xấu cho môi trường sinh thái nước ta biểu hiện ở
A. cạn kiệt tài nguyên khoáng sản. **B.** ô nhiễm nước.
C. thiên tai dễ xảy ra. **D.** ô nhiễm không khí.
- Câu 17:** . Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là
A. được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.
B. Không được nâng lên trong các vận động tân kiến tạo.
C. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.
D. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.
- Câu 18:** Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ, nên tự nhiên nước ta có sự phân hoá rõ rệt
A. Giữa miền núi với đồng bằng. **B.** Giữa miền Bắc với miền Nam.
C. Giữa đồi núi với ven biển. **D.** Giữa đất liền và biển.
- Câu 19:** . Cây lương thực bao gồm
A. lúa gạo, lúa mì, ngô, lạc. **B.** lúa gạo, lúa mì, ngô, đậu.
C. lúa gạo, lúa mì, ngô, kê. **D.** lúa gạo, lúa mì, ngô, mía.

Câu 20: Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động?

- A. Dân số già, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- B. Tỷ số giới, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- C. Tỷ suất sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.
- D. Nguồn lao động, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 21: Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm:

- A. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.
- B. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.
- C. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.
- D. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.

Câu 22: Hàng năm, trung bình số cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta là

- A. 3 - 4 cơn.
- B. 1- 2 cơn.
- C. 2 - 3 cơn.
- D. 4 - 5 cơn.

Câu 23: Phát biểu nào sau đây không đúng với tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên?

- A. Tác động lớn đến cơ cấu dân số theo tuổi của quốc gia.
- B. Quyết định đến sự biến động dân số của 1 quốc gia.
- C. Là động lực phát triển dân số của quốc gia, thế giới.
- D. Ảnh hưởng mạnh đến sự phân bố dân cư của quốc gia.

Câu 24: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CÁC VÙNG TRÊN CẢ NƯỚC NĂM 2015

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (Nghìn người)
Đồng bằng sông Hồng	21.060,0	20.925,5
Trung du và miền núi phía Bắc	95.266,8	11.803,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	95.832,4	19.658,0
Tây Nguyên	95.641,0	5.607,9
Đông Nam Bộ	23.590,7	16.127,8
Đồng bằng sông Cửu Long	40.576,0	17.590,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với diện tích và dân số của các vùng nước ta năm 2015?

- A. Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất.
- B. Dân số tập trung đông ở các đồng bằng.
- C. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất.
- D. Đông Nam Bộ có mật độ dân số thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 25: Ở những nước phát triển, tỉ suất tử thô thường cao là do tác động chủ yếu của các yếu tố nào sau đây?

- A. Dịch bệnh.
- B. Động đất.
- C. Dân số già.
- D. Bão lụt.

Câu 26: Đặc điểm sinh thái của cây lúa mì là ưa khí hậu

- A. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa.
- B. ấm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón.
- C. nóng, thích nghi với sự dao động của khí hậu.
- D. nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.

Câu 27: Các dải địa hình ở nhiều đồng bằng duyên hải miền Trung lần lượt từ đông sang tây thường là A. Đầm phá, cồn cát; vùng thấp trũng; đồng bằng chân núi.

- B. Cồn cát, đầm phá; đồng bằng đã được bồi tụ; vùng đất trũng.
- C. Cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng; đồng bằng đã được bồi tụ.

D. Đồng bằng đã được bồi tụ; vùng trũng thấp; cồn cát, đầm phá.

Câu 28: Tỉ số giới tính được tính bằng A. số nam trên số nữ.

C. số nữ trên số nam.

D. số nữ trên tổng dân số.

B. số nam trên tổng dân số.

Câu 29: Phương thức chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

A. Hoa màu, lương thực.

B. Đồng cỏ tự nhiên.

C. Diện tích mặt nước.

D. Chế biến tổng hợp.

Câu 30: Đồng bằng Phú Yên mở rộng ở cửa sông

A. Trà Khúc. B. Thu Bồn. C. Cà. D. Đà Rằng. **Câu 31:** Cho bảng số liệu dưới đây

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỈ SUẤT SINH THÔ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2010-2015 (Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
Thành thị	16,4	16,0	16,2	16,7	15,3
Nông thôn	17,4	17,4	17,5	17,5	16,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với tốc độ tăng trưởng tỉ suất sinh thô Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015? A. Tỉ suất sinh thô ở thành thị ngày càng tăng nhanh.

B. Tỉ suất sinh thô ở cả nông thôn lẫn thành thị đang tăng.

C. Tỉ suất sinh thô ở thành thị cao hơn nông thôn.

D. Tỉ suất sinh thô ở nông thôn có xu hướng giảm.

Câu 32: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng? A. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

B. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.

C. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.

D. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, khoáng sản, lâm sản.

Câu 33: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên:

A. đồng bằng phần nhiều hẹp ngang.

B. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

C. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.

D. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

Câu 34: Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

A. lao động và theo tuổi.

B. gia tăng cơ học.

C. lao động và giới.

D. tuổi và theo giới.

Câu 35: Vùng núi cao nhất nước ta là:

A. Đông Bắc.

B. Trường Sơn Bắc.

C. Trường Sơn Nam.

D. Tây Bắc.

Câu 36: Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên bậc thang là

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Trường Sơn Nam.

D. Trường Sơn Bắc.

Câu 37: Các yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp? A. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường, đất đai.

B. Dân cư – lao động, sở hữu ruộng đất, khoa học, thị trường.

C. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, đất đai, nguồn nước.

D. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường.

Câu 38: Khu vực đồi núi nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển ngành

A. du lịch, cây thực phẩm.

B. thủy điện, khai khoáng.

C. khai khoáng, nuôi lợn.

D. công nghiệp, lương thực.

Câu 39: Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

A. lao động và trình độ văn hóa.

B. giới và theo lao động.

C. lao động và theo tuổi.

D. trình độ văn hóa và theo giới.

Câu 40: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Đều có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

- B. Đều có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn.
- C. Đều là đồng bằng phù sa châu thổ sông.
- D. Đều có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC TRƯỜNG THPT TAM DƯƠNG -----	ĐỀ THI CHUYÊN ĐỀ LẦN 1 NĂM 2018-2019 MÔN: Địa Lí 12 <i>Thời gian làm bài: 50 phút;</i> <i>(40 câu trắc nghiệm)</i>
	Mã đề thi 485

(Thí sinh được sử dụng Atlas Địa Lí Việt Nam)

Họ, tên thí sinh:..... **Lớp:**

Câu 1: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình nước ta phân hóa đa dạng.

- A. Có vịnh, vụng biển, đầm phá, mũi đất.
- B. Có núi, đồi, cao nguyên, sơn nguyên, thung lũng.
- C. Có đồng bằng châu thổ và đồng bằng duyên hải.
- D. Có nhiều vùng núi, đồi và các đồng bằng.

Câu 2: Các dải địa hình ở nhiều đồng bằng duyên hải miền Trung lần lượt từ đông sang tây thường là:

- A. Đầm phá, cồn cát; vùng thấp trũng; đồng bằng chân núi.
- B. Cồn cát, đầm phá; đồng bằng đã được bồi tụ; vùng đất trũng.
- C. Cồn cát, đầm phá; vùng thấp trũng; đồng bằng đã được bồi tụ.
- D. Đồng bằng đã được bồi tụ; vùng trũng thấp; cồn cát, đầm phá.

Câu 3: Cơ cấu dân số theo trình độ văn hóa phản ánh

- A. nguồn lao động và dân trí.
- B. dân trí và người làm việc.
- C. học vấn và nguồn lao động.
- D. trình độ dân trí và học vấn.

Câu 4: Hàng năm, trung bình số cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta là

- A. 2 - 3 cơn.
- B. 3 - 4 cơn.
- C. 1- 2 cơn.
- D. 4 - 5 cơn.

Câu 5: Vùng núi cao nhất nước ta là:

- A. Trường Sơn Nam.
- B. Trường Sơn Bắc.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 6: Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ địa hình núi Việt Nam đa dạng.

- A. Bên cạnh núi, còn có đồi.
- B. có núi cao, núi trung bình, núi thấp, cao nguyên, sơn nguyên... C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, có nhiều núi thấp.
- D. có các cao nguyên badan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.

Câu 7: Do lãnh thổ kéo dài trên nhiều vĩ độ, nên tự nhiên nước ta có sự phân hoá rõ rệt

- A. Giữa miền Bắc với miền Nam.
- B. Giữa đất liền và biển.
- C. Giữa miền núi với đồng bằng.
- D. Giữa đồi núi với ven biển.

Câu 8: . Cây lương thực bao gồm

- A. lúa gạo, lúa mì, ngô, đậu.
- B. lúa gạo, lúa mì, ngô, kê.
- C. lúa gạo, lúa mì, ngô, lạc.
- D. lúa gạo, lúa mì, ngô, mía.

Câu 9: Đồng bằng Phú Yên mở rộng ở cửa sông

- A. Trà Khúc.
- B. Thu Bồn.
- C. Cả.
- D. Đà Rằng.

Câu 10: Địa hình thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi:

- A. Tây Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.
- C. Đông Bắc.
- D. Trường Sơn Bắc.

Câu 11: Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên là

- A. tổng số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
- B. hiệu số giữa người suất cư, nhập cư,.
- C. hiệu số giữa tỉ suất sinh và tỉ suất tử.
- D. tổng số giữa người xuất cư, nhập cư.

Câu 12: Vùng núi gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng đông bắc – tây nam là:

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Trường Sơn Nam.Đông Bắc.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 13: Đặc điểm khác biệt của Trường Sơn Bắc với Trường Sơn Nam là:

- A. địa hình cao hơn.
- B. có nhiều đỉnh núi hơn.
- C. hai sườn núi ít bất đối xứng hơn
- D. sườn núi dốc hơn

Câu 14: Cho bảng số liệu dưới đây

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỈ SUẤT SINH THÔ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2010-2015

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2012	2013	2014	2015
Thành thị	16,4	16,0	16,2	16,7	15,3
Nông thôn	17,4	17,4	17,5	17,5	16,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với tốc độ tăng trưởng tỉ suất sinh thô Việt Nam giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Tỉ suất sinh thô ở nông thôn có xu hướng giảm.
- B. Tỉ suất sinh thô ở cả nông thôn lẫn thành thị đang tăng.
- C. Tỉ suất sinh thô ở thành thị cao hơn nông thôn.
- D. Tỉ suất sinh thô ở thành thị ngày càng tăng nhanh.

Câu 15: Việc khai thác, sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền đồi núi đã gây ra hậu quả xấu cho môi trường sinh thái nước ta biểu hiện ở

- A. cạn kiệt tài nguyên khoáng sản.
- B. ô nhiễm nước.
- C. thiên tai dễ xảy ra.
- D. ô nhiễm không khí.

Câu 16: . Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi là

- A. được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.
- B. Không được nâng lên trong các vận động tân kiến tạo.
- C. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.
- D. có cả đất phù sa cổ lẫn đất badan.

Câu 17: Do biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành dải đồng bằng duyên hải miền Trung nên:

- A. đồng bằng bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- B. đồng bằng phần nhiều hẹp ngang.
- C. có một số đồng bằng mở rộng ở các cửa sông lớn.
- D. đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

Câu 18: Tỉ số giới tính được tính bằng

A. số nữ trên tổng dân số.

B. số nam trên số nữ.

C. số nam trên tổng dân số.

D. số nữ trên số nam.

Câu 19: Các tiêu chí nào sau đây thể hiện được trong cơ cấu dân số theo lao động?

A. Dân số già, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

B. Tỉ số giới, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

C. Tỉ suất sinh, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

D. Nguồn lao động, dân số hoạt động theo khu vực kinh tế.

Câu 20: Ở những nước phát triển, tỉ suất tử thô thường cao là do tác động chủ yếu của các yếu tố nào sau đây?

A. Bão lụt.

B. Dân số già.

C. Dịch bệnh.

D. Động đất.

Câu 21: Vùng núi có các thung lũng sông lớn cùng hướng tây bắc – đông nam điển hình là:

A. Tây Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây không đúng với tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên?

- A. Tác động lớn đến cơ cấu dân số theo tuổi của quốc gia.
- B. Quyết định đến sự biến động dân số của 1 quốc gia.
- C. Là động lực phát triển dân số của quốc gia, thế giới.
- D. Ảnh hưởng mạnh đến sự phân bố dân cư của quốc gia.

Câu 23: Các yếu tố nào sau đây có ảnh hưởng quyết định tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp?

- A. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường, đất đai.
- B. Dân cư – lao động, sở hữu ruộng đất, khoa học, thị trường.
- C. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, đất đai, nguồn nước.
- D. Dân cư – lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường.

Câu 24: Thuận lợi nào sau đây không phải là chủ yếu của thiên nhiên khu vực đồng bằng? A. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.

- B. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
- C. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, khoáng sản, lâm sản.
- D. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.

Câu 25: Cơ cấu xã hội của dân số gồm cơ cấu theo

- A. trình độ văn hóa và theo giới.
- B. lao động và trình độ văn hóa.
- C. giới và theo lao động.
- D. lao động và theo tuổi.

Câu 26: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM THỜI KÌ 2005 - 2015 (Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2005	2007	2009	2011	2013	2015
Tổng số dân	82.392	84.218	86.025	87.860	89.756	91.714

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất để thể hiện tình hình dân số Việt Nam giai đoạn 2005 – 2015 là:

- A. Cột.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Đường.

Câu 27: Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Đều có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
- B. Đều có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn.
- C. Đều là đồng bằng phù sa châu thổ sông.
- D. Đều có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.

Câu 28: Gia tăng cơ học là sự chênh lệch giữa

- A. tỉ suất sinh và người nhập cư.
- B. số người xuất cư và nhập cư.
- C. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.
- D. tỉ suất sinh và người nhập cư.

Câu 29: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CÁC VÙNG TRÊN CẢ NƯỚC NĂM 2015

D. tuổi và theo giới.

Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (Nghìn người)
Đồng bằng sông Hồng	21.060,0	20.925,5
Trung du và miền núi phía Bắc	95.266,8	11.803,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	95.832,4	19.658,0
Tây Nguyên	95.641,0	5.607,9
Đông Nam Bộ	23.590,7	16.127,8
Đồng bằng sông Cửu Long	40.576,0	17.590,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Nhận xét nào sau đây **không** đúng với diện tích và dân số của các vùng nước ta năm 2015? **A.** Đông Nam Bộ có mật độ dân số thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long **B.** Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao nhất. **C.** Dân số tập trung đông ở các đồng bằng. **D.** Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất.

Câu 30: Đặc điểm sinh thái của cây lúa mì là ưa khí hậu

- A.** ẩm, khô, đất đai màu mỡ, nhiều phân bón. **B.** nóng, thích nghi với sự dao động của khí hậu.
C. nóng, ẩm, chân ruộng ngập nước, đất phù sa. **D.** nóng, đất ẩm, nhiều mùn, dễ thoát nước.

Câu 31: Nguồn thức ăn đối với chăn nuôi đóng vai trò

- A.** cơ sở. **B.** tiền đề. **C.** quyết định. **D.** quan trọng.

Câu 32: Điểm nào sau đây không đúng với bán bình nguyên Đông Nam Bộ?

- A.** Độ cao khoảng 100 – 200 m. **B.** Có nhiều núi cao.
C. Có các bệ mặt phủ badan. **D.** Có các bậc thềm phù sa cổ.

Câu 33: Cơ cấu sinh học của dân số gồm cơ cấu theo

- A.** lao động và theo tuổi. **B.** gia tăng cơ học.
C. lao động và giới.

Câu 34: Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, có ít sông đổ ra biển là nơi thuận lợi cho nghề

- A.** khai thác thủy hải sản **B.** Chế biến thủy sản
C. làm muối **D.** Nuôi trồng thủy sản

Câu 35: Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên bậc thang là

- A.** Trường Sơn Nam. **B.** Tây Bắc. **C.** Đông Bắc. **D.** Trường Sơn Bắc.

Câu 36: Phương thức chăn nuôi nửa chuồng trại và chuồng trại thường dựa trên cơ sở nguồn thức ăn nào sau đây?

- A.** Chế biến tổng hợp. **B.** Diện tích mặt nước.
C. Đồng cỏ tự nhiên. **D.** Hoa màu, lương thực.

Câu 37: Điểm nào sau đây không đúng với vùng trời Việt Nam?

- A. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.
- B. Trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.
- C. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
- D. Được xác định bằng khung tọa độ trên đất liền của nước ta.

Câu 38: Nông nghiệp hiểu theo nghĩa rộng, gồm:

- A. nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
- B. trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản.
- C. trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản.
- D. chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản.

Câu 39: Khu vực đồi núi nước ta có nhiều thế mạnh để phát triển ngành

- A. du lịch, cây thực phẩm.
- B. thủy điện, khai khoáng.
- C. khai khoáng, nuôi lợn.
- D. công nghiệp, lương thực.

Câu 40: Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở

- A. Nam Bộ
- B. Bắc Bộ
- C. Bắc Trung Bộ
- D. Nam Trung Bộ

----- HẾT -----

made	Cautron	dapan
132	1	C
132	2	D
132	3	D
132	4	D
132	5	D
132	6	A
132	7	C
132	8	D
132	9	B
132	10	C
132	11	B
132	12	A
132	13	B
132	14	A
132	15	D
132	16	D
132	17	D
132	18	D
132	19	C
132	20	B
132	21	C
132	22	C
132	23	A
132	24	A
132	25	C
132	26	B
132	27	B
132	28	A
132	29	A
132	30	A
132	31	A
132	32	B
132	33	B
132	34	B
132	35	C
132	36	D

132	37	B
132	38	C
132	39	A
132	40	C
209	1	D
209	2	C
209	3	D
209	4	C
209	5	D
209	6	C
209	7	D
209	8	B
209	9	A
209	10	C
209	11	A
209	12	B
209	13	A
209	14	A
209	15	A
209	16	A
209	17	B
209	18	C
209	19	D
209	20	C
209	21	C
209	22	D
209	23	B
209	24	C
209	25	A
209	26	D
209	27	C
209	28	A
209	29	D
209	30	A
209	31	D
209	32	B
209	33	B
209	34	B
209	35	D
209	36	B
209	37	A
209	38	B
209	39	B
209	40	C
357	1	A
357	2	C
357	3	B
357	4	B
357	5	D
357	6	C
357	7	B
357	8	A
357	9	A
357	10	A
357	11	B
357	12	C
357	13	A

357	14	B
357	15	D
357	16	C
357	17	C
357	18	B
357	19	C
357	20	D
357	21	D
357	22	A
357	23	D
357	24	D
357	25	C
357	26	A
357	27	C
357	28	A
357	29	A
357	30	D
357	31	D
357	32	B
357	33	B
357	34	D
357	35	D
357	36	C
357	37	B
357	38	B
357	39	A
357	40	C
485	1	D
485	2	C
485	3	D
485	4	B
485	5	C
485	6	B
485	7	A
485	8	B
485	9	D
485	10	D
485	11	C
485	12	A
485	13	C
485	14	A
485	15	C
485	16	C
485	17	D
485	18	B
485	19	D
485	20	B
485	21	A
485	22	D
485	23	B
485	24	A
485	25	B
485	26	A
485	27	C
485	28	B
485	29	A
485	30	C

485	31	C
485	32	B
485	33	D
485	34	C
485	35	A
485	36	D
485	37	D
485	38	A
485	39	B
485	40	A

Mã đề thi: 170

SBD: Họ và tên thí sinh:

Câu 1: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.
- B. hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.
- C. hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.
- D. hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.

Câu 2: Gió mùa là loại gió:

- A. thổi theo mùa, ngược hướng nhau, khác nhau về tính chất vật lí.
- B. thổi thường xuyên và khác nhau về hướng gió.
- C. thổi chủ yếu vào mùa đông theo hướng Đông Bắc.
- D. thổi chủ yếu vào mùa hạ theo hướng Đông Nam.

Câu 3: Địa hình miền núi nước ta bị xâm thực mạnh **không** thể hiện ở:

- A. Tạo nên các vùng núi cao
- B. Hiện tượng đất trượt, đá lở
- C. Địa hình karst ở vùng núi đá vôi
- D. Xuất hiện những hẻm vực, khe sâu

Câu 4: Nguyên nhân làm cho địa hình nước ta có tính phân bậc rõ rệt là

- A. địa hình xâm thực mạnh ở miền đồi núi.
- B. trải qua quá trình kiến tạo lâu dài, tác động của ngoại lực.
- C. địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.
- D. địa hình chịu tác động thường xuyên của con người.

Câu 5: Nguyên nhân quan trọng khiến miền núi có nhiều thiên tai là do

- A. mưa ít, mùa khô kéo dài.
- B. lớp phủ thực vật mỏng.
- C. mưa nhiều, phân bố không đều.
- D. mưa nhiều, độ dốc lớn.

Câu 6: Ý nào sau đây là đặc điểm của khu vực Đông Nam Á lục địa:

- A. Nằm hoàn toàn trong “vành đai lửa Thái Bình Dương”.
- B. Địa hình chủ yếu là đồng bằng, rất ít đồi núi.
- C. Bao gồm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và khí hậu xích đạo.
- D. Đan xen giữa các dãy núi là đồng bằng phù sa màu mỡ.

Câu 7: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, em hãy cho biết tỉnh nào dưới đây có đường biên giới trên đất liền giáp Trung Quốc?

- A. Yên Bái
- B. Hà Giang
- C. Thái Nguyên
- D. Tuyên Quang

Câu 8: Ở nước ta, dạng địa hình bán bình nguyên thể hiện rõ nhất là ở khu vực

- A. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- B. Tây Nguyên.
- C. Đông Nam Bộ.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 9: Cho bảng số liệu sau:

Dân số và sản lượng lương thực nước ta giai đoạn 1999 - 2013

Năm	1999	2003	2005	2009	2013
Dân số (triệu người)	76,6	80,5	83,1	85,8	89,7
Sản lượng (triệu tấn)	33,2	37,7	39,6	43,3	49,3

Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng của dân số, sản lượng lương thực và sản

lượng lương thực bình quân theo đầu người của nước ta

- A. Biểu đồ đường. B. Biểu đồ miền C. Biểu đồ hình cột. D. Biểu đồ kết hợp.

Câu 10: Hướng Tây Bắc - Đông Nam của địa hình nước ta thể hiện rõ nhất ở:

- A. vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam. B. vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Nam.
C. vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc. D. vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, em hãy cho biết tỉ lệ diện tích lưu vực của sông ngòi nước ta tập trung chủ yếu ở:

- A. Hệ thống sông Cửu Long
 B. Hệ thống sông Hồng
 C. Hệ thống sông Cả
 D. Hệ thống sông Đồng Nai

Câu 12: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, em hãy cho biết vào tháng 6 bão ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh nào của nước ta ?

- A. Hải Phòng.
 B. Thanh Hóa.
 C. Quảng Nam.
 D. Quảng Ninh.

Câu 13: Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển, được gọi là:

- A. vùng đặc quyền kinh tế.
 B. vùng tiếp giáp lãnh hải.
 C. lãnh hải.
 D. thềm lục địa.

Câu 14: Loại khoáng sản mang lại giá trị kinh tế cao mà chúng ta đang khai thác trên Biển Đông là?

- A. Sa khoáng
 B. Dầu khí
 C. Titan
 D. Vàng

Câu 15: Đi từ Bắc vào Nam, phần đất liền nước ta kéo dài khoảng:

- A. 18 vĩ độ
 B. 15 vĩ độ
 C. 17 vĩ độ
 D. 12 vĩ độ

Câu 16: Nguyên nhân chính tạo nên sự khác nhau về chế độ mùa của khí hậu giữa các khu vực nước ta là:

- A. Ảnh hưởng của biển Đông
 B. Nước ta trải dài trên 15 độ vĩ tuyến
 C. Hoạt động của gió mùa phức tạp
 D. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến

Câu 17: Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga có khí hậu:

- A. lạnh, khô.
 B. cận nhiệt.
 C. lạnh, ẩm.
 D. ôn đới.

Câu 18: Khu vực Móng Cái (Quảng Ninh) có lượng mưa nhiều do nằm ở sườn đón gió:

- A. Đông Nam
 B. Đông Bắc
 C. Tây Nam
 D. Mậu dịch

Câu 19: Cho bảng số liệu sau:

Tốc độ tăng GDP của Nhật Bản, thời kì 1990 – 2005
 (Đơn vị: %)

Năm	1990	1995	1997	1999	2001	2003	2005
Tăng GDP	5,1	1,5	1,9	0,8	0,4	2,7	2,5

Nhận xét đúng về tốc độ tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản từ sau năm 1990 là:

- A. Tăng trưởng cao nhưng còn biến động.
 B. Tăng trưởng ổn định và luôn ở mức cao.
 C. Tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn ở mức cao.
 D. Tăng trưởng chậm lại, có biến động và ở mức thấp.

Câu 20: Đặc điểm nhiệt độ trung bình năm trên lãnh thổ nước ta là:

- A. Giảm dần từ Bắc vào Nam
 B. Tăng dần từ Bắc vào Nam
 C. Giảm dần theo độ cao
 D. Thay đổi theo mùa

Câu 21: Ý nào sau đây **không phải** nguyên nhân làm cho khí hậu nước ta mang đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Do hệ tọa độ địa lí
 B. Do ảnh hưởng của biển Đông
 C. Do hoạt động của gió Mậu dịch
 D. Do hoạt động của hoàn lưu gió mùa

Câu 22: Về mùa lũ nước ngập trên diện rộng, về mùa cạn nước triều lấn mạnh là đặc điểm của vùng

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
 B. Đồng bằng Sông Hồng.
 C. Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
 D. Đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ.

Câu 23: Thực vật chiếm chủ yếu ở nước ta là:

- A. Thực vật cận nhiệt đới.
 B. Thực vật ngập mặn.
 C. Thực vật nhiệt đới.
 D. Thực vật ôn đới.

Câu 24: Cho bảng số liệu sau:

Dân số và sản lượng lương thực nước ta giai đoạn 1999 - 2013

Năm	1999	2003	2005	2009	2013
Dân số (triệu người)	76,6	80,5	83,1	85,8	89,7
Sản lượng (triệu tấn)	33,2	37,7	39,6	43,3	49,3

Giải thích nào sau đây đúng nhất:

Bình quân lương thực theo đầu người tăng là do:

- A. dân số tăng và sản lượng lương thực tăng B. dân số giảm và sản lượng lương thực tăng D.
C. dân số tăng và sản lượng lương thực giảm sản lượng lương thực tăng nhanh hơn dân số

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy cho biết hai vịnh có diện tích lớn nhất của nước ta là:

- A. Vịnh Bắc Bộ và vịnh Vân Phong B. Vịnh Bắc Bộ và vịnh Nha Trang C. Vịnh Thái Lan và vịnh Bắc Bộ D. Vịnh Thái Lan và vịnh Vân Phong

Câu 26: Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là

- A. nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. B. đồi núi thấp chiếm ưu thế.
C. có nhiều khối núi cao đồ sộ. D. có nhiều sơn nguyên, cao nguyên.

Câu 27: Xếp theo thứ tự từ xích đạo về cực của Trái Đất, lần lượt có các khối khí là:

- A. xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.
B. ôn đới, cực, chí tuyến, xích đạo.
C. cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo.
D. cực, ôn đới, xích đạo, chí tuyến.

Câu 28: Quốc gia có đường biên giới trên đất liền dài nhất với Việt Nam là:

- A. Trung Quốc B. Campuchia C. Lào D. Thái Lan

Câu 29: Cho bảng số liệu sau:

Tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế nước ta (Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
2005	914001	176402	348519	389080
2010	2157828	407647	824904	925277

Sau khi xử lí số liệu ta có bảng:

(Đơn vị: %)

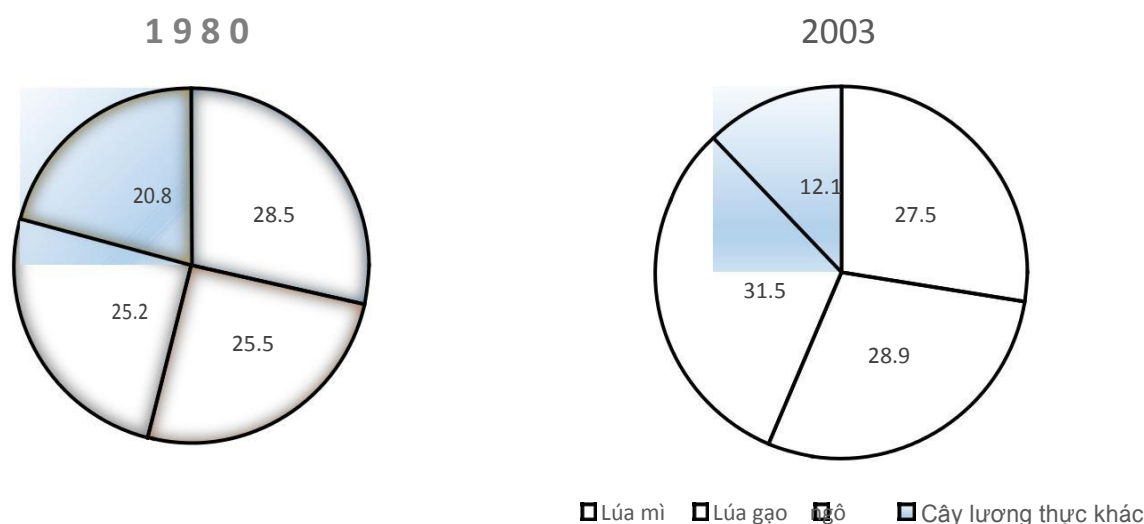
Năm	Tổng số	Nông - lâm - ngư nghiệp	Công nghiệp - xây dựng	Dịch vụ
2005	100	19,3	38,1	42,6
2010	100	18,9	38,2	42,9

Bảng số liệu trên có tên là:

- A. Giá trị tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế nước ta.
B. Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế nước ta.
C. Sản lượng tổng sản phẩm trong nước phân theo các khu vực kinh tế nước ta.
D. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế nước ta.

Câu 30: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ THỂ HIỆN CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC THẾ GIỚI THỜI KÌ 1980 - 2003



Nhận xét **không đúng** về cơ cấu sản lượng lương thực của Thế giới, thời kì 1980 - 2003 là

- A. tỉ trọng sản lượng lúa mì có xu hướng giảm. B. tỉ trọng sản lượng lúa gạo có xu hướng tăng.
C. tỉ trọng sản lượng ngô có xu hướng tăng. D. tỉ trọng sản lượng ngô luôn lớn nhất.

Câu 31: Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là:

- A. Độ dốc và chiều rộng của lòng sông. B. Độ dốc và vị trí của sông.
C. Chiều rộng của sông và hướng chảy. D. Hướng chảy và vị trí của sông.

Câu 32: Thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là

- A. sông Đà. B. sông Mã. C. sông Chu. D. sông Gâm.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, em hãy cho biết đồng bằng nào có tỉ lệ diện tích đất phù sa sông lớn nhất

- A. Đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Hồng D. Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.

Câu 34: Sự phân hóa các vành đai đất và thực vật theo độ cao địa hình là biểu hiện rõ nhất của tính quy luật:

- A. đai cao. B. địa đới. C. phi địa đới. D. địa ô. **Câu 35:** Đồng bằng ven biển miền

Trung bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là do

- A. lãnh thổ hẹp ngang. B. nhiều núi.
C. nhiều sông. D. nhiều núi ăn sát ra biển.

Câu 36: Các nước có phần biển chung với Việt Nam là:

- A. Trung Quốc, Philippin, Mianma, Campuchia, Malaysia, Brunây, Indônêsi-a, Thái Lan
B. Trung Quốc, Philippin, Campuchia, Malaysia, Indônêsi-a, Thái Lan
C. Trung Quốc, Philippin, Lào, Campuchia, Malaysia, Brunây, Indônêsi-a, Thái Lan
D. Trung Quốc, Philippin, Xingapo, Campuchia, Malaysia, Brunây, Indônêsi-a, Thái Lan

Câu 37: Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải

- A. đường ô tô và đường biển. B. đường hàng không và đường biển.
C. đường biển và đường sắt. D. đường ô tô và đường sắt.

Câu 38: Đặc điểm các đồng bằng ở Trung Quốc **không phải** là:

- A. châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ B. có nguồn gốc hình thành từ biển.
C. gắn liền với một con sông lớn. D. có địa hình thấp trũng, đầm lầy.

Câu 39: Đặc điểm cơ bản nhất của Biển Đông là

- A. nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. B. độ mặn của nước biển cao.
C. dòng hải lưu chạy thành vòng tròn. D. là vùng biển tương đối kín.

Câu 40: Tính đến tháng 1/2007, số thành viên của tổ chức thương mại thế giới là:

- A. 149. B. 150. C. 151. D. 152.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến năm 2017.

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-C	2-A	3-A	4-C	5-D	6-D	7-B	8-C	9-A	10-C
11-B	12-D	13-B	14-B	15-B	16-C	17-D	18-A	19-D	20-B
21-C	22-A	23-C	24-D	25-C	26-A	27-A	28-C	29-B	30-D
31-A	32-D	33-C	34-A	35-D	36-D	37-B	38-B	39-A	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: C

- Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm.

Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm. Trong điều kiện nhiệt đới ẩm cao, quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazo dễ tan (Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^{+}) làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ oxit sắt (Fe_2O_3) và oxit nhôm (Al_2O_3) tạo ra màu đỏ vàng.

=> Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

Câu 2: A

Gió mùa là loại gió: thổi theo mùa, ngược hướng nhau, khác nhau về tính chất vật lí.

Câu 3: A

Câu 4: C

Cấu trúc địa hình khá đa dạng.

- Địa hình nước ta được trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt.

- Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

=> Nguyên nhân làm cho địa hình nước ta có tính phân bậc rõ rệt là địa hình được vận động tân kiến tạo làm trẻ lại.

Câu 5: D

Nguyên nhân quan trọng khiến miền núi có nhiều thiên tai là do mưa nhiều, độ dốc lớn.

Câu 6: D

Câu 7: B

Câu 8: C

Ở nước ta, dạng địa hình bán bình nguyên thể hiện rõ nhất là ở khu vực Đông Nam Bộ.

Câu 9: A

Câu 14: B

Loại khoáng sản mang lại giá trị kinh tế cao mà chúng ta đang khai thác trên Biển Đông là Dầu khí

Câu 15: B

SGK trang 84

Đi từ Bắc vào Nam, phần đất liền nước ta kéo dài khoảng: 15 vĩ độ, nằm trong đới khí hậu nhiệt đới.

Câu 16: C

Nguyên nhân chính tạo nên sự khác nhau về chế độ mùa của khí hậu giữa các khu vực nước ta là: Hoạt động của gió mùa phức tạp

Câu 17: D

Phía Tây: Khí hậu ôn hòa hơn.

+ Phía bắc khí hậu cận cực.

+ Phía nam khí hậu ôn đới.

- Phía Đông

Khí hậu ôn đới lục địa khắc nghiệt (mùa đông giá lạnh).

=> Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga có khí hậu: ôn đới.

Câu 18: A

Khu vực Móng Cái (Quảng Ninh) có lượng mưa nhiều do nằm ở sườn đón gió: Đông Nam

Câu 19: D

Câu 20: B

Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam vì càng về phía Nam góc nhập xạ càng lớn nên lượng nhiệt nhận được càng lớn, nhiệt độ tăng dần.

=>Đặc điểm nhiệt độ trung bình năm trên lãnh thổ nước ta là: Tăng dần từ Bắc vào Nam

Câu 21: C

Câu 22: A

Về mùa lũ nước ngập trên diện rộng, về mùa cạn nước triều lấn mạnh là đặc điểm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 23: C

Thực vật chiếm chủ yếu ở nước ta là: Thực vật nhiệt đới.

Câu 24: D

Câu 25: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, em hãy cho biết hai vịnh có diện tích lớn nhất của nước ta là:

Vịnh Thái Lan và vịnh Bắc Bộ

Câu 26: A

Điểm giống nhau chủ yếu của địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc là nghiêng theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Cả hai vùng núi đều cao ở phía Tây Bắc và thấp dần về phía Đông Nam (Atlas trang 13)

Câu 27: A

Xếp theo thứ tự từ xích đạo về cực của Trái Đất, lần lượt có các khối khí là: xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.

Câu 28: C

Quốc gia có đường biên giới trên đất liền dài nhất với Việt Nam là: Lào

Câu 29: B

Câu 30: D

Câu 31: A

Hai nhân tố chính ảnh hưởng tới tốc độ dòng chảy của sông là: Độ dốc và chiều rộng của lòng sông.

Câu 32: D

Thung lũng sông có hướng vòng cung theo hướng núi là sông Gâm.

Câu 33: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, em hãy cho biết đồng bằng nào có tỉ lệ diện tích đất phù sa sông lớn nhất Đồng bằng sông Hồng

Câu 34: A

Sự phân hóa các vành đai đất và thực vật theo độ cao địa hình là biểu hiện rõ nhất của tính quy luật: đai cao.

Câu 35: D

Đồng bằng ven biển miền Trung bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là do nhiều núi ăn sát ra biển.

Câu 36: D

Các nước có phần biển chung với Việt Nam là: Trung Quốc, Philippin, Xingapo, Campuchia, Malaysia, Brunây, Indônêsi-a, Thái Lan

Câu 37: B

Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải đường hàng không và đường biển.

Câu 38: B

Câu 39: A

Đặc điểm cơ bản nhất của Biển Đông là nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 40: B

Tính đến tháng 1/2007, số thành viên của tổ chức thương mại thế giới là: 150

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Câu 41: Nước công nghiệp mới là nước đang phát triển đã trải qua quá trình

- A. công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.
- B. đô thị hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp, đô thị nhất định.
- C. chuyên môn hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.
- D. liên hợp hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định.

Câu 42: Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

- A. Tổng lượng mưa lớn.
- B. Nhiệt độ trung bình năm cao.
- C. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.
- D. Có mùa mưa và khô rõ rệt.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ Dầu Tiếng ở nước ta nằm trên sông nào sau đây?

- A. Sông Vàm Cỏ Đông.
- B. Sông Bé.
- C. Sông Sài Gòn.
- D. Sông La Ngà.

Câu 44: Cho bảng số liệu:

Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình của thế giới và các nhóm nước từ 1960 đến 2005

(Đơn vị: %)

Giai đoạn	1960 – 1965	1975 – 1980	1985 – 1990	1995 – 2000	2001 - 2005
Nhóm nước					
Phát triển	1,2	0,8	0,6	0,2	0,1
Đang phát triển	2,3	1,9	1,9	1,7	1,5
Thế giới	1,9	1,6	1,6	1,4	1,2

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình của thế giới và các nhóm nước từ 1960 đến 2005?

- A. Nhóm nước đang phát triển cao hơn nhóm nước phát triển.
- B. Nhóm nước phát triển giảm nhanh.
- C. Nhóm nước đang phát triển tăng lên.
- D. Nhóm nước đang phát triển giảm chậm.

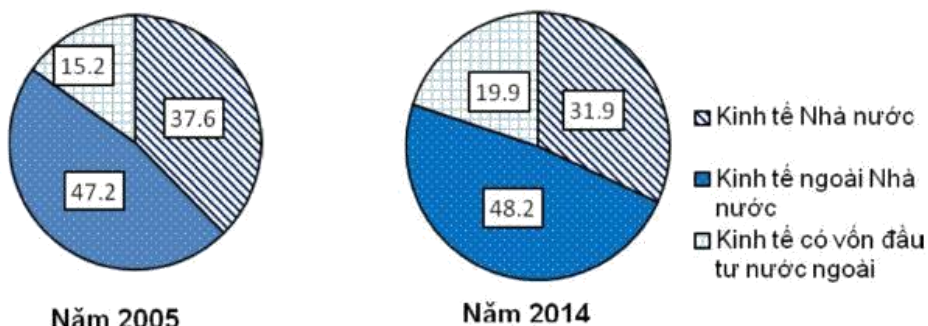
Câu 45: Ở nước ta, đặc điểm nào sau đây không phải là thế mạnh của khu vực đồng bằng?

- A. Phát triển giao thông đường sông.
- B. Trồng cây hàng năm, đặc biệt là lúa gạo.
- C. Cung cấp nguồn lợi thủy sản, lâm sản.
- D. Trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 46: Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất đai của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là do

- A. thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô.
- B. bão, lũ, trượt lở đất.
- C. thời tiết không ổn định.
- D. hạn hán, bão, lũ.

Câu 47: Cho biểu đồ về GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta: (Đơn vị: %)



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2014.
- B. Giá trị GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2014.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2014.
- D. So sánh GDP giữa các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2014.

Câu 48: Ở nước ta, phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa, được gọi là

- A. lãnh hải.
- B. thềm lục địa.
- C. vùng đặc quyền kinh tế.
- D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 49: Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân cư Hoa Kỳ? 0

- A. Người nhập cư đa số từ châu Âu.
- B. Dân cư phân bố đồng đều.
- C. Dân số tăng nhanh do nhập cư.
- D. Tổng số dân lớn thứ ba thế giới.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây ở nước ta tiếp giáp Campuchia ở vị trí thứ 5 theo chiều Bắc - Nam?

- A. Bình Phước.
- B. Quảng Bình.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Tây Ninh

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây ở nước ta có mùa mưa vào thu đông?

- A. Cần Thơ.
- B. Hà Nội.
- C. Đà Lạt.
- D. Đồng Hới.

Câu 52: Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa.
- B. tổng bức xạ Mặt Trời lớn.
- C. độ ẩm không khí cao.
- D. tổng lượng mưa lớn.

Câu 53: Hiện nay các lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài hàng đầu thế giới là

- A. nông nghiệp, công nghiệp, giáo dục.
- B. văn hóa, giáo dục, công nghiệp.
- C. tài chính, ngân hàng, bảo hiểm.
- D. du lịch, công nghiệp, giáo dục.

Câu 54: Vùng núi nào sau đây có độ cao trung bình lớn nhất nước ta?

- A. Tây Bắc.
- B. Trường Sơn Bắc.
- C. Trường Sơn Nam.
- D. Đông Bắc.

Câu 55: Do vị trí kề sát vành đai lửa Thái Bình Dương nên Đông Nam Á thường xảy ra

- A. hạn hán.
- B. động đất.
- C. lũ lụt.
- D. bão.

Câu 56: Nguyên nhân nào sau đây tạo nên những ngày nắng ấm trong mùa đông ở miền Bắc nước ta?

- A. Gió phơn Tây Nam.
- B. Gió mùa mùa đông lạnh ẩm.
- C. Gió mùa mùa đông lạnh khô.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết vùng nào sau đây tập trung nhiều bôxít nhất nước ta?

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Trung du miền núi Bắc Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây không đúng với ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta?

A. Ngư dân đánh bắt được nhiều hải sản.

B. Thiên nhiên nước ta có nhiều thiên tai.

C. Các dạng địa hình ven biển rất đa dạng.

D. Hệ sinh thái ven biển rất đa dạng và giàu có.

Câu 59: Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là

A. vùng biển tương đối kín.

B. tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. có diện tích lớn.

D. có dòng biển theo mùa.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây ở nước ta không tiếp giáp Lào?

A. Hà Tĩnh.

B. Lai Châu.

C. Quảng Nam.

D. Kon Tum.

Câu 61: Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc

là A. địa hình hướng tây bắc - đông nam.

B. có sự bất đối xứng giữa hai sườn Đông - Tây.

C. có nhiều cao nguyên, sơn nguyên.

D. đồi núi thấp chiếm ưu thế.

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết các vườn quốc gia nào sau đây được sắp xếp theo chiều từ Bắc xuống Nam ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

A. Cát Tiên, Yok Đôn, Kon Ka Kinh, Bạch Mã.

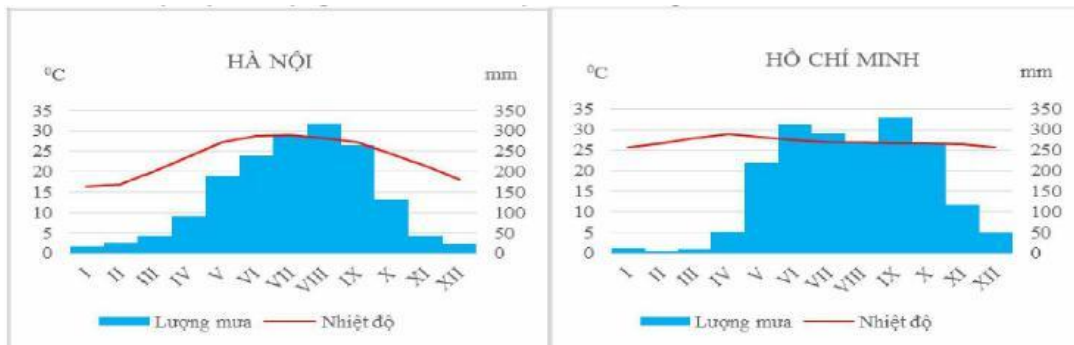
B. Bạch Mã, Kon Ka Kinh, Yok Đôn, Cát Tiên.

C. Cát Tiên, Bù Gia Mập, Yok Đôn, Kon Ka Kinh.

D. Kon Ka Kinh, Yok Đôn, Bù Gia Mập, Cát Tiên

Câu 63: Cho biểu đồ:

Nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh



Nhận xét nào sau đây không đúng với biểu đồ trên?

A. Nhiệt độ trung bình năm ở Thành phố Hồ Chí Minh cao hơn Hà Nội.

B. Chế độ mưa của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều có sự phân mùa.

C. Sự phân mùa trong chế độ mưa của Hà Nội sâu sắc hơn Thành phố Hồ Chí Minh.

D. Hà Nội có biên độ nhiệt năm lớn, Thành phố Hồ Chí Minh có biên độ nhiệt năm nhỏ.

Câu 64: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 và 14, cho biết núi nào sau đây cao nhất ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Núi Phanxipăng.

B. Núi Tây Côn Lĩnh.

C. Núi Ngọc Linh.

D. Núi Pu Tha Ca.

Câu 65: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất thể hiện diễn biến nhiệt độ trung bình của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh?

A. Cột ghép.

B. Miền.

C. Kết hợp.

D. Đường.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 và 14, cho biết nguyên nhân nào sau đây làm cho thiên nhiên vùng núi Tây Bắc nước ta có đủ 3 đai cao?

- A. Hướng núi là tây bắc - đông nam.
- B. Địa hình cao nhất nước ta.
- C. Nghiêng theo hướng tây bắc - đông nam.
- D. Có nhiều sơn nguyên và cao nguyên.

Câu 67: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất feralit trên đá vôi tập trung nhiều nhất vùng nào sau đây của nước ta?

- A. Bắc Trung Bộ. B. Đông Nam Bộ. C. Tây Nguyên. D. Trung du miền núi Bắc Bộ.
- Câu 68:** Gió mùa mùa đông từ lục địa Á - Âu thổi đến Nhật Bản trở nên ẩm ướt do đi qua A. dòng biển Biasivô. B. biển Nhật Bản. C. biển Hoa Đông. D. biển Ô-khốt.
- Câu 69:** Trở ngại lớn nhất cho sự phát triển của EU là sự khác biệt giữa các nước thành viên về A. ngôn ngữ, tôn giáo. B. chính trị, xã hội. C. trình độ phát triển. D. dân tộc, văn hoá.

Câu 70: Dân số thành thị ở Mĩ La tinh gia tăng nhanh gắn với

- A. cơ cấu xã hội phong kiến được duy trì trong thời gian dài.
- B. quá trình công nghiệp hóa phát triển mạnh mẽ ở các nước.
- C. hiện tượng dân nghèo không có ruộng, kéo ra thành phố tìm việc làm.
- D. các thế lực của tôn giáo cản trở sự phát triển xã hội.

Câu 71: Hậu quả nào sau đây không do quan hệ căng thẳng giữa I-xra-en và Pa-le-xtin gây ra?

- A. Sinh mạng của người dân bị thiệt hại.
- B. Đời sống của người dân bị xáo trộn.
- C. Sử dụng tài nguyên không hợp lí.
- D. Môi trường bị tàn phá nghiêm trọng.

Câu 72: Vùng thềm lục địa ở miền Trung nước ta hẹp và sâu do

- A. vùng ven biển miền Trung ít bị xâm thực.
- B. vùng ven biển miền Trung có lượng mưa lớn.
- C. vùng đồng bằng và đồi núi kề bên hẹp ngang.
- D. có nhiều sông lớn đổ ra biển

Câu 73: Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất, nhập khẩu của Liên bang Nga giai đoạn 1997 - 2005

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1997	2000	2003	2004	2005
Xuất khẩu	88,0	105,6	135,9	183,5	245,0
Nhập khẩu	70,0	49,0	83,7	105,9	125,0

Nhận xét nào sau đây không đúng về giá trị xuất, nhập khẩu của Liên bang Nga giai đoạn 1997 - 2005? A. Giá trị xuất khẩu tăng mạnh hơn nhập khẩu.

- B. Giá trị nhập khẩu luôn nhỏ hơn xuất khẩu.
- C. Giá trị xuất khẩu tăng gấp gần 2,8 lần.
- D. Giá trị nhập khẩu luôn tăng qua các năm.

Câu 74: Ý nào sau đây **không đúng** với tác động của Tín phong bán cầu Bắc trong mùa đông ở nước ta?

- A. Gây mưa phùn cho vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Tạo nên những ngày thời tiết nắng ấm ở miền Bắc nước ta.
- C. Gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ.
- D. Tạo nên mùa khô sâu sắc cho Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 75: Phát biểu nào sau đây đúng về sự tương phản của thiên nhiên giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc?

- A. Miền Tây sông ngòi rộng và thoải; miền Đông sông ngòi dốc, nhiều thác ghềnh.
- B. Miền Tây chủ yếu là đồng bằng châu thổ; miền Đông chủ yếu là núi và cao nguyên.
- C. Miền Tây là nơi bắt nguồn của các con sông, miền Đông là hạ lưu của các sông lớn.
- D. Miền Tây có khí hậu lục địa mưa nhiều, miền Đông khí hậu hải dương khắc nghiệt.

Câu 76: Nguyên nhân cơ bản nào sau đây làm cho thảm thực vật ở nước ta bốn mùa xanh tốt, rất giàu sức sống?

- A. Nước ta nằm trên vành đai sinh khoáng lớn.
- B. Nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. Nước ta vừa tiếp giáp biển, vừa tiếp giáp đất liền.
- D. Nước ta tiếp giáp vùng biển lớn với đường bờ biển dài.

ĐÁP ÁN

41-A	42-C	43-C	44-C	45-D	46-A	47-A	48-B	49-B	50-A
51-D	52-B	53-C	54-A	55-B	56-D	57-D	58-A	59-B	60-B
61-D	62-D	63-C	64-B	65-D	66-B	67-D	68-B	69-C	70-C
71-C	72-C	73-D	74-A	75-C	76-B	77-A	78-D	79-A	80-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41: A

Nước công nghiệp mới là nước đang phát triển đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ phát triển công nghiệp nhất định (NICs), ví dụ: Hàn Quốc, Singapo, Braxin. (sgk Địa lí 11 trang 7)

Câu 42: C

Đặc điểm không đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta là biên độ nhiệt trung bình năm lớn vì phần lãnh thổ phía Nam có khí hậu mang tính cận xích đạo, nóng quanh năm nên biên độ nhiệt trung bình năm phần lãnh thổ, nhỏ

Câu 43: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hồ Dầu Tiếng ở nước ta nằm trên sông Sài Gòn

Câu 44: C

Dựa vào bảng số liệu đã cho, nhận xét thấy giai đoạn 1960 – 2005, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước phát triển giảm nhanh từ 1,2% xuống còn 0,1%; tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước đang phát triển giảm chậm từ 2,3% xuống còn 1,5%

=> Nhận xét “Nhóm nước đang phát triển tăng lên” là không đúng

Câu 45: D

Ở nước ta, “trồng cây công nghiệp lâu năm” không phải là thế mạnh của khu vực đồng bằng mà là thế mạnh của khu vực đồi núi

Câu 46: A

Khó khăn lớn nhất trong việc sử dụng đất đai của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là do thiếu nước nghiêm trọng về mùa khô. Do mùa khô sâu sắc, tình trạng xâm nhập mặn gây trở ngại cho sử dụng đất, thiếu nước ngọt dẫn đến thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất, thiếu nước để thau chua rửa mặn đất đai

Câu 47: A

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ tròn thường thể hiện cơ cấu hoặc sự chuyển dịch cơ cấu trong 2-3 năm => biểu đồ đã cho thể hiện “Cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2014”

Câu 48: B

- nước ta, phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa, được gọi là thềm lục địa (sgk Địa lí 12 trang 15)

Câu 49: B

Dân cư Hoa Kì phân bố không đồng đều. Do lịch sử nhập cư, dân nhập cư phân bố ở những nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi còn người Anh diêng bị dồn vào sinh sống ở vùng đồi núi hiểm trở phía tây => Đặc điểm không đúng với dân cư Hoa Kì là “Dân cư phân bố đồng đều

Câu 50: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, các tỉnh tiếp giáp Campuchia theo chiều Bắc – Nam lần lượt là Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang

=> tỉnh tiếp giáp Campuchia ở vị trí thứ 5 theo chiều Bắc – Nam là Bình Phước

Câu 51: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, Đồng Hới thuộc Duyên hải miền Trung nước ta có mưa vào Thu động

Câu 52: B

Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là tổng bức xạ Mặt Trời lớn, nhiệt độ trung bình năm cao

Câu 53: C

Hiện nay các lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài hàng đầu thế giới là tài chính, ngân hàng, bảo hiểm (sgk Địa lí 11 trang 10)

Câu 54: A

Vùng núi có độ cao trung bình lớn nhất nước ta là Tây Bắc với nhiều đỉnh cao trên 3000m

Câu 55: B

Do vị trí kề sát vành đai lửa Thái Bình Dương nên Đông Nam Á thường xảy ra động đất, nhất là khu vực Đông Nam Á hải đảo

Chú ý: “vành đai lửa” sẽ liên quan đến các thiên tai như động đất, sóng thần

Câu 56: D

Nguyên nhân tạo nên những ngày nắng ẩm trong mùa đông ở miền Bắc nước ta là do hoạt động của Gió Tín Phong Bắc Bán cầu mạnh lên vào mỗi đợt gió mùa Đông Bắc suy yếu, gió Tín Phong Bắc Bán cầu có bản chất nóng khô nên sẽ mang lại những ngày nắng ẩm trong mùa đông (Chú ý: Gió Tín Phong Bắc Bán cầu gây mưa cho miền Trung do gió thổi qua biển, được tăng cường ẩm và gặp bức chắn địa hình là dãy Trường Sơn nên mới biến tính thành gió ẩm)

Câu 57: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, Tây Nguyên là vùng có trữ lượng bô xít lớn nhất nước ta

Câu 58: A

Ngư dân đánh bắt được nhiều hải sản không phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta, đây là nguồn lợi kinh tế mà biển Đông mang lại

Câu 59: B

Đặc điểm của Biển Đông có ảnh hưởng nhiều nhất đến thiên nhiên nước ta là biển Đông có tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, vì vậy biển Đông cung cấp lượng ẩm lớn cho các khối khí qua biển vào nước ta, mang lại lượng mưa trung bình năm lớn, độ ẩm cao, thiên nhiên bốn mùa xanh tốt khác hẳn các nước cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi

Câu 60: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, Lai Châu không giáp Lào mà giáp Trung Quốc

Câu 61: D

Điểm giống nhau của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc là đồi núi thấp chiếm ưu thế, chủ yếu <1000m

Câu 62: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, các vườn quốc gia nào sau đây được sắp xếp theo chiều từ Bắc xuống Nam ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là Kon Ka Kinh, Yok Đôn, Bù Gia Mập, Cát Tiên Chú ý để nhầm lẫn với đáp án B do các vườn quốc gia cũng được sắp xếp theo chiều từ Bắc xuống Nam nhưng vườn quốc gia Bạch Mã thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ nên không phải đáp án đúng

Câu 63: C

Dựa vào biểu đồ, dễ nhận thấy Chế độ mưa của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đều có sự phân mùa nhưng sự phân mùa trong chế độ mưa của Thành phố Hồ Chí Minh sâu sắc hơn Hà Nội, TP Hồ Chí Minh có các tháng lượng mưa xuống dưới 10mm trong khi Hà Nội mùa đông vẫn có mưa phùn nên mùa khô không sâu sắc như TP Hồ Chí Minh

=> Nhận xét “Sự phân mùa trong chế độ mưa của Hà Nội sâu sắc hơn Thành phố Hồ Chí Minh” là không đúng vì phát biểu ngược

Câu 64: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13 và 14, núi cao nhất ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là núi Tây Côn Lĩnh (đỉnh cao 2419m)

Chú ý: Phanxipăng thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

Câu 65: D**Câu 70: C**

Dân số thành thị ở Mĩ La tinh gia tăng nhanh gắn với hiện tượng dân nghèo không có ruộng, kéo ra thành phố tìm việc làm dẫn đến đô thị hóa tự phát (do cải cách ruộng đất không triệt để)

Câu 71: C

Quan hệ căng thẳng giữa I-xra-en và Pa-le-xtin gây ra nhiều hậu quả tới đời sống người dân và tình hình kinh tế - xã hội khu vực như thiệt hại sinh mạng nhiều người dân vô tội, đời sống người dân trong khu vực bị xáo trộn, tình trạng ô nhiễm môi trường xảy ra nghiêm trọng do chiến tranh, xung đột

=> Sử dụng tài nguyên không hợp lí không phải hậu quả trực tiếp của quan hệ căng thẳng giữa I-xra-en và Pa-le-xtin gây ra

Câu 72: C

Vùng thềm lục địa ở miền Trung nước ta hẹp và sâu do nối tiếp khu vực địa hình đồi núi và đồng bằng hẹp ngang ở Nam Trung Bộ, các khối núi ở Nam Trung Bộ có sườn Đông dốc, đổ mau xuống dải đồng bằng hẹp ngang phía đông và nối tiếp là thềm lục địa phía cũng dốc, sâu, đổ mau xuống độ sâu 1000m

Câu 73: D

Dựa vào bảng số liệu đã cho, nhận xét thấy giá trị xuất khẩu của Liên bang Nga giai đoạn 1997 – 2005 tăng liên tục, còn giá trị nhập khẩu có xu hướng tăng nhưng không liên tục, giai đoạn 1997-2000, giá trị nhập khẩu giảm từ 70 tỉ USD xuống còn 49 tỉ USD sau đó mới tăng trở lại

=> Nhận xét “Giá trị nhập khẩu luôn tăng qua các năm” là không đúng

Câu 74: A

Trong mùa đông ở nước ta, gió Tín phong bán cầu Bắc tạo nên những ngày thời tiết nắng ấm ở miền Bắc nước ta (hoạt động của Gió Tín Phong Bắc Bán cầu mạnh lên vào mỗi đợt gió mùa Đông Bắc suy yếu, gió Tín Phong Bắc Bán cầu có bản chất nóng khô nên sẽ mang lại những ngày nắng ấm trong mùa đông). Còn gây mưa phùn cho vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc cuối mùa đông, khối khí lạnh di chuyển ra phía biển, thổi qua biển trước khi vào nước ta nên được tăng cường ẩm, gây mưa phùn

=> “Gây mưa phùn cho vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ” không phải tác động của Tín phong bán cầu Bắc trong mùa đông ở nước ta

Câu 75: C

Sự tương phản của thiên nhiên giữa miền Đông và miền Tây Trung Quốc được thể hiện rõ rệt ở chỗ: Miền Tây là nơi bắt nguồn của các con sông, nơi có địa hình núi và cao nguyên đồ sộ, miền Đông là hạ lưu của các sông lớn, nơi có các đồng bằng hạ lưu sông màu mỡ

Câu 76: B

Nguyên nhân cơ bản làm cho thảm thực vật ở nước ta bốn mùa xanh tốt, rất giàu sức sống là nhà nước ta nằm trong khu vực nhiệt đới ẩm gió mùa, đặc biệt nhờ nằm cạnh biển Đông - nguồn dự trữ nhiệt ẩm dồi dào mà các khối khí qua biển được tăng cường ẩm, mang lại lượng mưa trung bình năm lớn, thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, khác hẳn thiên nhiên một số nước cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi

Câu 77: A

Đồi núi chiếm 3% diện tích lãnh thổ là đặc điểm cấu trúc địa hình, do vị trí địa lí và lịch sử hình thành lãnh thổ tạo nên chứ không phải do quá trình xâm thực tạo nên

Câu 78: D

Cơ cấu kinh tế ở các nước Đông Nam Á chuyển dịch theo hướng từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, chủ yếu do tác động của quá trình công nghiệp hóa Chú ý: chuyển dịch theo hướng từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ là đặc điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của quá trình công nghiệp hóa

Câu 79: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, trong 4 vùng khí hậu đã cho, vùng khí hậu Bắc Trung Bộ có biên độ nhiệt trung bình năm cao nhất do mùa hè chịu tác động mạnh nhất của gió Tây khô nóng, nhiệt độ cao, mùa đông chịu tác động của gió mùa Đông Bắc tạo nên những tháng <20°C. Còn các vùng khí hậu Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ thuộc miền khí hậu phía Nam, nóng quanh năm nên biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ

Câu 80: A

Đặc điểm khí hậu của vùng Nam Trung Bộ khác với vùng Bắc Trung Bộ là vùng Nam Trung Bộ không có mùa đông lạnh do không chịu tác động của gió mùa Đông Bắc

SỞ GD&ĐT HAI PHÒNG

ĐỀ THI THỬ THPTQG - LẦN 1

THPT CHUYÊN TRẦN PHÚ

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Câu 41: Vì sao nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước cùng vĩ độ?

- A. Nằm ở nơi giao thoa của hai vành đai sinh khoáng.
- B. Có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
- D. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

Câu 42: Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường biểu hiện ở sự

- A. gia tăng các thiên tai.
- B. suy giảm tài nguyên rừng.
- C. gia tăng ô nhiễm môi trường.
- D. suy giảm đa dạng sinh học.

Câu 43: Địa hình nước ta có tính phân bậc rõ rệt theo chiều cao chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Tác động của con người.
- B. Tác động của khí hậu.
- C. Tác động của sông ngòi.
- D. Vận động Tản kiến tạo.

Câu 44: Cho bảng số liệu

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA

NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ NĂM 2014

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	2005	2014
Nông – lâm – ngư nghiệp	175084	697000
Công nghiệp – xây dựng	343807	1307900
Dịch vụ	319003	1537100

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2015, NXB Thống kê năm 2016) Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế ở nước ta năm 2005 và năm 2014?

- A. Công nghiệp luôn chiếm tỉ trọng cao nhất.
- B. Tỉ trọng công nghiệp tăng.
- C. Tỉ trọng nông nghiệp cao hơn dịch vụ.
- D. Tỉ trọng dịch vụ tăng.

Câu 45: Đặc điểm cơ bản địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. núi cao hướng tây bắc - đông nam.
- B. gồm các khối núi cổ, cao nguyên.

C. dãy núi xen kẽ thung lũng sông. D. đồi núi thấp, hướng vòng cung.

Câu 46: Đặc điểm nào sau đây thể hiện của hai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta?

- A. Đất chủ yếu là mùn thô. B. Mùa hạ nóng.
C. Khí hậu mát mẻ. D. Khí hậu nhiệt đới.

Câu 47: Đô thị hóa ở nước ta ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài.
B. đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa.
C. thực hiện tốt chính sách dân số.
D. phân bố lại dân cư và nguồn lao động.

Câu 48: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về đô thị hóa ở nước ta?

- A. Tỷ lệ dân thành thị tăng. B. Quá trình đô thị hóa nhanh.
C. Trình độ đô thị hóa thấp. D. Phân bố đô thị không đồng đều.

Câu 49: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sông ngòi nước ta?

- A. Lượng mưa đều trong năm. B. Chế độ nước theo mùa.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. D. Sông ngòi giàu phù sa.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000MW?

- A. Bà Rịa. B. Ninh Bình. C. Phả Lại. D. Na Dương.

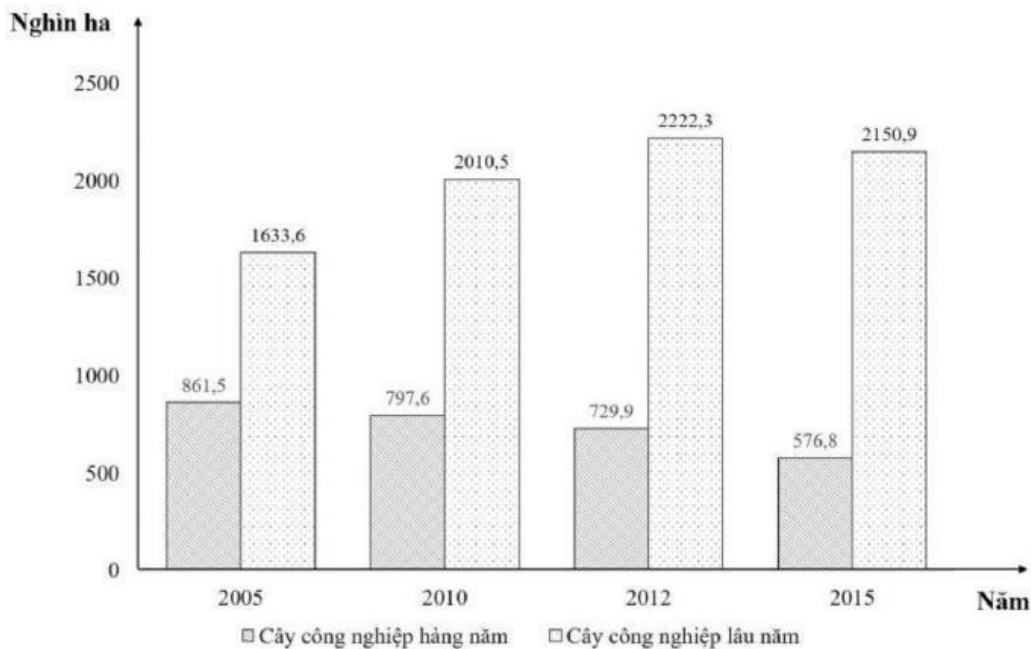
Câu 51: Khu vực đồi núi ở nước ta không có thể mạnh nào sau đây?

- A. Đất phù sa màu mỡ. B. Nguồn thủy năng dồi dào.
C. Khoáng sản phong phú. D. Tiềm năng du lịch.

Câu 52: Nguyên nhân chủ yếu làm cho tài nguyên khoáng sản nước ta phong phú là do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp. B. vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.
C. liền kề với hai vành đai sinh khoáng. D. tác động mạnh mẽ của biển Đông.

Câu 53: Cho biểu đồ sau :



DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2015

Căn cứ vào biểu đồ trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2005 – 2015 ?

- A. Diện tích cây công nghiệp lâu năm giảm liên tục.
B. Diện tích cây công nghiệp hàng năm luôn nhỏ hơn lâu năm.
C. Diện tích cây công nghiệp lâu năm không ổn định.
D. Diện tích cây công nghiệp hàng năm giảm liên tục.

Câu 54: Thiên nhiên phân hóa Đông - Tây ở vùng đồi núi chủ yếu là do

- A. tác động của gió mùa Tây Nam.
- B. tác động của gió mùa với địa hình.
- C. tác động chủ yếu từ Biển Đông.
- D. tác động của địa hình và Biển Đông.

Câu 55: Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa là do vị trí của nước ta nằm trong

- A. Vùng ngoại chí tuyến, gần trung tâm của gió mùa châu Á.
- B. Vùng xích đạo, giáp với Biển Đông.
- C. Vùng nội chí tuyến, gần trung tâm của gió mùa châu Á.
- D. Trung tâm của Đông Nam Á, giáp với Biển Đông.

Câu 56: Công nghiệp của Hoa Kỳ đang có xu hướng chuyển dịch đến các vùng nào sau đây?

- A. Phía Nam và ven Thái Bình Dương.
- C. Phía Bắc và ven Thái Bình Dương.
- B. Phía Nam và ven Đại Tây Dương.
- D. Phía Bắc và ven Đại Tây Dương.

Câu 60: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho nguồn tài nguyên sinh vật dưới nước ở nước ta bị suy giảm rõ rệt?

- A. Khai thác tài nguyên quá mức, ô nhiễm môi trường nước.
- B. Chặt phá rừng làm nương rẫy, xây dựng nhà ở.
- C. Biến đổi khí hậu toàn cầu, nhiều thiên tai xảy ra gần đây.
- D. Hậu quả của việc mở các hồ chứa nước vào mùa lũ.

Câu 61: Nhân tố nào sau đây thuận lợi cho sự phát triển rừng cây họ Dầu ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

- A. Gió mùa Tây Nam nóng ẩm.
- B. Khí hậu nhiệt đới gió mùa.
- C. Khí hậu cận xích đạo gió mùa.
- D. Khí hậu có mùa đông lạnh.

Câu 62: Vùng đất của nước ta bao gồm bộ phận đất liền và

- A. Miền núi.
- B. Thềm lục địa.
- C. Đồng bằng.
- D. Các hải đảo.

Câu 63: Cho bảng số liệu sau:

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN ĐÀN GIA SÚC VÀ GIA CẦM Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2009 – 2014

(Đơn vị : %)

Năm	2009	2011	2013	2014
Trâu	100,0	96,9	98,5	100,1
Bò	100,0	95,5	101,5	102,5
Lợn	100,0	97,9	101,9	103,7
Gia cầm	100,0	95,6	103,1	104,3

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2015, NXB Thống kê năm 2016)

- A. Bò tăng nhanh hơn lợn.
- B. Gia cầm tăng liên tục.
- C. Bò tăng nhanh nhất.
- D. Trâu không ổn định.

Câu 64: Địa hình nước ta thấp dần từ

- A. đông nam xuống tây bắc.
- B. tây bắc xuống đông nam.
- C. đông bắc xuống tây bắc.
- D. đông bắc xuống đông nam.

Câu 65: Phát biểu nào sau đây đúng về đô thị hóa ở nước ta?

- A. Tỷ lệ dân thành thị ngày càng giảm.
- B. Phân bố đô thị không đều giữa các vùng.
- C. Trình độ đô thị hóa tương đối cao.
- D. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết bão đổ bộ vào nước ta mạnh nhất tháng nào?

- A. 8.
- B. 7.
- C. 9.
- D. 6.

- Câu 67:** Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho nước ta phải phân bố lại dân cư?
A. Giảm khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo. **B.** Thực hiện quá trình công nghiệp hóa.
C. Tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động. **D.** Sử dụng lao động và khai thác tài nguyên.
- Câu 68:** Nguyên nhân chính gây nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên là do
A. gió mùa Tây Nam. **B.** gió mùa Đông Bắc.
C. gió Tín phong bán cầu Nam. **D.** gió Tín phong bán cầu Bắc.
- Câu 69:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi yếu tố nào sau đây?
A. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp. **B.** Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
C. Thiên nhiên chịu tác động của biển. **D.** Vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến.
- Câu 70:** Mục đích quan trọng nhất của EU là xây dựng và phát triển khu vực
A. hàng hóa, dịch vụ, con người, tiền vốn được tự do lưu thông.
B. là khu vực trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.
C. mở rộng lãnh thổ, trở thành một khu vực lớn nhất thế giới.
D. sử dụng chung một đồng tiền giữa các nước thành viên.
- Câu 71:** Dân số nước ta hiện nay còn
A. tăng nhanh, cơ cấu dân số già. **B.** tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ.
C. giảm nhanh, cơ cấu dân số già. **D.** giảm nhanh, cơ cấu dân số trẻ.
- Câu 72:** Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu nào sau đây?
A. Ôn đới gió mùa. **B.** Nhiệt đới gió mùa.
C. Cận xích đạo. **D.** Cận nhiệt đới.
- Câu 73:** Lũ quét thường xảy ra ở những khu vực nào nước ta?
A. Vùng hạ lưu các con sông lớn, địa hình thấp.
B. sông suối miền núi có địa hình bị chia cắt mạnh.
C. Chỉ có ở những con sông lớn ở nước ta.
D. Địa hình trũng, có ít các cửa sông đổ ra biển.
- Câu 74:** Đặc điểm cơ bản của gió mùa Đông Bắc ở nước ta là
A. Nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh ẩm. **B.** Nửa cuối mùa đông thời tiết lạnh khô.
C. Nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô. **D.** Nửa cuối mùa đông thời tiết nóng bức.
- Câu 75:** Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ Ở NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2015

(Đơn vị: triệu đô)

Năm	2010	2015
Xuất khẩu	7460	11250
Nhập khẩu	9921	16500
Tổng số	17381	27750

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2015, NXB Thống kê năm 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cho biết để thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ ở nước ta năm 2010 và năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A.** Đường. **B.** Miền. **C.** Cột. **D.** Tròn.

Câu 76: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có quy mô từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A.** Hạ Long. **B.** Hải Phòng. **C.** Hà Nội. **D.** Thanh Hóa.

Câu 77: Phát biểu nào sau đây không đúng về hậu quả của bão ở nước ta?

- A.** Thường có gió mạnh và mưa lớn. **B.** Gây ngập lụt trên diện rộng.
C. Chỉ ảnh hưởng đến các vùng ven biển. **D.** Tàn phá công trình nhà cửa, công sở.

Câu 78: Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi cơ cấu lao động có việc làm ở nước ta hiện nay phân theo khu vực kinh tế?

- A. Dịch vụ tăng, nông - lâm - ngư nghiệp giảm.
- B. Công nghiệp - xây dựng giảm, nông - lâm - ngư nghiệp tăng.
- C. Công nghiệp - xây dựng tăng, dịch vụ giảm.
- D. Nông - lâm - ngư nghiệp giảm, công nghiệp - xây dựng giảm.

Câu 79: Gió mùa Đông Bắc hầu như bị chặn ở dãy núi nào sau đây?

- A. Tam Điệp. B. Bạch Mã. C. Tam Đảo. D. Hoành Sơn.

Câu 80: Nhân tố nào sau đây góp phần làm tăng thêm tính bất bình vốn có trong nông nghiệp nước ta?

- A. Sông ngòi nhiều nước. B. Diện tích đất phù sa lớn.
- C. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. D. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

41-C	42-A	43-D	44-D	45-D	46-C	47-C	48-B	49-A	50-C
51-A	52-C	53-B	54-B	55-C	56-A	57-A	58-D	59-A	60-A
61-B	62-D	63-B	64-B	65-B	66-C	67-D	68-D	69-D	70-B
71-B	72-B	73-B	74-C	75-D	76-B	77-C	78-A	79-B	80-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41: C

Nước ta tiếp giáp biển Đông rộng lớn với nguồn nhiệt ẩm dồi dào, đem lại lượng mưa lớn, làm giảm bớt tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa Đông và giảm bớt tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông. Nhờ có biển Đông mà nước ta không có khí hậu nhiệt đới khô hạn như một số nước có cùng vĩ độ. (sgk Địa 12 trang 36)

Câu 42: A

Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường biểu hiện ở sự gia tăng các thiên tai bão lụt, hạn hán và sự biến đổi bất thường về thời tiết, khí hậu (sgk Địa 12 trang (2)

Câu 43: D

Địa hình nước ta có tính phân bậc rõ rệt theo chiều cao chủ yếu do vận động Tân kiến tạo làm nâng cao và trẻ hóa địa hình. Trong Tân kiến tạo, vùng núi Tây Bắc của nước ta được nâng lên rõ rệt, cao đồ sộ nhất cả nước, tiếp đến là các vùng núi thấp, núi trung bình, bề mặt sơn nguyên, vùng đồi trung du và đồng bằng ven biển.

Câu 44: D

Công thức tính: Tỷ trọng thành phần = (Giá trị thành phần / Tổng giá trị) x 100 (%)

Áp dụng công thức ta tính được:

Bảng: cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2005 và 2014 (đơn vị %)

Năm	2005	2014
Nông – lâm – ngư nghiệp	20,9	19,7
Công nghiệp – xây dựng	41,1	36,9
Dịch vụ	38,0	43,4

Qua kết quả tính toán, nhận thấy rằng:

- Năm 2005 tỷ trọng công nghiệp lớn nhất (41,1%) nhưng đến năm 2014 ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất (43,4%)=> nhận xét A: công nghiệp luôn chiếm tỷ trọng cao nhất là không đúng => loại A
- Tỷ trọng công nghiệp có xu hướng giảm từ 41,1% xuống 36,9% => nhận xét B: tỷ trọng công nghiệp có xu hướng tăng là không đúng => loại B
- Nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng thấp nhất (thấp hơn công nghiệp và dịch vụ) => nhận xét C: tỷ trọng nông nghiệp cao hơn dịch vụ là không đúng. => loại C.
- **Tỷ trọng dịch vụ tăng từ 38% (năm 2005) lên 43,4% (năm 2014) => nhận xét D đúng**

Câu 45: D

Địa hình miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm cơ bản là: khu vực đồi núi thấp, hướng vòng cung với 4 cánh cung lớn chụm lại ở Tam Đảo và mở rộng về phía Bắc (cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều).

Câu 46: C

Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi của nước ta phân bố ở độ cao từ 600 – 700m đến 2600m (miền Bắc) và 900 – 1000m đến 2600m (miền Nam). Đặc điểm khí hậu nổi bật là khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C (sgk Địa 12 trang 12).

Câu 47: C

Công nghiệp hóa – hiện đại hóa thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế (đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ) góp phần tạo nhiều việc làm, thu hút vốn đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật từ đó thu hút đông đúc dân cư tập trung trong các thành phố, đô thị lớn (nơi có hoạt động công nghiệp, dịch vụ diễn ra mạnh mẽ) => thúc đẩy quá trình phát triển của đô thị hóa.

Câu 48: B

Đô thị hóa ở nước ta có trình độ còn thấp, tỷ lệ dân thành thị tăng nhanh và phân bố đô thị không đều. => Nhận xét A, C, D đúng

=> Loại A, C, D Quá trình đô thị hóa ở nước ta diễn ra còn chậm => nhận xét quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh là không đúng.

Câu 49: A

Sự phân bố lượng mưa trong năm là biểu hiện của đặc điểm khí hậu, do vậy nhận xét lượng mưa đều trong năm không phải là đặc điểm của không khí.

Câu 50: C

Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 22, nhà máy nhiệt điện có công suất trên 1000MW là nhiệt điện Phả Lại (kí hiệu ngôi sao lớn màu đỏ)

Câu 51: A

Đất phù sa màu mỡ phân bố ở các đồng bằng châu thổ do sông ngòi bồi đắp. Đây không phải là thế mạnh về tài nguyên đất ở vùng miền núi nước ta. Đất ở miền đồi núi nước ta chủ yếu là đất feralit và đất badan.

Câu 52: C

Nước ta nằm liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương (nơi diễn ra các hoạt động nội lực đẩy vật chất trong lòng đất đi lên) nên có nhiều mỏ khoáng sản nội sinh (sắt, đồng, chì, kẽm...)

Câu 53: B

Nhận xét: Diện tích cây công nghiệp lâu năm (kí hiệu cột in màu) luôn chiếm diện tích lớn hơn cây công nghiệp hằng năm (kí hiệu cột trắng). Năm 2012: cây công nghiệp lâu năm là 2222,3 nghìn ha > 729,9 nghìn ha cây công nghiệp hằng năm.

=> Nhận xét B: Diện tích cây công nghiệp hằng năm luôn nhỏ hơn lâu năm là không đúng.

Câu 54: B

Thiên nhiên vùng đồi núi nước ta phân hóa theo chiều Đông - Tây chủ yếu do tác động của gió mùa kết hợp với địa hình:

- Gió mùa đông bắc lạnh khô tác động sâu sắc vào vùng núi Đông Bắc làm nền nhiệt hạ thấp (có 3 tháng nhiệt độ dưới 15 độ C), gió này bị chặn lại bởi dãy Hoàng Liên Sơn chạy hướng Tây Bắc – Đông Nam nên càng về phía tây tác động của gió càng yếu -> vùng núi Tây Bắc có mùa đông bớt lạnh hơn Đông Bắc. - Gió mùa Tây Nam kết hợp với dãy Trường Sơn Bắc cũng tạo nên sự khác biệt về khí hậu giữa sườn tây đón gió (mưa lớn) với sườn đông (chịu hiệu ứng phơn khô nóng).

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, hãy cho biết dân tộc có số lượng đông nhất ở nước ta là dân tộc Kinh (Việt) chiếm hơn 86% dân số cả nước.

Câu 60: A

Nguyên nhân chủ yếu làm suy giảm rõ rệt nguồn tài nguyên sinh vật ở nước ta là do con người khai thác tài nguyên quá mức (chặt phá rừng bừa bãi, nổ mìn đánh cá,...), môi trường nước bị ô nhiễm nghiêm trọng (ô nhiễm môi trường biển, sông hồ làm cá chết hàng loạt, nhiều loài thủy sinh cũng suy giảm số lượng.).

Câu 61: B

Rừng cây họ Dầu là loài thực vật miền nhiệt đới, ưa khí hậu nóng, ẩm, lượng mưa lớn => do vậy miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nguồn nhiệt ẩm dồi dào. (sgk Địa 12 trang 55).

Câu 62: D

Vùng đất của nước ta bao gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo, có tổng diện tích là 331 212 km²(sgk Địa lí 12 trang 13)

Câu 63: B

Bảng số liệu cho thấy đàn gia cầm tăng trưởng liên tục và tăng nhanh nhất từ 95,6% (năm 2009) lên 104,3% (năm 2014). => nhận xét B đúng

Câu 64: B

Địa hình nước ta thấp dần từ tây bắc xuống đông nam (sgk Địa 12 trang 29)

Câu 65: B

Quá trình đô thị hóa ở nước ta có đặc điểm là trình độ đô thị hóa thấp, quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, tỉ lệ dân thành thị ngày càng tăng và phân bố đô thị không đều giữa các vùng.

=> Nhận xét A, C, D không đúng nhận xét B) đô thị nước ta phân bố không đều giữa các vùng đúng.

Câu 66: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, bão đổ bộ vào nước ta mạnh nhất vào tháng 9.

Câu 67: D

Dân cư nước ta phân bố không đều và có sự đối lập với sự phân bố tài nguyên, vùng miền núi nhiều tài nguyên thiên nhiên lại có dân cư thưa thớt khiến việc khai thác tài nguyên kém hiệu quả, ngược lại đồng bằng dân cư đông đúc gây suy thoái tài nguyên.

=>Do vậy cần phân bố lại dân cư hợp lí giữa các vùng nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lao động và khai thác tài nguyên.

Câu 68: D

Từ Đà Nẵng trở vào, tín phong bắc bán cầu thổi theo hướng Đông Bắc chiếm ưu thế gây nên mùa mưa cho vùng ven biển Trung Bộ và là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 69: D

Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được qui định bởi vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến. Do vị trí nằm trong vùng nội chí tuyến nên hằng năm lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do có góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm đều có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 70: B

Mục đích quan trọng nhất của EU là xây dựng và phát triển khu vực này trở thành một trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

Câu 71: B

Dân số nước ta hiện nay có đặc điểm là tăng nhanh, cơ cấu dân số trẻ. (sgk Địa 12 trang 67).

Câu 72: B

Đông Nam Á lục địa chủ yếu có khí hậu nhiệt đới gió mùa (sgk Địa 11 trang 99).

Câu 73: B

Lũ quét thường xảy ra ở khu vực sông suối miền núi có địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn và nước chảy mạnh, xiết.

Câu 74: C

Gió mùa Đông Bắc thổi vào lãnh thổ nước ta có tính chất: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa cuối mùa đông thời tiết lạnh ẩm (do đi qua biển)

Câu 75: D

Biểu đồ tròn thường thể hiện quy mô và cơ cấu của đối tượng trong thời gian từ 1 – 3 năm.

=> Để thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ ở nước ta năm 2010 và 2015, lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất là biểu đồ tròn.

Câu 76: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm công nghiệp có quy mô từ 40 – 120 nghìn tỷ đồng là Hải Phòng.

Câu 77: C

Ở Trung bình có 3 – 4 cơn bão đổ bộ vào nước ta mỗi năm, bão kèm theo mưa to gió lớn, làm nước biển dâng cao gây ngập mặn vùng ven biển, nước dâng tràn để kết hợp nước lũ do mưa lớn trên nguồn dồn về gây ngập lụt trên diện rộng. Bão lớn, gió giật mạnh cũng làm phá hoại nhà cửa, công sở.

=> Nhận xét A, B, D đúng => loại A, B, C.

+Bão có ảnh hưởng đến cả vùng đất liền trong nội địa và vùng ven biển => nhận xét bão chỉ ảnh hưởng đến vùng ven biển là không đúng.

Câu 78: A

Cơ cấu lao động có việc làm ở nước ta hiện nay phân theo khu vực kinh tế có sự thay đổi theo hướng tăng tỉ trọng lao động trong các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ; giảm tỉ trọng lao động khu vực nông - lâm-ngư nghiệp.

Câu 79: B

Gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta và ảnh hưởng sâu sắc đến vùng lãnh thổ phía Bắc, khi di chuyển xuống phía nam gió mùa Đông Bắc suy yếu dần, bớt lạnh hơn và hầu như bị chặn lại ở dãy núi Bạch Mã.

Câu 80: C

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của thiên nhiên nước ta làm tăng thêm tính bất bình vốn có của nông nghiệp: các thiên tai như bão lũ, hạn hán, hiện tượng rét đậm rét hại, sương muối, sâu dịch bệnh phát triển.

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 2

THPT ĐOÀN THƯỢNG

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Câu 41: Phát biểu nào dưới đây về Biển Đông là đúng?

- A. Là vùng biển rộng nhất trong các biển của Thái Bình Dương.
- B. Nằm hoàn toàn trong vùng khí hậu ôn đới.
- C. Là cầu nối giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- D. Là vùng biển tương đối kín, phía đông và đông nam được bao bọc bởi các vòng cung đảo.

Câu 42: Nước ta tiếp giáp Biển Đông nên

- A. chế độ dòng chảy sông ngòi thất thường.
- B. địa hình bị xâm thực mạnh mẽ.
- C. khí hậu có lượng mưa và độ ẩm lớn.
- D. khoáng sản kim loại đen có trữ lượng lớn.

Câu 43: Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho vùng núi Tây Bắc có mùa đông ngắn, nhiệt độ không quá thấp? A. Vùng núi Tây Bắc nằm cách xa biển.

- B. Địa hình của vùng chủ yếu núi thấp và trung bình.
- C. Vùng núi Tây Bắc chịu ảnh hưởng sâu sắc gió Tín phong bắc bán cầu.
- D. Do ảnh hưởng của dãy núi Hoàng Liên Sơn và các dãy núi giáp Lào.

Câu 44: Ven biển nước ta có nhiều cồn cát, đầm phá thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế nào? A. Công nghiệp luyện kim, cảng biển, du lịch.

- B. Du lịch, cảng biển, thủy sản.
- C. Thủy sản, du lịch, khai thác khoáng sản.
- D. Cảng biển, du lịch, khai thác khoáng sản.

Câu 45: Cho bảng số liệu:

XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA XIN-GA-PO, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 (Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	471,1	565,2	588,5	516,7
Nhập khẩu	408,6	496,8	513,6	438,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017) Để thể hiện cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po giai đoạn 2010 – 2015, biểu đồ nào dưới đây thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Cột.

Câu 46: Ranh giới phân chia phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam về mặt tự nhiên là dãy

- A. Bạch Mã.
- B. Hoàng Sơn.
- C. Hoàng Liên Sơn.
- D. Tam Đảo.

Câu 47: Mặc dù nằm giáp biển nhưng Phan Rang (Ninh Thuận) là một trong những điểm có lượng mưa thấp nhất cả nước. Nguyên nhân tạo nên đặc điểm trên là gì?

- A. Địa hình của Phan Rang có dạng lòng chảo, xung quanh được bao bọc bởi các dãy núi nên địa hình ở đây khuất gió hoặc song song với hướng gió.
- B. Vùng biển ở đây có dòng biển lạnh hoạt động.
- C. Ở đây chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió Tín phong Bắc bán cầu lạnh khô.
- D. Ở đây chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa Tây Nam nóng khô.

Câu 48: Nhận định nào dưới đây không đúng về Hoa Kỳ?

- A. Nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

- B. Dân số đông thứ 3 thế giới, người châu Phi chiếm tỉ lệ thấp nhất trong cơ cấu dân số.
- C. Giàu tài nguyên khoáng sản, có nhiều tiềm năng phát triển du lịch.
- D. Thành phần dân cư đa dạng và phức tạp, dân cư phân bố không đồng đều.

Câu 49: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Ngãi.
- B. Khánh Hòa.
- C. Ninh Thuận.
- D. Phú Yên.

Câu 50: Thách thức lớn nhất khi Việt Nam đổi mới và hội nhập đe dọa sự phát triển bền vững đất nước và chất lượng cuộc sống người dân là

- A. chất lượng nguồn lao động chưa đáp ứng được yêu cầu.
- B. hệ thống cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ và lạc hậu.
- C. nhiều dự án đầu tư công nghệ lạc hậu, không kiểm soát chất thải gây ra ô nhiễm môi trường.
- D. cải cách hành chính diễn ra chậm gây trở ngại cho các hoạt động đầu tư.

Biểu đồ trên thể hiện chính xác nhất nội dung nào?

- A. Quy mô GDP phân theo thành phần phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và 2007.
- B. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và 2007.
- C. Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và 2007.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và

2007. **Câu 54:** Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên

- A. nước ta có nguồn khoáng sản và sinh vật phong phú, đa dạng.
- B. khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới.
- C. thiên nhiên nước ta có sự phân hóa đa dạng theo Bắc-Nam, Đông-Tây.
- D. khí hậu nước ta ẩm, mưa nhiều

Câu 55: Nhận định nào sau đây đúng về Đông Nam Á?

- A. Các nước Đông Nam Á đều là thành viên của ASEAN.
- B. Trong cơ cấu kinh tế các nước Đông Nam Á, dịch vụ thường chiếm trên 70%.
- C. Các nước Đông Nam Á đều nằm trong kiểu khí hậu xích đạo.
- D. Có nguồn khoáng sản dồi dào, có nhiều điều kiện để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 56: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng của Hà Nội và Đà Nẵng (Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Đà Nẵng	21,3	22,4	24,1	26,2	28,2	29,2	29,1	28,8	27,3	25,7	24,0	21,9

Cho biết nhận xét nào dưới đây là không chính xác?

- A. Nhiệt độ tháng thấp nhất của hai địa điểm là tháng 1.
- B. Hà Nội có 3 tháng mùa đông còn Đà Nẵng thì không.
- C. Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội cao hơn Đà Nẵng.
- D. Biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội cao hơn Đà Nẵng.

Câu 57: Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông theo hướng tây bắc- đông nam với dải đồng bằng thu hẹp, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm sút làm cho tính chất nhiệt đới tăng dần. Đây là đặc điểm nổi bật của miền tự nhiên nào?

- A. Tây Nguyên.
- B. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- C. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- D. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 58: Ở Hoa Kỳ, lúa gạo được trồng nhiều ở ven vịnh Mêhicô. Nguyên nhân chủ yếu là gì?

- A. Có đồng bằng hạ lưu sông Mixixipi màu mỡ, khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt.
- B. Nằm ven biển thuận lợi cho các hoạt động giao thông vận tải.
- C. Có các đồng bằng màu mỡ, khí hậu ôn đới.
- D. Đây là vùng dân cư tập trung đông nhất, người dân có nhiều kinh nghiệm trồng lúa

gạo. **Câu 59:** Biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ở nước ta là gì?

- A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.

- B. Hàng năm có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh
- C. Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20°C.
- D. Góc nhập xạ của Mặt Trời lớn.

Câu 60: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 14, cho biết ngọn núi nào cao nhất phía nam nước ta?

- A. Lang Bian B. Ngọc Linh. C. Chư Yang Sin D. Bi Doup **Câu 61:** Đồng bằng ven

biển miền Trung nhỏ và hẹp ngang vì

- A. thêm lục địa ở đây nông và diện tích rộng.
- B. được hình thành ở chân núi, địa hình có nhiều mạch núi đâm ngang ra biển kết hợp với thêm lục địa ở đây sâu và hẹp.
- C. có ít sông bồi đắp phù sa.
- D. không có hệ thống đảo che chắn ngoài khơi.

Câu 62: Đặc điểm nào dưới đây của vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc- đông nam 12
- B. Gồm các khối núi và cao nguyên ba dan, địa hình có sự bất đối xứng giữa hai sườn.
- C. Núi thấp chiếm phần lớn diện tích, gồm 4 cánh cung lớn.
- D. Địa hình cao nhất cả nước với 3 dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc- đông nam.

Câu 63: Sự kiện nào được coi là khởi đầu cho công cuộc hội nhập quốc tế và khu vực của nước ta?

- A. Việt Nam bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, là thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- B. Việt Nam là thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- C. Việt Nam là thành viên chính thức của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC).
- D. Việt Nam ký Hiệp ước Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (TPCPT)

Câu 64: Phát biểu nào dưới đây không đúng về dân cư thế giới?

- A. Tốc độ đô thị hóa giữa các quốc gia khác nhau.
- B. Châu Á chiếm tỉ lệ dân cao nhất, châu Phi chiếm tỉ lệ dân ít nhất trong cơ cấu dân số thế giới.
- C. Dân cư thế giới có sự biến động theo thời gian.
- D. Hầu hết các nước phát triển có kết cấu dân số già.

Câu 65: Mùa lũ ở các sông ngòi vùng ôn đới thường xảy ra vào thời gian nào trong năm?

- A. Mùa xuân. B. Mùa hạ. C. Mùa thu. D. Mùa đông.

Câu 66: Vào ngày 22/12, Mặt Trời lên thiên đỉnh ở địa điểm nào trên Trái Đất?

- A. Xích đạo. B. Chí tuyến bắc. C. Hai cực. D. Chí tuyến nam.

Câu 67: Ở miền bắc nước ta, vào mùa đông có những ngày trời quang mây, nắng nóng. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên hiện tượng trên là do

- A. gió mùa Đông Bắc lần át hoạt động của gió Tín phong Bắc bán cầu. . . .
- B. ảnh hưởng của các khối không khí lạnh có nguồn gốc địa cực thổi trên lục địa.
- C. Mặt Trời chiếu vuông góc nên số giờ chiếu sáng nhiều.
- D. gió Tín phong Bắc bán cầu phát triển mạnh lần át hoạt động của gió mùa Đông Bắc

Câu 68: Phát biểu nào dưới đây không đúng về các ngành kinh tế?

- A. Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là các loại phương tiện vận tải như ô tô, xe máy....
- B. Sản xuất công nghiệp gồm 2 giai đoạn, mang tính tập trung cao độ.
- C. Thương mại là khâu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.
- D. Vai trò quan trọng nhất của nông nghiệp là cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người.

Câu 69: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết chênh lệch lưu lượng nước trung bình giữa tháng cao nhất và thấp nhất của sông Cửu Long tại trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ là bao nhiêu?

- A. 27430 (m³/s). B. 27000 (m³/s). C. 27450 (m³/s). D. 27480 (m³/s).

Câu 70: Đất Feralit vùng đồi núi nước ta có đặc tính chua. Nguyên nhân chủ yếu là do

- A. quá trình phong hóa diễn ra với cường độ mạnh.
- B. mưa nhiều rửa trôi các chất ba dơ dễ tan.
- C. có sự tích tụ của ô xít nhôm.
- D. có sự tích tụ của ô xít sắt.

Câu 71: Các vấn đề nào dưới đây có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh nhất đến sự phát triển nông nghiệp nhiệt đới?

- A. Suy giảm đa dạng sinh học C.

- B. Suy giảm tầng ô dôn.
- C. Biến đổi khí hậu toàn cầu.
- D. Ô nhiễm nguồn nước sông ngòi, biển, đại dương.

- Câu 72:** Đặc điểm nào dưới đây thể hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta? A. Sông ngòi nước ta chủ yếu chảy theo hướng tây bắc-đông nam và vòng cung.
B. Sông ngòi nước ta có giá trị lớn về thủy điện và thủy sản.
C. Hệ thống sông ngòi nước ta hiện nay đang bị ô nhiễm nghiêm trọng.
D. Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa Chế độ nước theo mùa

Câu 73: Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA TRUNG QUỐC, GIAI ĐOẠN 1985- 2004

(Đơn vị: %)

Năm	1985	1995	2004
Xuất khẩu	39,3	53,5	51,4
Nhập khẩu	60,7	46,5	48,6

Nhận xét nào dưới đây đúng?

- A. Cơ cấu giá trị nhập khẩu giảm liên tục.
- B. Cán cân xuất nhập khẩu đang dần cân bằng hơn
- C. Cán cân xuất nhập khẩu các năm đều xuất siêu.
- D. Cơ cấu giá trị xuất khẩu tăng liên tục.

Câu 74: Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng là đặc điểm nổi bật của đại

- A. cận nhiệt gió mùa trên núi.
- B. nhiệt đới gió mùa.
- C. ôn đới gió mùa trên núi.
- D. xích đạo gió mùa.

Câu 75: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh nào?

- A. Sơn LA.
- B. Nghệ An.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Quảng Bình.

Câu 76: Hòn đảo có diện tích nhỏ nhất Nhật Bản là

- A. Hôn su.
- B. Kiu xiu.
- C. Hô cai độ.
- D. Xi cô cư.

Câu 77: Cảnh quan tiêu biểu nước ta là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên đặc điểm trên là gì?

- A. Địa hình núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích lãnh thổ.
- B. Khí hậu phân hóa theo độ cao.
- C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc, sông nhiều nước, giàu phù sa.
- D. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 78: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết nhận xét nào dưới đây **đúng**?

- A. Đà Nẵng vừa có đường bờ biển, vừa có đường biên giới với Lào.
- B. Sông Đà chảy qua thành phố Lào Cai.
- C. Nghệ An là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất nước ta.
- D. Pleiku là thành phố thuộc tỉnh Đăk Lăk.

Câu 79: Miền Tây Trung Quốc là nơi

- A. có nhiều kim loại màu.
- B. có kiểu khí hậu ôn đới hải dương.
- C. có nhiều dãy núi và cao nguyên đồ sộ, là nơi bắt nguồn của các sông lớn.
- D. có các đồng bằng Đông Bắc, Hoa Bắc, Hoa Trung Hoa Nam màu mỡ.

Câu 80: Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào của nước ta không giáp với Trung Quốc?

- A. Lào Cai.
- B. Bắc Kạn.
- C. Lai Châu.
- D. Cao Bằng

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

41-D	42-C	43-D	44-C	45-A	46-A	47-A	48-B	49-B	50-C
51-A	52-C	53-B	54-B	55-D	56-C	57-D	58-A	59-C	60-B
61-B	62-D	63-A	64-B	65-A	66-D	67-D	68-A	69-A	70-B
71-C	72-D	73-B	74-A	75-C	76-D	77-D	78-C	79-C	80-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41: D

Biển Đông là vùng biển tương đối kín, phía bắc và phía tây là lục địa, phía đông và đông nam được bao bọc bởi các vòng cung đảo (sgk Địa lí 12 trang 36 hoặc xem Atlas trang 4-5)

Câu 42: C

Nước ta tiếp giáp Biển Đông nên biển Đông đã làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn (sgk Địa lí 12 trang 36)

Câu 43: D

Nguyên nhân chủ yếu làm cho vùng núi Tây Bắc có mùa đông ngắn, nhiệt độ không quá thấp là do ảnh hưởng của dãy núi Hoàng Liên Sơn cao đồ sộ, là bức chắn địa hình ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho vùng Tây Bắc bớt lạnh, mùa đông kết thúc sớm, các dãy biên giới Việt Lào là bức chắn địa hình, gây hiện tượng phơn đầu mùa hạ cho gió Tây Nam làm Tây Bắc có mùa hạ đến sớm

Câu 44: C

Ven biển nước ta có nhiều cồn cát, đầm phá thuận lợi cho phát triển các ngành kinh tế như thủy sản (nuôi trồng thủy sản trong các đầm phá ven biển); du lịch tham quan, khám phá các cồn cát, đầm phá) và khai thác khoáng sản (khai thác cát, ti tan)

Câu 45: A

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu hay sự chuyển dịch cơ cấu nhiều năm (>3 năm) là biểu đồ miền

=> Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Xin-ga-po giai đoạn 2010 – 2015 là biểu đồ miền

Câu 46: A

Ranh giới phân chia phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam về mặt tự nhiên là dãy Bạch Mã (Atlas trang 13-14)

Câu 47: A

Mặc dù nằm giáp biển nhưng Phan Rang Ninh Thuận) là một trong những điểm có lượng mưa thấp nhất cả nước, nguyên nhân chủ yếu do Địa hình của Phan Rang có dạng lòng chảo, xung quanh được bao bọc bởi các dãy núi nên nên địa hình ở đây khuất gió hoặc song song với cả gió Tây Nam và gió Đông Bắc Chú ý: quan sát Atlas trang 6-7 có thể nhận ra đặc điểm địa hình khu vực Phan Rang như trên

Câu 48: B

Hoa Kỳ có số dân đồng thứ ba trên thế giới, dân số tăng nhanh chủ yếu do nhập cư. Người châu Phi chiếm tỉ lệ khá cao trong cơ cấu dân số, cao hơn nhiều so với tỉ lệ dân bản địa

=> Nhận định “Dân số đồng thứ 3 thế giới, người châu Phi chiếm tỉ lệ thấp nhất trong cơ cấu dân số” là không đúng

Câu 49: B

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 28, cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh Khánh Hòa

Câu 50: C

Thách thức lớn nhất khi Việt Nam đổi mới và hội nhập đe dọa sự phát triển bền vững đất nước và chất lượng cuộc sống người dân là nhiều dự án, công trình đầu tư công nghệ lạc hậu, nhập khẩu công nghệ cũ, không kiểm soát được chất thải gây nguy cơ ô nhiễm môi trường, đe dọa sự phát triển bền vững, điển hình như vụ Formosa gây ô nhiễm môi trường biển các tỉnh miền Trung

Câu 51: A

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 9, điểm tương đồng về khí hậu giữa Đồng Hới, Đà Nẵng Nha Trang là mưa tập trung vào mùa thu đông (các tỉnh ven biển miền Trung mưa thu đông)

Câu 52: C

Phát biểu không đúng về đặc điểm địa hình nước ta là “Hướng núi vòng cung thể hiện rõ nhất ở vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc” vì 2 vùng núi này có hướng núi chính là Tây Bắc - Đông Nam; còn hướng vòng cung thể hiện rõ ở vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam

Câu 53: B

Dựa vào kĩ năng nhận diện biểu đồ, biểu đồ tròn có các đường tròn kích thước khác nhau thường thể hiện quy mô và cơ cấu

=> Biểu đồ đã cho thể hiện quy mô và cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế nước ta năm 2000 và 2007

Câu 54: B

Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến Bắc bán cầu nên khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới

Câu 55: D

Đông Nam Á nằm trong vành đai sinh khoáng vì thế có nhiều loại khoáng sản. Vùng thềm lục địa nhiều dầu khí, là nguồn nguyên, nhiên liệu cho hát triển kinh tế. Đông Nam Á có khí hậu nóng ẩm, hệ thống đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc, thuận lợi cho việc phát triển một nền nông nghiệp nhiệt đới

Câu 56: C

Dựa vào bảng số liệu đã cho, dễ nhận thấy Hà Nội có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn Đà Nẵng do Hà Nội chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có mùa đông lạnh, còn Đà Nẵng nóng quanh năm, quanh năm nhiệt độ trên 21°C

=> nhận xét “Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội cao hơn Đà Nẵng là không đúng

Câu 57: D

Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông theo hướng tây bắc- đông nam với dải đồng bằng thu hẹp, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc giảm sút làm cho tính chất nhiệt đới tăng dần là đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ (sgk Địa lí 12 trang 54)

Câu 58: A

Ở Hoa Kỳ, lúa gạo được trồng nhiều ở ven vịnh Mêhicô. Nguyên nhân chủ yếu là do ở đây có đồng bằng hạ lưu sông Mixixipi màu mỡ, khí hậu nhiệt đới và cận nhiệt rất thích hợp với điều kiện sinh thái cây lúa gạo

Câu 59: C

Biểu hiện của khí hậu nhiệt đới ở nước ta là tổng bức xạ lớn, Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao)

Câu 60: B

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 14, ngọn núi cao nhất phía nam nước ta là núi Ngọc Linh (đỉnh cao 2398m)

Câu 61: B

Đồng bằng ven biển miền Trung nhỏ và hẹp ngang và các đồng bằng ở đây được hình thành dưới chân núi, ít phù sa sông bồi đắp, địa hình có nhiều mạch núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng, kết hợp với thềm lục địa ở đây sâu và hẹp.

Câu 62: D

Đặc điểm của vùng núi Tây Bắc là “Địa hình cao nhất cả nước với 3 dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc đông nam”

Câu 67: D

- miền bắc nước ta, vào mùa đông có những ngày trời quang mây, nắng nóng. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên hiện tượng trên là do giữa những đợt gió mùa Đông Bắc, gió Tín phong Bắc bán cầu phát triển mạnh lần át hoạt động của gió mùa Đông Bắc (gió Tín phong có bản chất nóng khô nên sẽ tạo những ngày nắng ấm trong mùa đông)

Câu 68: A

Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là sự chuyên chở người và hàng hóa còn các loại phương tiện vận tải như ô tô, xe máy là sản phẩm của ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo

=> phát biểu “Sản phẩm của ngành giao thông vận tải là các loại phương tiện vận tải như ô tô, xe máy” là không đúng

Câu 69: A

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 10, chênh lệch lưu lượng nước trung bình giữa tháng cao nhất và thấp nhất của sông Cửu Long tại trạm Mỹ Thuận - trạm Cần Thơ là $29000 - 1570 = 27430 \text{ m}^3/\text{s}$

Câu 70: B

U Đất Feralit vùng đồi núi nước ta có đặc tính chua, nguyên nhân chủ yếu là do mưa nhiều rửa trôi các chất ba dơ dễ tan (Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^+) (sgk Địa lí 12 trang 46)

Câu 71: C

Các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh nhất đến sự phát triển nông nghiệp nhiệt đới là biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng, biến đổi khí hậu dẫn đến tình trạng khan hiếm nước ngọt vào mùa khô hoặc lũ lớn mùa mưa ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển nông nghiệp nhiệt đới. Bên cạnh đó, nước biển dâng làm mất diện tích lớn các đồng bằng thấp, mất diện tích canh tác nông nghiệp quan trọng

Câu 72: D

Đặc điểm thể hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta là sông ngòi nước ta nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước sông phân mùa (sgk Địa lí 12 trang 45-46)

Câu 73: B

Dựa vào bảng số liệu đã cho, nhận xét thấy cán cân xuất nhập khẩu của Trung Quốc giai đoạn 1985-2004 có sự tiến tới cân bằng hơn (năm 1985 cán cân xuất nhập khẩu là -21,4%, còn năm 2004 cán cân xuất nhập khẩu là 2,8% => chênh lệch xuất nhập khẩu ngày càng thu hẹp)

Câu 74: A

Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25°C , mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng là đặc điểm nổi bật của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi

Câu 75: C

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 23, cửa khẩu Cầu Treo thuộc tỉnh Hà Tĩnh

Câu 76: D

Hòn đảo có diện tích nhỏ nhất Nhật Bản là Xi cô cư

Câu 77: D

Cảnh quan tiêu biểu nước ta là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên đặc điểm trên là do địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích, tính chất nhiệt đới được bảo toàn, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế trên lãnh thổ nước ta, phù hợp với điều kiện sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 78: C

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5, Nghệ An là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất nước ta ($16493,7 \text{ km}^2$)

Câu 79: C

Miền Tây Trung Quốc là nơi có nhiều dãy núi và cao nguyên đồ sộ (dãy Côn Luân, dãy Himalaya, dãy Nam Sơn, sơn nguyên Tây Tạng...), là nơi bắt nguồn của các sông lớn.

Câu 80: B

Căn cứ Atlas địa lí Việt Nam trang 4-5, Bắc Kạn không giáp Trung Quốc

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG

ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC - LẦN 1

THPT NGÔ QUYỀN

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

- C. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, kinh tế Nhà nước tăng.
- D. Kinh tế ngoài Nhà nước tăng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm.

Câu 7: Nước ta có nhiều tài nguyên khoáng sản là do vị trí địa lí

- A. liền kề với vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương.
- B. ở khu vực gió mùa điển hình nhất trên thế giới.
- C. trên đường di cư của nhiều loài động, thực vật.
- D. tiếp giáp với biển Đông.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Nam gồm những vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.
- B. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Bắc Bộ.
- C. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ.
- D. Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Tây Bắc Bộ.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất trong các hệ thống sông?

- A. Sông Thu Bồn.
- B. Sông Thái Bình.
- C. Sông Kỳ Cùng - Bằng Giang.
- D. Sông Ba.

Câu 10: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2005 VÀ NĂM 2016

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
2015	35832,9	17331,6	10436,2	8065,1
2016	43609,5	19404,4	15010,1	9195,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô và cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ năm 2005 và năm 2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Kết hợp.
- D. Cột.

Câu 11: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

- A. nền nhiệt độ cả nước cao.
- B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.
- C. tổng bức xạ trong năm lớn.
- D. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

Câu 12: Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng có khí hậu

- A. khô, nóng.
- B. khô, lạnh.
- C. nóng, ẩm.
- D. ôn hòa.

Câu 13: Nhân tố làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới của khí hậu nước ta và làm giảm sút nhiệt độ mạnh mẽ, nhất là trong mùa đông là do

- A. địa hình nhiều đồi núi.
- B. địa hình nhiều đồi núi và gió mùa.
- C. gió mùa mùa đông.
- D. ảnh hưởng của biển.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Hoàng Liên Sơn.
- B. Pu Sam Sao.
- C. Tam Điệp.
- D. Con Voi.

Câu 15: Vùng biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền là

- A. nội thủy.
- B. tiếp giáp lãnh hải.
- C. lãnh hải.
- D. đặc quyền kinh tế.

Câu 1: Đồng bằng nước ta được chia thành hai loại là

- A. đồng bằng phù sa sông và đồng bằng pha cát ven biển.
- B. đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.
- C. đồng bằng phù sa mới và đồng bằng phù sa cổ.
- D. đồng bằng thấp và đồng bằng cao.

Câu 17: Cho bảng số liệu:

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2012	2014	2015
Xuất khẩu	183,5	225,7	210,5	181,8
Nhập khẩu	169,2	229,4	217,5	179,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về cán cân xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều nhập siêu.
- B. Từ năm 2010 đến năm 2015 đều xuất siêu.
- C. Giá trị xuất siêu năm 2010 lớn hơn năm 2015.
- D. Giá trị nhập siêu năm 2012 lớn hơn năm 2014.

Câu 18: Phát biểu nào sau đây không đúng với Đông Nam Á lục địa?

- A. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- B. Có một số sông lớn, nhiều nước.
- C. Có các đồng bằng phù sa.
- D. Nhiều quần đảo, đảo và núi lửa.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?

- A. Hoàng Liên.
- B. Xuân Sơn.
- C. Ba Vì.
- D. Cát Bà.

Câu 23: Nơi có sự đối lập nhau rõ rệt về hai mùa mưa và khô là

- A. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. miền Bắc và miền Nam.
- C. duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.
- D. miền Nam và miền Trung.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Lạng Sơn.
- B. Cao Bằng.
- C. Lai Châu.
- D. Điện Biên.

Câu 25: Hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm rộng vườn, làng mạc thường hay xảy ra ở vùng ven biển

- A. Bắc Bộ.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. miền Trung.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây không đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra)?

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.
- B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.
- C. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.
- D. Trong năm có một mùa đông lạnh.

Câu 27: Đất chủ yếu ở đới ôn đới gió mùa trên núi là

- A. feralit.
- B. phù sa.
- C. xám bạc màu.
- D. mùn thối.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?

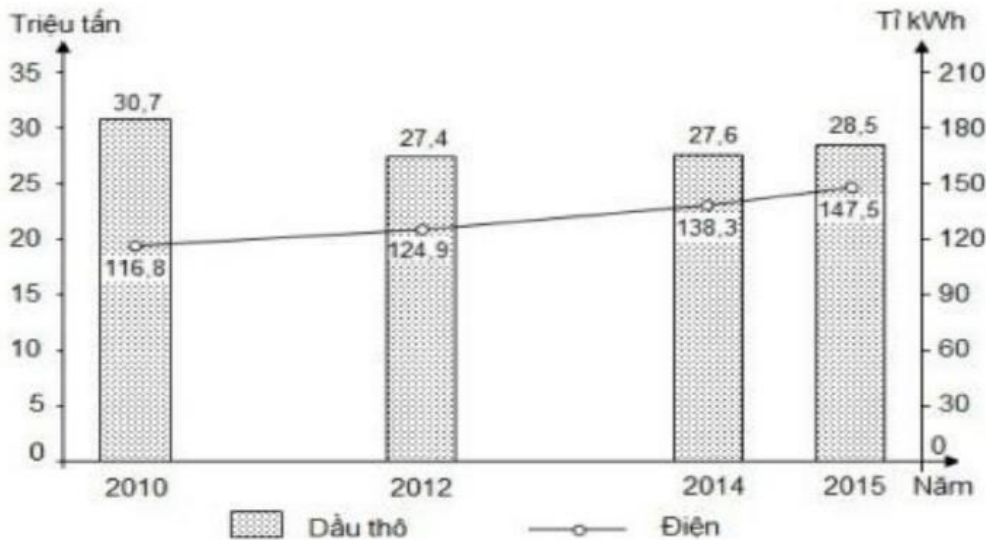
A. Gia Lai.

B. Kon Tum.

C. Đắk Lắk.

D. Đắk Nông.

Câu 29: Cho biết



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê,

2017) Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Quy mô và cơ cấu sản lượng dầu thô, điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.

B. Cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.

C. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.

D. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 30: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) là

A. đới rừng cận xích đạo gió mùa.

B. đới rừng xích đạo.

C. đới rừng nhiệt đới gió mùa.

D. đới rừng lá kim.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết apatit có ở nơi nào sau đây?

A. Cam Đường.

B. Sinh Quyền.

C. Quỳnh Nhai.

D. Văn Bàn.

Câu 32: Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất phèn.

B. đất xám trên phù sa cổ.

C. đất mặn.

D. đất phù sa ngọt.

Câu 33: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ không có đai ôn đới là do

A. vị trí nằm gần xích đạo.

B. nằm kề vùng biển ấm rất rộng.

C. không có gió mùa Đông Bắc.

D. không có núi cao trên 2600m.

Câu 34: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ?

A. Nhiệt độ trung bình tháng 1 thấp hơn.

B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.

C. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.

D. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.

Câu 35: Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất ở nước ta, nguyên nhân là

A. có độ cao lớn nhất.

B. chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.

C. nằm xa biển nhất.

D. nằm xa xích đạo nhất trong cả nước.

Câu 36: Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc là do

A. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng.

B. có các đồng bằng rộng, đồi núi dốc

C. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.

D. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết đất feralit trên đá vôi tập trung nhiều nhất nơi nào sau đây?

- A. Tây Bắc. B. Bắc Trung Bộ. C. Đông Bắc. D. Tây Nguyên.

Câu 38: Biện pháp có hiệu quả để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc hiện nay là

- A. thực hiện các kĩ thuật canh tác. B. phát triển mạnh thủy lợi.
C. phát triển mô hình nông - lâm kết hợp. D. xóa đói giảm nghèo cho người dân.

Câu 39: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, hãy cho biết đỉnh lũ trên sông Hồng vào tháng nào sau đây?

- A. VII. B. VIII. C. X. D. IX.

Câu 40: Cấu trúc địa hình nước ta gồm hai hướng chính là

- A. hướng đông bắc - tây nam và hướng vòng cung.
B. hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.
C. hướng bắc - nam và hướng vòng cung.
D. hướng đông - tây và hướng vòng cung.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1-C	2-D	3-A	4-B	5-B	6-B	7-A	8-A	9-A	10-A
11-D	12-C	13-B	14-D	15-A	16-B	17-C	18-D	19-C	20-C
21-C	22-D	23-C	24-D	25-A	26-B	27-D	28-B	29-D	30-C
31-A	32-D	33-D	34-A	35-B	36-C	37-A	38-C	39-B	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: C

Phần lớn diện tích Đông Nam Á lục địa có khí hậu nhiệt đới gió mùa (sgk Địa lí 11 trang 99)

Câu 2: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, quan sát thấy sông Cả đổ ra biển qua cửa Hội.

Câu 3: A

Do mưa nhiều, kết hợp với độ dốc lớn nên ở khu vực miền núi nước tập trung nhiều và chảy mạnh dễ gây ra hiện tượng lũ quét.

Câu 4: B

Nước ta có lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000mm/năm, nguyên nhân là nhờ biển Đông tăng cường lượng ẩm cho các khối khí qua biển => đem lại lượng mưa lớn cho đất liền.

Câu 5: B

Vùng đồng bằng, điển hình là đồng bằng sông Cửu Long nước ta phổ biến hiện tượng xâm nhập mặn vào mùa khô => do đó biện pháp thường được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta là chống nhiễm mặn.

Câu 11: D

Do vị trí nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta chịu ảnh hưởng của 2 mùa gió mùa gió: gió mùa hạ nóng ẩm, gây mưa và gió mùa đông lạnh, khô => khí hậu phân mùa rõ rệt: ở miền Bắc có mùa hạ nóng, mưa nhiều, mùa đông lạnh, ít mưa, miền Nam có một mùa mưa và một mùa khô.

Câu 12: C

Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng của vùng có khí hậu nóng ẩm. Trong điều kiện nhiệt độ cao, quá trình phong hóa diễn ra mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất bazo dễ tan (Ca^{2+} , Mg^{2+} , K^+) làm đất chua, đồng thời có sự tích tụ oxit sắt và oxit nhôm tạo ra đất feralit có màu đỏ vàng.

Câu 13: B

C. Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, có nhiều dãy núi và bề mặt cao nguyên cao trên 1000m (vùng núi phía Bắc, dọc biên giới Việt Lào và các cao nguyên lớn ở Tây Nguyên), đặc biệt vùng núi Tây Bắc cao đồ sộ nhất cả nước. Địa hình núi cao đã làm xuất hiện các đới khí hậu cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa trên núi -> làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới của khí hậu nước ta. - Vào mùa đông, gió mùa đông bắc xâm nhập và ảnh hưởng trực tiếp đến miền Bắc nước ta đem lại một mùa đông lạnh, làm hạ thấp nền nhiệt độ vào mùa đông (có tới 3 tháng nhiệt độ dưới 15°C).

=> Như vậy, địa hình nhiều đồi núi và gió mùa Đông Bắc (gió mùa mùa đông là nhân tố làm phá vỡ nền tảng nhiệt đới của khí hậu nước ta và làm giảm sút nhiệt độ mạnh mẽ, nhất là trong mùa đông.

Câu 14: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định được dãy núi Con Voi thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Câu 15: A

Vùng biển được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền là vùng nội thủy (sgk Địa lí 12 trang 15)

Câu 16: B

Đồng bằng nước ta được chia làm 2 loại là đồng bằng châu thổ do phù sa sông bồi đắp và đồng bằng ven biển chủ yếu do biển thành tạo nên.

Câu 17: C

Công thức: Cán cân xuất nhập khẩu = Xuất khẩu - Nhập khẩu

=> cán cân xuất nhập khẩu dương -> xuất siêu; cán cân xuất nhập khẩu âm -> nhập siêu.

Ta có kết quả ở bảng:

Năm	2010	2012	2014	2015
Cán cân XNK	14,3	-3,7	-7,0	2,1

Qua tính toán ta thấy: - Từ năm 2010 – 2015 có năm 2010 và năm 2015 xuất siêu, từ 2012 – 2014 là thời kì nhập siêu.

=> nhận xét từ 2010 – 2014, In-đô-nê-xi-a đều xuất siêu hoặc đều nhập siêu là không đúng => loại A, B - Giá trị nhập siêu năm 2012 là - 3,7%, nhỏ hơn năm 2014 với -7% => nhận xét giá trị nhập siêu năm 2012 lớn hơn 2014 là không đúng. => loại D. - Giá trị xuất siêu năm 2010 lớn hơn năm 2015 ($14,3\% > 2,1\%$) => nhận xét C đúng

Câu 18: D

Gồm nhiều quần đảo, đảo và núi lửa là đặc điểm của Đông Nam Á hải đảo. Đây không phải là đặc điểm của Đông Nam Á lục địa.

Câu 19: C

Vào giữa và cuối mùa hạ, gió mùa Tây Nam (xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam) hoạt động mạnh. Khi vượt qua vùng biển xích đạo, khối khí này trở nên nóng ẩm thường gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 20: C

Gió mùa mùa hạ là nguyên nhân chủ yếu gây mưa cho miền Nam nước ta, vào giữa và cuối mùa hạ gió mùa Tây Nam đi qua biển trở nên nóng ẩm -> gây mưa lớn và kéo dài cho các vùng đón gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 21: C

Đồng bằng ven biển miền Trung hẹp ngang và bị chia cắt bởi các dãy núi lan ra sát biển, biển đóng vai trò chủ yếu trong thành tạo đồng bằng nên đất thường nghèo, nhiều cát và ít phù sa. => nhận xét A, B, D đúng. Đặc điểm ở giữa có nhiều vùng trũng rộng lớn không phải của đồng bằng ven biển miền Trung.

Câu 22: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, nhận dạng kí hiệu vườn quốc gia -> xác định được Ba Vì là vườn quốc gia nằm trên đảo (đảo Cát Bà).

Câu 23: A

Nơi có sự đối lập nhau rõ rệt về 2 mùa mưa – khô là Nam Bộ và Tây Nguyên. (sgk Địa lí 12 trang 42).

Câu 24: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, nhận dạng kí hiệu khu kinh tế cửa khẩu ->xác định được khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh Điện Biên.

Câu 25: C

Hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc thường xảy ra ở vùng ven biển miền Trung.

Câu 26: B

Phần lãnh thổ Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra) chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc lạnh khô làm hạ thấp nền nhiệt độ vào mùa đông (có những tháng nhiệt độ dưới 15°C)=> do vậy biến độ nhiệt độ trung bình năm lớn (10 -12°C).

=> Nhận xét biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ là không đúng

Câu 27: D

Đất chủ yếu ở đai ôn đới gió mùa trên núi chủ yếu là đất mùn thô (sgk Địa lí 12 trang 52)

Câu 28: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, tỉnh tiếp giáp Lào là Kon Tum,

Câu 29: D

Dấu hiệu nhận biết: biểu đồ thể hiện đơn vị triệu tấn và tỉ Kwh => thể hiện giá trị tuyệt đối của 2 đối tượng là dầu thô và điện.

=> Như vậy biểu đồ trên thể hiện sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Ma-lai-xi-a giai đoạn 2010 – 2015.

Câu 30: C

Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc (từ dãy Bạch Mã trở ra) là đới rừng nhiệt đới gió mùa.

Câu 31: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, nhận dạng kí hiệu Apatit => xác định được Apatit phân bố ở Cam Đường (Lào Cai).

Câu 32: A

Loại đất có diện tích lớn nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là đất phèn. Phân bố ở các vùng trũng như Tứ Giác Long Xuyên, Đồng Tháp Mười..

Câu 33: D

Đai ôn đới núi cao hình thành từ độ cao trên 2600m => miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ không có địa hình cao trên 2600m nên không có đai ôn đới núi cao.

Câu 34: A

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, nhận xét về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ ta thấy: nhiệt độ trung bình tháng 1 của Hà Nội khoảng 15°C, thấp hơn Cần Thơ là 25°C => nhận xét A đúng

Câu 35: B

Vùng núi Đông Bắc là nơi đầu tiên và trực tiếp đón gió mùa đông bắc tràn vào lãnh thổ nước ta, do vậy vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông bắc đem lại một mùa đông lạnh nhất ở nước ta (có 3 tháng nhiệt độ dưới 15°C).

Câu 36: C

Do địa hình nhiều đồi núi bị cắt xẻ mạnh, tạo nên nhiều khe rãnh kết hợp với lượng mưa lớn (1500 – 2000mm) cung cấp đủ nguồn nước cho duy trì dòng chảy quanh năm => đã hình thành nên mạng lưới sông ngòi dày đặc ở nước ta.

Câu 37: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, đất feralit trên đá vôi (kí hiệu nền màu hồng) tập trung nhiều nhất ở vùng núi Tây Bắc, kéo dài từ Lai Châu (Phong Thổ) đến Hòa Bình.

Câu 38: C

Phát triển mô hình nông - lâm – kết hợp có vai trò lớn trong việc cải tạo đất hoang, đồi núi trọc hiện nay. Mô hình nông – lâm – kết hợp đang được thực hiện phổ biến ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 39: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, đỉnh lũ trên sông Hồng là vào tháng 8 với lưu lượng nước trung bình đạt 6660 m/s.

Câu 40: B

Cấu trúc địa hình nước ta gồm 2 hướng chính là tây bắc - đông nam và hướng vòng cung (sgk Địa lí 12 trang 29). - Hướng tây bắc - đông nam thể hiện rõ từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã. - Hướng vòng cung thể hiện ở vùng núi Đông Bắc và khu vực Nam Trung Bộ (Trường Sơn Nam).

SỞ GD&ĐT BẮC GIANG

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 1

THPT NGÔ SĨ LIÊN

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 357

Câu 1: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây cao nhất khu vực Tây Bắc?

- A.** Khoan La San. **B.** Pu Si Lung. **C.** Phanxipăng. **D.** Phu Luông.

Câu 2: Vùng phía Tây phần lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm Bắc Mỹ không có đặc điểm nào sau đây? **A.** Có các dãy núi cao trung bình 1000-1500m, sườn thoải.

B. Có các dãy núi trẻ, xen giữa là các bồn địa, cao nguyên.

C. Có các đồng bằng nhỏ, đất tốt ven Thái Bình Dương.

D. Tập trung nhiều kim loại màu như: vàng, đồng bôxít..

Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết đường bờ biển Việt Nam kéo dài từ đầu đến đâu?

A. Móng Cái - mũi Cà Mau.

B. Móng Cái - Hà Tiên.

C. Hải Phòng - Kiên Giang.

D. Quảng Ninh - Cà Mau.

Câu 4: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết bán đảo Sơn Trà nằm ở tỉnh/thành phố

nào sau đây?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Nam.
C. Thừa Thiên - Huế. D. Bình Thuận.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết quốc gia nào sau đây không có chung Biên Đông với Việt Nam?

- A. Malaixia B. Mianma C. Indonesia D. Xingapo.

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết trên dãy Trường Sơn Bắc, đỉnh núi nào sau đây cao nhất?

- A. Rào Cỏ. B. Động Ngai. C. Pu xai lai leng. D. Phu Hoat.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6-7, cho biết các dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng tây bắc - đông nam?

- A. Hoàng Liên Sơn. B. Trường Sơn. C. Đông Triều. D. Pu Đen Đinh.

Câu 8: Tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hoạt động hàng hải và hàng không trên vùng biển nào của nước ta?

- A. Nội thủy. B. Vùng đặc quyền kinh tế.
C. Lãnh hải. D. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 9: Việc đắp đê ngăn lũ ở đồng bằng sông Hồng đã để lại hệ quả nào?

- A. Địa hình cao ở rìa phía tây, tây bắc, thấp dần ra biển.
B. Đất ở đồng bằng chủ yếu là đất được bồi đắp phù sa hàng năm.
C. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.
D. Vào mùa cạn, nước triều lấn mạnh, nhiều diện tích bị nhiễm mặn.

Câu 10: Vùng kinh tế nào sau đây của Liên bang Nga sẽ phát triển để hội nhập vào khu vực châu Á - Thái Bình Dương?

- A. Vùng Uran. B. Vùng Viễn Đông. C. Vùng Trung tâm đất đen. D. Vùng Trung ương.

Câu 11: Nếu đi từ phía Tây sang phía Đông, khi qua kinh tuyến 180° người ta phải

- A. lùi lại 1 ngày lịch. B. lùi lại 1 giờ. C. tăng thêm 1 ngày lịch. D. tăng thêm 1 giờ.

Câu 12: Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng trời Việt Nam?

- A. Trên biển được xác định bằng ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.
B. Là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta
C. Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
D. Được xác định bằng khung tọa độ trên đất liền của nước ta

Câu 13: Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao do sự thuộc vùng núi nào của nước ta?

- A. Tây Bắc B. Trường Sơn Bắc C. Đông Bắc D. Trường Sơn Nam.

Câu 14: Tài nguyên quý giá ven các đảo, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là

- A. trên 2000 loài cá. B. các rạn san hô.
C. nhiều loài sinh vật phù du. D. hơn 100 loài tôm.

Câu 15: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. địa hình nhiều đồi núi. B. nhiệt độ trung bình cao.
C. độ ẩm không khí lớn. D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết cao nguyên nào sau đây có độ cao lớn nhất ở Tây Nguyên?

- A. Cao nguyên Đắc Lắc. B. Cao nguyên Mơ Nông.
C. Cao nguyên Di Linh. D. Cao nguyên Lâm Viên.

Câu 17: Dải Ngân Hà là

- A. dải sáng trong Vũ Trụ, gồm vô số các ngôi sao tập hợp lại.
B. một tập hợp của Thiên Hà trong Vũ trụ.

- C. tên gọi khác của Hệ Mặt Trời.
- D. thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó (trong đó có Trái Đất).

Câu 18: Hiện nay các ngành công nghiệp hiện đại của Hoa Kỳ tập trung ở

- A. phía Tây Bắc và ven Thái Bình Dương.
- B. phía Đông và ven vịnh Mêhicô.
- C. phía Nam và ven Thái Bình Dương.
- D. phía Đông Nam và ven Đại Tây Dương.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây không giáp Campuchia?

Câu 20: Ranh giới tự nhiên phân chia phần phía tây và phần phía đông của Liên bang Nga là

- A. sông Ê-nít-xây. B. sông O-bi. C. sông Lê-na D. sông Von-ga

Câu 21: Tính chất nhiệt đới của biển Đông được thể hiện rõ trong các đặc điểm nào sau đây?

- A. Sóng trên biển mạnh nhất vào thời kì gió mùa đông bắc.
- B. Trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ và cạn.
- C. Nhiệt độ nước biển cao, trung bình năm trên 23°C
- D. Độ mặn trung bình là 32 - 33‰, thay đổi theo mùa

Câu 22: Vấn đề dân cư mà Nhà nước Liên bang Nga quan tâm nhất hiện nay là

- A. nhiều dân tộc. B. dân số giảm và già hóa dân số.
- C. mật độ dân số thấp. D. đô thị hóa tự phát.

Câu 23: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 6-7, dọc chiều dài 3260 km đường bờ biển, đoạn bờ biển khúc khuỷu nhiều vùng vịnh thuận lợi nhất cho việc xây dựng các cảng biển nước sâu là

- A. khu vực Nam Trung Bộ. B. khu vực Bắc Trung Bộ.
- C. khu vực Đông Nam Bộ. D. khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 24: Ở bán cầu Nam, chịu tác động của lực Côriôlit, gió Bắc sẽ bị lệch hướng trở thành

- A. gió Đông Nam (hoặc Đông Đông Nam, Nam Đông Nam).
- B. gió Tây Nam (hoặc Tây Tây Nam, Nam Tây Nam).
- C. gió Đông Bắc (hoặc Đông Đông Bắc, Bắc Đông Bắc).
- D. gió Tây Bắc (hoặc Tây Tây Bắc, Bắc Tây Bắc).

Câu 25: Đặc điểm nào dưới đây chứng tỏ ở nước ta địa hình chủ yếu là đồi núi thấp?

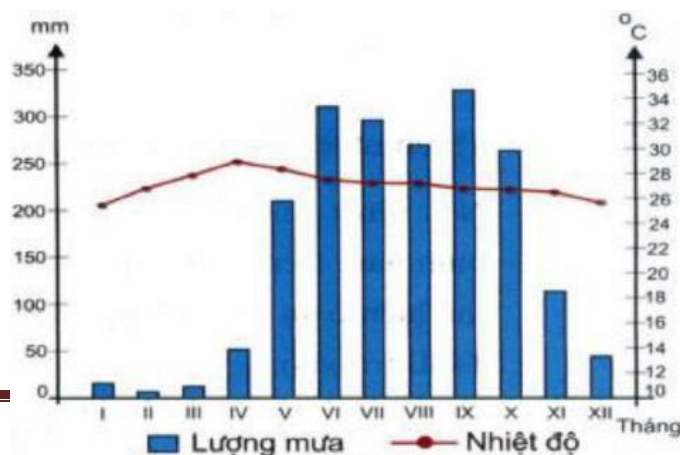
- A. Địa hình đồng bằng và đồi núi thấp dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích cả nước
- B. Đồi núi thấp dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích.
- C. Đồi núi chiếm 4 diện tích, đồng bằng chỉ chiếm 4 diện tích.
- D. Đồi núi thấp dưới 1000m chiếm tới 85% diện tích, núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích.

Câu 31: Đặc điểm nào sau đây không phải biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa?

- A. Quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ, lớp vỏ phong hóa dày.
- B. Xâm thực mạnh ở miền đồi núi.
- C. Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông.
- D. Đồi núi thấp chiếm ưu thế trong vùng địa hình núi.

Câu 32: Cho biểu đồ sau:

BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ, LƯỢNG MƯA CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

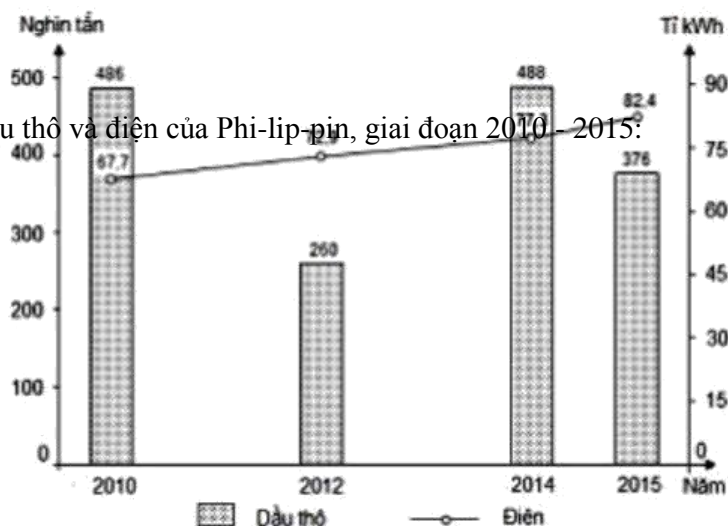


(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 trang 50, NXB Giáo dục Việt Nam,

2017) Nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ, lượng mưa của Thành phố Hồ Chí Minh?

- A.** Biên độ nhiệt độ trong năm rất lớn.
- B.** Nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất.
- C.** Lượng mưa tháng IX cao nhất.
- D.** Lượng mưa tháng 1 thấp nhất.

Câu 33: Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015:



(Nguồn: số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê,

2017) Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô, cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- B. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015.

Câu 34: Biết diện tích của Liên bang Nga là 17098,3 nghìn km², dân số thời điểm giữa năm 2015 là 144,3 triệu người, vậy mật độ dân số nước này là hơn

- A. 84 người/km².
- B. 84 người/km.
- C. 8 người/km².
- D. 8 người/km.

Câu 35: Ngành giao thông vận tải đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách giữa Hoa Kỳ với các nước trên thế giới là

- A. đường biển.
- B. đường hàng không.
- C. đường bộ.
- D. đường sắt.

Câu 36: Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY HÀNG NĂM Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2016

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Lúa	Ngô	Mía	Bông
2010	7 489,4	1 125,7	269,1	9,1
2014	7 816,2	1 179,0	305,0	2,8
2015	2 830,6	1 164,8	284,3	1,6
2016	7 790,4	1 152,4	274,2	1,5

(Nguồn: Niên giám thống kê 2017, Nhà xuất bản Thống kê, 2018)

Nhận xét nào sau đây không đúng về diện tích gieo trồng một số cây hàng năm ở nước ta giai đoạn 2010 - 2016?

- A. Diện tích bông giảm nhanh.
- B. Diện tích lúa liên tục tăng thời kì 2010-2015.
- C. Diện tích mía tăng thời kì 2010-2014.
- D. Diện tích ngô liên tục tăng.

Câu 37: Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2010-2015

(Đơn vị: %)

Quốc gia	2012	2014	2015
Mỹ	2,2	2,4	2,6
CHND Trung Hoa	7,9	7,3	6,9
Liên bang Nga	3,5	0,7	-3,7

(Nguồn: Niên giám thống kê 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2017)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia giai đoạn 2012-2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Đường.

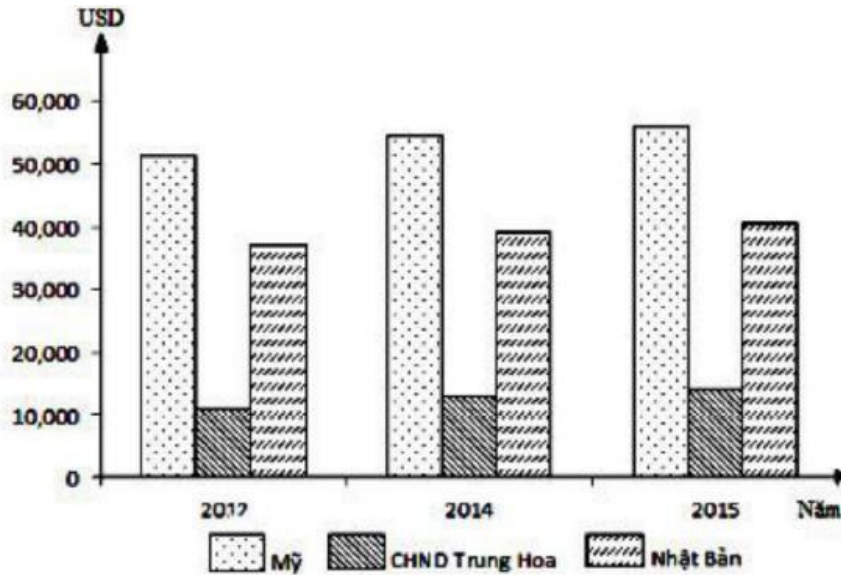
B. Cột.

C. Kết hợp.

D. Miền.

Câu 38: Cho biểu đồ sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP/NGƯỜI CỦA MỘT SỐ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2012-2015



Biểu đồ trên còn sai sót ở

A. trục hoành.

B. chú giải.

C. trục tung.

D. tên biểu đồ.

Câu 39: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn của nước ta đặc biệt là ở Nam Bộ đang bị thu hẹp rất nhiều là

A. phá rừng để nuôi tôm, cá.

B. cháy rừng.

C. chiến tranh.

D. khai thác gỗ, củi.

Câu 40: Khi ở trường THPT Ngô Sĩ Liên - Tp Bắc Giang (Việt Nam), các bạn học sinh đang làm bài thi môn Địa lí là 15h30 của ngày 12/11/2018 thì Ở giờ GMT là

A. 22 giờ 30 ngày 12/11 năm 2018.

B. 22 giờ 30 ngày 13/11 năm 2018.

C. 08 giờ 30 ngày 12/11 năm 2018.

D. 08 giờ 30 ngày 11/11 năm 2018.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

1-C	2-A	3-B	4-A	5-C	6-B	7-C	8-B	9-C	10-B
11-A	12-D	13-D	14-B	15-C	16-D	17-D	18-C	19-A	20-A
21-C	22-B	23-A	24-D	25-D	26-A	27-A	28-B	29-D	30-A
31-D	32-C	33-B	34-C	35-B	36-D	37-A	38-D	39-A	40-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định được đỉnh núi cao nhất khu vực Tây Bắc là đỉnh Phanxipăng (cao 3143m).

Câu 2: A

Vùng phía Tây phần lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm Bắc Mỹ bao gồm các dãy núi trẻ cao trung bình trên 2000m, chạy song song theo hướng tây bắc - đông nam, xen giữa là các bồn địa và cao nguyên, ven biển Thái Bình Dương có các đồng bằng nhỏ, đất tốt.

=> Đặc điểm có các dãy núi cao trung bình 1000 – 1500m, sườn thoải không đúng với vùng phía Tây phần lãnh thổ Hoa Kỳ.

Câu 3: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, đường bờ biển Việt Nam kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

Câu 4: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, bán đảo Sơn Trà thuộc thành phố Đà Nẵng.

Câu 5: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, xác định được quốc gia không có chung biển Đông với Việt Nam là In-đô-nê-xi-a (In-đô-nê-xi-a là quần đảo nằm ở phía Nam của khu vực Đông Nam Á)

Câu 6: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, trên dãy Trường Sơn Bắc có đỉnh núi cao nhất là đỉnh Pu-sai-lai leng (cao 2711m).

Câu 7: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 -7, xác định được các dãy núi Hoàng Liên Sơn (thuộc vùng núi Tây Bắc), Trường Sơn, Pu Đen Đinh (thuộc vùng núi phía Tây của miền Trung) chạy hướng tây bắc – đông nam. Riêng dãy núi Đông Triều (thuộc vùng núi Đông Bắc) chạy hướng vòng cung.

Câu 8: B

Vùng đặc quyền kinh tế là vùng tiếp giáp với lãnh hải và hợp với lãnh thổ thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Ở vùng này, Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế nhưng các nước khác được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm và tàu thuyền, máy bay nước ngoài được tự do hoạt động hàng hải và hàng không. (khái niệm vùng đặc quyền kinh tế SGK Địa lí 12 trang 15).

Câu 9: C

Việc đắp đê ngăn lũ ở đồng bằng sông Hồng khiến bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô, vùng đất trong đê không được bồi đắp phù sa thường xuyên nên dễ bạc màu, vùng đất ngoài đê được bồi đắp phù sa.

Câu 10: B

Vùng kinh tế Viễn Đông của Liên Bang Nga sẽ phát triển để hội nhập vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương (sgk Địa lí 11 trang 71).

Câu 11: A

Nếu đi từ phía Tây sang phía Đông qua kinh tuyến 180° thì người ta phải lùi lại một ngày lịch.

Câu 12: D

Vùng trời Việt Nam là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta, trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới, trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian của các đảo.

=> Như vậy nhận xét vùng trời được xác định bằng khung tọa độ trên đất liền của nước ta là không đúng.

Câu 13: D

Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao đồ sộ thuộc vùng núi Trường Sơn Nam của nước ta.

Câu 14: B

Ven các đảo, nhất là hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có nguồn tài nguyên quý giá là các rạn san hô cần đông đảo các loài sinh vật khác.

Câu 15: C

Nước ta tiếp giáp với biển Đông nên được cung cấp một lượng hơi ẩm lớn từ biển-> độ ẩm không khí cao, trung bình trên 80%.

Câu 16: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 – 7, quan sát bảng kí hiệu phân tầng màu ta thấy cao nguyên Lâm Viên có nền màu nâu -> thể hiện độ cao trung bình trên 1500m, các cao nguyên Đắc Lắc, Mơ Nông, Di Linh có độ cao trung bình khoảng 1000m (nền màu vàng đậm). Như vậy cao nguyên Lâm Viên có độ cao lớn nhất.

Câu 17: D

Dải Ngân Hà là thiên hà chứa Mặt Trời và các hành tinh của nó (trong đó có Trái Đất). (Sgk Địa lí 10 trang 18).

Câu 18: C

Công nghiệp Hoa Kỳ có xu hướng dịch chuyển từ vùng Đông Bắc xuống vùng phía Nam và ven Thái Bình Dương với các ngành công nghiệp hiện đại như hóa dầu, công nghiệp hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông...

Câu 19: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, tỉnh không tiếp giáp với Campuchia là Quảng Nam Quảng Nam tiếp giáp Lào ở biên giới đất liền phía Tây lãnh thổ).

Câu 20: A

Ranh giới tự nhiên phân chia phần phía tây và phần phía đông của Liên Bang Nga là sông Ê-nít-xây. (Sgk Địa lí 11 trang 62).

Câu 26: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hang Sơn Đoòng thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng (Quảng Bình), nằm trong vùng núi Trường Sơn Bắc

Câu 27: A

Vùng núi phía Đông Hoa Kỳ tập trung các loại khoáng sản với trữ lượng lớn như: than đá và quặng sắt nằm lộ thiên, dễ khai thác. Tài nguyên khoáng sản ở vùng núi phía Đông của Hoa Kỳ là cơ sở để phát triển ngành công nghiệp khai khoáng, luyện kim đen và nhiệt điện.

Câu 28: B

Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên khí hậu nước ta tạo thành 2 mùa rõ rệt: miền Bắc có mùa đông lạnh, khô và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều, miền Nam có sự phân hóa thành hai mùa mưa – khô sâu sắc.

Câu 29: D

Nằm trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có gió Tín phong Bắc bán cầu (hoặc gió Mậu dịch) thổi quanh năm. Tuy nhiên do ảnh hưởng của gió mùa lẩn át nên Tín phong có cường độ nhẹ và chỉ mạnh lên vào những đợt chuyển giao gió mùa hoặc khi gió mùa suy yếu. "

Câu 30: A

Sinh vật biển Đông phong phú, giàu thành phần loài, nguyên nhân là do vùng biển nước ta là nơi giao nhau của các dòng biển nóng lạnh -> đã mang lại nguồn lợi sinh vật biển vô cùng phong phú giàu có.

Câu 31: D

Biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là nhiệt độ độ ẩm cao khiến quá trình phong hóa diễn ra mạnh mẽ, lớp vỏ phong hóa dày, xâm thực mạnh ở miền đồi núi và bồi tụ nhanh ở vùng đồng bằng. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích là trong địa hình vùng núi là đặc điểm chung của địa hình nước ta, đây không phải là biểu hiện của địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 32: C

Thành phố Hồ Chí Minh thuộc khí hậu miền Nam nắng nóng quanh năm nên có biên độ nhiệt năm nhỏ (2 – 3°C), nhiệt độ trung bình cao nhất vào tháng 4 (29°C), lượng mưa thấp nhất vào tháng 2.

=> Nhận xét TP. Hồ Chí Minh có biên độ nhiệt năm cao, nhiệt độ cao nhất vào tháng 7 và lượng mưa thấp nhất vào tháng 1 là không đúng. => loại A, B, D - TP. Hồ Chí Minh có nhiệt độ cao nhất vào tháng 9 với khoảng 320mm => nhận xét C đúng.

Câu 33: B

Dấu hiệu: biểu đồ thể hiện 2 đơn vị tuyệt đối là nghìn tấn và Tỉ kWh tương ứng 2 đối tượng

=> Biểu đồ đã cho thể hiện sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Phi-lip-pin, giai đoạn 2010 - 2015. >

Câu 34: C

Công thức tính mật độ dân số: Mật độ dân số = Số dân/ diện tích (người/km²) Biết diện tích của Liên Bang Nga là 17098,3 nghìn km², dân số là 144,3 triệu người. Đổi 144,3 = 144300 nghìn người.

=> Mật độ dân số LỚN_{Nga} = 144300 / 17098,3 = 8,4 người/km² (làm tròn thành 8 người/km²).

Câu 35: B

Ngành vận tải hàng không đóng vai trò quan trọng trong vận chuyển hành khách giữa Hoa Kỳ với các nước trên thế giới. Mỗi ngày có tới hàng ngàn chuyến bay ở đất nước này, một số hãng hàng không lớn nhất Hoa Kỳ là United Airlines, American Airlines...

Câu 36: D

Quan sát bảng số liệu ta thấy diện tích ngô có nhiều biến động giai đoạn 2010 – 2014 có tăng khá nhanh từ 1125,7 nghìn ha lên 1179,0 nghìn ha; sang giai đoạn 2014 – 2016 diện tích ngô có xu hướng giảm dần từ 1179,0 nghìn ha xuống 1152,4 nghìn ha

=> Nhận xét D: diện tích ngô tăng lên liên tục là không đúng.

Câu 37: A

Biểu đồ đường thường thể hiện tốc độ tăng trưởng của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên.

=> Dựa vào dấu hiệu nhận diện biểu đồ, lựa chọn được biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia giai đoạn 2012-2015 là biểu đồ đường

Câu 38: D

Dấu hiệu: biểu đồ cột ghép và thể hiện giá trị bình quân GDP/ người của 3 nước (đơn vị là USD).

=> Tên biểu đồ ghi: tốc độ tăng trưởng GDP/ người của một số nước giai đoạn 2012 – 2015 là không đúng.

Vì biểu đồ cột không thể hiện tốc độ tăng trưởng của đối tượng. => Biểu đồ đã cho bị sai tên biểu đồ.

Câu 39: A

Diện tích rừng ngập mặn ở nước ta, đặc biệt vùng Nam Bộ bị thu hẹp đi rất nhiều chủ yếu là do con người phá rừng để chuyển đổi thành diện tích nuôi tôm, cá (một phần do cháy rừng)

Câu 40: C

D.trường THPT Ngô Sĩ Liên – TP. Bắc Giang (Việt Nam), các bạn học sinh đang làm bài thi môn Địa lí là 15h30 của ngày 12/11/2018. Biết nước ta ở múi giờ số 7, giờ GMT (giờ gốc) là múi giờ số 1=> Khu vực giờ GMT có giờ đến sau nước ta là 7 tiếng.

=> Khi Việt Nam là 15h30 ngày 12/11/2018 thì giờ GMT là: 15h30 – 7giờ = 8h30 sáng ngày 12/11/2018.

SỞ GD&ĐT BẮC NINH

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 3

THPT CHUYÊN BẮC NINH

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 001

Câu 1: Cho bảng số liệu

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG MỘT SỐ CÂY LÂU NĂM CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010-2015.

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2010	2013	2014	2015
Cao su	439,1	548,1	570,0	604,3
Cà phê	511,9	581,3	589,8	593,8
Chè	11,3	114,8	115,4	117,8

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về diện tích gieo trồng một số cây lâu năm của nước ta, giai đoạn 2010-2015?

- A.** Cao su luôn tăng và nhiều hơn chè.
- B.** Cà phê luôn tăng và cao hơn chè.
- C.** Cà phê luôn tăng và nhiều nhất.
- D.** Chè luôn ít nhất và tăng chậm.

Câu 2: Những khó khăn chính trong phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên

- là **A.** thị trường tại chỗ nhỏ, đầu tư chưa đáp ứng đúng yêu cầu.
- B.** có tiềm năng lớn về công nghiệp nhưng chưa khai thác hết.
- C.** thiếu lao động có trình độ, cơ sở hạ tầng yếu kém.
- D.** vị trí địa lí không thuận lợi, xa dân mỗi giao thông.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây đúng với sự phân bố của công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm của nước ta?

- A.** Gần nơi tiêu thụ, nhưng xa nơi có nguyên liệu.
- B.** Xa cả nơi có nguyên liệu lẫn nơi tiêu thụ.

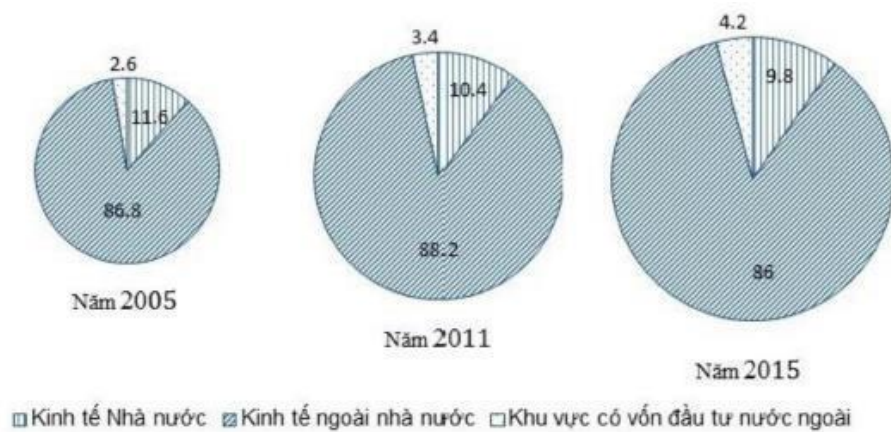
C. Vừa gần nơi có nguyên liệu vừa gần nơi tiêu thụ.

D. Gần nơi có nguyên liệu, nhưng xa nơi tiêu thụ.

Câu 4: Cho biểu đồ

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)



Kinh tế ngoài nhà nước khu vực có vốn đầu tư nước ngoài Nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi cơ cấu lao động 15 tuổi trở lên đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta từ năm 2005 và 2015?

- A. Số lao động Nhà nước tăng ít nhất và không ổn định.
- B. Lao động trong khu vực kinh tế ngoài Nhà nước có tỉ trọng lớn nhất.
- C. Tỉ trọng lao động của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước luôn tăng.
- D. số lao động người Nhà nước tăng liên tục và nhiều nhất.

Câu 5: Trong phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên gặp những khó khăn nào?

- A. Mùa khô kéo dài, mực nước ngầm hạ thấp.
- B. Khả năng mở rộng diện tích gieo trồng hạn chế.
- C. Nhu cầu thị trường thế giới về cà phê đã giảm.
- D. Khí hậu có sự phân hóa theo độ cao.

Câu 6: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA CẢ NĂM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2012-2015.

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	2012	2013	2014	2015
Lúa đông xuân	3124,3	2105,6	3112,8	3112,8
Lúa hè thu và thu đông	2659,1	2810,8	2734,1	2783,0
Lúa mùa	1977,8	1986,1	1965,6	1934,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê)

Dạng biểu đồ nào dưới đây là thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu diện tích lúa cả năm của nước ta năm 2012 và 2015?

- A. Kết hợp.
- B. Tròn.
- C. Miền.
- D. Cột.

Câu 7: Căn cứ vào bản đồ Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 22 cho biết trong giai đoạn 2000-2007, tỉ trọng giá trị sản xuất ngành này so với toàn ngành công nghiệp tăng bao nhiêu %?

- A. 1,1%.
- B. 3,1%.
- C. 2,1
- D. 4,1%.

Câu 8: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ TRUNG BÌNH CỦA ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG, ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VÀ CẢ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2010-2015.

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	2010	2013	2014	2015
Cả nước	86947,4	89759,5	90728,9	91709,8
Đồng bằng sông Hồng	19851,9	20481,9	20705,2	20912,2
Đồng bằng sông Cửu Long	17251,3	17448,7	17517,6	17589,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu cho biết nhận xét sau đây đúng về dân số trung bình của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2010-2015?

- A. Đồng bằng sông Hồng tăng chậm hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Đồng bằng sông Hồng tăng nhanh hơn cả nước
- C. Đồng bằng sông Cửu Long tăng chậm hơn cả nước.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng bằng nhau.

Câu 9: Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ

- là A. đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư.
- B. nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ.
- C. tăng cường thu hút lao động trình độ cao.
- D. đẩy mạnh thu hút kĩ thuật và công nghệ.

- Câu 10:** Trong cán cân xuất nhập khẩu của nước ta hiện nay, giá trị nhập siêu vẫn còn lớn, chủ yếu là do **A.** Nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu tăng.
B. giá thị trường thế giới giảm mạnh ở những mặt hàng xuất khẩu chính của nước ta
C. nhu cầu nhập khẩu nhiều máy móc, nguyên vật liệu cao cấp, công nghệ để phục vụ cho việc phát triển các dự án đầu tư nước ngoài.
D. nhiều hàng hóa trong nước có nguyên liệu ngoại nhập nhưng chỉ để tiêu thụ nội

địa **Câu 11:** Biển Nhật Bản có nguồn hải sản phong phú do

- A.** có các dòng biển nóng và lạnh gặp nhau
B. nằm ở vùng vĩ độ cao nên nhiệt độ cao.
C. có diện tích rộng nhất.
D. có nhiều bão, sóng thần.

Câu 12: Điều nào sau đây phản ánh chính xác việc phát triển tổng hợp ở Đông Nam Bộ làm thay đổi cơ cấu kinh tế của vùng?

- A.** Du lịch phát triển sẽ thu được nhiều ngoại tệ và kéo theo sự phát triển của hệ thống giao thông.
B. Khai thác tài nguyên sinh vật biển đòi hỏi phải phát triển ngành đóng tàu.
C. Ngành giao thông vận tải biển phát triển sẽ giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động.
D. Khai thác dầu khí phát triển làm xuất hiện ngành lọc – hóa dầu và các dịch vụ phục vụ khai thác dầu khí.

Câu 13: Gió Tây khô nóng ở Trung Bộ và nam Tây Bắc nước ta có nguồn gốc từ khối khí

- A.** Bắc Ấn Độ Dương. **B.** chí tuyến bán cầu Bắc **C.** chí tuyến Thái Bình Dương **D.** chí tuyến bán cầu Nam

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 16, hãy cho biết các dân tộc Gia –rai, Ê-đê phân bố chủ yếu khu vực nào sau đây?

- A.** Đông Nam Bộ. **B.** Miền núi phía Bắc **C.** Tây Nguyên. **D.** Trường Sơn Bắc

Câu 19: Kim ngạch nhập khẩu nước ta tăng lên khá mạnh không phản ánh điều gì sau đây?

- A.** Sự phục hồi và phát triển của sản xuất. **B.** Nhu cầu tiêu dùng của nhân dân tăng **C.** Đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu. **D.** Người dân tiêu dùng hàng ngoại xa xỉ

Câu 20: Ý nào sau đây không đúng về nền kinh tế Trung Quốc?

- A.** Khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng ngày càng thu hẹp.
B. Những năm qua, tốc độ tăng trưởng GDP vào loại cao nhất thế giới.
C. Hiện nay, quy mô GDP đứng hàng đầu thế giới.
D. Thu nhập bình quân theo đầu người của Trung Quốc tăng nhanh.

Câu 21: Đông Nam Bộ trở thành vùng trọng điểm về sản xuất cây công nghiệp của nước ta do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A.** Địa hình là những cao nguyên xếp tầng.
B. Có đất ba-zan và đất xám diện tích lớn, phân bố tập trung.
C. Khí hậu cận xích đạo, phân hóa theo độ cao.
D. Có ưu thế về cây công nghiệp lâu năm.

Câu 22: Sản xuất nông nghiệp ở Nhật bản cần phát triển theo hướng thâm canh vì:

- A.** Công nghiệp phát triển tạo điều kiện thuận lợi thâm canh.
B. Quỹ đất nông nghiệp quá ít, không có khả năng mở rộng.
C. Nhật Bản thiếu lao động, sản xuất thâm canh sẽ sử dụng ít lao động hơn quảng canh.
D. Sản xuất thâm canh mang lại nhiều lợi nhuận mà chi phí lại thấp.

Câu 23: Nguyên nhân nào làm cho chất lượng nguồn lao động nước ta có nhiều hạn chế? **A.** Nguồn lao động chưa thật cần cù, chịu khó.

B. Người lao động phần lớn còn thiếu kinh nghiệm.

C. Tính sáng tạo của người lao động chưa thật cao.

D. Công tác đào tạo lao động chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Câu 24: Giải pháp có ý nghĩa lâu dài và mang tính chất quyết định đối với vấn đề dân số ở Đồng bằng sông Hồng là:

A. Thâm canh, tăng năng suất lương thực

B. Giảm nhanh tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên.

C. Phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng.

D. Lựa chọn cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm tại chỗ.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết đỉnh núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Tây Bắc Bắc Bộ?

A. Tây Côn Lĩnh

B. Rào Cò

C. Phan-xi-păng

D. Phu Luông

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết miền khí hậu phía Bắc gồm có những vùng khí hậu nào sau đây?

A. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Tây Nguyên.

B. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Nam Trung Bộ.

C. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

D. Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Nam Bộ.

Câu 27: Điều kiện nào sau đây không là thế mạnh để Đông Nam Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển? **A.** Khả năng giao lưu qua các cảng biển.

B. Dầu khí có trữ lượng lớn ở thềm lục địa

C. Các vườn quốc gia với nhiều loại thú quý.

D. Các bãi biển và phong cảnh đẹp, rừng ngập mặn.

Câu 28: Việc duy trì cơ cấu kinh tế hai tầng có tác dụng quan trọng nhất đối với sự phát triển kinh tế Nhật Bản vì

A. Phát huy được tiềm lực kinh tế, phù hợp với điều kiện đất

nước **B.** Giải quyết được việc làm cho lao động ở nông thôn.

C. Giải quyết được nguồn nguyên liệu dư thừa của nông nghiệp.

D. Các xí nghiệp nhỏ sẽ hỗ trợ các xí nghiệp lớn về nguyên liệu.

Câu 29: Cho biểu đồ: Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây:

A. Quy mô và cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2005-2015

B. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2005-2015

C. Tình hình trồng cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2005-2015

D. Chuyển dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2005-2015

Câu 30: Căn cứ vào biểu đồ Diện tích và sản lượng lúa của cả nước (năm 2017) ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết trong giai đoạn 2000 – 2009, diện tích của nước ta thay đổi như thế nào?

A. Giảm 459 ha. **B.** Tăng 459 nghìn ha

C. Giảm 459 nghìn ha **D.** Giảm 549 nghìn ha

Câu 31: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung - Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết các trạm khí hậu nào sau đây có chế độ mưa vào mùa thu - đông tiêu biểu ở nước ta?

A. Sa Pa, Lạng Sơn, Hà Nội.

B. Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang.

C. Hà Nội, Điện Biên, Lạng Sơn.

D. Đà Lạt, Cần Thơ, Cà Mau.

Câu 32: Biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng sản lượng cao su của vùng Đông Nam Bộ là:

A. phát triển tốt hệ thống thủy lợi.

B. đầu tư vào công nghệ chế biến.

- C. mở rộng diện tích trồng cây cao su.
- D. sử dụng giống cao su mới có năng suất cao hơn.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, hãy cho biết ven biển và đảo, quần đảo nước ta có những khu dự trữ sinh quyển thế giới nào sau đây?

- A. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Núi Chúa
- B. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Phú Quốc.
- C. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Côn Đảo.
- D. Cát Bà, Cù Lao Chàm, Rạch Giá.

Câu 34: Các ngành công nghiệp ở nông thôn Trung Quốc phát triển dựa trên thế mạnh chủ yếu nào sau đây?

- A. Lực lượng lao động có kỹ thuật và nguyên vật liệu sẵn có.
- B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và công nghệ sản xuất cao.
- C. Lực lượng lao động dồi dào và công nghệ sản xuất cao.
- D. Lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.

Câu 35: Biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất đối với việc đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ ở nước ta?

- A. Mở rộng thị trường xuất khẩu.
- B. Tăng cường tàu thuyền có công suất lớn, trang bị hiện đại.
- C. Ngăn chặn đánh bắt bằng chất nổ, xung điện, lưới mắt nhỏ.
- D. Xây dựng và nâng cấp các cảng biển, nhà máy chế biến.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang , hãy cho biết diện tích đất phèn lớn nhất ở khu vực nào sau đây?

- A. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng Bắc Trung Bộ.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị được xếp theo thứ tự giảm dần về quy mô dân số ở vùng Đông Nam Bộ (năm 2017) là?

- A. TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu.
- B. TP Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Vũng Tàu, Thủ Dầu Một.
- C. TP Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một.
- D. TP Hồ Chí Minh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu.

Câu 38: Ở nước ta điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp hàng hóa chưa có ở

- A. khắp mọi nơi.
- B. các vùng gần trục giao thông.
- C. vùng cổ truyền thống sản xuất hàng hóa
- D. các thành phố lớn.

Câu 39: Ở Tây Nguyên, vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản là

- A. đẩy mạnh công tác chế biến gỗ tại địa phương, hạn chế xuất khẩu gỗ.
- B. ngăn chặn nạn cháy rừng và chặt phá rừng bừa bãi.
- C. khai thác hợp lí đi đôi với khoanh nuôi trồng rừng mới.
- D. đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng.

Câu 40: Các kiểu khí hậu nào chiếm ưu thế ở miền Đông Trung Quốc?

- A. Nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa
- B. Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa
- C. Ôn đới lục địa và ôn đới gió mùa
- D. Cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới lục địa

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1-C	2-C	3-D	4-D	5-A	6-B	7-A	8-C	9-B	10-C
11-A	12-A	13-A	14-B	15-A	16-D	17-D	18-C	19-D	20-C

21-B	22-B	23-D	24-D	25-A	26-C	27-C	28-A	29-D	30-C
31-B	32-D	33-D	34-D	35-B	36-C	37-B	38-D	39-A	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: C

Qua bảng số liệu, cà phê tăng từ 511,9 nghìn ha lên 593,8 nghìn ha, tăng liên tục. Tuy nhiên diện tích cà phê đứng thứ 2 sau cao su ($593,8 < 604,3$ nghìn ha – năm 2015)

=> Nhận xét C: cà phê chiếm diện tích nhiều nhất là không đúng.

Câu 2: C

- Tây Nguyên, lao động có trình độ, tay nghề còn thiếu, cơ sở hạ tầng yếu kém nên công nghiệp của Tây Nguyên kém phát triển, chủ yếu là các điểm công nghiệp phân tán.

Câu 3: D

Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm đòi hỏi nguồn nguyên liệu phong phú, đa dạng và thị trường tiêu thụ rộng lớn => Ngành công nghiệp phải gắn liền nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ

Câu 4: D

Qua biểu đồ, tỉ trọng lao động 15 tuổi trở lên của khu vực ngoài nhà nước cao nhất (86% - 2015)

Câu 5: A

Cây công nghiệp phát triển phụ thuộc vào nguồn nước dồi dào. Nhưng ở Tây Nguyên, mùa khô kéo dài, mực nước ngầm hạ tầng => thiếu nước cho cây công nghiệp phát triển.

Câu 6: B

Biểu đồ tròn thường thể hiện cơ cấu của đối tượng trong thời gian từ 1- 3 năm.

=> Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu diện tích lúa cả năm của nước ta năm 2012 và 2015 là: biểu đồ tròn.

Câu 7: A

Quạt sát 3 biểu đồ tròn ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, ta thấy tỉ trọng giá trị sản xuất của công nghiệp hàng tiêu dùng giai đoạn 2000 – 2007 tăng 1,1% (từ 15,7% lên 16,8%).

Câu 8: C

Áp dụng công thức tính tốc độ tăng trưởng: $Tốc\ độ\ tăng\ trưởng = (Giá\ trị\ năm\ sau / Giá\ trị\ năm\ trước) \times 100$

Bảng số liệu thể hiện tốc độ tăng trưởng của các đối tượng địa lí: (Đơn vị: %)

Năm	2010	2013	2014	2015
Cả nước	100	103,2	104,3	105,5
Đồng bằng sông Hồng	100	103,2	104,3	105,3
Đồng bằng sông Cửu Long	100	101,1	101,5	102,0

Kết quả trên cho thấy

- Đồng bằng sông Hồng tăng nhanh hơn đồng bằng sông Cửu Long ($105,3\% > 102,0\%$)

=> Nhận xét A: Đồng bằng sông Hồng tăng chậm hơn đồng bằng sông Cửu Long và nhận xét D: Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng tăng bằng nhau là không đúng=> loại A và D

Ở Đồng bằng sông Hồng tăng chậm hơn cả nước ($105,3\% < 105,5\%$) => Nhận xét B: Đồng bằng sông Cửu Long tăng nhanh hơn cả nước là không đúng => loại B

Ở Nhận xét C: Đồng bằng sông Cửu Long tăng chậm hơn cả nước ($100% < 105,5%$) => nhận xét C đúng.

Câu 9: B

Việc khai thác lãnh thổ chiều sâu ở Đông Nam Bộ: Áp dụng khoa học kỹ thuật, máy móc hiện đại nhằm khai thác tối đa các nguồn lực tự nhiên, kinh tế của vùng => nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ.

Câu 10: C

Nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng đất nước cần nhiều máy móc, công nghệ.

Câu 11: A

Nhật Bản nằm ở nơi gặp nhau của 2 dòng biển nóng và lạnh => nguồn hải sản phong phú, đa dạng.

Câu 12: A

Việc phát triển các ngành hóa lọc dầu, dịch vụ dầu khí sẽ nâng cao giá trị của tài nguyên dầu mỏ nước ta, đem lại nguồn thu vô cùng lớn góp phần làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ (sgk Địa lí 12 trang 181)

Câu 13: A

Vào nửa đầu mùa hạ, gió mùa Tây Nam từ Bắc Ấn Độ Dương thổi vào nước ta gây mưa cho Tây Nguyên, Nam Bộ, gây hiệu ứng phơn khô nóng cho Trung Bộ và Tây Bắc

Câu 21: B

Đông Nam Á có diện tích đất badan, đất xám lớn, phân bố tập trung thuận lợi cho việc phát triển các cây công nghiệp và cơ sở để hình thành các vùng chuyên canh lớn

Câu 22: B

Nhật Bản có địa hình chủ yếu là đồi núi=> diện tích đất nông nghiệp nhỏ, khả năng mở rộng diện tích thấp => trong nông nghiệp phải thâm canh để tăng năng suất, sản lượng.

Câu 23: D

+ Việt Nam, việc giáo dục và đào tạo chưa cao, chưa đồng bộ nên chất lượng lao động của nước ta còn thấp, nhiều hạn chế.

Câu 24: D

Dân số Đồng bằng sông Hồng có dân số đông nên nhu cầu việc làm rất lớn => vấn đề việc làm còn nhiều gay gắt.

=> Biện pháp: chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, tạo ra nhiều việc làm

Câu 25: A

Đỉnh Rào Cỏ, Phanxipang, Phu-Luông thuộc vùng Tây Bắc, Bắc Trung Bộ

Câu 26: C

Miền khí hậu phía Bắc gồm: Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung và Nam Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ

Câu 27: C

Các ngành kinh tế biển gồm: GTVT, du lịch, hải sản, khoáng sản biển. Điều kiện không phải thế mạnh để phát triển tổng hợp các ngành kinh tế là: các vườn quốc gia

Câu 28: A

Việc duy trì nền kinh tế 2 tầng, vừa phát triển các xí nghiệp lớn vừa phát triển các xí nghiệp nhỏ góp phần các xí nghiệp lớn chuyển giao công nghệ cho các xí nghiệp nhỏ và các xí nghiệp nhỏ thì khai thác tối đa nguồn nguyên nhiên liệu sẵn có, và hỗ trợ nguyên liệu cho các xí nghiệp lớn => khai thác tiềm năng và phù hợp với thực tiễn đất nước

Câu 29: D

Biểu đồ miền thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu của đối tượng trong thời gian từ 4 năm tr.

=> Biểu đồ đề bài cho thể hiện sự chuyên dịch cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 2005 – 2015.

Câu 30: C

Dựa biểu đồ tròn (kí hiệu màu xanh lá) ở Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, giai đoạn 2000 – 2007 diện tích lúa nước ta giảm: $35942 - 32530 = - 459$ kg

=> Như vậy giai đoạn 2000 – 2007 diện tích lúa nước ta giảm 459 kg.

Câu 31: B

Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung - Atlas Địa lí trang 9, ta thấy các tỉnh thuộc khu vực miền Trung có mùa mưa lùi vào thu- đông: Đồng Hới, Đà Nẵng, Nha Trang. Cụ thể lượng mưa ở ba trạm khí hậu này đều tập trung nhiều nhất vào các tháng 9, 10, 11 (lượng mưa trung bình trên 200mm).

Câu 32: D

Biện pháp hàng đầu để tăng sản lượng mủ cao su ở Đông Nam Bộ cần sử dụng các giống cao su cho năng suất mủ cao. (sgk Địa lí 12 trang 181)

Câu 33: D

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, nhận biết kí hiệu khu dự trữ sinh quyển.

=> Xác định được vùng ven biển và đảo, quần đảo nước ta có các khu dự trữ sinh qu lu: Cát Bà, Cù Lao Chàm, Rạch Giá.

Câu 34: D

Nông thôn Trung Quốc có nguyên nguyên nhiên liệu phong phú và nguồn lao động dồi dào, giá rẻ => thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp đặc biệt là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, gốm, sứ...

Câu 35: B

Để thúc đẩy việc đánh bắt xa bờ cần phải trang bị các tàu có công suất lớn, các trang thiết bị về dò sóng, định vị..

Câu 36: C

Diện tích đất phèn nước ta lớn nhất hiện nay ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, khu vực Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên.

Câu 37: B

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, xác định được các đô thị được xếp theo thứ tự giảm dần về quy mô dân số ở vùng Đông Nam Bộ (năm 2007) là: TP. Hồ Chí Minh (trên 1000.000 người) -> Biên Hòa (từ 500.000 - 1000.000 người) -> Vũng Tàu (từ 200.000 - 500.000 người) -> Thủ Dầu Một (từ 100.000 – 200.000 người).

Câu 38: D

Điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa chi tập trung chủ yếu ở các vùng sản xuất hàng hóa, các đô thị lớn và gần trục đường giao thông chính.

Câu 39: A

Tây Nguyên có diện tích rừng lớn nhất cả nước => ngành lâm sản cũng phát triển mạnh nhất nhưng chủ yếu là khai thác và xuất khẩu gỗ tròn => hiệu quả chưa cao.

=> Vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản là: Đẩy mạnh các nhà máy chế biến gỗ tại chỗ và hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

Câu 40: B

Phía Đông Trung Quốc nằm trong vùng hoạt động của gió mùa => khí hậu chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc là cận nhiệt đới gió mùa và ôn đới gió mùa

**SỞ GD&ĐT HÒA BÌNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN
HOÀNG VĂN THỤ**

(Đề thi gồm 05 trang)

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN I
Năm học 2018 – 2019**

Bài thi: **Khoa học xã hội**: Môn: **Địa Lí**
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian giao đề

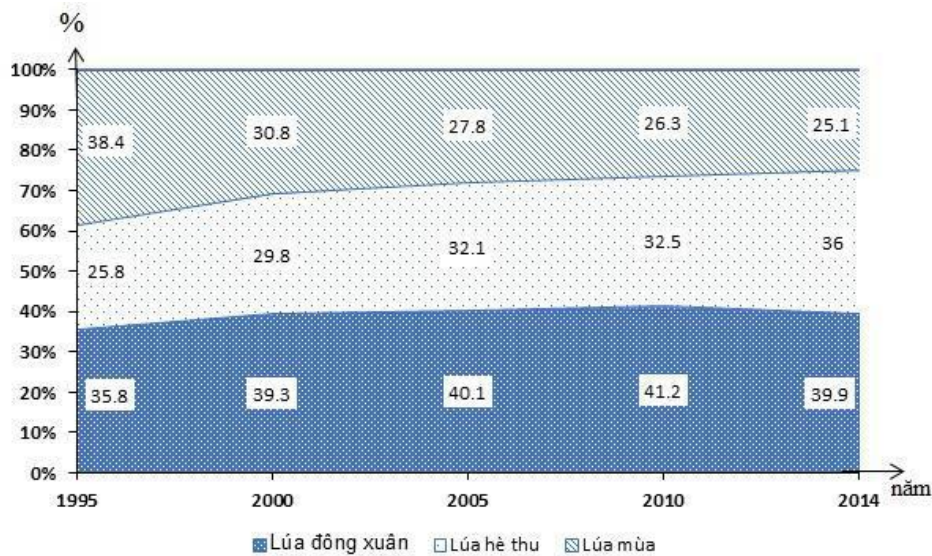
Họ và tên thí sinh:.....Số báo danh:.....

- Câu 41:** Phần lãnh thổ có khí hậu lạnh về mùa đông ở Đông Nam Á lục địa thuộc
A. Bắc Mi – an – ma và Thái Lan. **B.** Thái Lan và Lào.
C. Lào và Bắc Việt Nam. **D.** Bắc Việt Nam và Bắc Mi – an – ma
- Câu 42:** Các đồng bằng châu thổ ở Đông Nam Á lục địa thường màu mỡ và đặc biệt thuận lợi với.
A. trồng lúa nước. **B.** trồng cây ăn quả.
C. trồng cây công nghiệp. **D.** trồng cây rau, đậu.

- A.** Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
B. Phân bố không đồng đều giữa thành thị và nông thôn.
C. Gia tăng dân số giảm nhanh, cơ cấu dân số trẻ.
D. Cơ cấu nhóm tuổi có sự biến đổi nhanh chóng.

- Câu 44:** Vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm là
A. bất đối xứng giữa hai sườn núi. **B.** núi cao chiếm phần lớn diện tích.
C. hướng núi chủ yếu là vòng cung. **D.** cao ở hai đầu, thấp trung ở giữa.

Câu 45: Cho biểu đồ: Diện tích gieo trồng lúa của nước ta



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A.** Quy mô và cơ cấu diện tích gieo trồng lúa phân theo vụ ở nước ta, giai đoạn 1995 – 2014.
B. Chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta, giai đoạn 1995 – 2014.
C. Diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta, giai đoạn 1995 – 2014.
D. Tốc độ tăng trưởng diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta, giai đoạn 1995 – 2014.

Câu 46: Thế mạnh nào sau đây **không** có ở khu vực miền núi?

- A.** Lâm sản. **B.** Hải sản. **C.** Thủy năng. **D.** Khoáng sản.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết năm 2007, các mỏ khí đốt đang được khai thác ở nước ta là

- A.** Lan Đỏ, Lan Tây, Tiền Hải. **B.** Tiền Hải, Lan Đỏ, Đại Hùng.
C. Hồng Ngọc, Rồng, Tiền Hải. **D.** Lan Đỏ, Lan Tây, Rồng.

Câu 48: Vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta hiện nay là

- A.** Tây Nguyên. **B.** Đông Nam Bộ. **C.** Bắc Trung Bộ. **D.** Tây Bắc.

Câu 49: Giới hạn của vùng núi Tây Bắc nước ta là

- A. từ sông Hồng đến sông Cả.
- B. phía Đông của sông Hồng.
- C. từ sông Hồng đến sông Mã.
- D. từ đông Mã tới dãy Bạch Mã.

Câu 50: Nghề nuôi cá tra, cá basa trong lồng bè trên sông Tiền, sông Hậu là nghề nổi tiếng của tỉnh

- A. Tiền Giang.
- B. An Giang.
- C. Hậu Giang.
- D. Đồng Tháp.

Câu 51: Đặc điểm xã hội của Đông Nam Á **không** phải là

- A. là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới.
- B. các quốc gia trong khu vực có nhiều dân tộc sinh sống.
- C. tỉ lệ dân biết chữ và trình độ văn hóa còn rất thấp.
- D. phong tục, tập quán của các nước có nét tương đồng.

Câu 52: Bộ phận được coi như phần đất liền của nước ta là vùng

- A. lãnh hải.
- B. nội thủy.
- C. tiếp giáp lãnh hải.
- D. đặc quyền kinh tế.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm có quy mô lớn nhất vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đồng Hới.
- B. Huế.
- C. Vinh.
- D. Thanh Hóa.

Câu 54: Đặc điểm **không** đúng về lãnh hải của nước ta là

- A. kéo dài đến độ sâu 200m ngoài khơi.
- B. thuộc chủ quốc gia trên biển.
- C. là đường biên giới quốc gia trên biển.
- D. rộng 12 hải lí, tính từ đường cơ sở.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

QUY MÔ DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ NƯỚC TA

Năm	Số dân (nghìn người)	Tỉ lệ gia tăng (%)
1990	66.016,7	1,92
1994	70.824,5	1,69
2000	77.630,9	1,35
2004	81.437,7	1,20
2008	83.313,0	1,12
2015	85.122,3	1,07

Nhận xét nào sau đây đúng về dân số và tỉ lệ gia tăng dân số nước ta thời kì 1990 – 2015?

- A. Dân số và tỉ lệ gia tăng dân số tăng liên tục qua các năm.
- B. Gia tăng dân số giảm nhưng quy mô dân số vẫn tăng nhanh.
- C. Quy mô và gia tăng dân số nước ta biến động thất thường.
- D. Quy mô và gia tăng dân số nước ta có xu hướng giảm nhanh.

Câu 56: Các dãy núi nước ta chạy theo hai hướng chính là

- A. Tây – Đông và Tây Bắc – Đông Nam.
- B. vòng cung và Đông Bắc – Tây Nam.
- C. Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung.
- D. Đông Bắc – Tây Nam và Tây – Đông.

Câu 57: Xu hướng biến động tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên ở Đông Nam Á hiện nay là

- A. giảm.
- B. tăng.
- C. ổn định.
- D. không ổn định.

Câu 58: Rừng của nước ta được chia thành 3 loại là

- A. rừng sản xuất, rừng đặc dụng, rừng nguyên sinh.
- B. rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng.
- C. rừng phòng hộ, rừng sản xuất, rừng ngập mặn.
- D. rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

Câu 59: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. Đất nhiều cát, ít phù sa sông, nghèo dinh dưỡng.
- B. Từ Đông sang Tây hình thành 3 dải địa hình.
- C. Hẹp ngang và chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.
- D. Bề mặt bị chia cắt bởi mạng lưới sông dày đặc.

Câu 60: “2/3 diện tích đồng bằng là đất mặn, đất phèn” là đặc điểm của

- A. đồng bằng Nghệ An.
- B. đồng bằng sông Hồng.
- C. đồng bằng sông Cửu Long.
- D. đồng bằng Thanh Hóa

Câu 61: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết những tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm- ngư- nghiệp (năm 2007) đạt trên 50%?

- A. Bạc Liêu và Cà Mau.
- B. Long An và Bạc Liêu.
- C. Cà Mau và Kiên Giang.
- D. Kiên Giang và Long An.

Câu 62: Gia tăng dân số của nước ta giảm thời gian gần đây, chủ yếu do

- A. quy mô dân số giảm.
- B. tỉ lệ người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.

C. dân số có xu hướng già hóa.

D. thực hiện tốt chính sách dân số.

Câu 65: Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ VÀ DÂN SỐ THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1995 – 2014

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1995	2000	2005	2010	2014
Tổng dân số	72,0	77,6	82,4	86,9	90,7
Dân số thành thị	14,9	18,7	22,3	26,5	30,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016) Để thể hiện dân số, dân số thành thị nước ta giai đoạn 1995 – 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Cột chồng. C. Miền. D. kết hợp.

Câu 66: Năng suất lúa nước ta tăng mạnh thời gian gần đây, chủ yếu do

- A. đẩy mạnh cải tạo đất và tăng vụ. B. tăng cường thâm canh và tăng vụ.
C. tăng vụ và đẩy mạnh khai hoang. D. thâm canh và sử dụng giống mới.

Câu 67: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho cây công nghiệp lâu năm ở nước ta đóng vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu sản xuất cây công nghiệp?

- A. Có nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm.
B. Có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi phát triển.
C. Hiệu quả kinh tế, xã hội cao hơn các cây khác.
D. Năng suất cao hơn cây công nghiệp hàng năm.

Câu 68: Công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm phát triển mạnh ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

- A. nguồn nguyên liệu phong phú, nhu cầu thị trường lớn.
B. nhu cầu của thị trường lớn, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
C. cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, nguồn lao động rất dồi dào.
D. nguồn lao động dồi dào, nguồn nguyên liệu phong phú.

Câu 69: Điểm nào sau đây **không** đúng với điều kiện kinh tế - xã hội của vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ?

- A. Có các thành phố lớn, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
B. Tập trung nhiều cơ sở công nghiệp chế biến.
C. Có mật độ dân số cao nhất nước ta.
D. Điều kiện giao thông vận tải thuận lợi.

Câu 70: Nguyên nhân làm cho hiệu quả ngành chăn nuôi nước ta chưa ổn định **không** phải là

- A. dịch bệnh bùng phát và lây lan trên diện rộng.
B. hình thức chăn nuôi quảng canh vẫn phổ biến.
C. nhu cầu của thị trường còn nhiều biến động.
D. giá cả sản phẩm chăn nuôi trên thị trường cao.

Câu 71: Nguyên nhân chủ yếu làm cho ngành chăn nuôi lợn được phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay?

- A. Dịch vụ thú y đảm bảo, công nghiệp chế biến mở rộng.
B. Nhu cầu thị trường cao, dịch vụ thú y được đảm bảo.
C. Cơ sở thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường cao.
D. Công nghiệp chế biến mở rộng, thức ăn được đảm bảo.

Câu 72: Cho bảng số liệu:

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA 2015

(Đơn vị: tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Ma – lai – xi – a	Thái Lan	Xin – ga – po	Việt Nam
Xuất khẩu	210,1	272,9	516,7	173,3
Nhập khẩu	187,4	228,2	438,0	181,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê, 2017) Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của một số quốc gia năm 2015?

- A. Thái Lan xuất siêu nhiều hơn Xin – ga – po. B. Xin – ga – po xuất khẩu lớn hơn Việt Nam.
C. Việt Nam nhập khẩu nhỏ hơn Ma – lai – xi – a D. Ma – lai – xi – a xuất siêu ít hơn Thái Lan.

Câu 73: Đối với ngành chăn nuôi nước ta hiện nay, khó khăn nào sau đây đã được khắc phục ?

- A. Hiệu quả chăn nuôi chưa được cao và ổn định. B. Giống vật nuôi cho năng suất cao còn ít.
C. Dịch bệnh đe dọa lan tràn trên diện rộng. D. Cơ sở thức ăn không được đảm bảo.

Câu 74: Loại sản phẩm nào sau đây **không** phải là chuyên môn hóa sản xuất của vùng nông nghiệp Bắc Trung Bộ?

- A. Cây công nghiệp hàng năm lạc, mía, thuốc lá. B. Lúa cao sản, lúa có chất lượng cao.
C. Cây công nghiệp lâu năm cà phê, cao su. D. Trâu, bò lấy thịt, nuôi thủy sản nước mặn, lợ.

Câu 75: Biện pháp chủ yếu để giải quyết việc làm ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay là A. xây dựng chính sách chuyển cư phù hợp, phân bố lại dân cư.

- B. đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch, đa dạng các ngành kinh tế.
C. tăng cường sản xuất hàng xuất khẩu, tạo thêm nhiều việc làm.
D. đa dạng các loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng lao động.

Câu 76: Phát biểu nào sau đây *không đúng* với biện pháp khai thác ngày càng có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta?

- A. Chỉ sản xuất một số nông sản có giá trị cao
B. Đẩy mạnh khâu chế biến và trao đổi nông sản.
C. Thay đổi cơ cấu mùa vụ của từng vùng.
D. Phân bố cây con phù hợp hơn với các vùng.

Câu 77: Khó khăn chủ yếu hiện nay đối với việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. nguồn lao động trong chăn nuôi chưa được đào tạo nhiều.
B. khâu vận chuyển sản phẩm tới vùng tiêu thụ còn hạn chế.
C. các đồng cỏ có năng suất thấp, cần được cải tạo.
D. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô cho gia súc.

Câu 78: Nguyên nhân làm tăng thêm tính bất bình trong sản xuất nông nghiệp nước ta là

- A. đất đai dễ xói mòn, rửa trôi. B. địa hình đồi núi chiếm phần lớn.
C. khí hậu có nhiệt cao, độ ẩm lớn. D. nhiều thiên tai, dịch bệnh phát sinh.

Câu 79: Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng nông sản sau thu hoạch ở nước ta là

- A. đầu tư công nghệ chế biến và bảo quản. B. đẩy mạnh cơ giới hóa khâu sản xuất.
C. nâng cao năng suất các loại nông sản. D. sử dụng các hóa phẩm bảo vệ nông sản.

Câu 80: Điểm giống nhau về điều kiện sinh thái nông nghiệp giữa Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long là đều có

- A. mùa đông lạnh. B. diện tích tương đương nhau.
C. đất phù sa ngọt. D. diện tích đất phèn lớn.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41- D	42- A	43- C	44- C	45- B	46- B	47- A	48- A	49- A	50- B
51- C	52- B	53- D	54- A	55- B	56- C	57- A	58- B	59- D	60- C
61- A	62- D	63- B	64- C	65- B	66- D	67- C	68- A	69- C	70- C
71- C	72- A	73- D	74- B	75- B	76- A	77- B	78- D	79- A	80- C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41: D

Phần lãnh thổ có khí hậu lạnh về mùa đông ở Đông Nam Á lục địa thuộc Bắc Việt Nam và Bắc Mi-an-ma (sgk Địa lí 11 trang 99).

Câu 42: A

Các đồng bằng châu thổ ở Đông Nam Á lục địa do phù sa của các con sông lớn bồi đắp nên thường màu mỡ và đặc biệt thuận lợi cho trồng cây lúa nước. Ví dụ: đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Mê Nam, đồng bằng sông Hồng -> là những vựa lúa lớn của khu vực Đông Nam Á.

Câu 43: C

Do thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình nên thời gian qua mức gia tăng dân số nước ta có giảm nhưng còn chậm, mỗi năm dân số nước ta vẫn tăng thêm trung bình hơn 1 triệu người. (sgk Địa lí 12 trang 68)

=> Nhận xét gia tăng dân số nước ta giảm nhanh là không đúng.

Câu 44: C

Vùng núi Đông Bắc nước ta bao gồm các dãy núi có hướng vòng cung với 4 cánh cung lớn chụm lại ở Tam Đảo: sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

Câu 45: B

Dấu hiệu: biểu đồ miền, đơn vị %.

Biểu đồ miền thường thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên.

=> Biểu đồ đã cho thể hiện: sự chuyển dịch cơ cấu diện tích gieo trồng lúa phân theo các vụ ở nước ta giai đoạn 1995 – 2014.

Câu 46: B

Khu vực miền núi không có biển nên không thể phát triển ngành hải sản. => hải sản không phải là thế mạnh của khu vực miền núi.

Câu 47: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, năm 2007 các mỏ khí đốt đang được khai thác ở nước ta là: Lan Tây, Lan Đỏ, Tiền Hải (kí hiệu hình thang màu trắng).

Câu 48: A

Tây Nguyên là vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta hiện nay (89 người/km² năm 2006).

Câu 49: A

Giới hạn của vùng núi Tây Bắc nước ta là từ sông Hồng đến sông Cả.

Câu 50: B

Nghề nuôi cá tra, cá basa trong lồng bè trên sông Tiền, sông Hậu là nghề nổi tiếng của tỉnh An Giang, sản lượng cá nuôi năm 2005 là khoảng 179 nghìn tấn. (sgk Địa 12 trang 103).

Câu 51: C

- Xác định từ khóa: đặc điểm xã hội.

=> Đặc điểm xã hội của Đông Nam Á: các quốc gia trong khu vực có nhiều dân tộc sinh sống, là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới, phong tục, tập quán có nhiều nét tương đồng.

- Tỷ lệ dân biết chữ và trình độ văn hóa còn thấp là đặc điểm về dân cư của Đông Nam Á, không phải là đặc điểm xã hội (sgk Địa 11 trang 101)

Câu 52: B

Nội thủy là vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở. Vùng nội thủy cũng được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền.

Câu 53: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định được trung tâm công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm có quy mô lớn nhất vùng Bắc Trung Bộ là Thanh Hóa.

Câu 58: B

Rừng của nước ta được chia thành 3 loại là: rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng đặc dụng

- Rừng phòng hộ: gồm các cánh rừng đầu nguồn, rừng chắn cát ven biển...

- Rừng sản xuất gồm các cánh rừng trồng như rừng keo, rừng cao su, rừng gỗ trụ mỏ, rừng thông... có vai trò cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Rừng đặc dụng bao gồm các khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, có vai trò bảo tồn và phát triển sinh vật tự nhiên, các động thực vật quý hiếm.

Câu 59: D

Đồng bằng ven biển miền Trung không có nhiều sông ngòi, chỉ có một số con sông ngắn, nhỏ chạy hướng đông tây như sông Chu, sông Mã, sông Thu Bồn....

=> Nhận xét bề mặt địa hình bị chia cắt bởi mạng lưới sông ngòi dày đặc là không đúng.

Câu 60: C

Đồng bằng sông Cửu Long có tới 2/3 diện tích đồng bằng là đất mặn, đất phèn phân bố ở các vùng trũng Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, Cà Mau (đất phèn) và phân bố thành vành đai ven biển Đông và vịnh Thái Lan (đất mặn).

Câu 61: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, xác định được các tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông lâm- ngư- nghiệp (năm 2007) đạt trên 50% là: Bạc Liêu và Cà Mau (kí hiệu nền màu hồng đậm nhất).

Câu 62: D

Nhờ thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình nên gia tăng dân số nước ta có xu hướng giảm trong thời gian gần đây.

Câu 63: B

Vị trí địa lí đã quy định thiên nhiên nước ta là thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, cụ thể:

- Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên nhận được lượng nhiệt lớn, tiếp giáp biển đông nên được cung cấp một lượng ẩm lớn khiến cây cối sinh trưởng xanh tốt quanh năm, trong năm nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của hai mùa gió là gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông.

- Các thành phần tự nhiên như địa hình, sông ngòi, đất, sinh vật cũng biểu hiện rõ tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa: địa hình bị xâm thực mạnh vùng đồi núi, đất feralit đỏ vàng đặc trưng, sông nhiều nước và phù sa, chế độ nước theo mùa; tiêu biểu là hệ sinh thái rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh...

Câu 64: C

Có 4 ngư trường trọng điểm của nước ta gồm: Hải Phòng – Quảng Ninh, Ninh Thuận – Bình Thuận, Hoàng Sa – Trường Sa, Cà Mau – Kiên Giang => ngư trường Thanh Hóa – Nghệ An không phải là ngư trường trọng điểm của nước ta.

Câu 65: B

Bảng số liệu có dạng cơ cấu: tổng số dân và dân số thành thị (thuộc tổng số dân), yêu cầu thể hiện giá trị tuyệt đối (đơn vị triệu người)

=> Biểu đồ cột chồng thường dùng để thể hiện

=> Để thể hiện dân số, dân số thành thị nước ta giai đoạn 1995 – 2014, biểu đồ thích hợp nhất là cột chồng.

Câu 66: D

- Xác định từ khóa: năng suất lúa, thâm canh là biện pháp gắn liền với tăng năng suất.

Năng suất lúa nước ta tăng mạnh trong thời gian gần đây chủ yếu nhờ áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (sử dụng phân bón, giống lúa tốt, các biện pháp thủy lợi...) nhằm đẩy mạnh thâm canh để tăng năng suất trên một đơn vị diện tích đất canh tác, đồng thời sử dụng nhiều giống cao sản lúa mới cho năng suất cao.

Câu 67: C

Các cây công nghiệp lâu năm ở nước ta lại đóng vai trò quan trọng nhất trong cơ cấu sản xuất cây công nghiệp vì đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao hơn các cây khác, cụ thể:

- Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, đem lại nguồn nông sản có giá trị xuất khẩu lớn thu nhiều ngoại tệ (chè, cà phê, cao su, hồ tiêu, điều), một số loại cây có vị thứ hàng đầu trên thế giới (hồ tiêu, điều, cà phê).

- Trồng và chế biến sản phẩm cây công nghiệp lâu năm giúp thúc đẩy hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

Câu 68: A

Công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm phát triển phụ thuộc nhiều nhất vào nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.

=> Đồng bằng sông Hồng có nguồn nguyên liệu phong phú (đây là vựa lúa lớn thứ 2 cả nước, gần vùng nguyên liệu dồi dào là Trung du miền núi Bắc Bộ), đây cũng là khu vực tập trung dân cư đông đúc nhất cả nước -> đem lại thị trường tiêu thụ rộng lớn. Do vậy công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm phát triển mạnh ở khu vực này.

Câu 69: C

Mật độ dân số cao nhất cả nước là đặc điểm kinh tế - xã hội của vùng nông nghiệp đồng bằng sông Hồng, đây không phải là đặc điểm kinh tế - xã hội của vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ (bảng so sánh trang 107, 108 sgk Địa lí 12).

Câu 70: C

Ngành chăn nuôi nước ta mang lại hiệu quả chưa ổn định, nguyên nhân là

- Trước hết là do dịch bệnh bùng phát và lây lan trên diện rộng (do tính chất khí hậu nhiệt đới ẩm dễ phát sinh dịch bệnh) khiến số lượng nhiều loài bị sụt giảm, biến động.

- Thứ 2, mặc dù chăn nuôi nước ta đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa nhưng xét tổng thể vẫn phổ biến hình thức chăn nuôi quảng canh (hình thức chăn thả, phụ thuộc vào tự nhiên) nên hiệu quả mang lại chưa cao.

- Mặt khác dịch vụ giống gia súc gia cầm cho năng suất cao vẫn còn ít nên sản lượng thấp -> dẫn đến giá thành nhiều mặt hàng còn cao trong khi chất lượng chưa đảm bảo so với sản phẩm chăn nuôi của nhiều nước.

=> Loại bỏ đáp án A, B, D

- Hiện nay, đời sống người dân ngày càng cao nên nhu cầu thị trường về các sản phẩm chăn nuôi ngày càng tăng -> nhận xét hiệu quả chăn nuôi không ổn định do nhu cầu của thị trường còn nhiều biến động là không đúng.

Câu 71: C

Do giải quyết tốt hơn lương thực cho người, nên hoa màu lương thực dành nhiều hơn cho chăn nuôi, mặt khác vùng gần thị trường tiêu thụ rộng lớn là đồng bằng sông Hồng nên nhu cầu về thịt lợn tăng cao => giúp cho đàn lợn trong vùng tăng nhanh.

Câu 72: A

Cán cân xuất nhập khẩu = xuất khẩu – nhập khẩu

Áp dụng công thức ta có bảng sau: Cán cân xuất nhập khẩu của các nước

Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Thái Lan	Xin-ga-po	Việt Nam
Cán cân XNK	22,7	44,7	78,7	- 8,5

=> Như vậy, Thái Lan xuất siêu ít hơn Xin-ga-po (44,7 < 78,7)

=> Nhận xét Thái Lan xuất siêu nhiều hơn Xin-ga-po là không đúng.

Câu 73: D

Đối với ngành chăn nuôi nước ta hiện nay, cơ sở thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo tốt hơn nhiều, từ hoa màu lương thực, đồng cỏ, phụ phẩm của ngành thủy sản, thức ăn chế biến công nghiệp.

=> Như vậy trước đây cơ sở thức ăn cho chăn nuôi của nước ta chưa được đảm bảo thì nay đã được giải quyết tốt hơn -> thúc đẩy chăn nuôi phát triển.

Câu 74: B

Vùng nông nghiệp Bắc Trung Bộ có diện tích đất cát pha phù hợp nhất với các cây công nghiệp hằng năm lạc mía, thuốc lá; vùng đồi trung du phía tây có thể trồng cây công nghiệp lâu năm (cà phê, cao su) và chăn nuôi gia súc trâu, bò; ven biển có nhiều đầm phá cho nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, Vùng đồng bằng ven biển chủ yếu là đất phù sa do biển thành tạo với kết cấu nhiều cát, nghèo dinh dưỡng nên không thích hợp cho phát triển các cánh đồng lúa cao sản, có chất lượng cao.

Câu 75: B

Biện pháp chủ yếu để giải quyết việc làm ở đồng bằng sông Hồng hiện nay là đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu, đa dạng hóa các ngành kinh tế, đặc biệt trong công nghiệp và dịch vụ => tạo thêm nhiều việc làm cho lao động.

Câu 76: A

- Biện pháp giúp khai thác ngày càng có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là: phân bố các loại cây con phù hợp hơn với các vùng sinh thái nông nghiệp; thay đổi cơ cấu mùa vụ với các giống cây ngắn ngày chịu được sâu bệnh và có thể thu hoạch trước mùa bão lũ, hạn hán; đẩy mạnh khâu chế biến và trao đổi nông sản. (sgk Địa 12 trang 88) => Loại đáp án B, C, D

- Hiện nay, trong sản xuất nông nghiệp nước ta cũng đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp, đa dạng hóa kinh tế nông thôn => cho phép khai thác hợp lý hơn sự đa dạng, phong phú của điều kiện tự nhiên, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa. Biện pháp: chỉ sản xuất một số nông sản có giá trị cao không phải là biện pháp khai thác có hiệu quả nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta.

Câu 77: B

Hiện nay, những khó khăn trong công tác vận chuyển các sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ (đồng bằng và đô thị) đã hạn chế việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 78: D

Nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiều thiên tai bão lũ, hạn hán, thời tiết diễn biến thất thường (rét đậm, rét hại, sương muối...) sâu bệnh, dịch hại cây trồng vật nuôi dễ phát triển và lây lan. => làm tăng thêm tính bấp bênh trong sản xuất nông nghiệp nước ta.

Câu 79: A

Biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng nông sản sau thu hoạch ở nước ta là đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản.

Ví dụ: chè, cà phê, điều... của nước ta nhờ mở rộng nhiều nhà máy chế biến đã tạo nên nhiều sản phẩm thương hiệu nổi tiếng, giá trị cao (các sản phẩm chè Tân Cương, cà phê Trung Nguyên...)

Câu 80: C

Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long đều được hình thành do phù sa của các hệ thống sông lớn bồi đắp nên có đất phù sa ngọt chiếm diện tích lớn, thuận lợi cho phát triển cây lương thực đặc biệt là lúa nước.

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 1

THPT CHUYÊN THÁI NGUYÊN

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 519

Câu 1: Trong khu vực nông – lâm – thủy sản, tỉ trọng ngành thủy sản có xu hướng tăng chủ yếu là do

- A. nguồn tài nguyên thủy sản phong phú đang được chú trọng khi thác
- B. chiếm lĩnh được các thị trường đầy tiềm năng và hiệu quả kinh tế cao.
- C. trang thiết bị phục vụ cho ngành khai thác thủy sản ngày càng hiện đại.
- D. Các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp ít được chú trọng đầu tư phát triển

Câu 2: Tiêu chí không được xét làm cơ sở để phân loại đô thị nước ta là

- A. số dân của các đô thị.
- B. tỉ lệ dân phi nông nghiệp.
- C. chức năng của các đô thị
- D. tỉ trọng đóng góp dịch vụ.

Câu 3: Biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp là

- A. đào hồ vây cá, chống ô nhiễm, bón phân cải tạo đất.
- B. thâm canh, canh tác hợp lí, bón phân cải tạo đất.
- C. phát triển mô hình nông - lâm kết hợp, cải tạo đất.
- D. làm ruộng bậc thang, chống bạc màu, nhiễm mặn.

Câu 4: Một trong những biện pháp bảo vệ đối với rừng phòng hộ của nước ta là

- A. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
- B. nuôi dưỡng rừng, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc
- C. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của vườn quốc gia
- D. bảo vệ rừng, độ phì và nâng cao chất lượng đất rừng.

Câu 5: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết địa danh nào dưới đây là di tích lịch sử cách mạng?

- A. Cầu Treo.
- B. Bà Đen.
- C. Bà Nà.
- D. Long Phước

Câu 6: Tây Bắc có mùa đông lạnh chủ yếu là do

- A. hướng núi Tây Bắc - Đông Nam.
- B. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc
- C. ảnh hưởng của độ cao địa hình.
- D. không giáp biển.

Câu 7: Loại gió hoạt động vào mùa đông ở nước ta, từ Đà Nẵng trở vào là

- A. gió mùa Đông Bắc
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. gió mùa Đông Nam.
- D. Tín phong bán cầu Bắc

Câu 8: Cho biểu đồ:

Biểu đồ cơ cấu GDP theo ngành của nền kinh tế Trung Quốc qua các năm

Dựa vào biểu đồ trên, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu GDP theo ngành kinh tế của Trung Quốc?

- A. Cơ cấu GDP chuyển dịch tích cực, dịch vụ tỉ trọng cao, thấp nhất là nông - ngư nghiệp.
- B. Công nghiệp - xây dựng luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất, thấp nhất là nông - ngư nghiệp.
- C. Cơ cấu GDP chuyển dịch tích cực, giảm tỉ trọng nông - ngư nghiệp, tăng tỉ trọng dịch vụ.
- D. Giai đoạn 2010 – 2015 cơ cấu GDP theo ngành kinh tế không có sự thay đổi nhiều.

Câu 9: Cho bảng số liệu sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2012 – 2015

Quốc gia	2012	2014	2015
Hoa Kỳ	2,2	2,4	2,6
CHND Triều Tiên	7,9	7,3	6,9
Liên bang Nga	3,5	0,7	-3,7

(Nguồn: Niên giám thống kê 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP của một số quốc gia giai đoạn 2012 – 2015, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Miền. C. Cột. D. Đường.

Câu 10: Mục đích chủ yếu của đẩy mạnh đánh bắt xa bờ ở nước ta là

- A. khai thác và bảo vệ nguồn lợi, giữ vững chủ quyền vùng biển, hải đảo.
- B. khai thác và bảo vệ nguồn lợi, do thủy sản ven bờ ngày càng suy giảm.
- C. tăng sản lượng, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống ngư dân.
- D. tăng sản lượng, bảo vệ nguồn lợi, nâng cao thu nhập của người dân.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23 và trang 4-5, cho biết quốc lộ 5 chạy qua các tỉnh, thành phố nào sau đây?

- A. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh.
- B. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình.
- C. Hà Nội, Hưng yên, Hải Dung, Hải Phòng.
- D. Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình, Hải Phòng.

Câu 12: Ngành chăn nuôi gia súc lớn của nước ta chủ yếu sử dụng nguồn thức ăn từ

- A. sản phẩm ngành trồng trọt.
- B. thức ăn chế biến công nghiệp.
- C. các đồng cỏ trong tự nhiên.
- D. phụ phẩm của ngành thủy sản.

Câu 13: Đặc điểm nổi bật của đất feralit là

- A. dễ thoát nước, màu nâu đen.
- B. đất chua, có màu đỏ vàng.
- C. màu đỏ vàng, khá màu mỡ.
- D. đất tươi xốp, có màu nâu đỏ.

Câu 14: Hiện nay ở nước ta, diện tích đất ở ngày càng được mở rộng chủ yếu là chuyển từ

A. đất lâm nghiệp. B. đất chưa sử dụng. C. đất nông nghiệp. D. đất hoang hóa **Câu 15:** Thời phong kiến các đô thị nước ta có chức năng chủ yếu là

- A. du lịch, hành chính, công nghiệp. B. công nghiệp, thương mại, quân sự.
C. hành chính, thương mại, quân sự. D. thương mại, du lịch, hành chính.

Câu 16: Đặc điểm của một khu công nghiệp tập trung là

- A. thường gắn liền với một đô thị có quy mô vừa hoặc nhỏ.
B. có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống.
C. ranh giới mang tính quy ước, diện tích lãnh thổ khá lớn.
D. thường gắn liền với một điểm dân cư, có vài xí nghiệp.

Câu 17: Nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến năng suất lúa nước ta

- là A. thời tiết khí hậu diễn biến ổn định, ít xảy ra thiên tai.
B. tích cực đẩy mạnh khai hoang và mở rộng diện tích.
C. mở rộng thị trường, phát triển công nghiệp chế biến.
D. áp dụng các biện pháp thâm canh, sử dụng giống mới.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp biển

- A. Thái Bình. B. Sóc Trăng. C. Ninh Bình. D. Hà Nam

Câu 19: Việc phát huy thế mạnh của từng vùng, tăng cường hội nhập với thế giới đã dẫn tới

- A. chuyên dịch cơ cấu kinh tế và đẩy nhanh chuyển giao công nghệ.
B. sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa sản xuất giữa các vùng.
C. hình thành các vùng kinh tế trọng điểm và dịch vụ tư vấn đầu tư.
D. Phân hóa sản xuất giữa các vùng, ra đời vùng kinh tế trọng điểm.

Câu 20: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ KHÍ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 - 2016

Năm	2010	2012	2014	2015	2016
Than sạch (nghìn tấn)	44.835,9	42.083,0	41.664,0	41.664,0	38.527,0
Dầu thô (nghìn tấn)	15.014,0	16.379,0	17.392,0	18.746,0	17.230,0
Khí tự nhiên (triệu m ³)	9.402,0	9.355,0	10.210,0	10.660,0	10.610,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2016, Nhà xuất bản Thống kê 2017) Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng than sạch, dầu thô và khí tự nhiên của nước ta giai đoạn 2010 – 2016?

- A. Sản lượng khí tự nhiên tăng liên tục, tăng chậm nhất.
B. Sản lượng than tăng liên tục, tăng chậm nhất.
C. Sản lượng than tăng liên tục, tăng nhanh nhất.
D. Sản lượng dầu thô tăng, gần đây giảm nhẹ.

Câu 21: Miền Bắc và Đông Bắc Bộ địa hình biển đa dạng, biểu hiện

- là A. nơi thấp phẳng, nơi nhiều đảo, vịnh, đầm phá.
B. nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo, quần đảo.
C. nơi thấp phẳng, nơi nhiều cồn cát, bãi tắm đẹp.
D. có nhiều vịnh nước sâu, đảo, quần đảo, cồn cát.

Câu 22: Cho biểu đồ về cây công nghiệp lâu năm và hàng năm của nước ta, giai đoạn 1990 – 2014: Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng diện tích cây công nghiệp, giai đoạn 1990 – 2014.
B. Cơ cấu sản lượng cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 1990 - 2014.
C. Diện tích cây công nghiệp của nước ta, giai đoạn 1990 – 2014.
D. Cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta, giai đoạn 1990 – 2014.

Câu 23: Có diện tích lớn nhất và chiếm ưu thế nhất ở vùng ven biển nước ta là

- A. xa van cây bụi gai nhiệt đới. B. hệ sinh thái rừng ngập mặn.
C. hệ sinh thái trên đất phèn. D. hệ sinh thái trên các đảo.

Câu 24: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 28 và 11, cho biết cao nguyên nào sau đây **không** thuộc nhóm cao nguyên badan?

- A. Đắc Lắc. B. Mơ Nông. C. Lâm Viên. D. Mộc Châu.

Câu 25: Điểm khác biệt chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. có hệ đê ven sông ngăn lũ. B. nước triều lấn mạnh vào đồng bằng.

C. hình thành do phù sa sông bồi tụ. D. có mạng lưới sông ngòi dày đặc.

Câu 26: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất ở tỉnh nào sau đây?

A. An Giang. B. Cần Thơ. C. Đồng Tháp. D. Cà Mau.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào của nước ta?

A. Bắc trung Bộ. B. Đông Bắc Bộ. C. Trung Bắc Bộ. D. Tây Bắc Bộ. **Câu 28:** Đặc

điểm nào sau đây không đúng về vùng lãnh hải nước ta?

A. Là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển.

B. Ranh giới ngoài là biên giới quốc gia trên biển.

C. Có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở.

D. Độ sâu từ Om đến khoảng 200m hoặc hơn nữa

Câu 29: Trung du và miền núi nước ta có mật độ dân số thấp chủ yếu do

A. đất lâm nghiệp là chủ yếu.

B. lao động có trình độ cao ít.

C. điều kiện tự nhiên khó khăn.

D. có nhiều dân tộc sinh sống.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cửa sông **không** thuộc sông Tiền là

A. Ba Lai.

B. Đại.

C. Soi Rạp.

D. Tiểu.

Câu 31: Tác động lớn nhất của đô thị hóa đến phát triển kinh tế nước ta là

A. tạo nhiều việc làm.

B. tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật.

C. tạo thị trường tiêu thụ rộng lớn.

D. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 32: Đồng bằng sông Cửu Long bị ngập lụt chủ yếu là do

A. mặt đất thấp, mật độ xây dựng cao.

B. mưa lớn kết hợp với triều cường.

C. địa hình thấp không có đê sông, đê biển.

D. mưa bão lớn kết hợp với lũ nguồn.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật tiêu biểu của vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng là

A. rừng thưa cây bụi.

B. rừng kín thường xanh.

C. trảng cỏ cây bụi.

D. rừng trên núi đá vôi.

Câu 34: Trong đai nhiệt đới gió mùa, hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh hình thành ở vùng.

A. núi cao, mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô kéo dài.

B. núi thấp, mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ.

C. núi cao, mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, có mùa khô rõ rệt.

D. núi thấp, mưa nhiều, có hai mùa mưa và khô sâu sắc

Câu 35: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có các ngành dệt, may và da, giày? a)

A. Tân An.

B. Việt Trì.

C. Nha Trang.

D. Nam Định.

Câu 36: Phát biểu nào sau đây không phải là xu hướng mới trong phát triển chăn nuôi hiện nay ở nước ta?

A. Chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp.

B. Chăn nuôi gia súc lớn chiếm tỉ trọng ngày càng cao.

C. Sản phẩm trứng, sữa chiếm tỉ trọng ngày càng cao.

D. Chăn nuôi đang tiến mạnh đến sản xuất hàng hóa

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết khu kinh tế ven biển Nhơn Hội thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Bình Định.

B. Khánh Hòa

C. Phú Yên.

D. Quảng Ngãi.

Câu 38: Ngành kinh tế phát triển dựa trên thế mạnh truyền thống kinh nghiệm của nguồn lao động nước ta

A. nông, lâm, ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

B. nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ thương mại.

C. tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến.

D. nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp chế biến.

Câu 39: Mục đích chính của sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là

A. tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

B. tạo nhiều lợi nhuận, nông sản trên, một lãnh thổ nhất định.

C. đưa máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất nông nghiệp.

D. đẩy mạnh quảng canh và chuyên môn hóa nông nghiệp.

Câu 40: Phát biểu nào sau đây **không** phải là phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp ở nước ta?

A. Phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản.

B. Đưa công nghiệp chế biến dầu khí đi trước một bước

C. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.

D. Tích cực đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-B	2-D	3-C	4-A	5-D	6-C	7-D	8-C	9-D	10-B
11-C	12-C	13-B	14-C	15-C	16-B	17-D	18-D	19-A	20-D
21-B	22-C	23-B	24-D	25-A	26-A	27-B	28-D	29-C	30-C
31-D	32-B	33-D	34-B	35-C	36-B	37-A	38-A	39-B	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: B

Hiện nay, nhu cầu ngành thủy sản ngày càng tăng lên và đa dạng nên thị trường tiêu thụ thủy sản nước ta mở rộng. Mặt khác, ngành thủy sản kết hợp với công nghiệp chế biến mang lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao giá trị sản phẩm.

=> Từ đó thúc đẩy ngành thủy sản phát triển mạnh => tỉ trọng ngành thủy sản trong cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ngày càng tăng.

Câu 2: D

Tiêu chí để phân loại các đô thị gồm: chức năng, quy mô dân số, tỉ lệ hoạt động phi nông nghiệp (xem lại kiến thức SGK).

=> Tỉ trọng đóng góp dịch vụ không phải là tiêu chí làm cơ sở để phân loại đô thị nước ta

Câu 3: C

Biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp:

- Khu vực đồi núi: xây dựng mô hình nông – lâm kết hợp vừa tận dụng được tài nguyên đất vừa chống xói mòn, sạt lở đất.

- Khu vực đồng bằng đất bị bạc màu, nhiễm phèn, nhiễm mặn => cải tạo đất: bón phân, thau chua...

Câu 4: A

Rừng phòng hộ là các rừng nguyên sinh, ở thượng nguồn các con sông

=> để bảo vệ rừng phòng hộ phải duy trì diện tích rừng và chất lượng rừng sẵn có.

Chú ý: Nuôi dưỡng rừng, trồng rừng, bảo vệ rừng, độ phì, nâng cao chất lượng rừng biện pháp bảo vệ đối với rừng sản xuất. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của vườn quốc gia là biện pháp đối với rừng đặc dụng.

Câu 10: B

Nguồn thủy sản ven bờ bị khai thác quá mức nên nguồn lợi hải sản ngày càng giảm => hiện nay nước ta đang khuyến khích đẩy mạnh đánh bắt xa bờ nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản vừa đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Câu 11: C

Dựa vào Atlas Địa lí trang 23 và trang 4 – 5, Quốc lộ 5 chạy qua 4 tỉnh từ Hà Nội đến Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng

Câu 12: C

Chăn nuôi gia súc lớn ở nước ta chủ yếu ở vùng đồi, núi nơi có diện tích đồng cỏ lớn và là nguồn thức ăn chính

Câu 13: B

Đất feralit được hình thành qua quá trình rửa trôi chất bazo và tích lũy sắt nhôm => đất chua, có màu đỏ vàng

Câu 14: C

Hiện nay, diện tích đất ở của nước ta được mở rộng chủ yếu từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở, đất chuyên dùng.

Câu 15: C

Thời phong kiến, đô thị nước ta có chức năng chủ yếu là: hành chính (quản lý), thương mại (buôn bán), quân sự (xem lại kiến thức SGK bài 16)

Câu 16: B

Ở Thường gắn liền với đô thị vừa và nhỏ là đặc điểm của trung tâm công nghiệp => loại A

Ở Ranh giới mang tính quy ước, diện tích lãnh thổ khá lớn là đặc điểm của vùng công nghiệp => loại C

Ở Thường gắn liền với điểm dân cư, vài xí nghiệp là đặc điểm của điểm công nghiệp. => loại D
=> có ranh giới địa lí xác định và không có dân cư sinh sống là đặc điểm của khu công nghiệp tập trung.

Câu 17: D

Thâm canh là biện pháp tăng năng suất lúa trên một đơn vị diện tích -> để nâng cao năng suất lúa cần áp dụng các biện pháp khoa học vào sản xuất, đưa các giống mới có năng suất cao vào sản xuất và đẩy mạnh thâm canh.

Câu 18: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, tỉnh không giáp biển là Hà Nam.

Câu 19: A

+ Việc phát huy thế mạnh của từng vùng góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với từng vùng => chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả nước

+ Mở cửa hội nhập quốc tế => tạo điều kiện Việt Nam chuyển giao được công nghệ => nâng cao chất lượng sản phẩm.

Câu 20: D

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy:

+ Sản lượng khí tự nhiên tăng nhưng không liên tục: giai đoạn 2010 – 2015 tăng liên tục, đến năm 2016 giảm nhẹ còn 10610 m³ khí.

+ Sản lượng than có xu hướng giảm dần từ 15014 (năm 2010) xuống 38527 nghìn tấn (năm 2016)
=> nhận xét A không đúng.

D. Sản lượng dầu thô tăng từ 15014 nghìn tấn (năm 2010) lên 18746 (năm 2015) nghìn tấn, đến 2016 giảm nhẹ xuống còn 17230 nghìn ha

=> nhận xét D đúng với bảng số liệu.

Câu 21: B

Địa hình bờ biển miền Bắc, Đông Bắc Bắc Bộ đa dạng, bao gồm là đồng bằng châu thổ, vịnh, đảo, quần đảo

Câu 22: C

Dấu hiệu biểu đồ: Biểu đồ cột => thể hiện giá trị tuyệt đối/ sản lượng của của đối tượng. Đơn vị: nghìn ha
=> thể hiện diện tích

=> Như vậy, biểu đồ đã cho thể hiện diện tích cây công nghiệp của nước ta, giai đoạn 1990 – 2014.

Câu 23: B

Hệ sinh thái rừng ngập mặn chiếm ưu thế ở vùng biển nước ta, trong đó có rừng ngập mặn Nam Bộ đứng thứ 2 thế giới.

Câu 24: D

Các cao nguyên badan trên địa bàn Tây Nguyên gồm cao nguyên Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên. Cao nguyên Mộc Châu là cao nguyên đá vôi ở miền núi thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc

Câu 25: A

Đồng bằng sông Hồng có hệ thống đê ven sông ngăn lũ; đồng bằng sông Cửu Long không có hệ thống đê điều, bề mặt gồm hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt (xem lại kiến thức SGK).

Câu 26: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, sản lượng nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta là An Giang (263914 tấn)

Câu 27: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, Sapa (tỉnh Lào Cai) thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

Câu 28: D

E. Khái niệm lãnh hải: là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, lãnh hải Việt Nam có chiều rộng 12 hải lí (1 hải lí = 1852m), ranh giới của lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên biển. - Độ sâu 0 đến 200 m hoặc hơn nữa là đặc điểm vùng thềm lục địa, đây không phải là đặc điểm của lãnh hải. (xem lại kiến thức bài 2- sgk12 trang 15)

Câu 29: C

Trung du miền núi Bắc bộ có địa hình chủ yếu là đồi núi, bị cắt xẻ mạnh khiến giao thông đi lại khó khăn, mùa đông khí hậu lạnh, có giá rét, sương muối... => điều kiện tự nhiên khó khăn cho các hoạt động giao lưu phát triển kinh tế nên dân cư tập trung thưa thớt.

Câu 30: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, Soi Rạp là cửa sông thuộc sông Sài Gòn, đây không phải là cửa sông thuộc sông Tiền.

Câu 31: D

Đô thị hóa phát triển => thu hút dân cư đông đúc, có trình độ lao động cao, cơ sở hạ tầng được nâng cấp hoàn thiện từ đó thúc đẩy các ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển => góp phần đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta

Câu 32: B

Đồng bằng Sông Cửu Long có địa hình thấp nên khi mưa lớn => dễ ngập lụt kết hợp với triều cường diễn ra mạnh, xâm nhập sâu vào đất liền => ngập lụt xảy ra trên diện rộng.

Câu 33: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, xác định được thảm thực vật tiêu biểu của vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng là rừng trên núi đá vôi.

Câu 34: B

Đai nhiệt đới gió mùa phát triển ở địa hình thấp (độ cao dưới 1000m), khí hậu có nền nhiệt độ cao, lượng mưa lớn, độ ẩm lớn và mùa khô không rõ rệt => cây cối sinh trưởng nhanh, quanh năm => hình thành nên hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa thường xanh.

Câu 35: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, xác định được trung tâm công nghiệp có ngành dệt may, da giày là Nha Trang.

Câu 36: B

Hiện nay, ngành chăn nuôi đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa với hình thức trang trại theo công nghiệp, Tỉ trọng các sản phẩm không qua giết thịt (trứng, sữa) ngày càng cao. (SGK Địa 12 trang 96) => Nhận xét chăn nuôi gia súc lớn chiếm tỉ trọng ngày càng cao là không đúng.

Câu 37: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí trang 28, xác định được khu kinh tế biển Nhơn Hội thuộc tỉnh Bình Định.

Câu 38: A

Người dân nước ta có nhiều truyền thống, kinh nghiệm trong sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, tiêu thủ công nghiệp.

Câu 39: B

Mục đích chính của sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở nước ta là tạo ra nhiều sản phẩm trên một lãnh thổ nhất định, cung cấp nguồn hàng lớn cho xuất khẩu thu ngoại tệ và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến => tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 40: B

Phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta là:

E. Xây dựng một cơ cấu ngành công nghiệp tương đối linh hoạt, thích nghi với cơ chế thị trường, phù hợp với tình hình phát triển thực tế của đất nước và xu thế chung của khu vực – thế giới.

F. Đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị công nghệ.

G. Đẩy mạnh các ngành công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng, tập trung phát triển công nghiệp khai thác và chế biến dầu khí, đưa công nghiệp điện lực đi trước một bước. => Đưa công nghiệp chế biến dầu khí đi trước một bước không phải là phương hướng hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta => đáp án B không đúng.

HỘI 8 TRƯỜNG CHUYÊN

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 1

THPT CHUYÊN – THI CHUNG

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 628

Câu 1: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng

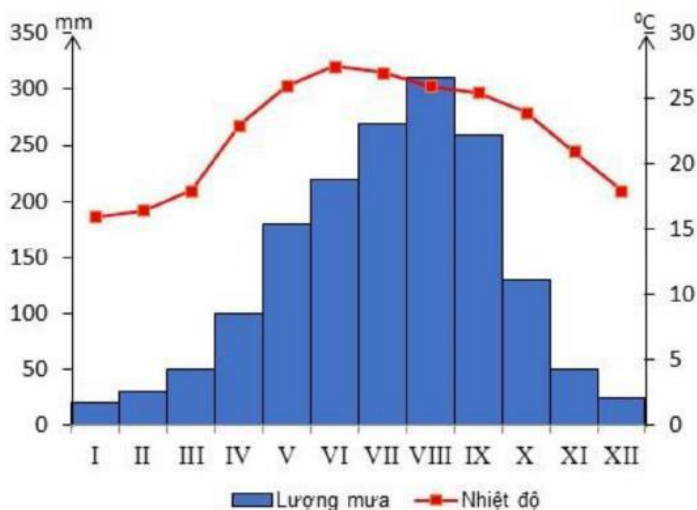
A. sản xuất độc canh lúa gạo.

B. phát triển mạnh kinh tế hộ gia đình.

C. phát triển kinh tế trang trại.

D. tăng cường chuyên môn hóa sản xuất.

Câu 2: Cho biểu đồ:



NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây *không đúng* về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội

A. Chế độ mưa có sự phân mùa.

B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C

C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng XII

D. Nhiệt độ các tháng trong năm không đều.

Câu 3: Trong nghề cá, Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều ưu thế hơn vùng Bắc Trung bộ là do

A. Tất cả các tỉnh đều giáp biển.

B. Có các dòng biển gần bờ.

C. Bờ biển có các vùng vịnh, đầm phá

D. Có các ngư trường rộng, đặc biệt là hai ngư trường xa bờ.

Câu 4: Đây là cơ sở để phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thành 3 phân ngành : chế biến sản phẩm trồng trọt, chế biến sản phẩm chăn nuôi và chế biến thủy sản.

A. Đặc điểm sản xuất.

B. Công dụng của sản phẩm.

C. Phân bố sản xuất.

D. Nguồn nguyên liệu.

Câu 5: Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp ngăn ngày với công nghiệp chế biến sẽ có tác động:

- A. nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.
- B. khai thác tốt về tiềm năng đất đai, khí hậu của mỗi vùng.
- C. tạo thêm nhiều nguồn hàng xuất khẩu có giá trị.
- D. dễ thực hiện cơ giới hóa, thủy lợi hóa

Câu 6: Điều khác nhau chủ yếu giữa các nhà máy nhiệt điện ở Đồng bằng sông Hồng và các nhà máy nhiệt điện ở Đông Nam Bộ?

- A. Các nhà máy ở Đông Nam Bộ có quy mô lớn hơn.
- B. Nhà máy nhiệt điện ở sông Hồng nằm gần vùng nguyên liệu, còn nhà máy nhiệt điện ở Đông Nam Bộ nằm gần thị trường tiêu thụ.
- C. Nhiệt điện ở Đồng bằng sông Hồng chạy bằng than, nhiệt điện ở Đông Nam Bộ chạy bằng dầu khí.
- D. Các nhà máy ở Đồng bằng sông Hồng được xây dựng sớm hơn các nhà máy ở Đông Nam Bộ.

Câu 7: Hai vấn đề lớn nhất trong sử dụng tài nguyên nước của nước ta hiện nay là:

- A. Nguồn nước ngầm bị cạn kiệt và ô nhiễm nguồn nước
- B. Ngập lụt tron mùa mưa, thiếu nước trong mùa khô và ô nhiễm nguồn nước
- C. Sự phân hóa nguồn nước giữa các vùng và ô nhiễm nguồn nước
- D. Ngập lụt tron mùa mưa, thiếu nước trong mùa khô và nguồn nước ngầm cạn kiệt.

Câu 8: Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của Đông Nam Á là:

- A. Vùng biển rộng lớn giàu tiềm năng (trừ Lào).
- B. Khí hậu nóng ẩm, hệ đất trồng phong phú, mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. Hoạt động của gió mùa với một mùa đông lạnh thực sự.
- D. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế và có sự phân hóa của khí hậu.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 26, cho biết các tỉnh thuộc tiểu vùng Tây Bắc nước ta hiện nay là:

- A. Điện Biên, Lai Châu, Hòa Bình, Lào Cai
- B. Điện Biên, Lai Châu, Hòa Bình, Sơn La
- C. Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai
- D. Lai Châu, Điện Biên, Hòa Bình, Yên Bái.

Câu 10: Nguyên nhân gây mùa khô cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì mùa đông là do hoạt động của:

- A. tín phong Nam bán cầu
- B. gió mùa Tây Nam.
- C. gió mùa mùa đông (gió Đông bắc)
- D. tín phong Bắc bán cầu.

Câu 11: Ngành công nghiệp được coi là ngành thuộc cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải đi trước một bước là:

- A. Khai thác dầu khí
- B. Luyện kim
- C. Sản xuất điện.
- D. Khai thác than

Câu 12: Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của Đông Nam Bộ cần:

- A. Đẩy mạnh đầu tư vốn, công nghệ.
- B. Thu hút mạnh nguồn lao động có trình độ.
- C. Khai thác tối đa nguồn dầu mỏ của vùng.
- D. Phát triển kinh tế biển.

Câu 13: Vấn đề mà Đảng và Nhà nước ta đang đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc là:

- A. các dân tộc ít người sống tập trung ở miền núi.
- B. mỗi dân tộc có những nét văn hóa riêng.
- C. phân bố các dân tộc đã có nhiều thay đổi.
- D. sự chênh lệch lớn về sự phát triển kinh tế - xã hội giữa cá dân tộc

Câu 14: Người Việt Nam ở nước ngoài tập trung nhiều nhất ở các quốc gia và khu vực nào?

- A. Bắc Mỹ, Châu Âu, Ô-x-trây-li-a
- B. Bắc Mỹ, Ô-x-trây-li-a, Đông Á
- C. Bắc Mỹ, Châu Âu, Nam Á
- D. Châu Âu, Ô-x-trây-li-a, Trung Á.

Câu 15: Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất nước ta để xây dựng các cảng biển vì:

- A. núi ăn sát ra biển tạo ra nhiều vùng, vịnh, nước sâu, kín gió.

- B. thêm lục địa bị thu hẹp nên biển có độ sâu lớn
- C. đây là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan
- D. nằm ở vị trí trung chuyển của cả nước, có thể thu hút hàng hóa từ hai miền

Câu 16: Đường biên giới quốc gia trên biển là đường:

- A. xác định chủ quyền với diện tích trên biển rộng hơn 1 triệu km²
- B. song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở 12 hải lý về phía biển.
- C. có ranh giới ngoài cùng chạy theo phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế
- D. nối liền các đảo ven bờ và các mũi đất dọc bờ biển lúc triều cao nhất

Câu 17: Ở Tây Nguyên có thể trồng được cả cây có nguồn gốc nhiệt đới và cận nhiệt đới (chè) nhờ có:

- A. có một mùa đông nhiệt độ giảm thấp.
- B. đất đỏ bazan thích hợp.
- C. khí hậu cận xích đạo, phân hóa theo độ cao.
- D. địa hình chủ yếu là các cao nguyên

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết: huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý ở nước ta lần lượt thuộc các tỉnh:

- A. Quảng Trị, Bình Thuận.
- B. Quảng Ngãi, Khánh Hòa
- C. Quảng Ngãi, Bình Thuận.
- D. Khánh Hòa, Bình Thuận.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, cho biết tỉnh vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là:

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Bắc Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

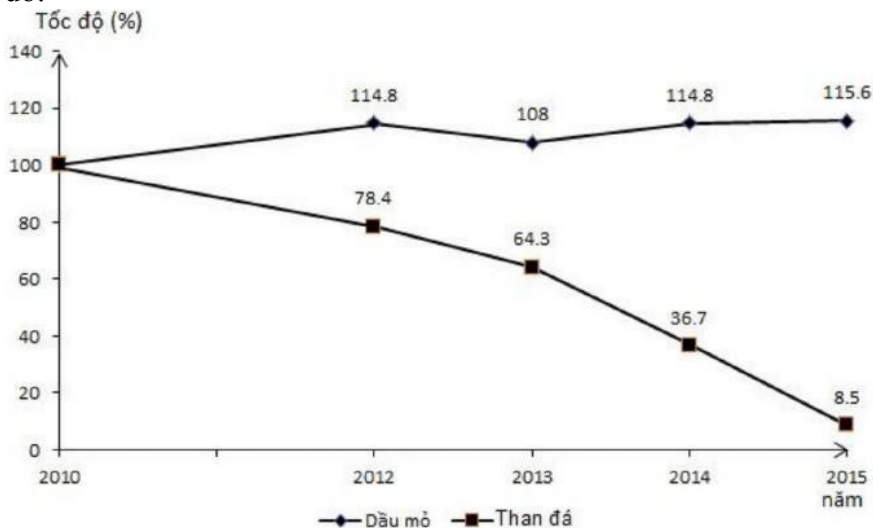
Câu 20: Một trong những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội là

- A. Trở thành nước có GDP/ người vào loại cao nhất
- B. Không có tình trạng đói nghèo.
- C. Thu nhập bình quân theo đầu người tăng nhanh.
- D. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn.

Câu 21: Vấn đề hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng vì nó góp phần

- A. tạo ra cơ cấu ngành đa dạng, khai thác hợp lí các tiềm năng của vùng.
- B. giải quyết việc làm cho một phần lao động, hạn chế nạn du canh du cư.
- C. hình thành cơ cấu kinh tế độc đáo, khai thác hiệu quả tiềm năng biển và đất liền.
- D. tạo ra cơ cấu ngành, tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian.

Câu 22: Cho biểu đồ:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2015

Biểu đồ có **điểm sai** ở nội dung nào sau đây?

- A. Khoảng cách năm.
- B. Bảng chú giải.
- C. Tên biểu đồ.
- D. Chia tỉ lệ % sai.

Câu 23: Điều nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn?

- A. Cho năng suất sinh học cao.
- B. Có nhiều loại cây
- C. Phân bố ở ven biển.
- D. Giàu tài nguyên động vật.

Câu 24: Đặc điểm không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. để chuyển giao công nghệ trong việc thăm dò và khai thác chế biến khoáng sản.
- B. để giải quyết những tranh chấp trong nghề cá ở biển Đông, vùng vịnh Thái Lan.
- C. để giải quyết những tranh chấp về các đảo, quần đảo ngoài khơi.
- D. để bảo vệ lợi ích chính đáng của các nước, giữ chủ quyền, phát triển bền vững trong khu vực

Câu 35: Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ:

- A. Nằm ta nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùa
- B. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.
- C. Lãnh thổ kéo dài từ 8934°B đến 23023°B nên thiên nhiên có sự phân hóa đa dạng.
- D. Nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới

Câu 36: Định hướng trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là:

- A. hiện đại hóa công nghiệp khai thác, giảm công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ phát triển tự nhiên.
- B. phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm đặc biệt chú ý đến công nghiệp điện lực và khai thác dầu khí.
- C. hiện đại hóa công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nền công nghiệp hàng hóa.
- D. phát triển các ngành công nghiệp nặng, các ngành công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp phát triển cơ sở nhu cầu thị trường.

Câu 37: Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn (%)

Năm	1990	1995	2000	2003	2005
Thành thị	19.5	20.8	24.2	25.8	26.9
Nông thôn	80.5	79.2	75.8	74.2	73.1

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn?

- A. Dân số thành thị chiếm tỉ lệ cao và ngày càng tăng, dân số nông thôn ngược lại
- B. Dân số nông thôn chiếm tỉ lệ cao tuy nhiên có xu hướng giảm nhưng vẫn còn chậm, dân số thành thị chiếm tỉ lệ nhỏ có xu hướng tăng lên nhưng còn chậm.
- C. Dân số nông thôn nhiều nhưng có xu hướng giảm mạnh trong giai đoạn 1990 – 2005.
- D. Dân số thành thị có xu hướng tăng mạnh trong giai đoạn 1990 - 2005

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-D	2-B	3-D	4-D	5-A	6-C	7-B	8-B	9-B	10-D
11-C	12-A	13-D	14-A	15-A	16-B	17-C	18-C	19-B	20-C
21-C	22-C	23-B	24-C	25-A	26-C	27-B	28-C	29-A	30-D
31-A	32-A	33-A	34-D	35-B	36-C	37-B	38-D	39-B	40-D

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: D

Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp của nước ta trong những năm qua thay đổi theo hướng tăng cường Chuyên môn hóa sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu. Điều này thể hiện rõ ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long là những vùng có tiềm năng sản xuất hàng hóa (sgk Địa 12 trang 109).

Câu 2: B

Quan sát biểu đồ ta thấy nhiệt độ tháng 12 của Hà Nội khoảng 18°C . > Nhận xét B: nhiệt độ tháng 12 của Hà Nội dưới 15°C là không đúng

Câu 3: D

Trong nghề cá, Duyên hải Nam Trung Bộ có nhiều ưu thế hơn vùng Bắc Trung bộ là do vùng có các ngư trường rộng lớn Ninh Thuận Bình – Thuận, đặc biệt là hai ngư trường xa bờ Hoàng Sa - Trường Sa => đem lại nguồn lợi thủy sản vô cùng lớn.

Câu 4: D

Dựa vào nguồn nguyên liệu, có thể phân chia ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm thành 3 phân ngành : chế biến sản phẩm trồng trọt (sử dụng nguyên liệu từ ngành trồng trọt: lúa, củ quả..), chế biến sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng...) và chế biến thủy sản (cá, tôm.)

Câu 5: A

Công nghiệp chế biến sử dụng nhiều kĩ thuật hiện đại trong khâu phơi sấy, bảo quản và tạo ra nhiều sản phẩm cho tiêu dùng (các sản phẩm từ gạo, cói, bông, dâu tằm... được chế biến để trở thành nguyên liệu cho ngành dệt may hay nghề thủ công)

=> Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp ngăn ngày với công nghiệp chế biến sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Câu 6: C

Các nhà máy nhiệt điện ở Đồng bằng sông Hồng chạy bằng than (Ninh Bình), nhiệt điện ở Đông Nam Bộ chạy bằng dầu khí (Phú Mỹ, Bà Rịa)=> đây là điểm khác biệt giữa các nhà máy nhiệt điện của 2 vùng này.

Câu 7: B

Hai vấn đề lớn trong sử dụng tài nguyên nước của nước ta hiện nay là tình trạng ngập lụt vào mùa mưa, thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô và ô nhiễm môi trường nước (sgk Địa 12 trang 61).

Câu 8: B

Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhiệt đới ở Đông Nam Bộ là khí hậu nóng ẩm, hệ đất trong phong phú (đất feralit, đất xám phù sa cô), mạng lưới sông ngòi dày đặc (hệ thống sông Đồng Nai với nguồn nước dồi dào)=> thuận lợi cho hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp với quy mô lớn, các vựa cây ăn quả...

Câu 9: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, các tỉnh thuộc tiểu vùng Tây Bắc gồm: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình.

Câu 10: D

Vào mùa đông (từ tháng 11 – 4 năm sau), từ Đà Nẵng trở vào có gió tín phong Bắc bán cầu hoạt động mạnh và thổi theo hướng đông bắc gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ, ngược lại tạo nên mùa khô cho các vùng khuất gió ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 11: C

Công nghiệp điện lực được xem là ngành thuộc cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng và phải đi trước một bước. Điện lực là cơ sở cho phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là công nghiệp, là cơ sở để phát triển văn hóa ở địa phương, nâng cao đời sống sinh hoạt của người dân...(nhóm cơ sở hạ tầng quan trọng nhất gồm: điện, đường, trường, trạm).

Câu 12: A

Đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ cần đẩy mạnh đầu tư vốn và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ, khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng. (sgk Địa 12 trang 177)

Câu 13: D

Vấn đề mà Đảng và Nhà nước đang đặc biệt quan tâm đến đồng bào các dân tộc là sự chênh lệch lớn về trình độ phát triển kinh tế - xã hội giữa các dân tộc. Vùng miền núi xa xôi nước ta là khu vực phân bố chủ yếu của các dân tộc ít người với trình độ kinh tế thấp, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.

Câu 14: A

Người Việt Nam ở nước ngoài tập trung nhiều nhất ở Bắc Mỹ, châu Âu và Ô-xtrây-li-a

Câu 15: A

Duyên hải Nam Trung Bộ là nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất nước ta để xây dựng các cảng biển nhờ địa hình với nhiều dãy núi ăn lan ra sát biển tạo ra nhiều vịnh, vũng nước sâu, kín gió. Vùng đã hình thành nhiều cảng biển, đặc biệt các cảng nước sâu (Dung Quất, Vân Phong, Cam Ranh,...)

Câu 16: B

Đường biên giới quốc gia trên biển chính là ranh giới của lãnh hải: được xác định bởi các đường song song cách đều đường cơ sở về phía biển (sgk Địa 12 trang 15).

Câu 17: C

Ở Tây Nguyên nhờ có điều kiện khí hậu cận xích đạo, nền nhiệt cao thuận lợi cho phát triển các cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, hồ tiêu,...). Mặt khác, trên các cao nguyên có độ cao lớn (trên 1000m) khi hậu có sự phân hóa theo độ cao -> hình thành đai khí hậu cận nhiệt đới thuận lợi cho phát triển cây cận nhiệt (chè), Ví dụ: trên cao nguyên Lâm Viên.

Câu 18: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, huyện đảo Lý Sơn và Phú Quý ở nước ta lần lượt thuộc các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Thuận

Câu 19: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 18, vùng trồng cây ăn quả lớn nhất của nước ta là Đồng bằng sông Cửu Long (với nhiều khu miệt vườn nổi tiếng)

Câu 20: C

Một trong những thành tựu quan trọng nhất của Trung Quốc trong phát triển kinh tế - xã hội là thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, tăng khoảng 5 lần trong hơn 20 năm qua, từ 276 USD (1985) lên 1269 USD (2004). (sgk Địa 11 trang 91)

Câu 21: C

Vấn đề hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế chung của vùng vì nó góp phần hình thành cơ cấu kinh tế độc đáo, khai thác hiệu quả tiềm năng biển và đất liền, cụ thể: vùng núi cao phía tây phát triển lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn, vùng gò đồi thấp hình thành mô hình nông - lâm kết hợp, trồng cây công nghiệp lâu năm, vùng đồng bằng ven biển canh tác cây lương thực và cây công nghiệp hằng năm (lúa, lạc, đậu tương...), nuôi trồng thủy sản trên các cửa sông, bãi triều ven biển và đánh bắt thủy sản ở vùng biển rộng lớn phía đông.

Câu 22: C

Dấu hiệu: biểu đồ đã cho là biểu đồ đường -> thể hiện tốc độ tăng trưởng của đối tượng trong một giai đoạn.

=> Tên biểu đồ: biểu đồ cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của nước ta giai đoạn 2010 – 2015 là không đúng.

Câu 23: B

Hệ sinh thái rừng ngập mặn có đặc điểm là phân bố ở ven biển, cho năng suất sinh học cao đặc biệt là sinh vật nước lợ (tôm, cá). Gồm nhiều loại cây gỗ quý là đặc điểm hệ sinh thái rừng kín thường xanh phân bố ở vùng núi của nước ta

Câu 24: C

Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có dân cư phân bố thưa thớt mật độ dân số đứng thứ 6 cả nước (Tây Nguyên có mật độ dân số thấp nhất). => Nhận xét vùng có dân số đông nhất so với các vùng khác là hoàn toàn sai

Câu 25: A

Đông Nam Á có vị trí địa - chính trị rất quan trọng vì: là nơi tiếp giáp giữa hai đại dương (Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương), vị trí cầu nối hai lục địa Á-Âu - Ô-xtrây-li-a và là nơi các cường quốc thường cạnh tranh ảnh hưởng.

Câu 26: C

Sự phát triển một nền kinh tế bền vững được thể hiện ở 3 mặt: kinh tế - xã hội và môi trường. Ngành du lịch nước ta đã thể hiện được sự phát triển bền vững, cụ thể là:

- Về kinh tế: du lịch phát triển ngày càng mạnh mẽ, doanh thu du lịch tăng lên nhanh đóng góp lớn vào cơ cấu GDP của cả nước, hoạt động du lịch đa dạng tạo nhiều việc làm cho lao động, nâng cao đời sống người dân, du lịch là một ngành công nghiệp không khói, nhờ những chính sách của Nhà nước trong việc bảo vệ môi trường -> ngành du lịch nước ta ngày càng phát triển và đảm bảo sự phát triển bền vững.

Câu 27: B

Mục đích chủ yếu của việc bảo vệ và phát triển rừng ở Bắc Trung Bộ liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên và phòng chống thiên tai, cụ thể là: - Phát triển rừng đầu nguồn góp phần điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ đột ngột trên các sông ngòi và dốc - Các khu rừng đặc dụng có vai trò bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã, giữ gìn nguồn gen của các loài động thực vật quý hiếm. - Các cánh rừng ven biển giúp hạn chế nạn cát bay, cát chấy xâm lấn đồng ruộng. Rừng ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa về mặt kinh tế (trồng rừng làm nguyên liệu giấy) ít hơn so với ý nghĩa về mặt môi trường (và rừng ở Bắc Trung Bộ có chức năng về kinh tế không bằng rừng ở Tây Nguyên và Trung du miền núi Bắc Bộ).

=> Nhận xét B là không chính xác

Câu 28: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, vào mùa hè khu vực Đồng bằng sông Hồng đón gió thổi theo hướng đông nam (do áp thấp Bắc Bộ khơi sâu hút gió mùa tây nam đổi hướng thành gió đông nam).

Câu 29: A

Vùng đồng bằng ven biển miền Trung có biển đóng vai trò chủ yếu trong quá trình thành tạo đồng bằng nên đất đai ở đây có đặc tính nghèo dinh dưỡng, nhiều cát ít phù sa

Câu 30: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, bản đồ lưu vực các con sông nước ta, xác định đượ hệ thống sông Kỳ Cùng - Bằng Giang chảy theo hướng Nam – Bắc có dòng chảy đổ sang lãnh thổ Trung Quốc

Câu 31: A

Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện mở rộng quy mô sản xuất là do có ưu thế về diện tích mặt nước lớn nhất cả nước (hệ thống sông ngòi kênh rạch chằng chịt, diện tích rừng ngập mặn, vùng cửa sông....) Ngư trường lớn và vùng biển rộng là điều kiện cho đánh bắt thủy sản.

Câu 32: A

Trong điều kiện thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, thường xuyên xảy ra thiên tai bất thường như mưa bão, lũ lụt, hạn hán và giá rét, sương muối..., nguồn nhiệt ẩm cao cũng tạo điều kiện cho sâu, dịch bệnh phát triển => khiến sản xuất nông nghiệp nước ta mang tính bấp bênh.

=> Để sản xuất nông nghiệp ổn định thì nhiệm vụ quan trọng là luôn phải phòng chống thiên tai, sâu bệnh, dịch hại cây trồng, vật nuôi.

Câu 33: A

Biểu đồ cột thường thể hiện giá trị của một đối tượng (số liệu tuyệt đối trong thời gian trên 4 năm. => Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất thể hiện đất canh tác trên đầu người là biểu đồ cột.

Câu 34: D

Hợp tác chặt chẽ với các nước trong việc giải quyết các vấn đề biển Đông và thềm lục địa là nhằm mục đích để bảo vệ lợi ích chính đáng của các nước, giữ chủ quyền, phát triển bền vững trong khu vực Các đáp án B, C mới chỉ giải quyết được một khía cạnh.

Câu 35: B

Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương, trên đường di lưu của các loài sinh vật nên có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú (gồm các sinh vật từ phương Bắc xuống, từ phương Nam đi lên: In đô Mã Lai, Ấn Độ - - xtrây-li-a..)

Câu 36: C

Định hướng trọng tâm trong chuyên dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là hiện đại hóa công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nền công nghiệp hàng hóa. (sgk Địa 12 trang 153)

SỞ GD&ĐT HƯNG YÊN

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 2

THPT CHUYÊN HƯNG YÊN

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 560

Câu 1: Nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta **không phải** chủ yếu dựa vào:

- A. nguồn nước và tài nguyên sinh vật dồi dào
- B. người lao động có kinh nghiệm sản xuất nông lâm ngư nghiệp
- C. sự đa dạng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. tài nguyên đất và tài nguyên khí hậu phong phú

Câu 2: Địa hình ở phía tây thượng nguồn sông Mã là:

- A. các dãy núi cao trung bình dọc biên giới Việt – Lào
- B. các sơn nguyên và cao nguyên đá vôi
- C. các dãy núi hình cánh cung
- D. dãy núi Hoàng Liên Sơn

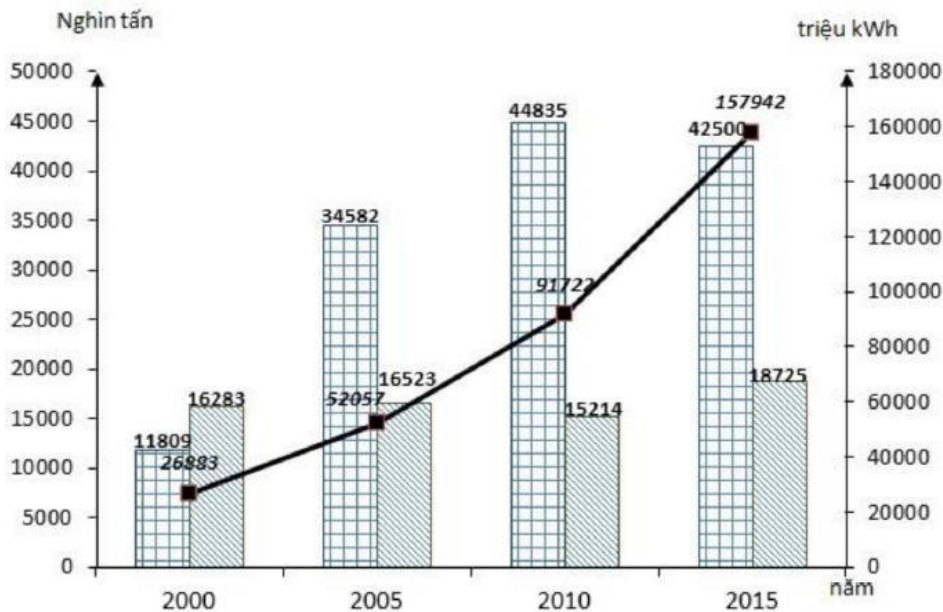
Câu 3: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, hãy cho biết vùng nào sau đây tập trung nhiều đất mặn nhất?

A. Đồng bằng sông Hồng **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ Đồng bằng sông Cửu
C. Long **D.** Bắc Trung Bộ

Câu 4: Công nghiệp năng lượng của nước ta gồm các phân ngành:

- A. khai thác than, khai thác dầu khí và nhiệt điện
- B. khai thác than, khai thác dầu khí và sản xuất điện
- C. khai thác nguyên, nhiên liệu và sản xuất điện
- D. khai thác nguyên, nhiên liệu và thủy điện

Câu 5: Cho biểu đồ sau:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ này?

- A. Sản lượng than sạch và điện phát ra biến động, sản lượng dầu thô tăng lên
- B. Sản lượng điện phát ra và dầu thô biến động, sản lượng than sạch tăng liên tục
- C. Sản lượng than sạch biến động, sản lượng dầu thô và điện phát ra tăng liên tục
- D. Sản lượng than sạch và dầu thô biến động, sản lượng điện phát ra tăng liên tục

Câu 6: Dựa vào Atlas Địa lí trang 20, cho biết tỉnh nào có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất?

- A. Kiên Giang
- B. Bình Thuận
- C. Cà Mau
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 7: Trong điều kiện của nền kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất nhỏ thì sự phân hóa lãnh thổ nông nghiệp bị chi phối chủ yếu bởi các điều kiện tự nhiên vì:

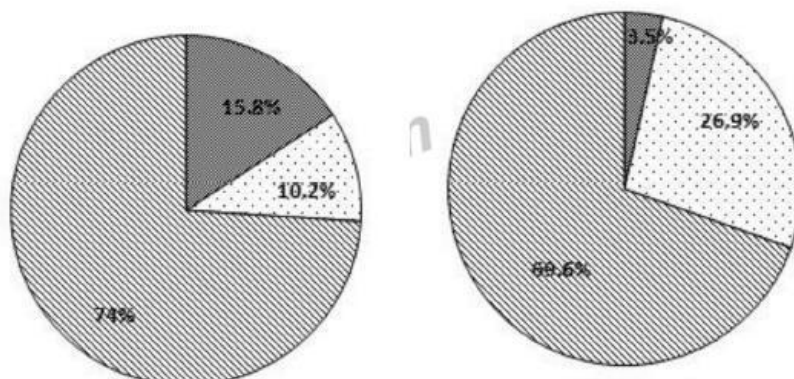
- A. các điều kiện kinh tế xã hội còn chưa mạnh để tác động với
- B. các điều kiện tự nhiên có tính chất quyết định đến sản xuất
- C. các điều kiện khó khăn về tự nhiên không thể khắc phục được
- D. các điều kiện kinh tế xã hội không có tác động gì đến nông nghiệp

Câu 8: Dựa vào Atlas Địa lí trang Hành Chính hãy cho biết đi dọc từ Bắc vào Nam có thành phố là tỉnh lộ được sắp xếp theo thứ tự nào?

- A. Thanh Hóa, Vinh, Đồng Hới, Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang - Tháp Chàm, Phan Thiết
- B. Thanh Hóa, Vinh, Hồng Lĩnh, Đồng Hới, Huế, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Thiết
- C. Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Huế, Quảng Ngãi, Tam Kỳ, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang - Tháp Chàm, Phan Thiết
- D. Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Đồng Hới, Huế, Hội An, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nha Trang, Phan Rang - Tháp Chàm, Phan Thiết

Câu 9: Cho biểu đồ:

Cơ cấu số lượng vật nuôi Trung du miền núi Bắc Bộ và Tây Nguyên năm 2014



Nhận xét nào sau đây không đúng với cơ cấu số lượng vật nuôi của Trung du và miền núi Bắc Bộ so với Tây Nguyên năm 2014?

- A. Tỉ trọng lợn của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn tỉ trọng của trâu và lợn của Tây Nguyên cộng lại
- B. Tỉ trọng trâu của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Tây Nguyên
- C. Tỉ trọng bò của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Tây Nguyên
- D. Tỉ trọng lợn của Trung du và miền núi Bắc Bộ cao hơn Tây Nguyên

Câu 10: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2012

Năm	2005	2007	2009	2012
Diện tích (nghìn ha)	497,4	509,3	538,5	623,0
Sản lượng (nghìn tấn)	752,1	915,8	1057,5	1260,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản thống kê 2013)

Để thể hiện diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn trên, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột B. Đường C. Miền D. Kết hợp cột và đường

Câu 11: Địa hình của Duyên hải miền Trung gây nhiều khó khăn cho loại hình giao thông vận tải nào?

- A. Đường sông và đường biển B. Đường biển và đường hàng không
- C. Đường sắt và ô tô D. Đường hàng không và đường ô tô

Câu 12: Ý nào sau đây đúng về quá trình đô thị hóa ở nước ta?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có trình độ đô thị hóa thấp nhất so với trung bình cả nước
- B. Tỉ lệ dân thành thị ở Đồng bằng sông Hồng cao hơn Đông Nam Bộ
- C. Đông Nam Bộ là nơi có số lượng đô thị lớn nhất
- D. Tỉ lệ dân thành thị lớn hơn dân số nông thôn

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến công nghiệp xay xát của nước ta phát triển mạnh?

- A. Nhu cầu lớn trong nước và xuất khẩu B. Nguồn nguyên liệu ổn định
- C. Giá trị kinh tế cao D. Giải quyết được nhiều việc làm

Câu 14: Điều nào sau đây là sai khi nói về việc sử dụng lao động theo các thành phần kinh tế ở nước ta?

- A. Nền kinh tế ngoài quốc doanh thu hút đa số lao động vào các ngành nông – lâm – ngư nghiệp
- B. Đang có sự chuyển dịch lao động từ khu vực Nhà nước sang khu vực ngoài quốc doanh (trừ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài)
- C. Nền kinh tế ngoài quốc doanh cũng thu hút nhiều lao động vào lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, kỹ nghệ cao
- D. Việc sử dụng lao động theo các thành phần kinh tế thay đổi do quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo cơ chế thị trường

Câu 15: Cơ cấu kinh tế theo ngành ở nước ta có sự chuyển dịch rõ rệt chủ yếu nhằm:

- A. khai thác có hiệu quả hơn các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hoàn thiện
- B. thích nghi với tình hình mới để có thể hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới
- C. khai thác có hiệu quả hơn các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, lợi thế lao động đông, giá rẻ
- D. thích nghi với xu thế dân chủ hóa đời sống kinh tế xã hội, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Câu 16: Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế ở nước ta chủ yếu là do:

- A. đường lối Đổi mới
- B. cơ sở hạ tầng được tăng cường
- C. tỉ lệ lao động đã qua đào tạo ngày càng tăng
- D. thị trường tiêu thụ được mở rộng trong và ngoài nước

Câu 17: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA NƯỚC TA - GIAI ĐOẠN 1979 – 2014

Năm	1979	1989	1999	2009	2014
Dân số (triệu người)	52,7	64,4	76,3	86,0	90,7
Tỉ lệ tăng dân số (%)	2,16	2,1	1,51	1,06	1,08

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản thống kê

2016) Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Tỉ lệ gia tăng dân số giảm nhanh giai đoạn 1979 - 2014
- B. So với năm 1979 tỉ lệ gia tăng dân số giảm hơn 2 lần vào năm 2014
- C. Giai đoạn 1898 – 1999, dân số nước ta tăng nhanh
- D. Dân số nước ta không ổn định giai đoạn 1979 – 2014

Câu 18: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết nước ta có bao nhiêu trung tâm công nghiệp có qui mô từ trên 40 nghìn tỉ đồng?

- A. 2
- B. 8
- C. 6
- D. 4

Câu 19: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ:

- A. việc tăng cường nguồn lao động về số lượng và chất lượng
- B. việc tăng cường cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường
- C. nền nông nghiệp hàng hóa của vùng phát triển mạnh
- D. điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi

Câu 20: “Rêu và địa y phủ kín thân cây, cành cây” là đặc điểm sinh vật ở độ cao nào ở vùng núi nước ta?

- A. 1600m – 1700m đến 2600m
- B. 1000m - 1600m
- C. 900m - 1000m
- D. trên 2600m

Câu 21: Địa hình thấp và bằng phẳng của đồng bằng sông Cửu Long gây trở ngại nào cho sản xuất nông nghiệp vào vụ hè thu?

- A. Nước mặn xâm nhập trên diện rộng
- B. Tăng độ chua, mặn của đất
- C. Vận chuyển nông sản bằng đường thủy
- D. Lũ ngập sâu và kéo dài

Câu 22: Đặc điểm nào sau đây chứng tỏ cấu trúc địa chất – địa hình của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ khá phức tạp?

- A. Hệ thống núi non trùng điệp, địa hình núi cao, núi trung bình chiếm ưu thế, đồng bằng nhỏ hẹp bị chia cắt
- B. Gồm các khối núi cổ, các bề mặt sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan, đồng bằng châu thổ sông, đồng bằng ven biển
- C. Đồi núi thấp với độ cao trung bình 600m chiếm ưu thế, nhiều địa hình đá vôi, địa hình bờ biển có nhiều vịnh, đảo, quần đảo
- D. Gồm núi cao, núi trung bình, núi thấp, sơn nguyên và cao nguyên đá vôi, thung lũng hẹp, nhiều vách núi đứng

Câu 25: Ý nào sau đây không đúng về gia tăng dân số thành thị ở nước ta?

- A. Gia tăng dân số tự nhiên thấp hơn mức trung bình cả nước
- B. Phản ánh quá trình mở rộng địa giới của đô thị diễn ra mạnh
- C. Mức gia tăng dân số nhìn chung thấp hơn so với nông thôn
- D. Phản ánh quá trình di dân tự do từ nông thôn ra thành thị

Câu 26: Đặc điểm địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ nước ta là:

- A. núi cao chiếm ưu thế, hướng núi vòng cung, các thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng
- B. núi cao chiếm ưu thế, hướng núi đông- tây, các thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng
- C. núi thấp chiếm ưu thế, hướng núi tây bắc – đông nam, các thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng
- D. núi thấp chiếm ưu thế, hướng núi vòng cung, các thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng

Câu 27: Điểm khác biệt cơ bản nào về điều kiện tự nhiên khiến Đồng bằng sông Cửu Long vượt trội so với đồng bằng sông Hồng trong vai trò cung cấp lương thực thực phẩm cho cả nước?

- A. Trình độ thâm canh
- B. Quy mô diện tích
- C. Sự phong phú của nguồn nước
- D. Đặc điểm khí hậu

Câu 28: Sông ngòi nước ta nhiều nước, giàu phù sa là do:

- A. mưa nhiều trên địa hình đồi núi có độ dốc lớn
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

C. trong năm có hai mùa khô, mưa đắp đổi nhau

D. diện tích đồi núi thấp là chủ yếu và mưa nhiều

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam, cho biết các loại đất feralit trên đá phiến, đá vôi, đá mẹ khác chiếm phần lớn diện tích ở vùng nào sau đây?

A. Đông Nam Bộ

B. Tây Nguyên

C. Duyên hải Nam Trung Bộ

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 30: Tính chất nào sau đây không phải là đặc điểm của sông ngòi Duyên hải miền Trung?

A. Chế độ nước thất thường

B. Dòng sông ngắn và dốc

C. Chế độ nước phân hóa theo mùa

D. Lũ lên nhanh và kéo dài

Câu 31: Phát biểu nào sau đây không đúng về Đông Nam Á?

A. Vị trí cầu nối giữa lục địa Á-Âu và lục địa Ô-xtrây-li-a

B. Là nơi giao thoa giữa các nền văn hóa lớn

C. Là nơi các cường quốc muốn cạnh tranh ảnh hưởng

D. Nằm ở vành đai lửa Thái Bình Dương

Câu 32: Mùa mưa ở miền Trung đến muộn hơn so với cả nước do tác động của:

A. các dãy núi đâm ngang ra biển

B. trong lạnh vào mùa thu đông

C. gió phơn Tây Nam khô nóng vào đầu mùa hạ

D. bão đến tương đối muộn so với miền Bắc

Câu 33: Trong qui hoạch công nghiệp (năm 2001), Hà Tĩnh thuộc vùng công nghiệp số:

A. 5

B. 4

C. 2

D. 3

Câu 34: Dãy Trường Sơn đã làm cho vùng Bắc Trung Bộ:

A. chịu ảnh hưởng của bão nhiều hơn các vùng khác

B. có nhiều ưu thế để phát triển mạnh ngành chăn nuôi

C. có mùa mưa chậm dần sang thu đông và gió phơn Tây Nam

D. đồng bằng bị thu hẹp và chia cắt thành các đồng bằng nhỏ

Câu 35: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy sắp xếp độ cao của các dãy núi từ cao đến thấp? A. Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti, Pu Tha Ca, Yên Tử

B. Tây Côn Lĩnh, Yên Tử, Pu Tha Ca, Kiều Liêu Ti

C. Tây Côn Lĩnh, Yên Tử, Kiều Liêu Ti, Pu Tha Ca

D. Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti, Yên Tử, Pu Tha Ca

Câu 36: Tính mùa vụ được khai thác tốt hơn không phải nhờ vào việc:

A. đẩy mạnh hoạt động giao thông vận tải B. áp dụng rộng rãi công nghiệp chế biến C. sử dụng ngày càng nhiều công nghệ bảo quản D. tăng cường sản xuất chuyên môn hóa

Câu 37: Các tuyến đường ngang nối Tây Nguyên với các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ không nhằm mục đích:

A. đẩy mạnh giao lưu với Đông Nam Bộ

B. giúp cho vùng mở cửa hơn nữa với các nước trên thế giới

C. sử dụng ngày càng nhiều công nghệ bảo quản

D. nâng cao vai trò quan trọng của vùng trong quan hệ với Tây Nguyên

Câu 38: Để phát triển mạnh ngành chăn nuôi gia súc lớn, cơ sở đầu tiên cần chú ý là:

A. phát triển thêm và cải tạo các đồng cỏ

B. nắm bắt được nhu cầu thị trường

C. sử dụng nhiều thức ăn tổng hợp

D. tận dụng các phế phẩm của ngành chế biến lúa gạo

Câu 39: Điểm nào sau đây không đúng với vai trò quan trọng của ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm đối với nền kinh tế đất nước?

A. Có tác động quan trọng đến sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế quốc dân, đảm bảo cho các ngành khác phát triển.

B. Tạo nên một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, thúc đẩy sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp

C. Làm cho các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản vừa có chất lượng cao, vừa dễ bảo quản, thuận tiện cho việc vận chuyển

D. Làm tăng tốc độ tích lũy cho nền kinh tế quốc dân do vốn đầu tư xây dựng ít, thời gian quay vòng nhanh, thu hồi vốn nhanh

Câu 40: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢNG ĐÀN TRÂU, BÒ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 – 2012

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	Trâu	Bò
2000	2955,7	4127,9
2005	2922,2	5540,7
2010	2877,0	5808,3
2012	2627,8	5194,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2012, Nhà xuất bản thống kê 2013)

Để thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, bò ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2012, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Tròn

B. Cột

C. Đường

D. Miền

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-B	2-A	3-C	4-C	5-D	6-D	7-A	8-A	9-C	10-D
11-C	12-A	13-B	14-A	15-A	16-A	17-C	18-D	19-C	20-D
21-B	22-B	23-C	24-D	25-C	26-D	27-B	28-A	29-D	30-D
31-D	32-C	33-C	34-C	35-A	36-C	37-A	38-A	39-A	40-C

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: B

- nước ta, nền nông nghiệp nhiệt đới phát triển chủ yếu dựa vào điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, cụ thể là sự đa dạng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa, biểu hiện rõ nhất ở sự phân hóa tài nguyên đất, khí hậu và nguồn nước dồi dào, tài nguyên sinh vật phong phú.

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt ẩm cao có sự phân hóa rõ rệt theo chiều bắc - nam và theo chiều cao địa hình => cho phép phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đa dạng | cây trồng, vật nuôi.

- Sự phân hóa các điều kiện địa hình, đất trồng cho phép và đồng thời đòi hỏi áp dụng các hệ thống canh tác khác nhau giữa các vùng (trung du trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc), đồng bằng trồng cây ngắn ngày, thâm canh, tăng vụ, nuôi trồng thủy sản...)

- Nguồn nước dồi dào là nhân tố quan trọng hàng đầu trong phát triển nông nghiệp (nhất nước, nhà phân, tam cần, tứ giống). Tài nguyên sinh vật phong phú thuận lợi cho việc đa dạng hóa cây trồng vật nuôi, tiến hành lai tạo giống... => Đáp án A, C, D đúng.

- Người lao động có kinh nghiệm sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp không phải là nhân tố chủ yếu cho sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới ở nước ta.

Chú ý: Xác định từ khóa: nông nghiệp nhiệt đới => các nhân tố tự nhiên có vai trò quan trọng nhất.

Câu 2: A

Sông Mã chảy qua vùng núi Bắc Trung Bộ nên phía Tây thượng nguồn sông Mã là các dãy núi có độ cao trung bình dọc biên giới Việt - Lào.

Câu 3: C

Đất mặn tập trung nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long đặc biệt dọc ven biển Đông và vịnh Thái Lan (Atlas trang 11)

Câu 4: C

Nước ta, công nghiệp năng lượng gồm khai thác nguyên nhiên liệu là khai thác than, khai thác dầu và sản xuất điện

Câu 5: D

Nhìn vào biểu đồ ta thấy, từ 2000 đến 2015

Ở Sản lượng than sạch tăng nhanh từ 21509 nghìn tấn lên 45456 nghìn tấn nhưng còn biến động.

Ở Sản lượng dầu thô có tăng nhẹ nhưng còn biến động

Ở Sản lượng điện phát ra tăng nhanh, liên tục từ 26893triệu kWh lên 152940 triệu kWh

=> Nhận xét D: Sản lượng than sạch và dầu thô biến động, sản lượng điện phát ra tăng liên tục đúng

Câu 6: D

Tỉnh có sản lượng khai thác thủy sản cao nhất là Bà Rịa-Vũng Tàu (3612 nghìn tấn)

Câu 7: A

Trước đây, ở nước ta, nền nông nghiệp phát triển với quy mô nhỏ lẻ, tự cung tự cấp, phụ thuộc hoàn toàn vào các điều kiện tự nhiên như đất, nước, khí hậu... Nguyên nhân là do giai đoạn này các điều kiện kinh tế + xã hội còn chưa mạnh để tác động và làm cho tổ chức lãnh thổ nông nghiệp chuyển biến (sgk Địa 12 trang 106).

Câu 8: A

Các thành phố tỉnh lỵ từ Bắc đến Nam là: Thanh Hóa – Vinh (Nghệ An) – Hà Tĩnh - Đồng Hới (Quảng Bình) - Huế - Tam Kỳ (Quảng Nam)- Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Bình Định)– Tuy Hòa (Phú Yên) – Nha Trang (Khánh Hòa) - Phan Rang - Tháp Chàm (Bình Thuận), Phan Thiết (Ninh Thuận)

Câu 9: C

Dựa vào biểu đồ ta thấy

+Tỉ trọng lợn của Trung du miền núi Bắc Bộ (74%) cao hơn tỉ trọng của trâu và bò cộng lại (15,8+10,2 = 26 %)

+Tỉ trọng trâu của Trung du miền núi Bắc Bộ (15,8 %)cao hơn Tây Nguyên (3,5%)

+Tỉ trọng bò của Trung du miền núi Bắc Bộ (10,2%) thấp hơn Tây Nguyên (26,9%)

+Tỉ trọng lợn của Trung du miền núi Bắc Bộ (74%) cao hơn Tây Nguyên (69,6%)

Câu 10: D

F. Đề bài yêu cầu thể hiện diện tích và sản lượng cà phê. Diện tích và sản lượng có mối quan hệ với nhau

G. Bảng số liệu: có 2 đơn vị khác nhau (nghìn ha và nghìn tấn)

=> Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện diện tích và sản lượng cà phê của nước ta giai đoạn 2005 – 2012 là biểu đồ kết hợp cột – đường.

Câu 14: A

Nền kinh tế ngoài quốc doanh thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư trong cho phát triển công nghiệp và dịch vụ. Các ngành nông - lâm - ngư nghiệp chủ yếu do nhà nước quản lý.

=> Nhận xét A: Nền kinh tế ngoài quốc doanh thu hút đa số lao động vào các ngành nông – lâm – ngư nghiệp là không đúng

Câu 15: A

H. Nhận xét B và D là mục đích của chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế => loại B và D.

I.Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế sẽ góp phần khai thác hiệu quả hơn các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tận dụng nguồn nguyên liệu cho phát triển các ngành công nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế từ đó sẽ phát triển cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kĩ thuật ngày càng hoàn thiện và hiện đại hơn.

Câu 16: A

Nhà nước đã đề ra đường lối đổi mới trong việc phát triển kinh tế từ đó góp phần chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế để có thể hội nhập, phát triển.

Câu 17: C

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy:

J.Tỉ lệ gia tăng dân số nước ta trong giai đoạn 1979-2014 giảm từ 2,16% xuống 1,08%, tuy nhiên tốc độ giảm còn chậm => nhận xét A giảm nhanh là không đúng - Năm 2014, tỉ lệ gia tăng dân số giảm 2,167 1,08 = 2 lần so với năm 1979 => nhận xét B giảm hơn 2 lần là không đúng.

K. Giai đoạn 1989-1999, dân số tăng nhanh nhất, tăng 11,9 triệu người => nhận xét C đúng

L. Dân số nước ta tăng nhanh và liên tục trong giai đoạn 1979-2014 => nhận xét C dân số nước ta không ổn định trong giai đoạn 1979 – 2014 là không đúng.

Câu 18: D

Có 4 trung tâm công nghiệp có quy mô trên 40 nghìn tỉ đồng gồm: Hải Phòng, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 19: C

Ở Tây Nguyên, nền nông nghiệp hàng hóa đang phát triển mạnh, sản xuất chủ yếu phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong và ngoài nước nên để vừa nâng cao chất lượng, giá trị hàng hóa => đầu tư phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 20: D

Độ cao trên 2600m, nhiệt độ xuống thấp, mùa đông dưới 0°C nên thực vật không thể phát triển được => chủ yếu là Rêu, địa y

Câu 21: B

Đồng bằng Sông Cửu Long có địa hình thấp trũng, nhiều vùng bị ngập nước quanh năm làm cho đất bị nhiễm phèn, nhiễm mặn => ảnh hưởng đến diện tích canh tác nông nghiệp và năng suất cây trồng vật nuôi.

Câu 22: B

Địa hình miền Nam Trung Bộ - Nam Bộ gồm: khối núi cổ KonTum, cực Nam Trung Bộ, các sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan ở Tây Nguyên, đồng bằng châu thổ, ven biển => biểu hiện của sự phức tạp trong cấu trúc địa chất của vùng.

Câu 23: C

Các nước đang phát triển, trình độ dân trí thấp, kinh tế kém phát triển, phong tục tập quán kết hợp cơ cấu dân số trẻ nên tỉ suất sinh cao => bùng nổ dân số

Câu 24: D

Để khai thác hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới => phải phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, tức là đẩy mạnh sản xuất phục vụ nhu cầu của trong và ngoài nước.

Câu 25: C

Sự gia tăng dân số thành thị thể hiện: - Mức độ gia tăng dân số tự nhiên thấp hơn trung bình cả nước nhưng gia tăng cơ học phát triển nhanh đặc biệt là do di dân tự do từ nông thôn ra thành thị. - Dân số thành thị càng tăng => diện tích các đô thị mở rộng.

Câu 26: D

Địa hình miền Bắc-Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu là núi thấp, hướng chủ yếu là vòng cung (Sông Gâm, Ngân Sơn...), thung lũng sông lớn với đồng bằng mở rộng (ĐBSH)

Câu 27: B

Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích lớn hơn đồng bằng sông Hồng => diện tích đất canh tác lớn hơn => ĐBSCL phát triển mạnh nền nông nghiệp, có vai trò lớn trong cung cấp lương thực, thực phẩm lớn cho cả nước.

Câu 28: A

Nước ta có lượng mưa lớn, tập trung kết hợp với 4 diện tích là đồi núi, độ dốc lớn, nên lưu lượng nước và phù sa hàng năm lớn.

Câu 29: D

Trung du miền núi Bắc Bộ tập trung nhiều loại đất feralit trên đá phiến, đá vôi, đá mẹ khác (Atlas trang 11)

Câu 30: D

Địa hình miền Trung hẹp ngang, nhiều dãy núi lan ra sát biển nên sông nhỏ, ngắn và dốc => lũ lên nhanh, rút rất nhanh, chế độ nước sông thất thường phụ thuộc vào chế độ mưa và có sự phân hóa theo mùa (mùa lũ tập trung vào thời kì thu – đông)..

=> Nhận xét lũ lên nhanh và kéo dài là không đúng với chế độ nước sông ngòi miền Trung.

Câu 31: D

Đông Nam Á tiếp giáp và nằm trên vùng biển Thái Bình Dương => không nằm gần vành đai núi lửa Đại Tây Dương.

Câu 32: C

Vào đầu mùa hạ, gió Tây Nam từ vịnh Bengan thổi vào gặp bức chắn địa hình gây hiệu ứng phơn khô nóng cho duyên hải miền Trung làm cho mùa mưa chậm dần sang thu đồng so với Tây Nguyên, Nam Bộ và 1 số vùng khác của cả nước.

Câu 33: C

Trong quy hoạch vùng công nghiệp, Hà Tĩnh nằm trong vùng công nghiệp số 2 là vùng ĐBSH.

Câu 34: C

Dãy Trường Sơn tạo bức chắn địa hình với gió Tây Nam làm gió này bị biến tính trở nên khô nóng, gây ra hiệu ứng phơn đầu hạ, và làm cho mùa mưa lệch sang thu đông..

Câu 35: A

Quan sát Atlas Địa lí xác định độ cao các đỉnh núi: núi Tây Côn Lĩnh 2419m, Kiều Liêu Ti 2402m, Pù Thục 2274m, Yên Tử 1068m

Câu 36: C

Việc tăng cường chuyên môn hóa sản xuất kết hợp đẩy mạnh hoạt động giao thông vận tải và áp dụng rộng rãi công nghệ chế biến sẽ giúp khai thác tốt hơn tính mùa vụ trong nông nghiệp ở nước ta. Việc trao đổi nông sản giữa các tỉnh phía Bắc và các tỉnh phía nam nhờ thế mà ngày càng mở rộng và có hiệu quả. => Nhận xét A, B, D đúng Sử dụng nhiều công nghệ bảo quản để góp phần bảo quản chất lượng nông phẩm, nó không có vai trò trong việc khai thác tốt hơn tính mùa vụ trong nông nghiệp. => nhận xét C không đúng

Câu 37: A

Các tuyến đường ngang nối Tây Nguyên – Duyên hải Nam Trung Bộ góp phần mở cửa giao lưu buôn bán với các nước trên thế giới qua đường biển, mở rộng vùng hậu phương cung cấp nguyên nhiên liệu của Tây Nguyên từ đó nâng cao vai trò, vị thế của vùng duyên hải với Tây Nguyên. Đề thúc đẩy giao lưu với Đông Nam Bộ phải phát triển các tuyến đường Bắc – Nam, phát triển các tuyến đường ngang không nhằm mục đích thúc đẩy giao lưu kinh tế giữa Tây Nguyên với Đông Nam Bộ.

Câu 38: A

Nguồn thức ăn chính của gia súc là các đồng cỏ => để phát triển ngành chăn nuôi gia súc phải phát triển thêm và cải tạo các đồng cỏ.

Câu 39: A

Công nghệ chế biến thực phẩm sử dụng nguyên liệu chủ yếu từ ngành nông - lâm - ngư nghiệp, thông qua chế biến làm tăng giá trị sản phẩm tạo ra nhiều mặt hàng có giá trị, có giá trị xuất khẩu, thu ngoại tệ và làm tăng tốc độ tích lũy cho nền kinh tế quốc dân nhờ vốn đầu tư ít và thời gian quay vòng vốn nhanh. => nhận xét B, C, D đúng

=> Công nghệ chế biến thực phẩm chủ yếu thúc đẩy sự phát triển của ngành nông nghiệp, nó không có vai trò thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành kinh tế quốc dân. => nhận xét A sai

Câu 40: C

Biểu đồ đường thường thể hiện tốc độ phát triển kinh tế của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên.

=> Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện tốc độ tăng trưởng đàn trâu, bò ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2012 là biểu đồ đường.

SỞ GD&ĐT BẮC NINH

THPT HÀN THUYỀN

ĐỀ THI THỬ THPT QG - LẦN 2

Năm học 2018 - 2019

Môn: Địa lí 12

Thời gian làm bài: 50 phút

Mã đề: 743

Câu 1: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc ở điểm

- A. mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn.
- B. khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình.
- C. mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây, lượng mưa giảm.
- D. mùa đông lạnh đến sớm hơn và kết thúc muộn hơn.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng và sông Đà Rằng lần lượt là

- A. tháng 10, tháng 8, tháng 9.
- B. tháng 11, tháng 8, tháng 10.
- C. tháng 10, tháng 8, tháng 11.
- D. tháng 9, tháng 8, tháng 11.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây đúng về thành tựu của ASEAN hiện nay?

- A. Tốc độ GDP của một số quốc gia khá cao.

- B. Các quốc gia đều có trình độ phát triển giống nhau.
 C. Nhiều quốc gia thuộc vào nhóm phát triển.
 D. Tình trạng đói nghèo của người dân được xóa bỏ.
- Câu 4:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết sông Cà đô ra biển cửa nào sau đây?
 A. Cửa Tùng. B. Cửa Việt. C. Cửa Hội. D. Cửa Gianh.
- Câu 5:** Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng làm
 A. bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.
 B. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.
 C. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
 D. gây trồng rừng trên đất trống đồi trọc.
- Câu 6:** Phát biểu nào sau đây không đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta (từ dãy Bạch Mã trở vào)
 A. Nhiệt độ năm trung bình trên 25°C. B. Phân hóa hai mùa khô và mưa rõ rệt.
 C. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo. D. Biên độ nhiệt trung bình năm lớn.
- Câu 7:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây chịu ảnh hưởng tần suất bão cao nhất nước ta
 A. Đông Bắc Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Bộ. D. Nam Trung Bộ
- Câu 8:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp ở nông thôn Trung Quốc là
 A. góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế và thay đổi bộ mặt nông thôn.
 B. tạo nhiều việc làm cho người lao động và cung cấp nhiều hàng hóa.
 C. đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường và hạn chế việc nhập khẩu.
 D. khai thác nhiều tài nguyên thiên nhiên và tạo mặt hàng xuất khẩu.
- Câu 9:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết apatit có ở nơi nào sau đây
 A. Cam Đường. B. Sinh Quyền. C. Quỳnh Nhai. D. Văn Bàn.
- Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang thuộc tỉnh nào sau đây
 A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Lạng Sơn. D. Cao Bằng.
- Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết trung tâm nông nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?
 A. Đà Nẵng. B. Thành Phố Hồ Chí Minh.
 C. Hải Phòng. D. Hà Nội.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm trên đảo?
 A. Ba Vì. B. Xuân Sơn. C. Cát Bà. D. Hoàng Liên Sơn.
- Câu 13:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết sân bay Liên Khương thuộc tỉnh nào sau đây?
 A. Kom Tum. B. Lâm Đồng. C. Gia Lai. D. Đắk Lắk.
- Câu 14:** Phát biểu nào sau đây đúng về chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay?
 A. Hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế.
 B. Tỉ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng.
 C. Nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời và phát triển.
 D. Lĩnh vực kinh tế then chốt do Nhà nước quản lí.
- Câu 15:** Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên
 A. nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ quanh năm dương.
 B. Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô mùa hạ nóng, ẩm.
 C. có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.
 D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.
- Câu 16:** Phát biểu nào không đúng về đặc điểm dân cư nước ta
 A. Dân số có sự biến đổi nhanh chóng về cơ cấu nhóm tuổi.
 B. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
 C. Dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số đang có sự biến đổi.
 D. Dân cư phân bố đồng đều giữa thành thị và nông thôn.
- Câu 17:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết nhà máy thủy điện Cần Đơn thuộc tỉnh nào sau đây?
 A. Bình Dương. B. Bình Phước. C. Đồng Nai. D. Tây Ninh.
- Câu 18:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt

của Hà Nội so với TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn. B. Nhiệt độ trung bình tháng 1 thấp hơn.
C. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn. D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây không giáp Trung Quốc?

- A. Lai Châu. B. Lạng Sơn. C. Cao Bằng. D. Sơn La.

Câu 20: Từ Đà Nẵng trở vào Nam trong thời gian từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, gió mùa động về bản chất là gió nào?

- A. Gió mùa Đông Bắc. B. Gió Tín Phong bán cầu Bắc.
C. Gió mùa Tây Nam. D. Gió mùa Đông Nam.

Câu 21: Cho bảng số liệu sau:

Số dân và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2000 – 2017.

Năm	2000	2008	2010	2017
Số dân (triệu người)	77,6	85,1	86,9	95,8
Tỉ lệ dân thành thị (%)	24,1	29,0	30,0	34,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2014, Nhà xuất bản thống kê, 2015)

Nhận xét nào sau đây không đúng với bảng số liệu trên

- A. Tỉ lệ dân thành thị tăng nhưng vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực.
B. Mỗi năm dân số nước ta vẫn tăng thêm trung bình hơn 1 triệu người.
C. Tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh và cao so với các nước trong khu vực.
D. Số dân và tỉ lệ dân thành thị đều tăng.

Câu 22: Đặc điểm cơ bản nhất của nền nông nghiệp hiện đại sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay là

- A. đang xóa dần kiểu sản xuất nhỏ manh mún.
B. đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa.
C. ngày càng sử dụng nhiều máy móc, vật tư nông nghiệp.
D. người nông dân ngày càng quan tâm đến yếu tố thị trường.

Câu 23: Yếu tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự đa dạng của đối tượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay?

- A. Nhu cầu khác nhau của các thị trường. B. Yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.
C. Điều kiện nuôi khác nhau ở các cơ sở. D. Diện tích mặt nước được mở rộng thêm.

Câu 24: Đặc điểm địa hình nhiều đồi núi thấp đã làm cho

- A. địa hình nước ta có sự phân bậc rõ rệt.
B. thiên nhiên có sự phân hóa sâu sắc.
C. địa hình nước ta ít hiểm trở.
D. tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn

Câu 25: Hoạt động của bão nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Mùa bão chậm dần từ Bắc vào Nam. B. Mùa bão chậm dần từ Nam ra Huế.
C. Mùa bão chậm dần từ Huế trở ra Bắc. D. Mùa bão chậm dần từ Nam ra Bắc.

Câu 26: Công nghiệp chế biến thực phẩm của Đông Nam Á phát triển dựa trên các thế mạnh chủ yếu

- A. Nguồn vốn đầu tư nhiều và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
B. Nguồn lao động rất dồi dào và cơ sở vật chất kỹ thuật tốt.
C. Nguồn lao động dồi dào và cơ sở hạ tầng khá hiện đại.
D. Nguồn nguyên liệu phong phú và thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 27: Thành phần kinh tế nào ở nước ta vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế?

- A. Kinh tế tư nhân. B. Kinh tế tập thể.
C. Kinh tế Nhà nước. D. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 30: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của một số địa điểm Địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
----------	----------------	--------------------	------------------

Hà Nội	1676	989	+687
Huế	2868	1000	+1868
TP. Hồ Chí Minh	1913	1686	+245

Để thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của 3 địa điểm theo bảng số liệu đã cho, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ miền. B. Biểu đồ cột-đường. C. Biểu đồ đường D. Biểu đồ cột.

Câu 31: Biện pháp có ý nghĩa tích cực nhất để bảo vệ đất ở vùng đồi núi nước ta là

- A. phát triển các mô hình nông - lâm kết hợp. B. phổ biến các kỹ thuật canh tác thích hợp.
C. xóa bỏ nạn du canh du cư. D. tăng cường thủy lợi.

Câu 32: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu trong phát triển chăn nuôi ở nước ta hiện nay?

- A. Hình thức chăn nuôi nhỏ, phân tán vẫn còn phổ biến ở nhiều nơi.
B. Công nghiệp chế biến còn hạn chế, dịch bệnh đe dọa ở diện rộng.
C. Cơ sở chuồng trại có quy mô còn nhỏ, trình độ lao động chưa cao.
D. Nguồn đầu tư còn hạn chế, thiên tai thường xuyên tác động xấu.

Câu 33: Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. tiến hành thâm canh, tăng vụ.
B. đa dạng hóa các ngành nghề sản xuất, dịch vụ.
C. khôi phục các ngành nghề thủ công, truyền thống.
D. phát triển kinh tế hộ gia đình.

Câu 34: Ý nghĩa lớn nhất của thực hiện chương trình đánh bắt thủy sản xa bờ là

- A. góp phần duy trì nguồn lợi thủy sản ven biển.
B. tăng nhanh sản lượng thủy sản đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.
C. khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ.
D. góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.

Câu 35: Việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở nước ta không nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây? A. Khai thác hợp lý hơn sự phong phú, đa dạng của tự nhiên.

- B. Giảm thiểu rủi ro khi thị trường nông sản biến động bất lợi.
C. Tập trung phát triển nông sản ở những vùng chuyên canh.
D. Sử dụng tốt hơn nguồn lao động, tạo thêm nhiều việc làm.

Câu 36: Để đẩy mạnh sản xuất nông sản, giải pháp nào dưới đây có tác dụng tích cực hơn cả

- A. Tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp chế biến.
B. Khuyến khích phát triển các mô hình trang trại có quy mô lớn.
C. Mở rộng sản xuất các nông sản có giá trị xuất khẩu.
D. Nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và chế biến

Câu 37: Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2016

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

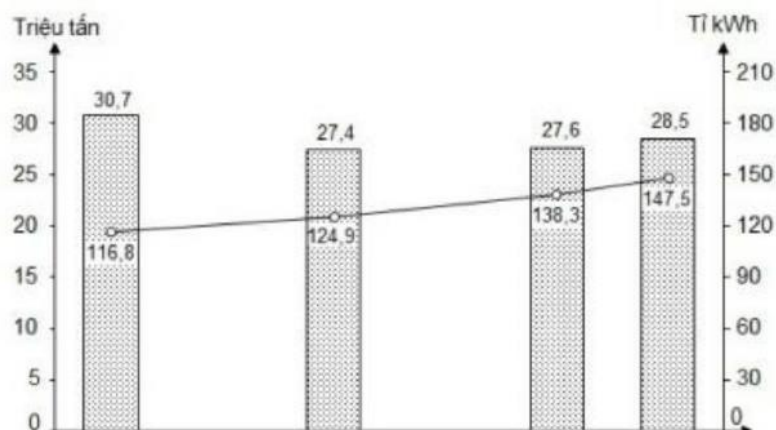
Năm	2010	2013	2014	2016
Hạt tiêu	421,5	889,8	1201,9	1428,6
Cà phê	1851,4	2717,3	3557,4	3334,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê 2017)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng một số mặt hàng xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2010-2016, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột. C. Đường. D. Kết hợp.

Câu 38: Cho biểu đồ về dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010-2015:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2016, NXB Thống kê,

2017) Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010-2015.
- B. Sản lượng dầu thô và sản lượng điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010-2015.
- C. Quy mô và cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010-2015.
- D. Cơ cấu sản lượng dầu thô và điện của Ma-lai-xi-a, giai đoạn 2010-2015.

Câu 39: Tín Phong Bắc bán cầu hoạt động như thế nào trên lãnh thổ nước ta?

- A. Chỉ hoạt động từ dãy Bạch Mã trở ra.
- B. Hoạt động mạnh và đều đặn quanh năm.
- C. Hoạt động xen kẽ với gió mùa, đồng thời bị lấn át bởi gió mùa.
- D. Chỉ hoạt động từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.

Câu 40: Đặc điểm của đô thị nước ta hiện nay

- A. phân bố đồng đều cả nước.
C. đều có quy mô rất lớn.

- B. cơ sở hạ tầng hiện đại.
D. có nhiều loại khác nhau.

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-D	2-C	3-A	4-C	5-A	6-D	7-B	8-B	9-A	10-A
11-B	12-C	13-B	14-A	15-A	16-A	17-B	18-B	19-D	20-B
21-C	22-D	23-A	24-D	25-A	26-D	27-C	28-C	29-A	30-D
31-A	32-B	33-B	34-C	35-C	36-A	37-C	38-B	39-C	40-D

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: D

Do đặc điểm địa hình và vị trí lãnh thổ nên vùng núi Đông Bắc là nơi đầu tiên và trực tiếp đón gió mùa đông bắc của nước ta, khu vực có mùa đông lạnh và kéo dài nhất cả nước: mùa đông lạnh đến sớm và kết thúc muộn hơn. Trong khi vùng núi Tây Bắc có mùa đông bớt lạnh và thời gian ngắn hơn nhờ bức chắn địa hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đây là điểm khác biệt lớn về thiên nhiên giữa Đông Bắc với Tây Bắc.

Câu 2: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng, sông Đà Rằng lần lượt là tháng 10, tháng 8, tháng 11.

Câu 3: A

Thành tựu của ASEAN hiện nay là tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước trong khu vực khá cao mặc dù còn chưa đều và chưa thật vững chắc (sgk Địa lí 11 trang 107).

Câu 4: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định được sông Cả chảy qua địa phận tỉnh Nghệ An và đổ ra biển ở cửa Hội.

Câu 5: A

Rừng đặc dụng là các khu bảo tồn thiên nhiên hoặc vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển với vai trò bảo vệ sự đa dạng sinh vật và các nguồn gen quý hiếm, có ranh giới rõ ràng và được Nhà nước bảo vệ nghiêm ngặt.

=> Biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng là bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên (sgk Địa lí 12 trang 59).

Câu 6: D

Phần lãnh thổ phía Nam nước ta có khí hậu nhiệt đới cận xích đạo: nhiệt độ trung bình năm trên 25°C, phân hóa thành hai mùa mưa – khô rõ rệt, khí hậu nắng nóng quanh năm và biên độ nhiệt năm nhỏ. => Nhận xét biên độ nhiệt trung bình năm lớn là không đúng.

Câu 7: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, vùng Bắc Trung Bộ là khu vực chịu ảnh hưởng của bão với tần suất cao nhất nước ta (từ 1,3 đến 1,7 cơn bão/tháng).

Câu 8: B

- nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp ở nông thôn Trung Quốc là tạo nhiều việc làm cho người lao động và cung cấp nhiều hàng hóa: các ngành này đã thu hút trên 100 triệu lao động và cung cấp tới trên 20% giá trị hàng hóa ở nông thôn. (sgk Địa 11 trang 94)

Câu 9: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, apatit phân bố ở Cam Đường (Lào Cai).

Câu 10: A

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, xác định được khu kinh tế của khẩu Tây Trang thuộc tỉnh Điện Biên.

Câu 11: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, trung tâm nông nghiệp TP. Hồ Chí Minh có cơ cấu ngành đa dạng nhất, gồm 12 ngành: dệt may, chế biến thực phẩm, chế biến lâm sản, nhiệt điện, luyện kim màu, luyện kim đen, cơ khí, ô tô, điện tử - tin học, hóa chất, đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 12: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, Cát Bà là vườn quốc gia nằm trên đảo Cát Bà.

Câu 13: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, sân bay Liên Khương thuộc tỉnh Lâm Đồng.

Câu 14: A

Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế của nước ta hiện nay biểu hiện ở việc hình thành các vùng động lực phát triển kinh tế: các vùng kinh tế trọng điểm (Bắc, Trung, Nam), 7 vùng kinh tế...

Câu 15: A

Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc nên nhận được lượng nhiệt lớn, có nền nhiệt độ cao, cán cân bức xạ nhiệt dương quanh năm.

Câu 16: A

Đặc điểm dân cư nước ta là dân số đông, nhiều thành phần dân tộc, dân số còn tăng nhanh, cơ cấu dân số đang có sự biến đổi, dân cư phân bố không đồng đều giữa thành thị và nông thôn. => Loại đáp án B, C, D Cơ cấu dân số nước ta đang có sự thay đổi về cơ cấu nhóm tuổi (theo hướng già hóa) nhưng vẫn còn chậm. Dân số có sự biến đổi nhanh chóng về nhóm cơ cấu nhóm tuổi không phải là đặc điểm dân cư nước ta.

Câu 17: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, xác định được nhà máy thủy điện Cần Đơn thuộc tỉnh Bình Phước.

Câu 18: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, Hà Nội có nhiệt độ trung bình tháng 1 dưới 15°C và thấp hơn thành phố Hồ Chí Minh với nhiệt độ tháng 1 trên 24°C.

Câu 19: D

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 -5, xác định được tỉnh không tiếp giáp Trung Quốc là Sơn La.

Câu 20: B

Khi di chuyển xuống phía Nam, gió mùa đông bắc hầu như bị chặn lại ở dãy Bạch Mã và không ảnh hưởng đến khu vực này. Từ Đà Nẵng trở vào tín phong bán cầu Bắc cũng thổi theo hướng đông bắc chiếm ưu thế.

=> Từ Đà Nẵng trở vào Nam trong thời gian từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau, gió mùa đông bắc về bản chất là Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 21: C

Tỉ lệ dân thành thị và số dân nước ta đều tăng lên trong giai đoạn 2000 – 2017. Tỉ lệ dân thành thị có tăng lên nhưng vẫn còn thấp so với các nước trong khu vực (năm 2017 tỉ lệ dân thành thị nước ta chỉ chiếm 34,7%)

=> Nhận xét tỉ lệ dân thành thị tăng và cao so với các nước trong khu vực là không đúng.

Câu 22: D

Đặc điểm cơ bản nhất của nền nông nghiệp hiện đại sản xuất hàng hóa ở nước ta hiện nay là người nông dân ngày càng quan tâm đến yếu tố thị trường, mục đích sản xuất không chỉ là tạo ra nhiều nông sản, mà quan trọng hơn là tạo ra nhiều lợi nhuận.

Câu 23: A

Hiện nay với chất lượng đời sống người dân ngày càng nâng cao, nhu cầu về các loại thủy sản ngày càng lớn và đa dạng với nhiều loại đặc sản. Đáp ứng nhu cầu khác nhau của khách hàng ngành thủy sản đã và đang phát triển đa dạng nhiều loại thủy sản nuôi trồng hơn.

Câu 24: D

Đới khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với đặc trưng là nền nhiệt độ trung bình trên 20°C, hình thành ở độ cao trung bình dưới 600 – 700m ở miền Bắc và 900 – 1000m ở miền Nam. Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp đã làm cho tính chất nhiệt đới ẩm của thiên nhiên được bảo toàn.

Câu 25: A

Bão nước ta hoạt động chậm dần từ Bắc vào Nam: miền Bắc vào khoảng tháng 6,7,7; miền Trung bão hoạt động vào tháng 9, 10 với tần suất lớn nhất, mùa bão chậm nhất ở miền Nam, hoạt động vào tháng 11, 12 (quan sát Atlas trang 9).

Câu 26: D

Công nghiệp chế biến thực phẩm của Đông Nam Á phát triển dựa trên các thế mạnh về nguồn nguyên liệu phong phú từ hoạt động sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp (các nước ĐNA có nông nghiệp chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế), thời kỳ vực tập trung dân cư đông đúc đã đem lại thị trường tiêu thụ rộng lớn đối với các mặt hàng thực phẩm..

Câu 27: C

- nước ta, thành phần kinh tế Nhà nước vẫn giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

Câu 28: C

Do khai thác quá mức, vùng ven bờ hiện nay đã suy giảm về số lượng thủy sản, phần lớn các bãi tôm cá lớn của nước ta tập trung ở vùng biển ngoài khơi xa

=> Để tăng sản lượng thủy sản khai thác ở nước ta, vấn đề quan trọng nhất cần phải giải quyết là đầu tư trang thiết bị phương tiện tàu thuyền hiện đại để khai thác xa bờ.

Câu 29: A

Vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường của nước ta hiện nay là tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường và tình trạng ô nhiễm môi trường. (sgk Địa 12 trang (2)

Câu 30: D

Biểu đồ hình cột thường dùng để thể hiện số lượng hay giá trị tuyệt đối của đối tượng.

=> Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện lượng mưa, lượng bốc hơi và cân bằng ẩm của 3 địa điểm theo bảng số liệu đã cho là biểu đồ cột (mỗi địa điểm gồm ba cột: một cột thể hiện lượng mưa, một cột thể hiện lượng bốc hơi, một cột thể hiện cân bằng ẩm)

Câu 31: A

Vùng đồi núi có địa hình dốc, lại phổ biến loại đất feralit có tầng phong hóa dày => Mưa lớn dễ bị rửa trôi, xói mòn đất. Do vậy biện pháp có ý nghĩa tích cực nhất để bảo vệ đất ở vùng đồi núi nước ta là phát triển mô hình nông - lâm kết hợp nhằm phủ xanh đất trống đồi núi trọc, hạn chế quá trình rửa trôi xói mòn đất.

Câu 32: B

Chăn nuôi nước ta hiện nay còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là công nghiệp chế biến còn hạn chế cùng với khí hậu nhiệt đới ẩm khiến dịch bệnh đe dọa khắp nơi => hiệu quả chăn nuôi không ổn định và chất lượng sản phẩm chăn nuôi của nước ta so với thị trường các nước còn thấp (do công nghiệp chế biến, bảo quản chưa phát triển).

Câu 33: B

Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là đa dạng hóa các ngành nghề sản xuất (nghề truyền thống, thủ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp..), phát triển các hoạt động dịch vụ. (sgk Địa lí 12 trang 76).

Câu 34: C

Việc khuyến khích người dân đánh bắt ở vùng biển xa bờ có ý nghĩa rất lớn về mặt kinh tế và chính trị đối với nước ta:

- Về kinh tế: trong khi thủy sản gần bờ đang đứng trước nguy cơ cạn kiệt -> đánh bắt xa bờ góp phần khai thác hợp lí và hiệu quả hơn : guồn lợi hải sản, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Về chính trị: việc tàu thuyền nước ta tiến hành khai thác ở vùng biển xa bờ đồng thời cũng khẳng định chủ quyền của nước ta trên biển, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Câu 35: C

Đa dạng hóa trong nông nghiệp là phát triển cơ cấu cây trồng vật nuôi đa dạng hơn, phù hợp với điều kiện tự nhiên của các vùng nông nghiệp -> giúp khai thác tối đa và hiệu quả các thế mạnh tự nhiên của mỗi vùng, từ đó tạo nhiều việc làm cho lao động, giảm rủi ro khi thị trường nông sản biến động...=> Việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở nước ta không nhằm mục đích tập trung phát triển các mô hình trang trại có quy mô lớn.

D. Thấp dần từ đông bắc xuống tây nam

Câu 43: Điểm giống nhau giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là:

- A.** chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa đông bắc nên có mùa đông lạnh
- B.** hướng nghiêng chung của địa hình là tây bắc - đông nam
- C.** ở vùng ven biển có nhiều cồn cát và đầm phá
- D.** địa hình núi cao chiếm ưu thế nên có đầy đủ hệ thống đại cao

Câu 44: Nhận xét nào sau đây không đúng về đặc điểm tự nhiên của Nhật Bản?

- A.** Hay xảy ra thiên tai
- B.** Nghèo tài nguyên khoáng sản
- C.** Địa hình chủ yếu là đồng bằng
- D.** Phía bắc có khí hậu ôn đới

Câu 45: Thiên nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Khí hậu cận xích đạo gió mùa với nền nhiệt độ cao quanh năm
- B.** Gió mùa đông bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất cả nước
- C.** Địa hình có các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên badan
- D.** Có cấu trúc địa chất – địa hình khá phức tạp, bờ biển khúc khuỷu

Câu 46: Nhân tố nào sau đây gây ra nhiều trở ngại đối với các hoạt động du lịch, công nghiệp khai khoáng ở nước ta?

- A.** Sự phân mùa của chế độ nước sông
- B.** Sự phân mùa khí hậu
- C.** Độ ẩm của không khí cao
- D.** Tính chất thất thường của chế độ nhiệt

Câu 47: Địa hình có sự bất đối xứng rõ nét ở hai sườn đông – tây là đặc điểm của vùng núi nào sau đây?

- A.** Đông Bắc
- B.** Tây Bắc
- C.** Trường Sơn Bắc
- D.** Trường Sơn Nam

Câu 48: Đặc trưng cơ bản về khí hậu của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là:

- A.** gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh
- B.** mùa đông lạnh kéo dài 2 – 3 tháng
- C.** gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh
- D.** mùa khô và mùa mưa phân hóa sâu sắc

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 – 7, cho biết trong vùng núi Trường Sơn Nam đỉnh nào sau đây cao nhất?

- A.** Chư Yang Sin
- B.** Kon Ka Kinh
- C.** Ngọc Linh
- D.** Nam Decbri

Câu 50: Loại đất chủ yếu của đai ôn đới gió mùa trên núi là:

- A.** feralit có mùn
- B.** mùn
- C.** feralit
- D.** mùn thô

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 – 7, cho biết dãy núi nào có hướng vòng cung?

- A.** Ngân Sơn
- B.** Con Voi
- C.** Bạch Mã
- D.** Hoàng Liên Sơn

Câu 52: Vị trí địa lí của nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nằm trong khu vực gió mùa châu Á
- B. Nằm trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc
- C. Nằm trong vùng có nhiều thiên tai
- D. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây có diện tích lớn nhất ở khu vực đồi núi nước ta?

- A. Đất feralit trên đá vôi
- B. Các loại đất khác và núi đá
- C. Đất feralit trên các loại đá khác
- D. Đất feralit trên đá badan

Câu 54: Biển Đông làm cho nước ta có khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là do:

- A. biển kín, nhiệt độ cao và có hải lưu theo mùa
- B. biển rộng, nhiệt độ cao và biển động theo mùa
- C. nhiệt độ cao, chế độ thủy triều phức tạp và biển kín
- D. biển rộng và chế độ thủy triều phức tạp

Câu 55: Nhiệt độ trung bình năm nước ta không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có sự phân hóa theo không gian
- B. Trên 20°C (trừ các vùng núi cao)
- C. Phân hóa theo thời gian
- D. Giảm dần từ Bắc vào Nam

Câu 56: Thành phần dân cư Hoa Kỳ chủ yếu có nguồn gốc từ:

- A. Châu Phi
- B. Mỹ La Tinh
- C. Châu Âu
- D. Châu Á

Câu 57: Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. vùng đất, vùng biển, vùng núi
- B. vùng đất, hải đảo, vùng trời
- C. vùng đất, vùng biển, vùng trời
- D. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa

Câu 58: Rừng ngập mặn ven biển của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng:

- A. Bắc Trung Bộ
- B. Bắc Bộ
- C. Nam Trung Bộ
- D. Nam Bộ

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích lớn nhất nước ta?

- A. Lào Cai
- B. Thanh Hóa
- C. Nghệ An
- D. Lạng Sơn

Câu 60: Tín phong bán cầu Bắc hoạt động mạnh vào thời kì:

- A. giữa và cuối mùa hạ
- B. chuyển tiếp giữa hai mùa gió
- C. gió mùa đông hoạt động mạnh
- D. gió mùa hạ hoạt động mạnh

Câu 61: Hệ sinh thái ở độ cao từ 1600 – 1700m đến 2600m có đặc điểm là:

- A. thực vật chủ yếu là đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam
- B. rừng kém phát triển, chủ yếu là rêu và địa y
- C. chủ yếu là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh
- D. rừng cận nhiệt lá rộng và lá xanh phát triển

Câu 62: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, các cao nguyên xếp theo thứ tự từ bắc vào nam như sau:

- A. Kon Tum, Pleiku, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh
- B. Kon Tum, Pleiku, Mơ Nông, Đăk Lăk, Di Linh
- C. Kon Tum, Đăk Lăk, Pleiku, Mơ Nông, Di Linh
- D. Kon Tum, Pleiku, Đăk Lăk, Di Linh, Mơ Nông

Câu 63: Cảnh quan tiêu biểu của thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam là

- A. rừng cận nhiệt đới gió mùa
- B. rừng nhiệt đới gió mùa
- C. rừng xích đạo gió mùa
- D. rừng cận xích đạo gió mùa

Câu 64: Đặc điểm chung của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. hình thành và phát triển do phù sa sông bồi tụ
- B. có hệ thống đê sông, đê biển ngăn lũ lớn
- C. diện tích đất phèn, đất ngập mặn rất lớn
- D. cả đồng bằng được phù sa bồi đắp hằng năm

Câu 65: Biện pháp nào sau đây là quan trọng hàng đầu để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước?

- A. Ban hành sách đỏ Việt Nam
- B. Quy định về việc khai thác
- C. Chống ô nhiễm môi trường
- D. Đóng cửa các vườn quốc gia

Câu 66: Đặc điểm nào sau đây không phải của sông ngòi nước ta?

- A. Sông ngòi giàu phù sa
- B. Mạng lưới sông ngòi dày đặc
- C. Chủ yếu là sông lớn
- D. Chế độ nước theo mùa

Câu 67: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 1943 – 2017

(Đơn vị: triệu ha)

Năm	Tổng diện tích rừng	Trong đó	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng
1943	14,3	14,3	0
1983	7,2	6,8	0,4
2005	12,7	10,2	2,5
2017	14,4	10,2	4,2

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng của nước ta, giai đoạn 1943 – 2017, dạng biểu đồ nào thích hợp nhất?

- A. Cột
- B. Tròn
- C. Đường
- D. Miền

Câu 68: Ở Trung Bộ nguyên nhân gây ngập lụt mạnh vào tháng IX – X là do:

- A. mưa lớn, mặt đất thấp và có đê bao bọc
- B. các hệ thống sông lớn, lưu vực rộng
- C. mưa nhiều và có đê lớn bao bọc
- D. mưa bão lớn, triều cường, lũ nguồn về

Câu 69: Quá trình phong hóa hóa học tham gia vào việc làm biến đổi bề mặt địa hình hiện tại của nước ta được thể hiện là:

- A. thành tạo địa hình Cacxto
- B. bồi tụ diễn ra mạnh ở hạ lưu sông
- C. xói mòn, rửa trôi đất diễn ra mạnh
- D. đất trượt, đá lở ở sườn dốc

Câu 70: Để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở các đồng bằng của nước ta cần:

- A. áp dụng biện pháp nông – lâm kết hợp
- B. chống suy thoái và ô nhiễm đất
- C. thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc
- D. ngăn chặn nạn du canh, du cư

Câu 71: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây đúng về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt và Nha Trang?

- A. Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt cao hơn Nha Trang
- B. Trong năm, Đà Lạt có một cực đại về nhiệt, Nha Trang có hai
- C. Tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Lạt lớn hơn của Nha Trang
- D. Mưa lớn nhất của Đà Lạt và Nha Trang vào tháng X

Câu 72: Nguyên nhân chủ yếu làm cho đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông là do:

- A. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều
- B. biển đóng vai trò chủ yếu trong quá trình hình thành
- C. các sông miền Trung ngắn, nhỏ, ít phù sa sông
- D. địa hình thấp, thủy triều thường xuyên lấn sâu

Câu 73: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

- A. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn
- B. Lượng mưa lớn và có sự phân hóa rõ rệt theo mùa
- C. Địa hình cắt xẻ mạnh và lượng mưa lớn
- D. Lượng mưa lớn và nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào

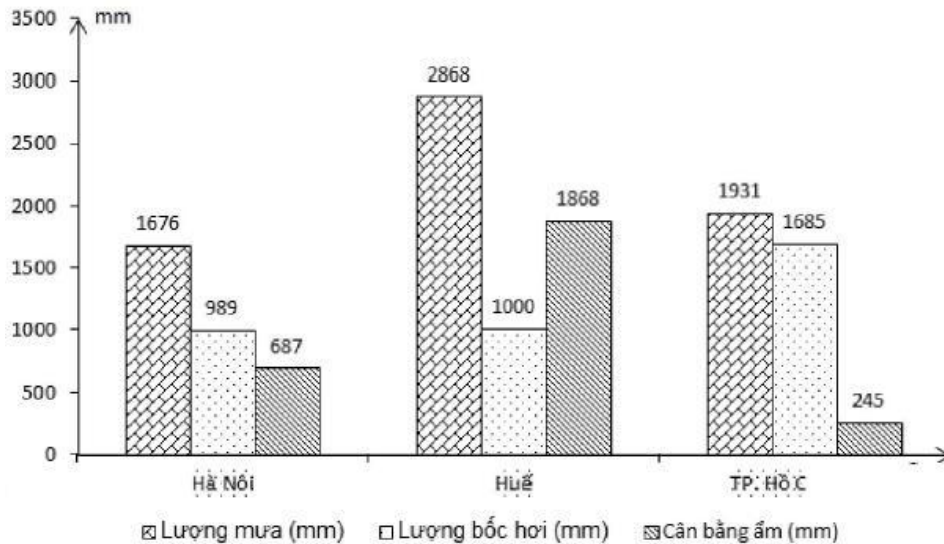
Câu 74: Tây Nguyên và Nam Bộ nước ta mưa vào đầu mùa hạ là do hoạt động của khối khí:

- A. Tín Phong bán cầu Bắc
- B. gió mùa Đông Bắc
- C. từ Nam Ấn Độ Dương
- D. từ Bắc Ấn Độ Dương

Câu 75: Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta do:

- A. hệ thống đê sông, đê biển bao bọc
- B. lượng mưa lớn nhất nước
- C. mật độ dân số cao nhất nước ta
- D. địa hình thấp so với các đồng bằng

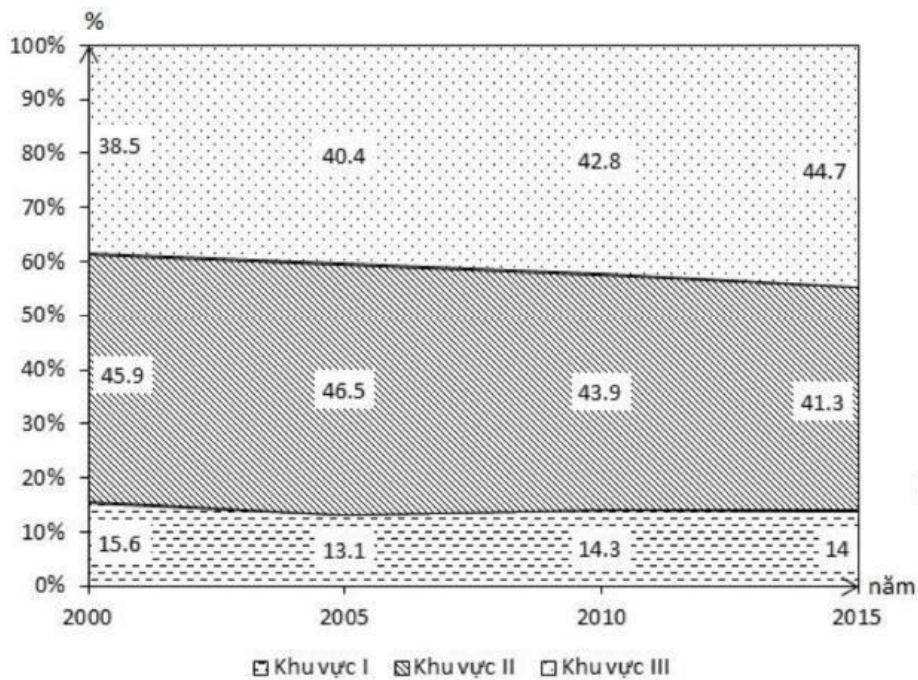
Câu 76: Dựa vào biểu đồ sau



Căn cứ vào biểu đồ, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng?

- A. Huế có lượng mưa nhiều nhất
- B. TP. Hồ Chí Minh có lượng bốc hơi nhiều nhất
- C. TP. Hồ Chí Minh có cân bằng ẩm nhỏ nhất
- D. Hà Nội có cân bằng ẩm cao nhất

Câu 77: Cho biểu đồ về GDP của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2000 – 2015



(Nguồn: Bài tập trắc nghiệm Địa lí 11, NXB Giáo dục)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2010 - 2015
- + Quy mô GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015

C. Quy mô và cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015

H. Tốc độ tăng trưởng GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015 **Câu**

78: Ở nước ta, thiên nhiên miền núi phân hóa theo đông – tây chủ yếu do:

- A. độ cao phân thành các bậc địa hình khác nhau
- B. tác động ngày càng mạnh mẽ của con người
- C. độ dốc của địa hình theo hướng tây - đông
- D. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi

Câu 79: Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ là do:

- A. sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới
- B. sự suy yếu dần của gió phơn Tây Nam
- C. sự mạnh lên của gió mùa Đông Bắc
- D. càng về phía nam càng gần xích đạo

Câu 80: Cho bảng số liệu:

GDP PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA HOA KÌ VÀ NHẬT BẢN, NĂM 2014

(Đơn vị: Tỷ USD)

Nước	Tổng số	GDP phân theo khu vực kinh tế		
		Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Hoa Kỳ	17393,1	833,9	3479,6	13083,6
Nhật Bản	4596,2	92,1	1224,1	3280,0

(Nguồn: Woldbank.org)

Nhận xét nào sau đây đúng về GDP của Hoa Kỳ và Nhật Bản năm

2014? **A.** Khu vực III của Hoa Kỳ và Nhật Bản đều nhỏ hơn khu

vực II **B.** Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn gấp khoảng 3,8 lần Nhật

Bản **C.** Quy mô GDP của Hoa Kỳ nhỏ hơn so với Nhật Bản

D. Khu vực II của Hoa Kỳ và Nhật Bản đều chiếm tỉ trọng lớn nhất

----- **HẾT** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

41-B	42-A	43-B	44-C	45-B	46-B	47-D	48-B	49-C	50-D
51-A	52-D	53-C	54-B	55-D	56-C	57-C	58-D	59-C	60-B
61-B	62-A	63-D	64-A	65-B	66-C	67-A	68-D	69-A	70-B
71-C	72-B	73-B	74-C	75-A	76-D	77-A	78-D	79-A	80-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 41: B

Sinh vật biển Đông tiêu biểu cho hệ sinh thái vùng biển nhiệt đới giàu thành phần loài và có năng suất sinh học cao, nhất là ở vùng ven bờ. (sgk Địa lí 12 trang 38)

Câu 42: A

M. Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và trẻ hóa, có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao => nhận xét A đúng

N. Địa hình chủ yếu là đồi núi -> địa hình thấp và bằng phẳng là không đúng => nhận xét B sai

O. Địa hình nước ta có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung => hướng bắc - nam là không đúng => Nhận xét C sai

P. Địa hình nước ta có hướng nghiêng tây bắc - đông nam -> Địa hình thấp dần từ đông bắc xuống tây nam là không đúng => nhận xét D sai

Câu 43: B

Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ và miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ địa hình đều có hướng nghiêng chung là tây bắc - đông nam. Do trong Tân kiến tạo lãnh thổ nước ta được nâng lên mạnh ở phần tây bắc, vùng ven biển phía nam và đông nam hình thành các miền đồng bằng thấp.

Câu 44: C

Nhật Bản là đất nước quần đảo, lãnh thổ gồm 4 đảo lớn với địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích (nhiều núi lửa), dải đồng bằng ven biển nhỏ hẹp.

=> Nhận xét địa hình Nhật Bản chủ yếu là đồng bằng là không đúng.

Câu 45: B

Từ dãy Bạch Mã trở vào nam, vào gió mùa đông bắc gần như không hoạt động => do vậy nhận xét gió mùa đông bắc hoạt động mạnh, mùa đông lạnh nhất cả nước không đúng với đặc điểm khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 46: B

Các hoạt động du lịch và khai thác khoáng sản nước ta gặp nhiều khó khăn trở ngại do chịu ảnh hưởng trực tiếp của sự phân mùa khí hậu (sgk Địa 12 , 47)

Ví dụ:

- Du lịch: vào mùa khô vấn đề thiếu nước trở nên nghiêm trọng hơn đối với các vùng du lịch ở Tây Nguyên; vùng biển chịu ảnh hưởng của bão...

- Hoạt động khai thác khoáng sản ở mỏ lộ thiên chịu tác động trực tiếp của các hiện tượng thời tiết mưa, gió, bão, ngập lụt.... Công nghiệp khai khoáng cũng đòi hỏi nguồn nước lớn -> vào mùa khô thiếu nước.

Câu 52: D

Nước ta có vị trí nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm của khu vực Đông Nam Á => nhận xét D: nước ta nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á là không đúng => Chọn D

Câu 53: C

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, loại đất có diện tích lớn nhất khu vực đồi núi nước ta là đất feralit trên các loại đá khác.

Câu 54: B

Biển Đông rộng, nhiệt độ nước biển cao và biến động theo mùa đã làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển, mang lại cho nước ta lượng mưa lớn và độ ẩm cao, đồng thời làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô trong mùa đông và dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ. Nhờ có biển Đông mà khí hậu nước ta mang tính chất hải dương ôn hòa hơn.

Câu 55: D

- Nhiệt độ trung bình năm nước ta khá cao: trên 20°C (trừ vùng núi cao), nhiệt độ phân hóa theo không gian (bắc nam, đông tây và theo độ cao), theo thời gian (mùa hạ nóng, mùa đông lạnh). => nhận xét A, B, C đúng - Từ Bắc vào Nam càng gần về phía xích đạo nên góc nhập xạ càng lớn càng nhận được lượng nhiệt lớn => do vậy từ bắc vào nam nhiệt độ trung bình năm nước ta tăng dần.

=> nhận xét nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ bắc vào nam là hoàn toàn sai

Câu 56: C

Dân cư Hoa Kỳ chủ yếu có nguồn gốc từ châu Âu, tiếp đến là Mĩ Latinh, châu Á, Ca-na-đa và châu Phi (sgk Địa 11 trang 39)

Câu 57: C

Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm vùng đất, vùng trời và vùng biển,

Câu 58: D

Rừng ngập mặn ven biển của nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng Nam Bộ (diện tích 300 nghìn ha, đứng thứ 2 thế giới sau rừng ngập mặn Amadon).

Câu 59: C

Dựa vào Atlas Địa lí trang 4 – 5, tỉnh có diện tích lớn nhất nước ta là tỉnh Nghệ An 16490,0 km².

Câu 60: B

Gió Tín phong bắc bán cầu hoạt động mạnh vào thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió.

Câu 61: B

Từ 1600 – 1700m đến 2600m là đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi, khí hậu lạnh với hệ sinh thái đặc trưng là rêu, địa y, rừng ở đây kém phát triển.

Câu 62: D

Dựa vào Atlas Địa lí trang 14, các cao nguyên xếp theo thứ tự từ bắc vào nam là Kon Tum, Pleiku, Đắc Lắc, Mơ Nông, Di Linh.

Câu 63: D

Cảnh quan tiêu biểu của thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam là rừng cận xích đạo gió mùa

Câu 64: A

Đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long đều là những đồng bằng châu thổ rộng lớn được hình thành do phù sa các hệ thống sông lớn bồi đắp.

Câu 65: B

Để đảm bảo sử dụng lâu dài các nguồn lợi sinh vật của đất nước, biện pháp quan trọng là quy định về việc khai thác sử dụng hợp lí các tài nguyên, tránh các tình trạng khai thác quá mức và trái phép các tài nguyên thiên nhiên.

Câu 66: C

Sông ngòi nước ta nhiều nhưng chủ yếu là các con sông nhỏ.

=> nhận xét C chủ yếu là sông lớn không đúng

Câu 67: A

Biểu đồ cột thường thể hiện số lượng của đối tượng (giá trị tuyệt đối: diện tích, sản lượng..).

=> Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện diện tích rừng của nước ta giai đoạn 1943 – 2017 là biểu đồ cột. >

Câu 68: D

- Trung Bộ, có lượng mưa tập trung vào thời kì thu đông (có dải hội tụ quét qua) kết hợp ảnh hưởng của các cơn bão lớn, mưa lớn kết hợp triều cường mạnh và lũ nguồn dồn về nhanh (do địa hình dốc) gây ngập lụt mạnh vào tháng 9 – 10 (thời kì thu đông).

Câu 69: A

Phong hóa hóa học làm biến đổi tính chất và thành phần hóa học của các thành phần tự nhiên. Quá trình thành tạo địa hình Cac- xơ là do nước làm hòa tan các chất CaCO₃ có trong đá vôi -> tạo thành những hang động, khối nhũ đẹp mắt...=> quá trình thành tạo địa hình Cac-xơ là quá trình phong hóa hóa học.

Câu 70: B

Để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp ở các đồng bằng của nước ta cần có các biện pháp chống suy thoái và ô nhiễm đất do việc sử dụng nhiều hóa chất thuốc trừ sâu, xả thải bừa bãi...=> Chọn B

Chú ý: Các biện pháp A, B, D được áp dụng cho đất đồi núi có địa hình dốc.

Câu 71: C

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, quan sát 2 biểu đồ về chế độ nhiệt và mưa của Đà Lạt và Nha Trang:

- Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt dưới 20°C và thấp hơn Nha Trang (trên 20°C) > nhận xét A: nhiệt độ TB của Đà Lạt cao hơn Nha Trang là không đúng => loại A về nhiệt, Nha Trang có 1 cực đại => nhận xét B không đúng => loại B

- Tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Lạt lớn hơn của Nha Trang => nhận xét C đúng.
- Nha Trang có lượng mưa cao nhất vào tháng 11, Đà Lạt vào tháng 9 => nhận xét 2 địa điểm có mưa lớn nhất vào tháng 10 là không đúng => loại D > Như vậy nhận xét C: Tổng lượng mưa trung bình năm của Đà Lạt lớn hơn của Nha Trang là nhận xét đúng > Chọn C

Câu 72: B

Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc điểm nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông là do biển đóng vai trò chủ yếu trong quá trình hình thành tạo đồng bằng.

Câu 73: B

Sông ngòi nước ta được cung cấp lượng nước chủ yếu từ nước mưa. Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên có lượng mưa lớn và phân hóa theo mùa, khiến chế độ nước sông cũng theo mùa.

Câu 74: C

Tây Nguyên và Nam Bộ nước ta mưa vào đầu mùa hạ là do vào đầu mùa hạ, khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương di chuyển theo hướng tây nam xâm nhập trực tiếp và gây mưa lớn cho khu vực này.

Câu 75: A

Nguyên nhân chính làm cho đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là do vùng có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc tạo thành nhiều ô trũng, kết hợp với mật độ xây dựng dày đặc khiến nước từ thượng xuống khó thoát và bị ứ đọng gây ngập úng nghiêm trọng.

Câu 76: D

Dựa vào biểu đồ ta thấy:

- Huế có lượng mưa cao nhất (2868mm) -> nhận xét A đúng
- TP. Hồ Chí Minh có lượng bốc hơi cao nhất (1931mm) => nhận xét B đúng
- TP. Hồ Chí Minh có cân bằng ẩm nhỏ nhất (245mm) => nhận xét C đúng.
- Hà Nội có cân bằng ẩm lớn thứ 2 (687mm) và đứng sau Huế => nhận xét Hà Nội có cân bằng ẩm cao nhất là không đúng.

Câu 77: A

Biểu đồ miền thường thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu của đối tượng trong thời gian từ 4 năm trở lên. > Biểu đồ đã cho có nội dung thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu GDP của In-đô-nê-xi-a, giai đoạn 2000 – 2015.

Câu 78: D

Ở nước ta, thiên nhiên miền núi phân hóa theo đông – tây chủ yếu do tác động của gió mùa kết hợp với hướng cầu các dãy núi.

- Vùng núi phía Bắc do bức chắn địa hình của dãy Hoàng Liên Sơn nên gió mùa đông bắc giảm bớt ảnh hưởng lên vùng núi phía Tây Bắc => làm cho vùng có mùa đông ấm hơn Đông Bắc.
- Vùng núi Trường Sơn Bắc chắn gió Tây Nam gây nên hiệu ứng phơn khô nóng vào đầu mùa hạ cho thiên nhiên vùng đồng bằng ven biển phía đông...

Câu 79: A

Tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc Bộ đến Trung Bộ là do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới chậm dần từ Bắc vào Nam khiến tháng mưa cực đại cũng lùi dần từ Bắc vào Nam

Câu 80: B

Quy mô GDP của Hoa Kỳ lớn gấp khoảng $17393,144596,2 = 3,78$ (làm tròn thành 3,8 lần) Nhật Bản

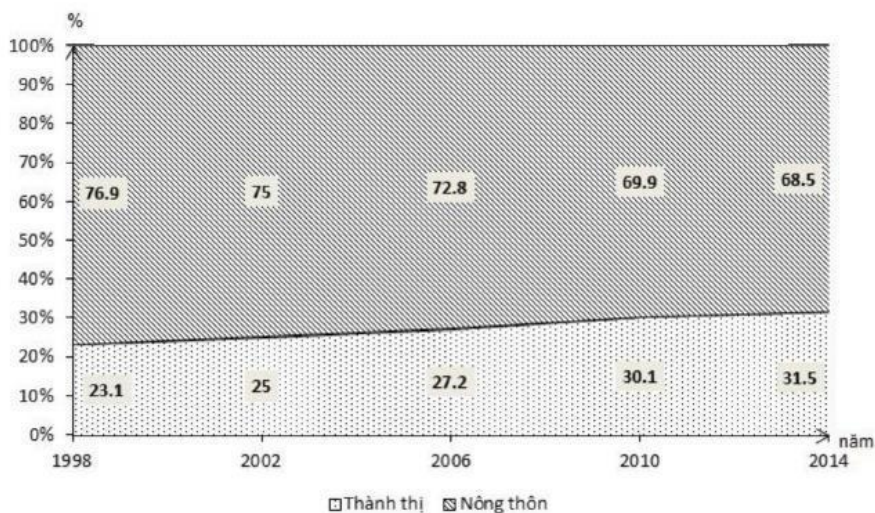
**SỞ GD VÀ ĐT NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA – LẦN 1
NĂM HỌC 208 – 2019**

Môn: Địa lí

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Câu 1: Cho biểu đồ sau:



Dựa vào biểu đồ trên cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về tỷ trọng dân nông thôn và dân thành thị của nước ta?

- A. Năm 2014, tỷ trọng dân nông thôn thấp hơn thành thị.
- B. Tỷ trọng dân thành thị tăng.
- C. Tỷ trọng dân thành thị thấp hơn nông thôn.
- D. Tỷ trọng dân nông thôn giảm khá nhanh.

Câu 2: Đặc điểm địa hình bờ biển của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ của nước ta

- A. đa dạng, nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo, quần đảo.
- B. có đáy nông, nơi thấp phẳng, vịnh nước sâu, kín gió.
- C. khúc khuỷu, có nhiều vịnh biển sâu được che chắn bởi các đảo ven bờ.
- D. có nhiều cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp.

Câu 3: Ở ven biển miền Trung, nhiều đồng bằng chia làm 3 dải, đi từ tây sang đông các dạng địa hình lần lượt là:

- A. vùng thấp trũng, đồng bằng, cồn cát, đầm phá
- B. cồn cát, đầm phá, đồng bằng, vùng thấp trũng
- C. đồng bằng, vùng thấp trũng, cồn cát, đầm phá
- D. cồn cát, đầm phá, vùng thấp trũng, đồng bằng

Câu 4: Cho bảng số liệu:

SỐ KHÁCH DU LỊCH VÀ CHI TIÊU KHÁCH DU LỊCH Ở CHÂU Á NĂM 2014

Khu vực	Số khách du lịch đến (nghìn lượt người)	Chi tiêu của khách du lịch (triệu USD)
Đông Nam Á	97262	70578
Tây Nam Á	93016	94255
Đông Á	125966	219931

(Trích số liệu từ quyển số liệu thống kê về Việt Nam và thế giới – NXB Giáo Dục năm 2017) Dựa vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về khách du lịch và chi tiêu của khách du lịch một số khu vực châu Á?

- A. Số khách du lịch đến Đông Nam Á thấp hơn Tây Nam Á
- B. Số khách du lịch đến Đông Á cao nhất

C. Chi tiêu của khách du lịch Đông Á gấp 3,1 lần Đông Nam

Á D. Chi tiêu khách du lịch đến Đông Nam Á thấp nhất

Câu 5: Vào thời kỳ giữa và cuối mùa hạ, gió mùa tây nam di chuyển vào miền Bắc nước ta theo hướng

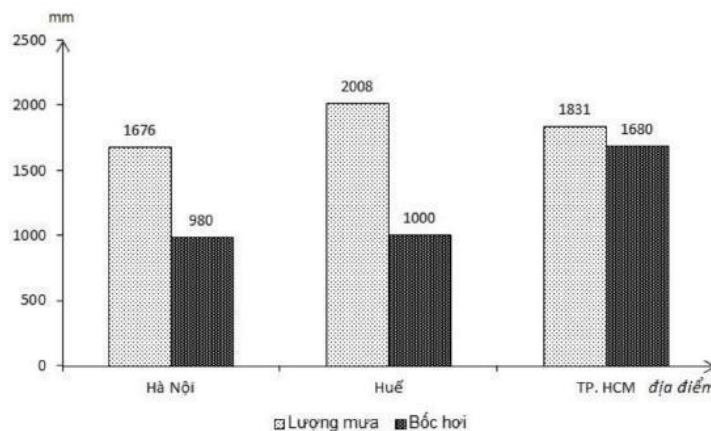
A. đông – nam

B. đông - bắc

C. đông

D. tây - nam

Câu 6: Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

A. Lượng mưa và lượng bốc hơi một số địa điểm nước ta.

B. Lượng mưa và độ ẩm của một số địa điểm nước ta.

C. Nhiệt độ và độ ẩm của một số địa điểm nước ta.

D. Nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm nước ta.

Câu 7: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, cho biết tỉnh nào sau đây không có đường biên giới với Campuchia?

A. An Giang

B. Quảng Trị

C. Bình Phước

D. Tây Ninh

Câu 8: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

Địa điểm	Sơn La	Tam Đảo	Sa Pa	Plây Ku	Đà Lạt
Độ cao (m)	676	897	1570	800	1513
Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}C$)	21,0	18,0	15,2	21,8	18,3

Dựa vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **đúng** về nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm?

A. Tam Đảo có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn Sơn La và cao hơn Sa Pa.

B. Plây Ku có nhiệt độ trung bình năm cao hơn Tam Đảo và thấp hơn Sơn La

C. Sơn La có nhiệt độ trung bình năm cao hơn Plây Ku và thấp hơn Tam Đảo.

D. Đà Lạt có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn Tam Đảo và cao hơn Sa Pa.

Câu 9: Nền nhiệt ẩm cao, khí hậu phân mùa tạo điều kiện cho nước ta

A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới

B. phát triển ngành trồng rừng khai khoáng

C. phát triển hoạt động du lịch quanh năm

D. phát triển đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản

Câu 10: Địa hình nước ta **không có** đặc điểm nào sau đây?

A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích

B. Địa hình ít chịu tác động của con người

C. Địa hình có tính phân bậc

D. Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam

Câu 11: Ở nước ta, khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất là

A. Tây Bắc

B. Nam Bộ

C. Đông Bắc

D. Trung Bộ

Câu 12: Ở nước ta, loại đất đặc trưng ở đai nhiệt đới gió mùa là

A. mùn thô

B. Feralit và mùn cao

C. Feralit có mùn

D. mùn

Câu 13: Có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa – xã hội với các nước trong khu vực nên nước ta có điều kiện

- A. thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế
- B. là cửa ngõ mở lối ra biển của các nước
- C. phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ
- D. chung sống hòa bình, hợp tác, hữu nghị, cùng phát triển

Câu 14: Vào thời kỳ nửa sau mùa đông ở nước ta có kiểu thời tiết đặc trưng là

- A. lạnh, khô, ít mưa
- B. nắng, tạnh ráo
- C. lạnh, mưa nhiều
- D. lạnh, ẩm, có mưa phùn

Câu 15: Vùng phía Nam và ven biển Thái Bình Dương của Hoa Kỳ tập trung phát triển các ngành công nghiệp

- A. Luyện kim, hàng không - vũ trụ, đóng tàu, viễn thông.
- B. Hóa chất, hóa dầu, dệt, chế tạo ô tô, viễn thông.
- C. Luyện kim, chế tạo ô tô, đóng tàu, dệt.
- D. Hóa dầu, hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông.

Câu 16: Sự khác nhau về thiên nhiên của sườn Đông Trường Sơn và vùng Tây Nguyên chủ yếu là do tác động của

- A. gió mùa với hướng của dãy núi Trường Sơn.
- B. Tín Phong bán cầu Nam với độ cao của dãy Bạch Mã.
- C. Tín phong bán cầu Bắc với hướng của dãy Bạch Mã.
- D. gió mùa với độ cao của dãy Trường Sơn.

Câu 17: Phát biểu nào sau đây là **đúng** về đặc điểm của vùng biển thềm lục địa của nước ta? A. Vùng biển tiếp giáp với đất liền ở phía trong đường cơ sở.

- B. Phần ngầm dưới biển và lòng đất đáy biển có độ sâu khoảng 200m.
- C. Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển.
- D. Vùng biển rộng 12 hải lý tính từ đường cơ sở thuộc chủ quyền quốc gia trên biển

Câu 18: Nguyên nhân chủ yếu gây mưa cho khu vực Trung Bộ của nước ta vào tháng IX là do:

- A. gió mùa Tây Nam và Frông.
- B. gió mùa Đông Bắc và Frông.
- C. gió mùa Tây Nam kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.
- D. gió mùa Đông Bắc kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 19: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi Hoàng Liên Sơn có hướng nào sau đây?

- A. Tây bắc - đông nam.
- B. Vòng cung.
- C. Tây – đông.
- D. Bắc - nam.

Câu 20: Hai vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay là:

- A. Cạn kiệt tài nguyên khoáng sản và biến đổi khí hậu.
- B. Suy giảm tài nguyên đất và cạn kiệt nguồn nước
- C. Suy giảm tài nguyên rừng và đa dạng sinh học
- D. Mất cân bằng sinh thái môi trường và ô nhiễm môi trường.

Câu 21: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của khu vực đồng bằng nước ta đối với việc phát triển kinh tế.

- A. Có nguy cơ phát sinh động đất.
- B. Địa hình bị chia cắt mạnh.
- C. Các thiên tai bão, lũ, hạn hán thường xảy ra
- D. Đất dễ bị xói mòn, rửa trôi.

Câu 22: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở trung du và miền núi nước ta nhằm A. kiềm chế tốc độ tăng dân số.

B. khai thác hợp lí tài nguyên và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

C. chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn và thành thị.

D. thúc đẩy sự phân bố dân cư, lao động giữa các vùng.

Câu 23: Các nước xếp theo thứ tự giảm dần về độ dài đường biên giới trên đất liền với nước ta là:

A. Trung Quốc, Lào, Campuchia **B.** Lào, Campuchia, Trung Quốc **C.**

Campuchia, Trung Quốc, Lào. **D.** Lào, Trung Quốc, Campuchia

Câu 24: Đặc điểm giống nhau về địa hình của vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc nước ta là

A. đều có hướng vòng cung.

B. thấp dần từ tây bắc xuống đông nam

C. đồi núi thấp chiếm ưu thế.

D. có nhiều khối núi cao đồ sộ

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số từ 500 001 - 1 000 000 người?

A. Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh.

B. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

C. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.

D. Đà Nẵng Biên Hòa, Cần Thơ.

Câu 26: Sản phẩm cây công nghiệp được trồng ở các nước Đông Nam Á chủ yếu

để **A.** xuất khẩu thu ngoại tệ.

B. cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp.

C. khai thác thế mạnh về tự nhiên.

D. thay thế cây lương thực

Câu 27: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông **không** thể hiện ở

A. các dòng hải lưu của biển.

B. nhiệt độ của nước biển.

C. các dạng địa hình ven biển.

D. độ muối của nước biển.

Câu 28: Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long là do:

A. có tỷ lệ sinh lớn.

B. có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú

C. có lịch sử khai thác lâu đời.

D. có môi trường ít bị ô nhiễm.

Câu 29: Ở Liên Bang Nga, vùng kinh tế sẽ phát triển để hội nhập vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương

A. vùng U – Ran.

B. vùng Viễn Đông.

C. vùng Trung tâm đất đen.

D. vùng Trung Ương.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 1, cho biết loại đất nào sau đây chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng Bằng Sông Hồng?

A. Đất mặn.

B. Đất xám phù sa cổ.

C. Đất phù sa sông.

D. Đất phèn.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết cao nguyên Lâm Viên thuộc vùng núi nào sau đây?

A. Tây Bắc **B.** Trường Sơn Bắc **C.** Đông Bắc **D.** Trường Sơn Nam.

Câu 32: Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm địa hình của Đồng bằng sông Cửu Long? **A.** Đồng bằng có nhiều vùng trũng chưa bồi lấp xong.

B. Được thành tạo bởi phù sa của hệ thống sông Tiền và sông Hậu.

C. Bề mặt đồng bằng có mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt.

D. Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.

Câu 33: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn nhất ở phần lãnh thổ phía Bắc của nước ta?

A. Sông Cả. **B.** Sông Đồng Nai. **C.** Sông Hồng. **D.** Sông Mê Công. **Câu 34:** Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt cho Đồng bằng sông Cửu Long?

- A.** mưa lớn, kết hợp với triều cường.
- B.** mặt đất thấp, xung quanh có đê sòng, đê biển bao bọc
- C.** mưa bão trên diện rộng, lũ tập trung trong các hệ thống sông lớn.
- D.** mưa bão lớn, nước biển dâng, lũ nguồn về.

Câu 35: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ra được quy định bởi vị trí **A.** tiếp giáp Biển Đông

- B.** nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa
- C.** nằm trong khu vực nội chí tuyến.
- D.** Có gió tín phong hoạt động quanh năm.

Câu 36: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết thảm thực vật tiêu biểu của vườn quốc gia Bạch Mã

- A.** rừng kín thường xanh.
- B.** rừng trên núi đá vôi.
- C.** rừng ôn đới núi cao.
- D.** trảng cỏ, cây bụi.

Câu 37: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí hậu tiêu biểu có chế độ mưa vào thu đông là:

- A.** Sa Pa
- B.** Đồng Hới
- C.** Cà Mau
- D.** Hà Nội

Câu 38: Hai bể dầu khí có trữ lượng lớn nhất nước ta là:

- A.** Thổ Chu Mã Lai và Sông Hồng.
- B.** Sông Hồng và Cửu Long.
- C.** Nam Côn Sơn và Thổ Chu Mã Lai.
- D.** Cửu Long và Nam Côn Sơn.

Câu 39: Lượng nước thiếu hụt trong mùa khô ở miền Bắc không lớn như ở miền Nam là do miền Bắc có:

- A.** mùa mưa kéo dài hơn.
- B.** lượng mưa lớn hơn.
- C.** mưa phùn vào cuối mùa đông.
- D.** nhiều dãy núi cao đón gió.

Câu 40: Biện pháp nào sau đây không phù hợp để bảo vệ đất ở khu vực đồi núi nước ta?

- A.** Bảo vệ rừng và đất rừng
- B.** Chuyển sang đất chuyên dùng và đất thổ cư.
- C.** Cải tạo đất hoang, đồi núi trọc
- D.** Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác

----- HẾT -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN

1-A	2-C	3-C	4-A	5-A	6-A	7-B	8-A	9-A	10-B
11-A	12-C	13-D	14-D	15-D	16-A	17-B	18-C	19-A	20-D
21-C	22-B	23-D	24-B	25-D	26-A	27-C	28-C	29-B	30-C
31-D	32-A	33-C	34-A	35-C	36-A	37-B	38-D	39-C	40-B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: A

Biểu đồ cho thấy năm 2014, tỉ trọng dân thành thị thấp hơn tỉ trọng dân nông thôn ($31,5\% < 68,5\%$) => Nhận xét A: năm 2014 tỉ trọng dân nông thôn thấp hơn thành thị là không đúng

Câu 2: C

Đặc điểm địa hình bờ biển miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta là bờ biển khúc khuỷu, có nhiều vịnh biển sâu được che chắn bởi các đảo ven bờ (sgk Địa 12 trang 54)

Câu 3: C

- ven biển miền Trung, nhiều đồng bằng chia làm 3 dải, đi từ tây sang đông các dạng địa hình lần lượt là: đồng bằng, vùng trũng thấp, cồn cát, đầm phá...

Câu 4: A

Bảng số liệu cho thấy số khách du lịch đến Đông Nam Á cao hơn Tây Nam Á (97262 nghìn lượt người > 93016 nghìn lượt người)

=> Nhận xét số khách du lịch đến Đông Nam Á thấp hơn Tây Nam Á là không đúng

Câu 5: A

Vào giữa và cuối mùa hạ, do áp thấp Bắc Bộ khơi sâu đổi hướng gió mùa tây nam di chuyển theo hướng đông nam vào Bắc Bộ, tạo nên “gió mùa Đông Nam” ở miền Bắc nước ta vào mùa hạ.

Câu 6: A

Dấu hiệu: biểu đồ cột ghép, kí hiệu một cột lượng mưa và một cột bốc hơi.

=> Biểu đồ đã cho thể hiện: Lượng mưa và lượng bốc hơi của một số địa điểm nước ta.

Câu 7: B

Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, xác định vị trí các tỉnh và vị trí đường biên giới của tỉnh đó

=> tỉnh Quảng Trị có đường biên giới với Lào ở phía Tây

=> Quảng Trị không có đường biên giới với Campuchia.

Câu 8: A

Nhận xét: Tam Đảo có nhiệt độ trung bình năm là 18°C: thấp hơn Sơn La (21°C) và cao hơn Sa Pa (15,2°C)

=> Nhận xét A đúng

Câu 9: A

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nền nhiệt ẩm cao, có sự phân mùa tạo điều kiện cho nước ta phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng.

Câu 10: B

Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ bởi các hoạt động của con người như: con người đào hầm xuyên núi, làm công trình giao thông (đèo, đường ô tô, cầu...), xây dựng hồ thủy điện, cày xới đất đai, làm ruộng => Nhận xét địa hình nước ta ít chịu tác động của con người là không đúng.

Câu 11: A

- nước ta, khu vực có hoạt động động đất mạnh nhất là vùng núi Tây Bắc.

Câu 12: C

- nước ta, loại đất đặc trưng ở đai nhiệt đới gió mùa là đất feralit có mùn.

Câu 13: D

Vị trí liền kề với nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hóa – xã hội và môi giao lưu lâu đời đã tạo điều kiện thuận lợi để nước ta chung sống hòa bình, hợp tác, hữu nghị, cùng phát triển với các nước láng giềng và trong khu vực Đông Nam Á.

Câu 14: D

Thời kì nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc đi qua biển được tăng cường lượng hơi ẩm đã mang lại kiểu thời tiết lạnh ẩm vào cuối đông và xuất hiện mưa phùn ở miền Bắc nước ta,

Câu 15: D

Vùng phía Nam và ven biển Thái Bình Dương của Hoa Kỳ là khu vực công nghiệp mới, tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại như hóa dầu, hàng không - vũ trụ, cơ khí, điện tử, viễn thông.

Câu 16: A

Sự khác nhau về thiên nhiên của sườn Đông Trường Sơn và vùng Tây Nguyên chủ yếu là do tác động của gió mùa với hướng của dãy núi Trường Sơn. Vào mùa hạ, gió mùa Tây Nam thổi vào lãnh thổ nước ta trực tiếp gây mưa cho vùng Tây Nguyên và Nam Bộ; gió này bị chặn lại ở dãy Trường Sơn tạo nên hiệu ứng phơn khô nóng cho sườn phía Đông (vùng đồng bằng ven biển phía đông) làm cho vùng này có mùa hè khô nóng mưa lùi về thu đông.

Câu 17: B

Vùng biển thềm lục địa nước ta là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển, thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa (sgk Địa 12 trang 15).

Câu 18: C

Nguyên nhân chủ yếu gây mưa cho khu vực Trung Bộ của nước ta vào tháng IX là do gió mùa Tây Nam kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới.

- Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam bị chặn lại bởi dãy Trường Sơn Bắc, khi vượt qua dãy núi gió này bị biến tính trở nên khô nóng -> tạo hiệu ứng phơn, nắng nóng khô hạn cho vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ.

- Vào thời điểm tháng 9, dải hội tụ nhiệt đới hoạt động mạnh và quét qua khu vực Trung Bộ (kết hợp với bão) đã đem lại lượng mưa lớn cho khu vực này.

=> Do vậy, sự kết hợp giữa gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới đã khiến mùa mưa ở Trung Bộ lùi về thu đông

Câu 19: A

Dựa vào Atlas Địa lí trang 13, dãy Hoàng Liên Sơn chạy hướng tây bắc - đông nam.

Câu 20: D

Hai vấn đề quan trọng nhất trong bảo vệ môi trường ở nước ta hiện nay là mất cân bằng sinh thái và ô nhiễm môi trường (sgk Địa 12 trang 62).

Câu 21: C

Khó khăn lớn nhất về tự nhiên của khu vực đồng bằng nước ta đối với việc phát triển kinh tế - xã hội là thường xảy ra các thiên tai bão lũ, hạn hán.

Câu 22: B

Vùng Trung du và miền núi nước ta tập trung nguồn tài nguyên giàu có, nhưng lao động còn ít và có trình độ kỹ thuật thấp (chủ yếu là hoạt động sản xuất nông nghiệp lạc hậu với thời gian nông nhàn lớn). Do vậy, việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở vùng trung du và miền núi nước ta góp phần khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động -> đem lại hiệu quả kinh tế cao, bảo vệ tài nguyên và tạo việc làm nâng cao đời sống người dân.

Câu 23: D

Các nước xếp theo thứ tự giảm dần về độ dài đường biên giới trên đất liền với nước ta là: Lào (2100km), Trung Quốc (1400km), và Campuchia (1100km).

Câu 24: B

Đặc điểm giống nhau về địa hình vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc nước ta là thấp dần từ tây bắc xuống đông nam (có hướng nghiêng trùng với hướng nghiêng chung của địa hình nước ta).

Câu 25: D

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị có quy mô dân số từ 500 001 – 1000 000 người là Đà Nẵng, Biên Hòa, Cần Thơ (các đô thị kí hiệu hình vuông có chấm tròn ở giữa)

Câu 26: A

Sản phẩm cây công nghiệp được trồng ở các nước Đông Nam Á chủ yếu để xuất khẩu thu ngoại tệ (cà phê, hồ tiêu, cao su...)

Câu 27: C

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của biển Đông không thể hiện ở các dạng địa hình ven biển.

Câu 32: A

Ở Đồng bằng sông Cửu Long có được tạo thành bởi phù sa sông Tiền và sông Hậu, địa hình thấp và khá bằng phẳng, bề mặt có mạng lưới sần ngòi kênh rạch chằng chịt.

+ Ngược lại vùng đồng bằng sông Hồng có hệ thống đê điều chằng chịt tạo nên những ô trũng (vùng đất trong đê không được bồi đắp phù sa hằng năm. Đây là đặc điểm vùng đồng bằng sông Hồng, không phải là đặc điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 33: C

Dựa vào Atlas Địa lí trang 10, hệ thống sông Hồng có diện tích lưu vực lớn nhất ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (22,91%). Sông Mê Công có lưu vực thuộc phần lãnh thổ phía Nam.

Câu 34: A

Nguyên nhân chủ yếu gây ngập lụt cho vùng đồng bằng sông Cửu Long là do mưa lớn kết hợp với triều cường (sgk Địa 12 trang 63).

Câu 35: C

Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí địa lý nằm trong khu vực nội chí tuyến. Hằng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm đều có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 36: A

Dựa vào Atlas Địa lí trang 12, thảm thực vật tiêu biểu của vương quốc gia Bạch Mã là rừng kín thường xanh (nền màu xanh lá cây đậm nhất)

Câu 37: B

Biết khu vực có mưa lùi vào thu đông là vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ. Dựa vào Atlas Địa lí trang 9, trạm khí hậu tiêu biểu có chế độ mưa vào mùa thu đông (thuộc khu vực Trung Bộ) là Đồng Hới (Quảng Bình) -> có lượng mưa tập trung nhiều nhất vào tháng 9, 10, 11,

Câu 38: D

Hai bề đầu khí có trữ lượng lớn nhất nước ta là bề Nam Côn Sơn và Cửu Long.

Câu 39: C

Nửa cuối mùa đông miền Bắc có thời tiết lạnh ẩm, với đặc trưng là mưa phùn ẩm ướt khiến cho lãnh thổ miền Bắc không quá khô, lượng nước thiếu hụt trong mùa khô không lớn như ở miền Nam.

Câu 40: B

Khu vực đồi núi có địa hình núi cao, độ dốc lớn nên khi mưa lớn dễ xảy ra hiện tượng xói mòn, sạt lở đất. Biện pháp phù hợp để bảo vệ đất ở vùng đồi núi là bảo vệ rừng và đất rừng, của tạo đất hoang đồi núi trọc, áp dụng các biện pháp thủy lợi canh tác (như làm ruộng bậc thang => loại đáp án A, C, D Biện pháp chuyển sang đất chuyên dùng và đất thổ cư không phù hợp để bảo vệ đất ở vùng đồi núi nước ta.